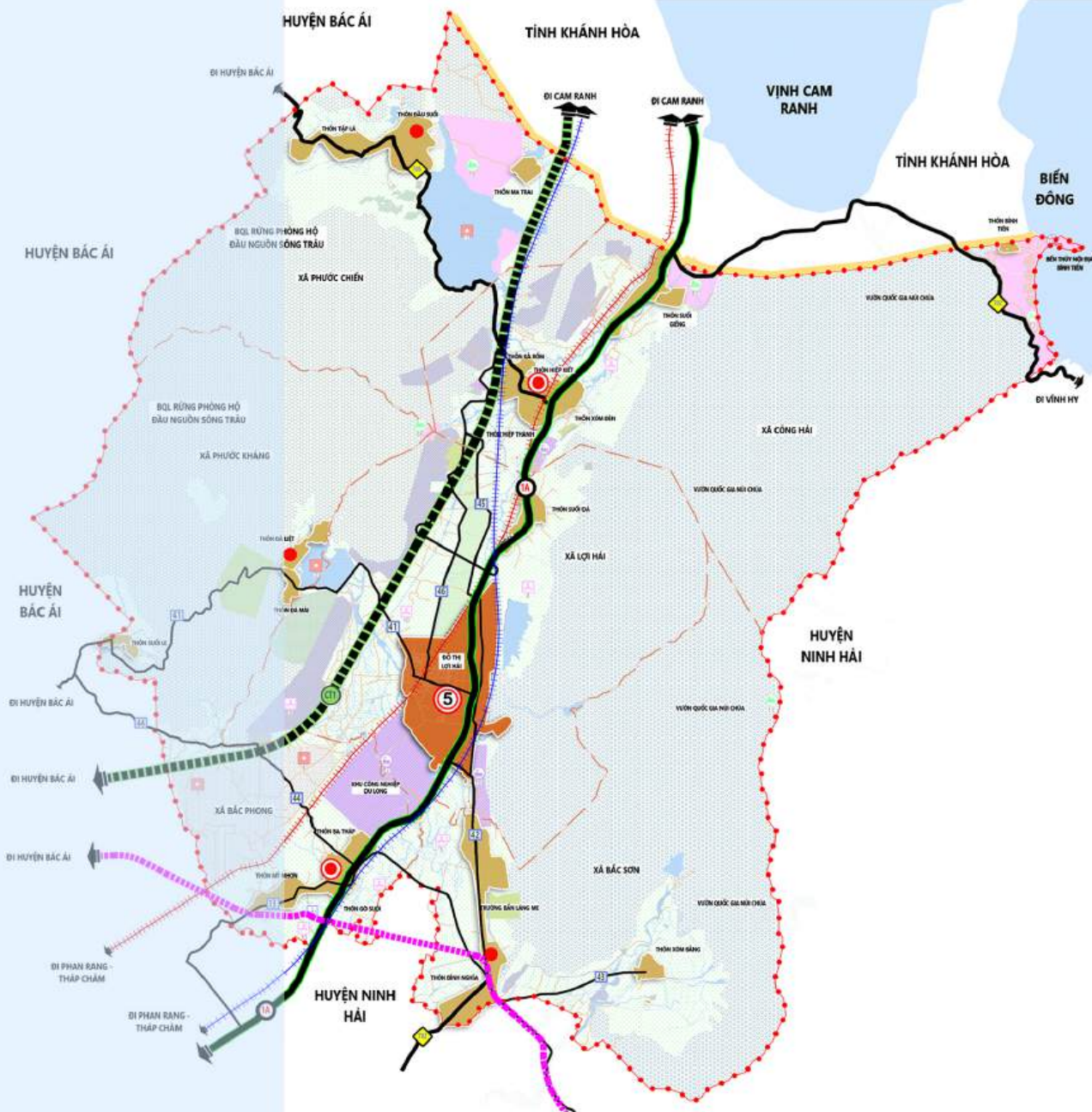


THUYẾT MINH ĐỒ ÁN

ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP
TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ HẠ TẦNG

**DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA LẬP
ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Chủ nhiệm	KTS.	Hoàng Nguyễn Ngọc Bôn
Chủ trì quy hoạch 1	KTS.	Nguyễn Quốc Thái
Chủ trì quy hoạch 2	KTS.	Trần Thị Chúc Mai
Chủ trì hạ tầng	KS.	Nguyễn Hữu Dũng
Chủ trì kinh tế	ThS.KT.	Huỳnh Minh Hoàng Nhiệm
Tham gia thiết kế		
Quy hoạch	KTS.	Nguyễn Thế Kỳ
	KTS.	Đặng Thị Hồng Hạnh
	KTS.	Lâm Thị Trường An
	KTS.	Nguyễn Hồng Phúc Nguyễn
	KTS.	Việt Hưng
Hạ tầng		
Giao thông	KS.	Ngô Thế Cường
Chuẩn bị kỹ thuật	KS.	Ngô Thế Cường
Cấp nước	KS.	Nguyễn Thị Thanh Hương
Cấp điện	KS.	Nguyễn Hữu Dũng Nguyễn
Thoát nước thải và VSMT	KS.	Thị Thanh Hương Nguyễn
Thông tin liên lạc	KS.	Hữu Dũng Nguyễn Thị
Đánh giá môi trường chiến lược	KS.	Thanh Hương

**ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CHỦ TỊCH
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH THUẬN	GIÁM ĐỐC
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC	CHỦ TỊCH
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THUẬN BẮC	TRƯỞNG PHÒNG
CƠ QUAN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP	TL TỔNG GIÁM ĐỐC GD. TT QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ HẠ TẦNG KTS. NGUYỄN QUỐC THÁI

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC HÌNH ẢNH	8
DANH MỤC BẢNG BIỂU	9
PHẦN A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC:	10
1.1. Giới thiệu chung về huyện Thuận Bắc:	10
1.2. Lý do và sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:	10
II. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:	12
2.1. Các căn cứ pháp lý chung:	12
2.2. Các căn cứ pháp lý của đồ án:	14
2.3. Các tài liệu, số liệu điều tra và các bản đồ:.....	18
III. QUY MÔ, PHẠM VI VÀ RANH GIỚI VÙNG LẬP QUY HOẠCH:	18
3.1. Vị trí:	18
3.2. Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch:	19
3.3. Quy mô:.....	20
3.4. Loại hình lập quy hoạch:.....	21
PHẦN B. ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỒ ÁN VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC 22	
I. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN:	22
1.1. Đặc điểm tự nhiên:	22
1.2. Các tài nguyên tự nhiên và nhân văn:	26
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG	31
2.1. Hiện trạng kinh tế - xã hội:	31
2.2. Tình hình phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn:.....	41
2.3. Hiện trạng sử dụng đất:.....	44
2.4. Hiện trạng hạ tầng xã hội:	46
2.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:.....	53
2.6. Hiện trạng môi trường:	63
2.7. Đánh giá tổng hợp hiện trạng:.....	64
III. ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐÃ DUYỆT NĂM 2012 VÀ CÔNG TÁC THỰC HIỆN QUY HOẠCH:	66
3.1. Khái quát nội dung quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đã duyệt năm 2012:66	
3.2. Đánh giá công tác thực hiện quy hoạch:	69
IV. CÁC PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH LIÊN QUAN ĐẾN VÙNG LẬP QUY HOẠCH:	89
4.1. Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030:	89

4.2.	Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050:	90
4.3.	Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030:	94
4.4.	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc giai đoạn 2021 – 2026:	94
4.5.	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc:	95
PHẦN C.	TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG:	98
I.	TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN:	98
1.1.	Quan điểm, mục tiêu và thời hạn lập quy hoạch:	98
1.2.	Bối cảnh phát triển vùng:	99
1.3.	Vai trò và vị thế của huyện Thuận Bắc trong môi liên hệ vùng:	102
1.4.	Tính chất:	105
1.5.	Tiềm năng và động lực phát triển vùng:	107
II.	CÁC CHỈ TIÊU DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG:	110
2.1.	Mục tiêu phát triển vùng:	110
2.2.	Cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng:	111
2.3.	Chỉ tiêu về kinh tế - xã hội:	111
2.4.	Dự báo phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp:	114
2.5.	Dự báo dân số:	115
2.6.	Dự báo nhu cầu đất đai:	118
2.7.	Dự báo hệ thống đô thị:	119
2.8.	Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật vùng:	119
PHẦN D.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN:	121
I.	TỔ CHỨC PHÂN VÙNG:	121
1.1.	Mô hình phát triển không gian vùng:	121
1.2.	Tổ chức phân vùng:	121
1.3.	Cấu trúc không gian vùng:	131
1.4.	Xác định các phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng:	132
II.	ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ ĐÔ THỊ VÀ ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN:	134
2.1.	Phân vùng hệ thống đô thị và nông thôn:	135
2.2.	Định hướng phát triển hệ thống đô thị:	137
2.3.	Định hướng tổ chức hệ thống dân cư nông thôn trên địa bàn huyện:	137
2.4.	Xác định nhu cầu nhà ở:	143
III.	ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN CÁC NGÀNH KINH TẾ:	147
3.1.	Phân bố các vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:	147
3.2.	Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:	151
3.3.	Phân bố các vùng nông – lâm, thủy sản:	162

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH SẢN XUẤT:	165
4.1. Định hướng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp:.....	165
4.2. Định hướng phát triển nông, lâm, thủy sản:	167
4.3. Định hướng phát triển văn hóa – thể dục thể thao và phát thanh truyền hình: 173	
4.4. Định hướng phát triển du lịch:	175
4.5. Định hướng phát triển khoa học công nghệ:.....	177
V. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI:	177
5.1. Hệ thống trung tâm Hành chính chính trị:	177
5.2. Hệ thống giáo dục đào tạo:	178
5.3. Hệ thống công trình y tế:	181
5.4. Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao:	183
5.5. Định hướng các khu vực di tích lịch sử - di sản văn hóa:.....	186
5.6. Hệ thống công trình thương mại, chợ:	186
5.7. Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:.....	189
5.8. Định hướng các khu vực chức năng khác:.....	194
VI. XÁC ĐỊNH CÁC QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ; QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG, QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CHỨC NĂNG; QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ CẦN LẬP THEO CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN:	195
VII. SO SÁNH GIỮA QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐÃ DUYỆT 2012 VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN MỚI:	198
PHẦN E. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT:	209
I. GIAO THÔNG	209
1.1. Nguyên tắc thiết kế :	209
1.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông:.....	210
II. CHUẨN BỊ KỸ THUẬT:	213
2.1. Xác định các khu vực hạn chế xây dựng :	213
2.2. Định hướng quy hoạch thủy lợi vùng :	213
2.3. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng đối với các đô thị : 216	
2.4. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn : .	216
2.5. Các giải pháp phòng chống thiên tai, phòng chống lũ :.....	217
III. CẤP NƯỚC:	217
3.1. Cơ sở quy hoạch.....	218
3.2. Nhu cầu:	219
3.3. Phương án quy hoạch:.....	219

IV. THOÁT NƯỚC THẢI, QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN, NGHĨA TRANG:	
222	
4.1. Cơ sở quy hoạch:	222
4.2. Nhu cầu:	222
4.3. Phương án quy hoạch:.....	223
V. CẤP ĐIỆN:	226
5.1. Cơ sở lập quy hoạch:.....	226
5.2. Phụ tải điện:	227
5.3. Nguồn điện và hạ tầng lưới điện:.....	228
VI. HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG:.....	231
6.1. Chỉ tiêu thiết kế	231
6.2. Các dịch vụ thông tin viễn thông	232
6.3. Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:.....	232
6.4. Dự báo nhu cầu:	232
6.5. Định hướng phát triển hệ thống thông tin - liên lạc:.....	233
6.6. Công nghệ thông tin (CNTT):.....	235
6.7. Hệ thống bưu chính:.....	235
PHẦN F. KINH TẾ XÂY DỰNG.....	236
I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH:.....	236
1.1. Giải pháp quản lý phát triển vùng:.....	236
1.2. Giải pháp quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên theo hướng phát triển bền vững:	237
1.3. Giải pháp về xây dựng kinh tế - xã hội:.....	238
1.4. Giải pháp phát triển đô thị và nông thôn:	241
1.5. Giải pháp đối với các lĩnh vực quan trọng:.....	242
II. NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN:.....	244
2.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước:.....	244
2.2. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:	245
2.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư:	245
III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ:	246
3.1. Xác định các tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên đầu tư:.....	246
3.2. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:	247
PHẦN G. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG	250
I. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH:	250
1.1. Quá trình đô thị hóa:	250
1.2. Phát triển kinh tế:	250
1.3. Dự báo tác động môi trường:	251

II.ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, CẢI THIỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG:	254
2.1. Các biện pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường:.....	254
2.2. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường:	254
PHẦN H. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	257
I.KẾT LUẬN:	257
II.KIẾN NGHỊ:	257
PHẦN I. PHỤ LỤC	258
I.PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH:	258
1.1. Giải trình Báo cáo số 245/BC-MTTQ-BTT ngày 15/3/2024 của Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, huyện Thuận Bắc:.....	259
1.2. Giải trình Thông báo số 101/TB-VP ngày 12/3/2024 của Văn phòng UBND huyện Thuận Bắc:.....	261
1.3. Giải trình Công văn số 1773/SXD-QLQHKT&NO ngày 31/5/2024 của sở Xây dựng	264
1.4. Giải trình các ý kiến góp ý của Sở ngành, các đơn vị liên quan tại cuộc họp ngày 10/07/2024:	283
1.5. Giải trình Thông báo số 292/TB-VPUB ngày 12/09/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Ninh Thuận	287
II.PHỤ LỤC BẢN VẼ:	294
III. PHỤ LỤC PHÁP LÝ:	295

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1 – Vị trí của huyện Thuận Bắc trong tỉnh Ninh Thuận (không ảnh)	19
Hình 2 – Ranh giới huyện Thuận Bắc	20
Hình 3 – Sơ đồ hiện trạng phân tích địa hình	23
Hình 4 – Sơ đồ hiện trạng phân tích thủy văn	24
Hình 5 – Sơ đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản	28
Hình 6 – Sơ đồ hiện trạng các trạm xăng dầu trên địa bàn huyện Thuận Bắc	39
Hình 6 – Sơ đồ mật độ dân số và phân bố dân cư	42
Hình 7 – Sơ đồ hiện trạng phân bố các điểm dân cư trên Huyện Thuận Bắc	43
Hình 8 – Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện Thuận Bắc	44
Hình 9 – Sơ đồ hiện trạng hệ thống công trình giáo dục – đào tạo tại Huyện Thuận Bắc	48
Hình 10 – Sơ đồ hiện trạng hệ thống công trình y tế	50
Hình 11 – Sơ đồ hiện trạng hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao	51
Hình 12 – Sơ đồ hiện trạng giao thông huyện Thuận Bắc	54
Hình 13 – Sơ đồ hiện trạng cấp năng lượng, hạ tầng viễn thông thụ động	59
Hình 14 – Sơ đồ hiện trạng cấp nước, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	61
Hình 15 – Vai trò của huyện Thuận Bắc trong 03 vùng động lực của đồ án quy hoạch tỉnh	91
Hình 16 – Mối liên hệ của đô thị Lợi Hải với các đô thị trong tỉnh Ninh Thuận	92
Hình 17 – Sơ đồ định hướng phát triển không gian huyện Thuận Bắc	94
Hình 18 – Mối liên hệ của huyện Thuận Bắc với các vùng lân cận	104
Hình 19 – Liên hệ vùng huyện Thuận Bắc với các tiềm năng và động lực phát triển vùng	105
Hình 20 – Tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và phát triển năng lượng	109
Hình 21 – Tiềm năng phát triển du lịch của vùng huyện Thuận Bắc	110
Hình 22 – Sơ đồ phân vùng chức năng kinh tế	127
Hình 23 – Sơ đồ phân vùng kiểm soát xây dựng	133
Hình 24 – Sơ đồ phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn	135
Hình 25 - Sơ đồ định hướng phân vùng phát triển đô thị - nông thôn	137
Hình 26 – Mô hình các dạng phân bố dân cư nông thôn vùng đồi núi	142
Hình 27 – Mô hình các dạng phân bố dân cư nông thôn vùng đồng bằng	143
Hình 28 – Sơ đồ vị trí các dự án công nghiệp, cụm công nghiệp và năng lượng	149
Hình 29 – Sơ đồ phân vùng phát triển du lịch	152
Hình 30 – Sơ đồ phân khu chức năng Vườn Quốc gia Núi Chúa	160
Hình 31 – Sơ đồ phân khu chức năng chi tiết Vườn Quốc gia Núi Chúa	161
Hình 32 – Sơ đồ định hướng phát triển nông lâm nghiệp	163
Hình 33 – Sơ đồ tổ chức khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	191
Hình 34 – Sơ đồ tổ chức cơ cấu chức năng	194
Hình 36 – Sơ đồ định hướng giao thông huyện Thuận Bắc	209
Hình 37 – Sơ đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật huyện Thuận Bắc	213
Hình 38 – Sơ đồ định hướng cấp nước huyện Thuận Bắc	218
Hình 39 – Sơ đồ định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	222
Hình 40 – Sơ đồ định hướng cấp năng lượng huyện Thuận Bắc	226

Hình 41 – Sơ đồ định hướng hạ tầng viễn thông thụ động huyện Thuận Bắc 231

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1 – Biểu đồ dân số trung bình của các xã trong huyện giai đoạn 2018 – 2022	31
Bảng 2 – Kết quả thu ngân sách nhà nước của huyện giai đoạn 2021-2023	34
Bảng 2 – Bảng thống kê hiện trạng dân số toàn huyện qua các năm	41
Bảng 3 – Bảng thống kê hiện trạng quy mô, dân số toàn huyện theo đơn vị hành chính	41
Bảng 4 – Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất huyện Thuận Bắc đến 31/12/2023	45
Bảng 5 – Bảng thống kê hiện trạng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện Thuận Bắc	47
Bảng 6 – Bảng thống kê các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Thuận Bắc	47
Bảng 7 – Bảng thống kê các di tích và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện	52
Bảng 7 – Rà soát đối chiếu hiện trạng với định hướng phát triển KT-XH theo QH 2012	71
Bảng 8 – Bảng thống kê hệ thống đô thị tỉnh Ninh Thuận	89
Bảng 9 – Bảng so sánh diện tích sử dụng đất của hiện trạng 2023 với phương án phân bổ đất đai cho huyện Thuận Bắc trong QH tỉnh	95
Bảng 10 – Bảng chi tiết phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cho huyện Thuận Bắc được đề cập tại Nội dung đề xuất tích hợp số 5	96
Bảng 13 – Kết quả thu ngân sách nhà nước 5 năm 2021-2025	112
Bảng 14 – Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 5 năm 2025-2030	113
Bảng 11 – Dự báo các khu, cụm công nghiệp đến năm 2030	115
Bảng 12 – Các chỉ tiêu kỹ thuật trong Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc	119
Bảng 13 – Bảng thống kê dân số nông thôn trong quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc	139
Bảng 14 – Bảng dự báo nhu cầu nhà ở huyện Thuận Bắc	144
Bảng 15 – Danh sách các khu du lịch của Huyện Thuận Bắc	157
Bảng 17 – Nhu cầu đất xây dựng cơ sở giáo dục theo QCVN 01:2021	180
Bảng 18 – Nhu cầu số giường bệnh và cơ sở y tế	182
Bảng 19 – Danh sách các công trình xây dựng mới	185
Bảng 20 – Nhu cầu diện tích đất xây dựng Cơ sở Văn hóa – TDTT	185
Bảng 21 – Nhu cầu diện tích đất xây dựng Cơ sở Thương mại – Dịch vụ	189
Bảng 21 – Bảng định hướng các công trình an ninh trong thời kì quy hoạch	194
Bảng 22 - Khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt ưu tiên trên địa bàn huyện	195
Bảng 23 – So sánh nội dung quy hoạch xây dựng vùng huyện đã duyệt năm 2012 và quy hoạch xây dựng vùng huyện định hướng	198
Bảng 24 – Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các hồ chứa đã xây dựng hiện trạng	214
Bảng 25 – Bảng hiện trạng công trình tưới tiêu bằng hồ chứa	214
Bảng 26 – Bảng chỉ tiêu điện sinh hoạt đô thị	227
Bảng 27 – Bảng chỉ tiêu điện sinh hoạt nông thôn	227
Bảng 28 – Bảng chỉ tiêu điện công trình công cộng	227
Bảng 29 – Bảng tổng hợp phụ tải điện toàn huyện như sau	227
Bảng 30 – Bảng dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, di động, internet	233

PHẦN A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC:

1.1. Giới thiệu chung về huyện Thuận Bắc:

- Tỉnh Ninh Thuận nằm trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ, liền kề với tỉnh Khánh Hòa nơi có cảng biển và sân bay quốc tế Cam Ranh. Tỉnh nằm ở vị trí trung tâm của các vùng du lịch miền Trung: Phan Thiết, Đà Lạt, Nha Trang. Ninh Thuận có các trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia đi qua như: Quốc Lộ 1, Quốc Lộ 27, 27B, đường sắt Bắc Nam tạo thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế với các vùng trong cả nước. Diện tích tự nhiên là 335.575,10ha, chiếm 15,67% diện tích Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, dân số năm 2022 là 598.683 người. Ninh Thuận có 7 đơn vị hành chính gồm: TP. Phan Rang – Tháp Chàm và 6 huyện (Bác Ái, Ninh Sơn, Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước và Thuận Nam).
- Huyện Thuận Bắc là huyện nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Ninh Thuận. Tổng diện tích tự nhiên của huyện 32.379,47 ha, dân số của huyện năm 2022 là 43.805 người, mật độ dân số 153,3 người/km²; so với toàn tỉnh chiếm 9,65% về diện tích và 7,32% về dân số, với 6 xã trực thuộc gồm Bắc Phong, Bắc Sơn, Công Hải, Lợi Hải (huyện lỵ), Phước Chiến và Phước Kháng.
- Huyện Thuận Bắc là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Nam Khánh Hòa – Bắc Ninh Thuận, có vị trí địa lý và hệ thống giao thông tương đối thuận lợi, có đường Quốc Lộ 1 chạy qua với chiều dài khoảng 20 km, đường sắt thống nhất Bắc – Nam chạy qua, ở gần vùng cảng biển Ba Ngòi, cảng Ninh Chữ và sân bay quốc tế Cam Ranh; có điều kiện thuận lợi trong việc kết nối phát triển kinh tế - xã hội với các huyện, thành phố trong tỉnh và với các tỉnh trong vùng và cả nước.

1.2. Lý do và sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:

1.2.1. Các định hướng mới của tỉnh, của huyện về kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quy hoạch đã được duyệt:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đã được duyệt năm 2012 trên cơ sở định hướng của Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 do tập đoàn Arup và Monitor lập với tư tưởng “*Ninh Thuận là điểm đến của Việt Nam trong tương lai*”, phát triển theo mô hình “*tăng trưởng kinh tế gia tốc*” dựa trên 4 giải pháp trụ cột là nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng, phát triển thương hiệu và tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy các cơ quan hành chính Nhà nước của tỉnh. Trong đó định hướng vùng phía Bắc (gồm huyện Thuận Bắc và Ninh Hải) tập trung ưu tiên cho phát triển du lịch, vùng phía Nam (gồm huyện Ninh Phước và Thuận Nam) ưu tiên phát triển công nghiệp.
- Theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 lần này được xây dựng dựa trên tư tưởng phát triển mới về một “*Ninh Thuận - Miền đất hội tụ những giá trị khác biệt*”, phát triển theo mô hình *Tăng trưởng khá (Dựa trên nền tảng cũ và xuất hiện một số yếu tố mới thuận lợi)*, trong đó:

- + Nền tảng cũ là các lợi thế và tiềm năng sẵn có, nhân mạnh sự khác biệt tạo nên giá trị, từ đó khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh. Khác biệt về điều kiện tự nhiên, thiên nhiên như nắng, gió, biển, rừng; về lịch sử truyền thống cách mạng, đa văn hoá, các điều kiện phát triển năng lượng tái tạo, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp đặc hữu, công nghệ cao, kinh tế biển, kinh tế đô thị... tạo những sản phẩm hấp dẫn và giá trị khác biệt để phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
 - + Một số yếu tố mới xuất hiện thuận lợi đó là:
 - o Xác định Huyện Thuận Bắc (thuộc vùng phía Bắc) có không gian hoạt động kinh tế xã hội với cơ cấu kinh tế Công nghiệp – Năng lượng – Dịch vụ là chủ yếu.
 - o Khu vực phía Tây của vùng phía Bắc là khu vực công nghiệp Lợi Hải và đô thị Lợi Hải là động lực phát triển đô thị - công nghiệp, thương mại dịch vụ gắn với lợi thế hành lang kinh tế trung tâm của Tỉnh gắn với QL1, đường cao tốc Bắc Nam và nút giao tại khu vực đô thị Lợi Hải, giáp ranh với thành phố Cam Ranh, vịnh Cam Ranh ở phía Bắc. Đây là một trong hai khu vực phát triển công nghiệp lớn của Tỉnh (Lợi Hải – Cà Ná) nằm trên hành lang phát triển đa dạng của Tỉnh theo hướng Bắc Nam. Đây là điểm mới so với quy hoạch kinh tế - xã hội đã được duyệt, giúp huyện Thuận Bắc có nhiều điều kiện để phát triển theo đúng tiềm năng và lợi thế của huyện.
 - o Đồng thời, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất, đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; ứng dụng các mô hình sản xuất công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng cũng như khắc phục những hạn chế nội tại, phù hợp với những đặc thù và lợi thế riêng của tỉnh Ninh Thuận phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Điều này sẽ giúp huyện Thuận Bắc nói riêng càng có điều kiện phát huy tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để phát triển kinh tế - xã hội của Huyện.
- ⇒ Như vậy, các định hướng mới của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận sẽ tác động mạnh mẽ đến định hướng quy hoạch sử dụng đất đai của tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Thuận Bắc nói riêng.

1.2.2. Các bất cập không phù hợp phát sinh khi thực hiện quy hoạch cũ:

- Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc đã phê duyệt dựa trên Quy hoạch kinh tế - xã hội thời kỳ 2010 – 2020 định hướng huyện Thuận Bắc là một cực tăng trưởng đối trọng với cực trung tâm Phan Rang – Tháp Chàm với 2 đô thị là Lợi Hải (đô thị loại IV đến năm 2025) và đô thị Công Hải (đô thị loại V đến năm 2025). Tuy nhiên, do tình hình kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến, bối cảnh trong nước và quốc tế như đại dịch Covid cuối năm 2019, cuộc cách mạng Công nghiệp lần 4, chậm tiến độ của Khu công nghiệp Du Long ... khiến việc triển khai các định hướng chưa thực hiện đúng theo lộ trình phát triển của Huyện (là đến năm 2015 Lợi Hải trở thành đô thị loại V và năm 2025 đạt đô thị loại IV).
- Trong Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận, thay đổi định hướng huyện Thuận Bắc thành một trong các đô thị vệ tinh phụ trợ có chức năng riêng biệt của Vùng thành phố Phan Rang - Tháp

Chàm gồm Lợi Hải (Công nghiệp); Thanh Hải (Du lịch); Phước Dân (Thương mại dịch vụ, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề). Do đó, ảnh hưởng đến tiến trình hình thành và phân loại đô thị của huyện Thuận Bắc. Cụ thể đưa đô thị Công Hải ra khỏi hệ thống đô thị toàn tỉnh (định hướng này đã được hình thành từ Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được duyệt năm 2018), đến năm 2025 Lợi Hải là đô thị loại V và tầm nhìn 2050 Lợi Hải cơ bản đạt chỉ tiêu của đô thị loại IV với chức năng công nghiệp – dịch vụ.

1.2.3. Các xu hướng phát triển hiện tại theo tính chất đặc trưng của địa phương mà quy hoạch cũ không đáp ứng:

- Định hướng của Huyện bổ sung 2 cụm công nghiệp mới là cụm công nghiệp Lợi Hải 1 và cụm công nghiệp Lợi Hải 2, góp phần thúc đẩy phát triển đô thị Lợi Hải theo hướng đô thị công nghiệp.
- Biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng (tần suất lũ ngày càng cao), đặc biệt trong những năm gần đây đã tác động mạnh mẽ tới huyện Thuận Bắc, đòi hỏi các giải pháp quy hoạch đưa ra phải ứng phó tốt với tình trạng này.

II. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:

2.1. Các căn cứ pháp lý chung:

- Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội khóa XII;
- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về Đất đai;
- Luật số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2013 của Quốc hội về Bảo vệ môi trường;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 18/06/2014;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017;
- Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/06/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch.
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH của Quốc hội thông qua ngày 15/07/2020;
- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch 21;
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 15/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 15/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ ban hành về Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ ban hành về quy hoạch chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-TTg ngày 13/05/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư 27/2015/BTNMT ngày 29/5/2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 Về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính;
- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh

- hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
 - Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/ huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
 - Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
 - Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
 - Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
 - Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025.
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng.
 - Quy hoạch xây dựng đô thị, Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4449-87;
 - Nghị định 35/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2.2. Các căn cứ pháp lý của đồ án:

- Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 25/04/2006 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 787/TTg- KTN ngày 19/05/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu Trung tâm Dịch vụ và Du lịch Bình Tiên, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025;
- Các Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 02/7/2013; Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 và Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2461/QĐ-BGTVT ngày 27/06/2014 của của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 các đoạn Km1515+000÷Km1551+400, Km1563+000÷Km1567+500, Km1573+350÷Km1574+500, Km1581+950÷Km1584+550, Km1586+000÷Km1588+500, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng BOT.

- Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 – 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 19/09/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Núi Chúa đến năm 2030;
- Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn Quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Thuận Bắc về việc ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm 2021 – 2026;
- Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch thực hiện phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1031/QĐ-BNV ngày 01/12/2020 của Bộ Nội vụ về Việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Ninh Thuận đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của UBND huyện Thuận Bắc về việc Ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;
- Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 03/10/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt Đề án phát triển du lịch Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 02/12/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Ban hành Danh mục các dự án đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc;
- Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục địa điểm đầu tư cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án đầu tư chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/08/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 13/09/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt – Sông Trâu, giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định 572/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy trình vận hành điều tiết hệ thống hồ chứa nước Kiên Kiên, huyện Thuận Bắc.
- Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 09/3/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Đô thị Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030;
- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Thuận Bắc về việc Phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2022;
- Nghị quyết số 10/NQ-HU ngày 31/03/2022 của Huyện Ủy huyện Thuận Bắc về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Thông báo số 101/TB-VPB ngày 12/3/2024 của UBND huyện Thuận Bắc về Kết luận của Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp nghe đơn vị tư vấn báo cáo điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Báo cáo số 245/BC-MTTQ-BTT ngày 15/3/2024 của Ủy ban MTTQ Việt Nam về Kết quả phản biện xã hội đối với đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 23/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1116/SGDĐT-KHTC ngày 14/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 1630/BCH-TM ngày 17/05/2024 của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1934/SNV-TCBM ngày 20/05/2024 của Sở Nội vụ về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 3025/MTTQ-BTT ngày 21/05/2024 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 416/BQLVQGNC-BTTN ngày 21/05/2024 của Ban Quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1066/CAT-PA04 ngày 22/05/2024 của Công an Tỉnh Ninh Thuận về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1088/SCT-VP ngày 22/05/2024 của Sở Công thương về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1019/ SVHTTDL-QLVHGĐ ngày 22/05/2024 của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1687/SLĐTBXH-VP ngày 22/05/2024 của Sở Lao động – thương binh và xã hội về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 2386/STNMT-ĐĐ ngày 28/05/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 1558/SGTVT-QLGT ngày 29/05/2024 của Sở Giao thông vận tải về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 1773/SXD-QLQHKT&NƠ ngày 31/5/2024 của Sở Xây dựng về hồ sơ Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản ngày 04/06/2024 của Phòng QLHĐXD & HTKT về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Văn bản số 2616/SKHĐT-TH ngày 10/6/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 27/HKTSNT ngày 10/06/2024 của Hội Kiến trúc sư Ninh Thuận về góp ý lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của Hội đồng Nhân dân huyện Thuận Bắc về việc thông qua đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Kết quả thẩm định số 2753/SXD-QLQHKT&NƠ ngày 09/08/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận về Kết quả thẩm định đồ án quy hoạch vùng huyện;
- Văn bản số 2797/CTNTH-NVDTPC ngày 12/08/2024 của Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp số thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 và dự báo tình hình thu ngân sách giai đoạn 2026-2030;
- Thông báo số 292/TB-VPUB ngày 12/09/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Ninh Thuận về Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Huyền tại cuộc họp nghe báo cáo Đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 615-CV/ĐĐHĐND ngày 26/11/2024 của Đảng Đoàn Hội đồng Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 3136-CV/VPTU ngày 09/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Tổng hợp ý kiến về điều chỉnh tổng thể Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc;
- Công văn số 6195-CV/TU ngày 09/12/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

2.3. Các tài liệu, số liệu điều tra và các bản đồ:

- Niên giám thống kê tỉnh Ninh Thuận năm 2022.
- Niên giám thống kê huyện Thuận Bắc năm 2022.
- Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên.
- Các bản đồ và số liệu do Chủ đầu tư cung cấp.

III. QUY MÔ, PHẠM VI VÀ RANH GIỚI VÙNG LẬP QUY HOẠCH:

3.1. Vị trí:

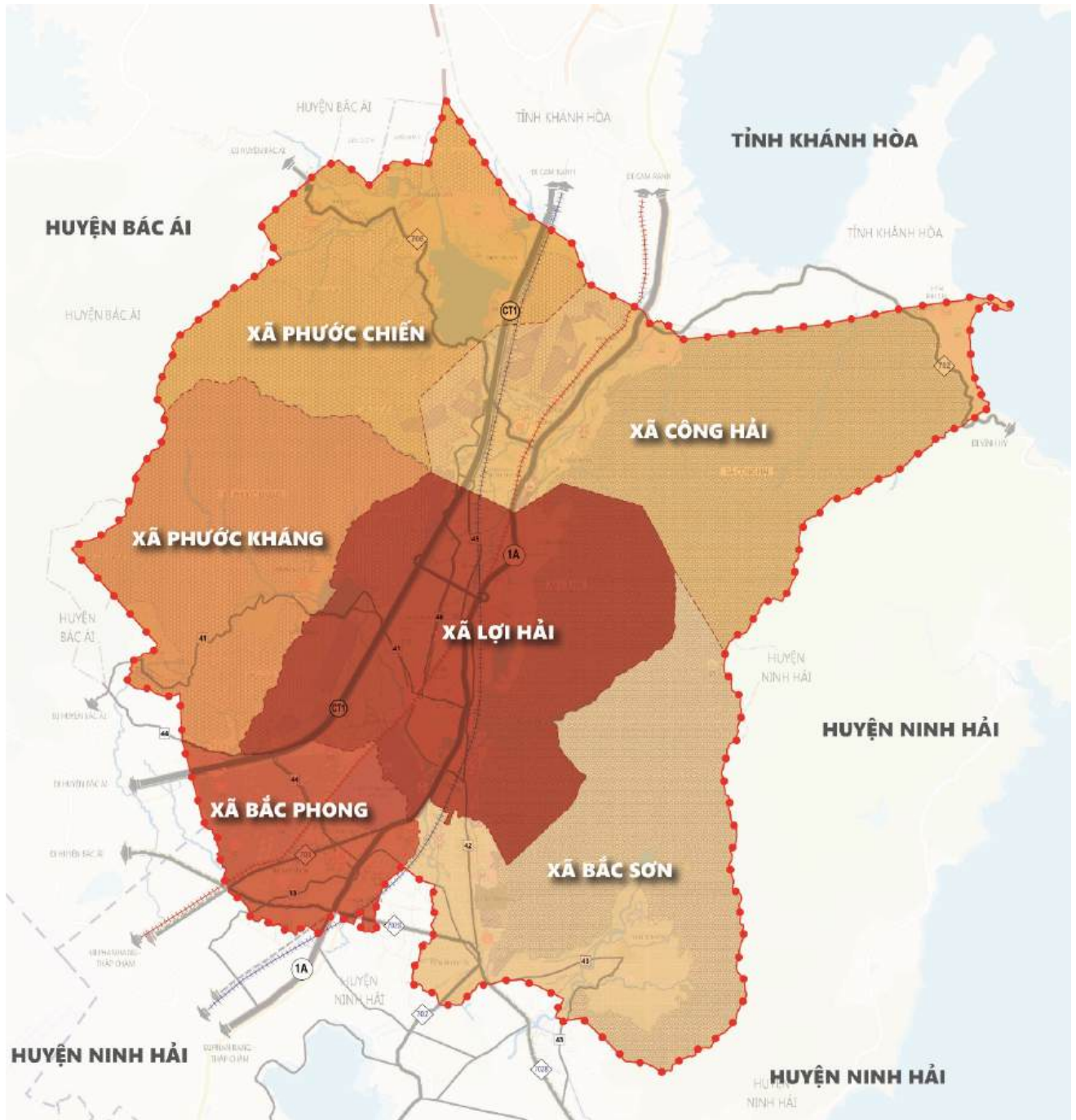
- Vị trí: Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Thuận, cách trung tâm thành phố Phan Rang – Tháp Chàm về phía Bắc và thành phố Cam Ranh về phía Nam theo QL1 khoảng 20km, cách thành phố Phan Thiết khoảng 140km hướng Tây Nam và cách thành phố Đà Lạt khoảng 68km hướng Tây Bắc.
- Kết nối giao thông: trung tâm huyện Thuận Bắc có đường QL1 và đường sắt xuyên Việt chạy qua; Tỉnh lộ 706 nối trung tâm huyện với QL27B từ Cam Ranh đi Bác Ái – Ninh Sơn – Đà Lạt (Lâm Đồng).



Hình 1 – Vị trí của huyện Thuận Bắc trong tỉnh Ninh Thuận (không ảnh)

3.2. Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện nằm trong phạm vi ranh giới toàn huyện Thuận Bắc, bao gồm 6 xã (Phước Chiến, Phước Kháng, Bắc Phong, Bắc Sơn, Công Hải, Lợi Hải).
- Ranh giới khu vực lập điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc được giới hạn bởi:
 - + Phía Đông Bắc : giáp Biển Đông
 - + Phía Tây : giáp huyện Bắc Ái
 - + Phía Đông và Nam : giáp huyện Ninh Hải
 - + Phía Bắc : giáp thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa



Hình 2 – Ranh giới huyện Thuận Bắc

3.3. Quy mô:

- Vùng huyện Thuận Bắc có tổng diện tích tự nhiên là 323,7947 km² (32.379,47ha). Trong đó diện tích đất nông nghiệp 28.185,18ha (87,05% diện tích tự nhiên), đất phi nông nghiệp 3.803,39ha (11,75% diện tích tự nhiên) và đất chưa sử dụng 390,90ha (1,21% diện tích tự nhiên) (Theo 56/BC-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc).
- Quy mô đo đạc: 5.061,0 ha, còn lại là số hóa bản đồ (Theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc, diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 5.061ha, còn lại là đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng).

- Quy mô dân số năm 2023 là 43.907 người. (theo Niên giám thống kê huyện Thuận Bắc năm 2023).

3.4. Loại hình lập quy hoạch:

- Tên gọi loại hình quy hoạch: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Giai đoạn lập điều chỉnh quy hoạch: Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Tỷ lệ bản đồ lập điều chỉnh quy hoạch: 1/10.000 hoặc 1/25.000.

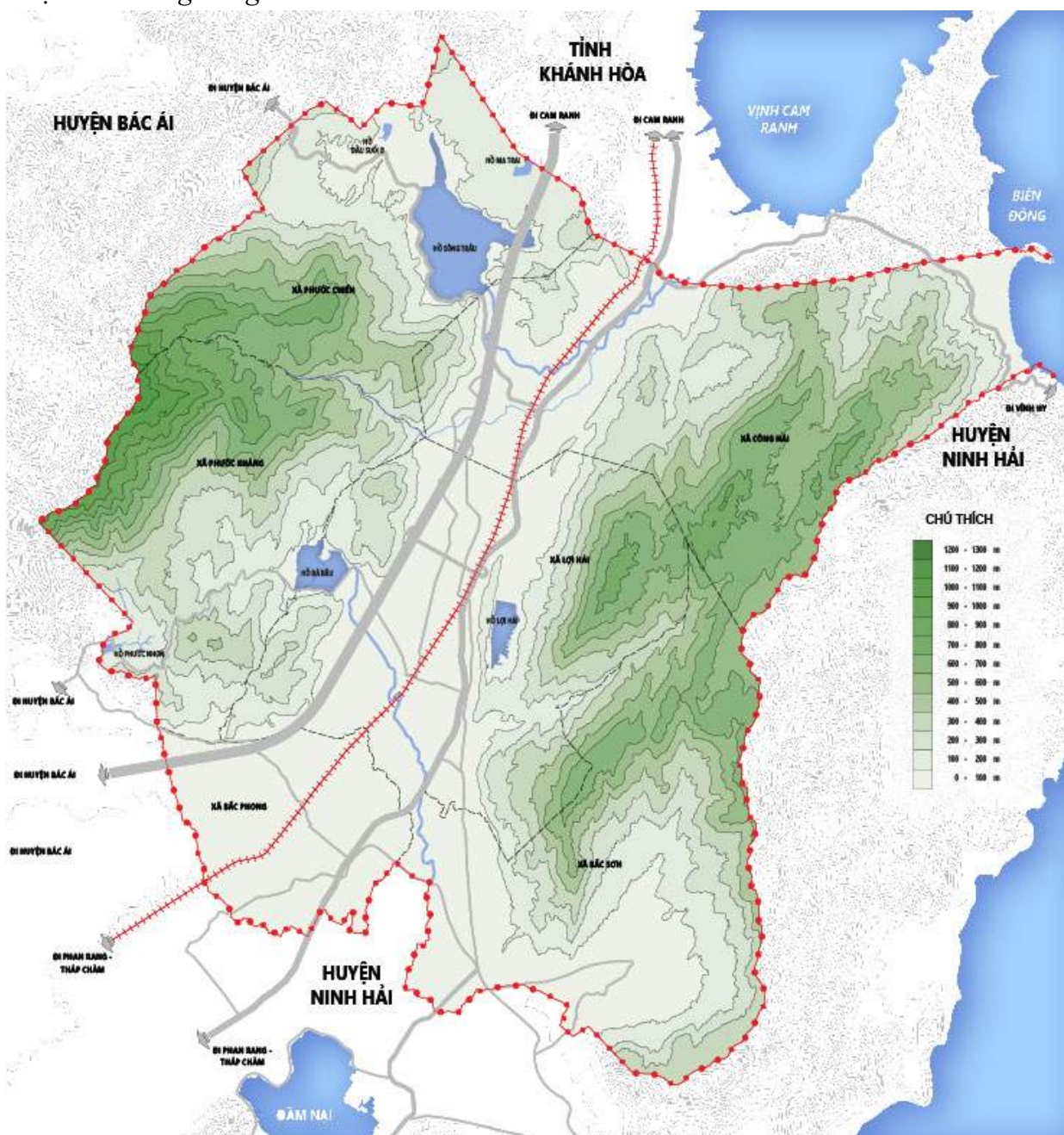
PHẦN B. ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỒ ÁN VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC

I. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN:

1.1. Đặc điểm tự nhiên:

1.1.1. Đặc điểm địa hình:

- Thuận Bắc nằm ở phía Bắc vùng hạ lưu sông Cái. Phía Đông và Tây là núi cao, giữa là gò đồi và đồng bằng có địa hình thoải dần từ trung tâm huyện về đầm Nại ở phía Nam và vịnh Cam Ranh ở phía Bắc. Địa hình có 3 dạng chính là *địa hình núi thấp*, *địa hình gò đồi* và *địa hình đồng bằng*.



Hình 3 – Sơ đồ hiện trạng phân tích địa hình

- + **Địa hình núi thấp:** Đây là địa bàn chủ yếu dùng cho hoạt động sản xuất lâm nghiệp, phân bố chủ yếu ở phía Tây và Đông huyện Thuận Bắc, chiếm 63,2% tổng diện tích. Phân bố ở độ cao 70 – 1.300m. Địa hình núi khối tảng, có độ dốc lớn, chia cắt phức tạp. Đến 80% diện tích hiện trạng là rừng thưa, còn lại là đất trống đồi núi trọc.
- + **Địa hình gò đồi:** Chiếm 14,4% tổng diện tích toàn huyện, khu vực này phân bố tập trung ở quanh các chân núi, có độ cao trung bình từ 20 – 70m, độ dốc < 20°. Hiện trạng chủ yếu là đất cây hàng năm khác, cây lâu năm (điều) và nương rẫy (màu, lúa cạn). Định hướng là phát triển nông – lâm kết hợp kiểu trang trại như: Đồng cỏ chăn nuôi gia súc có sừng, trồng điều, cây ăn quả, cây màu (sắn,...) kết hợp rừng chống xói mòn.
- + **Địa hình đồng bằng:** Chiếm 22,4% tổng diện tích. Phân bố ở độ cao < 20m, tập trung chủ yếu ở phía Nam huyện. Hiện trạng là ruộng lúa, ruộng màu. Địa hình đồng bằng thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời cũng thuận lợi cho xây dựng; vì vậy với diện tích đồng bằng ít ỏi, lại nằm ở khu vực trung tâm phía Nam huyện, nên hiện tại và tương lai có rất nhiều công trình hạ tầng giao thông, điện lưới (đường sắt tốc độ cao, đường điện 220 Kv, 110 Kv...) chạy qua sẽ làm ảnh hưởng rất nhiều tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và đất khu dân cư.

Kết luận:

- Do đặc điểm địa hình của huyện phần lớn là đất đồi núi với độ dốc cao và khả năng xây dựng bị hạn chế nên quỹ đất xây dựng và khai thác đất sản xuất gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Các khu vực dân cư chính và cơ sở sản xuất tập trung ở khu vực thung lũng trung tâm và ở phía nam của huyện nơi có địa hình bằng phẳng song lại có diện tích hạn chế. Tuy trong hiện tại và tương lai càng ngày càng có nhiều đường giao thông và đường đầu mối hạ tầng kỹ thuật cắt ngang địa hình đồng bằng của huyện sẽ làm ảnh hưởng rất nhiều tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và đất khu dân cư.
- Đặc điểm địa hình, độ cao và hướng địa hình cùng với vị trí địa lý đã tạo nên một kiểu khí hậu đặc thù của tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Thuận Bắc nói riêng là: nhiều nắng gió, ít mưa và hầu như không có bão do được che chắn bởi địa hình đồi núi theo hướng Đông - Tây.

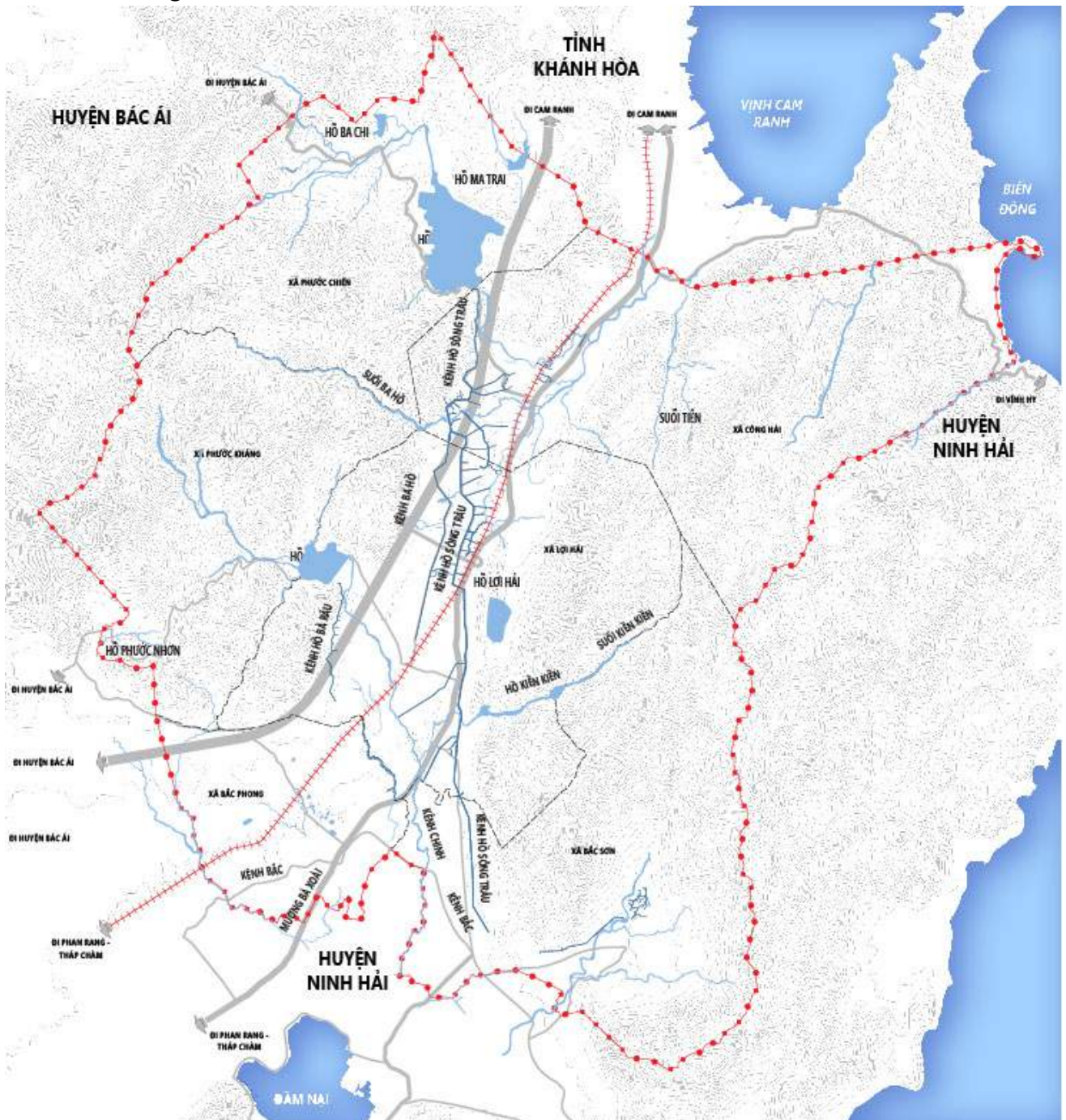
1.1.2. Địa chất thủy văn, hải văn:

a. Thủy văn:

- Huyện có hệ thống sông suối khá nhiều, phần lớn có đặc điểm là nhỏ, độ dốc cao, phân bố khá đều trên toàn huyện, thuận lợi cho việc khai thác phục vụ sản xuất sinh hoạt:
 - + **Sông Trâu:** là sông lớn nhất trên địa bàn huyện, bắt nguồn từ phía Tây Bắc (xã Phước Chiến) chạy theo hướng Bắc qua xã Công Hải đổ ra vịnh Cam Ranh. Diện tích lưu vực là 66km². Trên sông xây dựng hồ Sông Trâu đưa vào sử dụng cuối năm 2005 với diện tích tưới thiết kế là 3.000 ha.
 - + **Suối Bà Râu:** bắt nguồn từ phía Tây huyện (xã Phước Kháng) chảy theo hướng Nam qua xã Lợi Hải, Bắc Phong đổ vào Đầm Nại. Diện tích lưu vực là 30km². Trên suối này đã xây dựng hồ chứa nước Bà Râu, cấp nước cho KCN Du Long, hơn 10.000 hộ

dân vùng dự án và tưới cho 300ha đất canh tác, đồng thời điều tiết, giảm ngập lụt cho vùng hạ lưu.

- + Các hệ thống suối khác: có một số suối lớn như suối Đông Nha, suối Kiên Kiên, suối Vang, suối Tiên, suối Ba Hồ, suối Dầu ...



Hình 4 – Sơ đồ hiện trạng phân tích thủy văn

- Ngoài ra, huyện Thuận Bắc có một hệ thống các đập dâng tạo nên nhiều hồ nhân tạo đa dạng phục vụ cho việc trữ nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất:
 - + *Hồ Bà Râu*: được đưa sử dụng từ đầu năm 2013, nằm về phía Tây huyện Thuận Bắc, thuộc xã Lợi Hải, nhằm cung cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- + *Hồ Sông Trâu*: nằm về phía Bắc huyện Thuận Bắc, thuộc xã Phước Chiến, được xây dựng và đưa vào sử dụng cuối năm 2005, đây là một trong những hồ chứa nước ngọt lớn của Tỉnh, không chỉ là nơi trữ nước, cung cấp nước tưới cho cây trồng, hồ còn là nơi vui chơi, giải trí của người dân trong vùng.
- + *Hồ Ma Trai*: thuộc xã Phước Chiến, nằm phía Bắc huyện Thuận Bắc, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- + *Hồ Kiên Kiên*: có tiềm năng để phát triển du lịch, được đầu nối với hệ thống thủy lợi kênh cấp 2, 3 hồ Sông Trâu phục vụ tưới cho khoảng 20 ha.
- Ngoài hệ thống sông suối trong huyện, Thuận Bắc còn có hệ thống kênh Bắc Nha Trinh tưới cho 522 ha lúa vùng phía Nam huyện.

Kết luận:

- Do chịu tác động của địa hình nên hệ thống sông suối ở huyện Thuận Bắc có đặc trưng ngắn và dốc, vào mùa mưa nước chảy mạnh từ các triền đồi đổ về vùng trũng, còn mùa khô lại thường cạn kiệt ít nước hoặc không có nước. Tuy vậy, việc xây dựng các hồ nước dự trữ nhân tạo đã khắc phục được nhu cầu sử dụng nước vào mùa khô cũng như hạn chế lũ lụt cho hạ lưu các dòng sông, suối vào mùa mưa.

b. Hải văn:

- Vùng biển của huyện Thuận Bắc có chế độ nhật triều và bán nhật triều. Biên độ dao động của thủy triều thấp từ 1,88 - 2,2m, nên không ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và du lịch.
- Hải văn của Huyện Thuận mang đặc điểm hải văn của tỉnh Ninh Thuận: ngoài khơi biển Đông thuộc khu vực có hai dòng hải lưu đối ngược nhau di chuyển gần bờ qua vùng biển này, trong đó có một dòng nóng di chuyển từ Phía Nam và một dòng lạnh từ phía Bắc xuống. Vị trí của hai dòng này đã quyết định khá lớn đến chi phối mưa từ biển vào đất liền; dòng biển lạnh di chuyển gần bờ, trong khi đó dòng biển nóng di chuyển ở ngoài, làm cản trở quá trình tạo mưa cho khu vực đất liền.

1.1.3. Khí hậu:

- Huyện Thuận Bắc nằm trong khu vực khô hạn của cả nước, có nền khí hậu nhiệt đới gió mùa bán khô hạn điển hình với đặc trưng là khô nóng, ít mưa bão, nắng và gió dồi dào quanh năm là điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành du lịch biển và công nghiệp điện gió với công suất lớn.
- Nhiệt độ trung bình trong năm 27,6°C, trung bình năm cao nhất 31,8°C, trung bình năm thấp nhất 22,3°C. Tổng nhiệt độ năm dao động ở khoảng 9.500 – 10.000°C. Tổng tích tương đối cao (10.000-10.400°C) và phân hóa tương đối đồng đều theo mùa, cho phép sản xuất cây trồng quanh năm. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các cây trồng nhiệt đới.
- Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 11, lượng mưa trung bình từ 700-800mm/năm, tăng dần theo độ cao trên 1100mm ở vùng núi. Số ngày mưa trong năm từ 51- 69 ngày. Nền nhiệt độ cao, thời gian chiếu sáng dài, là điều kiện thuận lợi để phát triển cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng vụ trong điều kiện có nước tưới.
- Năng lượng bức xạ lớn 160 Kcal/cm².

- Lượng bốc hơi trung bình 670 - 1870mm/năm. Độ ẩm trung bình 75-77%, mùa mưa độ ẩm thường cao hơn mùa khô khoảng 10 -20%.
- Hàng năm có 2 loại gió chính có ảnh hưởng đến khí hậu của huyện là:
 - + Gió mùa Bắc và Đông Bắc: từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau.
 - + Gió mùa Nam và Đông Nam: từ tháng 3 đến tháng 8.
- Do đặc điểm địa hình nên về mùa đông tốc độ gió khá lớn, nhất là các xã Công Hải, Lợi Hải nằm ở eo núi giữa Cam Ranh và Thuận Bắc. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp điện gió.

Kết luận:

- Đầu tư điện gió ở Thuận Bắc tuy vẫn thuận lợi nhưng tính cạnh tranh không bằng ở Thuận Nam và Ninh Phước (do tốc độ gió, số giờ có gió ít hơn; lại ở gần núi, sườn núi nên có gió xoáy và thi công lắp đặt chi phí cao hơn); tuy nhiên, ở Thuận Bắc không bị trở ngại bởi vướng khoáng sản Titan.
- Những vùng đất không có giải pháp thủy lợi cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt như vùng đồi núi phía Tây, thì điều kiện khí hậu của Thuận Bắc là rất khắc nghiệt. Ngược lại đối với vùng đất được cung cấp nước nhờ các công trình thủy lợi như: hệ thống Sông Trâu, kênh Bắc Nha Trinh..., thì với nền nhiệt độ cao, ánh sáng dồi dào, không có mùa lạnh, là điều kiện thuận lợi cho phát triển cây trồng, vật nuôi nguồn gốc nhiệt đới, cho phép thâm canh, tăng vụ để đạt năng suất và hiệu quả cao

1.2. Các tài nguyên tự nhiên và nhân văn:

1.2.1. Tài nguyên nước:

a. Nguồn nước mặt:

- Huyện Thuận Bắc gồm có 3 sông suối chung là: sông Trâu, suối Bà Râu, suối Đông Nha. Hệ thống sông suối bắt nguồn từ các dãy núi phía Tây và Đông. Do đặc điểm khí hậu nhiệt đới bán khô hạn; sông suối ngắn và dốc, chỉ có nước về mùa mưa, còn mùa khô thường cạn kiệt ít nước hoặc hoặc không có nước. Vì vậy để giải quyết nước cho sản xuất và sinh hoạt cần tập trung chủ yếu cho giải pháp xây dựng hồ chứa. Đến nay, trên địa bàn huyện có 4 hồ chứa, 14 đập dâng độc lập và 04 trạm bơm. Tổng năng lực tưới khoảng 3.412ha đất canh tác.
- Hồ, đập vừa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, vừa có tiềm năng để khai thác và phát triển du lịch như:
 - + Kênh mương đập Suối Tiên tại xã Công Hải (tổng chiều dài 454m)
 - + Hệ thống thủy lợi đập Suối Bay tại xã Công Hải (tổng chiều dài 1.356m)
 - + Hệ thống kênh mương đập dâng Ba Hồ tại 2 xã Công Hải và Lợi Hải (tổng chiều dài 5.294m)
 - + Kênh mương đập Tà Lóc tại xã Bắc Sơn (tổng chiều dài 3.019m)
 - + Kênh mương đập Bà Rợ tại xã Bắc Sơn (tổng chiều dài 1.050m)
 - + Hệ thống kênh mương cấp 2, 3 thủy lợi hồ Sông Trâu tại các xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn (tổng chiều dài 38.444m)
 - + Hệ thống trạm bơm Mỹ Nhơn đang triển khai xây dựng tại xã Bắc Phong (tổng chiều dài 12.881m).

- Ngoài ra còn được cấp nước từ kênh Bắc hệ thống thủy lợi Nha Trinh – Lâm Cẩm cấp nước tưới cho lúa và nước sinh hoạt khá ổn định của 2 xã Bắc Phong và Bắc Sơn.

b. Nguồn nước ngầm:

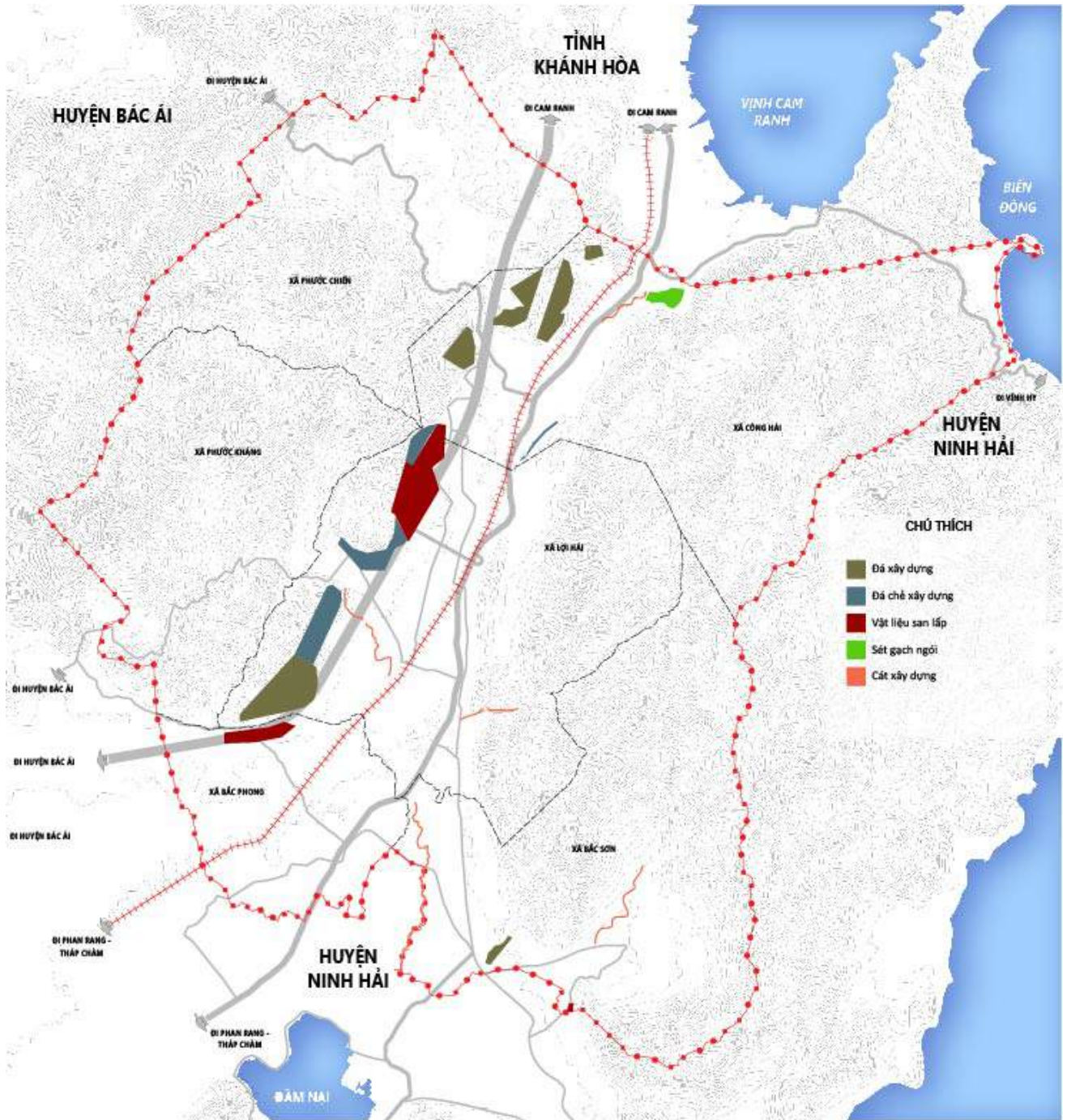
- Theo kết quả điều tra, đánh giá của ngành địa chất thủy văn: nguồn tài nguyên nước ngầm tại huyện Thuận Bắc không phong phú, chỉ có khu vực đồng bằng ven quốc lộ 1A của huyện nằm trong vùng địa chất thủy văn có tầng chứa nước Holocen và Pleistocen - Holocen dù chất lượng và trữ lượng đáp ứng nhu cầu khai thác phục vụ sinh hoạt dù vẫn còn hạn chế.
- Nguồn nước ngầm: trữ lượng nước ngầm hạn chế, chất lượng nước biến đổi khá phức tạp theo mùa, nước mặn và nước ngọt phân bố xen kẽ nhau trên một tầng chứa nước. Hiện nay khai thác chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt (khoan giếng, đào giếng) với quy mô nhỏ. Cần lưu ý đến tình trạng nước thải chưa qua xử lý xả thẳng ra môi trường, các bãi rác, nghĩa trang nằm rải rác, chưa được quy hoạch tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

1.2.2. Tài nguyên khoáng sản:

- Thuận Bắc có các loại khoáng sản như đá granit, sét gạch ngói, cát xây dựng, đá chẻ xây dựng, Khoáng sản làm vật liệu xây dựng đang khai thác và chế biến với quy mô công nghiệp như : mỏ đá xây dựng Giác Lan, Tây Nam Cô Lô – Tây Cà Rôm, mỏ sét Suối Dầu (Công Hải).
 - + *Đá xây dựng*: trữ lượng 1.059m³, phân bố ở núi Giác Lan, núi Lô Cô (Công Hải), núi Bà Râu (Lợi Hải). Đá có nguồn gốc phun trào macma axit rất cứng, thích hợp làm cốt liệu xây dựng đường, bê tông và nhu cầu khác, khả năng khai thác trên 90 năm.
 - + *Đá chẻ*: trữ lượng 11,2 triệu m³, phân bố ở núi Bà Râu, núi Kiên Kiên, phía Đông núi Ông Ngai, núi Kiên Kiên (Lợi Hải).
 - + *Đất sét*: trữ lượng khoảng 3,1 triệu m³, chất lượng tốt phân bố ở xã Công Hải, thích hợp làm gạch ngói, khả năng khai thác < 10 năm. Hiện nay khai thác cung cấp cho nhà máy tụy nen Duy Long.
 - + *Cát xây dựng* ở Suối Giếng (xã Công Hải), suối Đồng Nha (xã Bắc Sơn).
 - + *Vật liệu san lấp* ở núi Bà Râu (17,256 triệu m³), phía Nam núi Ông Ngai (6,264 triệu m³) và phía Tây thôn Ba Tháp (xã Bắc Phong).
 - + *Một số khoáng sản khác* có triển vọng khai thác bậc I là Wolfram trữ lượng 36.000 tấn, Molipden 3.000 – 4.000 tấn, thiếc 24.000 tấn ở Núi Đất (Bắc Sơn).
- Hiện nay toàn huyện có 8 điểm bị hạn chế khai thác khoáng sản :
 - + Mỏ đá granit 8-1 núi Giác Lan, 10-1 núi Giác Lan Đông, 9A-1 núi Cô Lô, 26-1 núi Bà Râu. Mỏ sét 11a-11b Công Hải 2, 13b-1 Công Hải 2.
 - + Vật liệu san lấp diện tích 143,5ha ở núi Bà Râu, phía Nam núi Ông Ngai.

1.2.3. Tài nguyên đất:

- Tổng diện tích đất tự nhiên là 32.379,47ha, việc sử dụng quỹ đất cho mục đích phát triển nông nghiệp chiếm 87,06% tổng diện tích tự nhiên.



Hình 5 – Sơ đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Toàn huyện có 7 nhóm đất chính, bao gồm:
 - + **Nhóm đất đỏ vàng:** chiếm 59,86%, phân bố tập trung trên vùng đồi núi dốc > 15°, thuộc các xã Phước Kháng, Phước Chiến, Công Hải và Lợi Hải. Đất có các thành phần khác nhau hình thành trên đá macma, điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có quá trình phá hủy khoáng sét, rửa trôi và tích tụ sét, sắt, nhôm chiếm ưu thế, tạo cho đất có màu đỏ vàng. Đất có thành phần cơ giới trung bình, phản ứng chua nhẹ đến chua ít; ngoài ra các yếu tố dinh dưỡng cho cây trồng như mùn, đạm, lân và kali đều ở mức trung bình đến khá.

- + *Nhóm đất xám nâu bán khô hạn*: chiếm 25,35%, bao phủ hầu như toàn bộ phần bậc thềm cao và phẳng trước núi của huyện và một phần nhỏ vùng đồi núi thấp có độ dốc <math>< 20^\circ</math>. Phân bố trên địa hình cao, gồ ghề, xa nguồn nước tưới. Thành phần cơ giới thịt trung bình, ưu điểm là ít chua và có bảo hòa bazơ cao, phần lớn các yếu tố dinh dưỡng cho cây trồng chỉ ở mức nghèo đến trung bình thấp.
- + *Nhóm đất xám*: chiếm 4,75%, gồm 2 đơn vị nhóm đất: đất xám gầy (Xg) và xám có tầng loang lỗ đỏ vàng (Xf). Đất xám được phân bố ở hầu hết các xã, tập trung nhiều ở Lợi Hải, Bắc Sơn trên địa hình bằng thấp bậc thềm suối Bà Râu. phân bố trên địa hình bậc thềm bằng thấp, phía trên vùng đất phù sa, gần nguồn nước, thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, độ phì khá. Nên đất xám ở Thuận Bắc thích hợp với trồng lúa - màu, cây công nghiệp hàng năm.
- + *Nhóm đất phù sa*: chiếm 3,15%, có 4 đơn vị phân loại: Đất phù sa không được bồi (Pe), đất phù sa gầy (Pg), đất phù sa có tầng loang lỗ (Pf) và đất phù sa suối (Py). Phân bố: đất phù sa không được bồi; phù sa gầy; phù sa loang lỗ tập trung ở các xã phía Nam huyện Bắc Phong, Bắc Sơn. Đất phù sa suối tập trung ven Sông Trâu ở Công Hải.
- + *Nhóm đất cát ven biển*: chiếm 0,66%, huyện Thuận Bắc có loại đất cát vàng (Cv), tập trung ở thôn Bình Tiên xã Công Hải. Đất thích hợp trung bình với cây trồng cạn (điều, xoài, mỳ...), nuôi trồng thủy sản và du lịch.
- + *Nhóm đất mòn trơ sỏi đá*: chiếm 3,36%, phân bố sườn thấp địa hình núi, nơi tiếp giáp với địa hình đồi trung du của các xã: Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn. Hình thành trên địa hình đồi núi dốc, thảm phủ thực vật không còn, quá trình xói mòn, rửa trôi diễn ra mạnh mẽ, làm trôi hết lớp đất, trơ ra lớp đá gốc và mẫu chất đang phong hoá. Khả năng sử dụng và cải tạo: Chủ yếu để khai thác đá, sỏi làm vật liệu xây dựng. Nơi nào không khai thác đá, sỏi cần bảo vệ thảm phủ hiện có.
- + *Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ*: phân bố thành dải hẹp trong các thung lũng suối vùng núi tại các xã Phước Kháng, Phước Chiến, Công Hải và Lợi Hải. Đất có thành phần cơ giới thịt nhẹ, tỷ lệ mùn và đạm khá, nghèo lân và đất có phản ứng chua. Được sử dụng trồng lúa 1 vụ và hoa màu. Sử dụng chú ý bón phân lân, vôi để cải tạo.
- Đất phù sa, gầy là loại đất tốt, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp nhưng chỉ chiếm diện tích rất nhỏ (khoảng 7,25%). Còn lại chủ yếu là đất xám bán khô hạn, đất đỏ vàng, cát, mặn, trơ sỏi đá là tầng đất mỏng, thành phần cơ giới nhẹ, dễ bị xói mòn rửa trôi, nghèo dinh dưỡng. Cần có giải pháp chống rửa trôi xói mòn, thau chua rửa mặn, tăng cường bón phân hữu cơ, lân và vôi cho đất.
- Đất xám phân bố hầu hết ở các xã, trên nhiều dạng địa hình khác nhau, có độ phì trung bình, phù hợp cho cây lâu năm (điều, cây ăn quả), hoa màu (mì, khoai lang, đậu đỗ), trồng rừng. Đất phù sa rải rác ở các xã, nhưng tập trung nhiều ở xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong, có thể trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả. Đất phù sa gley chủ yếu ở Bắc Phong, Bắc Sơn, Lợi Hải thích hợp trồng lúa nước.

1.2.4. Tài nguyên rừng:

- Tổng diện tích đất lâm nghiệp năm 2022 là 21.397,87 ha, chiếm 75,91% tổng diện tích đất nông nghiệp. Trong đó phần lớn là rừng non, rừng nghèo, rừng lùn thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng đặc dụng, không còn khả năng khai thác. Rừng của huyện chủ yếu là rừng thường xanh xen rừng nửa rụng lá vùng bán khô hạn, tác dụng ngăn cản lũ lụt trong mùa mưa, điều tiết khí hậu trong mùa khô rất thấp, tỷ lệ che phủ thấp.
- Rừng tập trung chủ yếu ở xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn, Phước Kháng. Trên địa bàn huyện có vườn quốc gia Núi Chúa, là khu bảo tồn thiên nhiên rừng khô hạn điển hình của Việt Nam, với nhiều loài thực vật, động vật quý hiếm cần được bảo vệ nghiêm ngặt, kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

1.2.5. Tài nguyên biển:

- Bờ biển huyện Thuận Bắc dài 3,8km, điển hình là bờ biển Bình Tiên (thôn Bình Tiên, xã Công Hải). Đây là dải bờ biển đẹp nằm dưới chân núi Chúa, cảnh quan rất đẹp, bãi cát sạch và mịn, có tiềm năng phát triển du lịch, còn tiềm năng về nuôi trồng và đánh bắt hải sản không đáng kể. Hiện nay đang đầu tư xây dựng khu du lịch chất lượng cao Bình Tiên 190ha. Chế độ thủy triều có cả nhật triều và bán nhật triều. Biên độ dao động của thủy triều thấp từ 1,88 - 2,2m, nên không ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và du lịch.

1.2.6. Tài nguyên nhân văn:

- Huyện Thuận Bắc có 3 dân tộc Raglai, Chăm, Kinh cùng sinh sống. Mỗi dân tộc có nền văn hóa, phong tục tập quán khác nhau tạo nên tài nguyên nhân văn phong phú. Huyện có các di tích nổi tiếng như tháp Hòa Lai, đình Hiệp Kiệt, Đình Mỹ Nhơn, Long Cát,... Tài nguyên nhân văn độc đáo của huyện Thuận Bắc cần được gìn giữ và phát huy, góp phần phát triển ngành du lịch trong tương lai.

1.2.7. Tài nguyên du lịch:

- Thuận Bắc là địa bàn giàu tiềm năng về du lịch biển, du lịch sinh thái và du lịch văn hoá với các loại thắng cảnh và di tích như:
 - + Bãi biển Bình Tiên (Công Hải) dưới chân núi Chúa, dài 3,8 km, là một bãi biển rất đẹp đang được Công ty Cổ phần du lịch Bình Tiên đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển cao cấp của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, có quy mô 190ha, phục vụ du khách trong nước và quốc tế.
 - + Phía Đông là Vườn quốc gia Núi Chúa có diện tích 298,65km², là rừng độc đáo duy nhất và đặc trưng cho hệ sinh thái khô hạn ở Đông Nam Á, với nhiều loài thực vật bậc cao, động vật hoang dã, đặc biệt có nhiều loài được ghi vào Sách Đỏ thế giới. Vườn quốc gia Núi Chúa đã chính thức được UNESCO công nhận vào năm 2021 là 01 trong 11 khu dự trữ sinh quyển thế giới của Việt Nam.
 - + Sông suối có nhiều ghềnh thác đẹp như: Suối Tiên (Công Hải), Suối Đông Nha (Bắc Sơn), suối Kiên Kiên, Hồ Sông Trâu.
 - + Di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai (Bắc Phong), được xây dựng từ thế kỷ thứ IX là tháp Chăm đến nay gần như còn nguyên vẹn như, được giới khoa học trong và ngoài nước đánh giá rất cao về kỹ thuật xây dựng, nghệ thuật chạm khắc tinh tế, độc đáo của nền văn hóa Chăm Pa.

Kết luận:

- Các bãi biển, danh thắng và di tích văn hoá của huyện Thuận Bắc, TP. Phan Rang và huyện Ninh Hải phân bố khá liên tục dọc theo bờ biển và quốc lộ 1A. Đây là điều kiện rất lý tưởng để tổ chức thành tuyến du lịch khép kín với nhiều loại hình du lịch như: du lịch biển, du lịch sinh thái và du lịch văn hoá - lịch sử.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

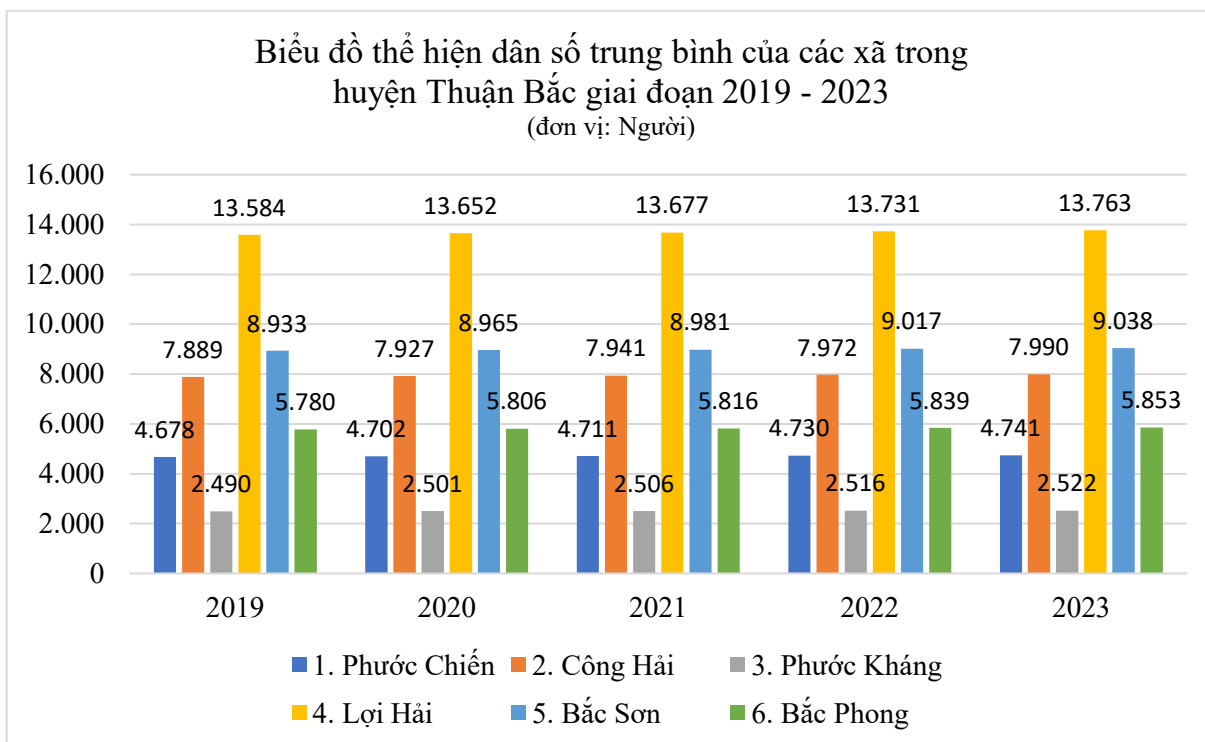
2.1. Hiện trạng kinh tế - xã hội:

2.1.1. Dân số, lao động, nghề nghiệp:

a. Dân số:

- Huyện Thuận Bắc có dân số trung bình năm 2023 toàn huyện là 43.907 người. Trong đó, xã Lợi Hải có dân số cao nhất là 13.763 người, chiếm 31,3% dân số toàn huyện; xã Phước Kháng có dân số thấp nhất là 2.522 người, chiếm 5,7% dân số toàn huyện. Trong những năm gần đây, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên có chiều hướng giảm còn 1,23%, bình quân hàng năm giảm 0,02% do tác động của hoạt động truyền thông dân số.
- Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 3 năm 2021 – 2023 của huyện:
 - + Mức giảm sinh bình quân hàng năm giảm 0,2%, so với nghị quyết đạt 100% (Chỉ tiêu Nghị quyết giảm 0,2 - 0,3%/năm);
 - + Đời sống dân cư: Trong năm 2023, tình hình đời sống dân cư trên địa bàn huyện có phần tương đối ổn định hơn. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 là 17,93%.
 - + Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,42%/năm, so với nghị quyết vượt 1,92% (Chỉ tiêu Nghị quyết giảm 2,5%/năm);
 - + Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 96%, so với nghị quyết đạt 97,96% (Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 98%).

Bảng 1 – Biểu đồ dân số trung bình của các xã trong huyện giai đoạn 2018 – 2022



b. Lao động – nghề nghiệp:

- Về lao động, Huyện Thuận Bắc đã tập trung đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong giai đoạn 2021-2023 đã giải quyết việc làm cho 3.184 lao động, so với Nghị quyết đạt 70,82%, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 1.062 lao động, so với Nghị quyết vượt 18%. Bên cạnh đó, đã tổ chức đào tạo nghề cho 750 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%, so với Nghị quyết đạt 96,2%. Thường xuyên tổ chức các hội nghị tư vấn việc làm và xuất khẩu lao động được đông đảo người dân tham gia. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%, đạt 96% kế hoạch.

Bảng thống kê về cơ cấu lao động của huyện Thuận Bắc qua các thời kỳ

Huyện Thuận Bắc		2010	2011-2015	2016-2020	2021-2023
1	Dân số cuối kỳ	38.167	40.539	43.553	43.907
2	Tổng lao động đang làm việc trong các ngành	22.751	24.973	27.411	28.987
	- Tỷ lệ % so với dân số	59,61%	61,60%	62,94%	66,02%
	- Nông - lâm nghiệp	18.542	18.505	18.283	18.262
	+ Tỷ lệ %	81,50%	74,10%	66,70%	63,00%
	- Phi nông nghiệp	4.209	6.468	9.128	10.725
	+ Tỷ lệ %	18,50%	25,90%	33,30%	37,00%
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (chủ yếu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, giáo dục, y tế và doanh nghiệp công nghiệp)	25%	35%	45%	50%
	- Số lao động đã đào tạo được trong kỳ		2.072	1.844	750
	- Tổng số lao động qua đào tạo	5.688	8.740	12.335	14.494
	- Số lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp	4.209	6.468	9.128	10.725
	+ Tỷ lệ %	74,00%			

(Nguồn: Dữ liệu điều tra, các báo cáo kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc qua các thời kỳ 2011-2015, 2016-2020, 2021-2023 và tính toán nội suy của đơn vị tư vấn)

Nhận xét: Có thể thấy, cơ cấu lao động của huyện qua các thời kỳ đã có bước chuyển dịch lao động từ giảm dần nông – lâm nghiệp sang tăng dần phi nông nghiệp (công nghiệp-TTCN và thương mại-dịch vụ), tuy nhiên lao động làm việc trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp vẫn là chủ yếu (chiếm 63% trong cơ cấu lao động tính đến cuối năm 2023 theo tính toán).

c. Dân tộc và truyền thống văn hóa, tôn giáo:

- Nền văn hóa của huyện Thuận Bắc khá phong phú với các phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa của 3 dân tộc cùng sinh sống: người Kinh, người Raglai, người Chăm.
- Toàn huyện có 02 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ VH-TT-DL công nhận, 01 di tích lịch sử cấp quốc gia, 03 di tích cấp tỉnh và các di tích mang tính địa phương:
 - + Di sản văn hóa phi vật thể: Lễ bỏ mã của người Raglai; Nghi lễ đầu năm của người Chăm ở làng Bình Nghĩa.

- + Di tích cấp Quốc gia Đặc biệt: tháp Hòa Lai (thôn Ba Tháp – xã Bắc Phong) là một trong những di tích quý giá của vương quốc Chăm Pa được xây dựng thế kỷ thứ IX. Tháp Hòa Lai được Nhà nước xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1999.
- + Di tích cấp tỉnh: đình Hiệp Kiệt (thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải) được tỉnh xếp hạng năm 2008, kiến trúc Đình chạm khắc công phu; Đình Mỹ Nhơn; Khu tập trung Bà Râu.
- + Di tích địa phương: đình làng Ba Tháp, nhà thờ Gò Sạn (Bắc Phong), chùa Long Cát (Công Hải), chùa Từ Lâm (Lợi Hải).
- + Đã có 1 trường tiểu học triển khai dạy tiếng Chăm cho học sinh.
- Dân tộc Chăm hoạt động tôn giáo gắn với các lễ hội. Người Chăm thờ cúng tổ tiên và các hiện tượng thiên nhiên được thần hóa, các vị thần như Brahma, Shiva, Vishnu và đấng Ala (đạo Hồi).
- Dân tộc Raglai hoạt động tín ngưỡng dân gian bình thường.
- Tình hình hoạt động của các tôn giáo đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Huyện Thuận Bắc luôn thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, chính sách đoàn kết dân tộc, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo đi thăm các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện nhân dịp Đại lễ Phật Đản, lễ Giáng sinh.

2.1.2. Hiện trạng phát triển kinh tế và các ngành lĩnh vực trên địa bàn huyện:

(theo Báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội 3 năm 2021-2023, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian đến của UBND huyện Thuận Bắc)

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã đề ra 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng đến năm 2023 đã có 03 chỉ tiêu hoàn thành, các chỉ tiêu còn lại đều thực hiện đúng lộ trình:

- Giá trị sản xuất các ngành tăng bình quân 20,6%, so với Nghị quyết vượt 1,1% trong đó:
 - + Ngành nông nghiệp: tăng bình quân 20,7%, so với Nghị quyết vượt 15,4%;
 - + Ngành công nghiệp - xây dựng: tăng bình quân 20,6%, so với Nghị quyết đạt 91,2%;
 - + Ngành dịch vụ: tăng bình quân 20,7%, so với Nghị quyết đạt 97,2%.
- Cơ cấu kinh tế Nông nghiệp chiếm 15,3% (*Chỉ tiêu Nghị quyết 11 - 12%*), công nghiệp - xây dựng chiếm 76,1% (*Chỉ tiêu Nghị quyết 77 - 78%*) và dịch vụ chiếm 8,6% (*Chỉ tiêu Nghị quyết 10 - 11%*).
- Cơ cấu kinh tế theo khu vực của tỉnh Ninh Thuận có bước chuyển dịch tiên bộ và phù hợp với xu thế phát triển chung của cả nước; đồng thời khai thác được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh cho phát triển kinh tế:
 - + Tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản giảm mạnh từ 30,93% năm 2020 xuống còn 15,3% trong năm 2023;
 - + Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng mạnh từ 31% năm 2020 lên 76,1% trong năm 2023;
 - + Tỷ trọng ngành dịch vụ giảm từ 31,82% năm 2020 xuống 8,6% trong năm 2023.
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện Thuận Bắc (*căn cứ theo Văn bản số 2797/CTNTH-NVDTPC ngày 12/08/2024 của Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp số*

thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 và dự báo tình hình thu ngân sách giai đoạn 2026-2030) đến năm 2023:

Bảng 2 – Kết quả thu ngân sách nhà nước của huyện giai đoạn 2021-2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	118,9	430,1	320,4	291,7
	Trong đó:					
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng				
	- Thu nội	Tỷ đồng	118,9	430,1	320,4	291,7
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng				
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng				
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	101,4	258,8	269,1	274,8
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	17,5	171,3	51,3	16,9

- Trong giai đoạn 2021-2023, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 05 dự án, với tổng mức đầu tư trên 450 tỷ đồng: Khu du lịch Natural Paradise Ninh Thuận tại xã Công Hải; 04 dự án trong KCN Du Long: nhà máy sản xuất thú nhồi bông quy mô thiết kế 6 triệu sản phẩm/năm; Dự án nhà máy may quy mô 2 triệu sản phẩm/năm và Nhà máy dệt sợi, Trung tâm Logistic.
- Tổng mức đầu tư toàn xã hội đạt trong 3 năm 2021 – 2023 ước đạt 11.407 tỷ đồng, so với Nghị quyết đạt 76%.

a. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

- Giai đoạn 2021 – 2023, thực hiện chủ trương đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 04-NQ/HU của Huyện ủy, UBND huyện ban hành Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Kế hoạch phát triển nông nghiệp đến năm 2025 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đề ra.
- Sau 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, sản xuất nông nghiệp của huyện tiếp tục tăng trưởng khá, bình quân hàng năm tăng 20,7% (vượt 15,4% so với mục tiêu Nghị quyết), sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và tăng khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; đảm bảo an ninh lương thực.

❖ Trồng trọt:

- Hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư, các địa phương mở rộng diện tích canh tác, sử dụng các loại giống mới chất lượng cao, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất → ngành trồng trọt của huyện phát triển khá toàn diện về quy mô, năng suất, hiệu quả.
- Năng suất lúa tăng, bình quân đạt 65 tạ/ha, sản lượng lương thực năm 2023 ước đạt trên 50.000 tấn, vượt 8.000 tấn so với Nghị quyết (*Nghị quyết Đại hội IV: sản lượng lương thực 42.000 tấn*); giá trị sản xuất vùng chủ động nước đạt trên 106 triệu/ha/năm (*Nghị quyết 105 triệu đồng/ha/năm*);

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ động nước đạt 59%. Huyện đã tập trung xây dựng, phát triển các vùng sản xuất tập trung với một số cây trồng chủ lực đó là lúa, bắp lai, đậu xanh, mè, nha đam, măng tây, măng cầu,... là những cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng và trình độ, tập quán canh tác của người dân địa phương. áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như sử dụng giống lúa xác nhận, áp dụng quy trình “1 phải 5 giảm”, tưới tiết kiệm nước.
- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng: diện tích đất trồng lúa được duy trì ổn định trên 6.500 ha/năm, đảm bảo an ninh lương thực; tiếp tục thực hiện chuyển đổi diện tích lúa tại những vùng tưới cuối kênh tưới, trạm bơm, những vùng gò đồi sản xuất lúa bắp bênh không hiệu quả.
- Toàn huyện chuyển đổi được 325 ha diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng cận có hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm nước, đạt 70% so với Nghị quyết số 10-NQ/HU, hiệu quả kinh tế tăng 1,5 - 2 lần, đặc biệt một số khu vực chuyển đổi sang trồng cây Nha đam, cây Dưa hoàng kim, hiệu quả kinh tế tăng 3 lần so với hình thức canh tác trước.
- Về tình hình liên kết, phát triển chuỗi giá trị: tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản. Đến nay, huyện đã hình thành 07 chuỗi liên kết có hiệu quả cao; trong đó trồng trọt có 06 chuỗi với quy mô diện tích 890 ha, chăn nuôi có 01 chuỗi.

❖ Chăn nuôi:

- Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định theo hướng an toàn, hiệu quả, có giá trị kinh tế cao, bền vững, với một số vật nuôi chủ lực của địa phương (bò, dê, cừu, heo đen, gà). Triển khai các giải pháp hỗ trợ quảng bá, phát triển thương hiệu Heo đen và gà Thuận Bắc, trong đó tập trung hỗ trợ Hợp tác xã Suối Đá về cơ sở vật chất, nhân lực để nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy tốt vai trò của hợp tác xã trong phát triển chuỗi giá trị Heo đen, gà Thuận Bắc.
- Rà soát, triển khai và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương như nuôi dê sinh sản, nuôi bò thịt vỗ béo, nuôi bò 3B gắn với phát triển đồng cỏ phục vụ chăn nuôi; công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện kịp thời. Tỷ lệ sinh hóa đàn bò đạt 49%, so với Nghị quyết đạt 89%; tỷ lệ đàn dê, cừu lai trên 79%, so với Nghị quyết đạt 92,9%.
- Sau 03 năm thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp (2021 – 2023), chất lượng đàn gia súc được cải thiện rõ rệt, chăn nuôi trở thành ngành quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của địa phương, chiếm tỷ trọng 37,64% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

❖ Thủy sản:

- Trong thời gian qua, tình hình thời tiết thuận lợi trong việc khai thác, nuôi trồng thủy sản, sản lượng bình quân hàng năm đạt khoảng 200 tấn. Tình hình nuôi tôm hùm lồng có bước khôi phục và phát triển mạnh sau 02 năm chịu ảnh hưởng, tác động của đại dịch Covid-19; hiện nay số lồng nuôi đạt 960 lồng, đạt 96% so với Nghị quyết.

❖ Lâm nghiệp:

- Thực hiện phát triển lâm nghiệp luôn gắn với thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững; hàng năm các đơn vị chủ rừng giao khoán trên 6.500ha rừng cho các tổ cộng đồng bảo vệ góp phần tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân.
- Thực hiện có hiệu quả Đề án trồng cây lâu năm kết hợp với chăn nuôi dưới tán rừng; phát triển, nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp tạo sinh kế bền vững cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Tập trung thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; triển khai trồng mới rừng tập trung theo kế hoạch, trong 03 năm đã trồng mới 67ha rừng.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

❖ Công nghiệp:

- Trong giai đoạn 2021 – 2023, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến và phát triển năng lượng tái tạo; tiềm năng, lợi thế của huyện được khai thác, giá trị sản xuất ngành tăng bình quân 21,5%/năm, đạt 78,2% so với Nghị quyết.
- Tình hình sản xuất công nghiệp trong năm đầu triển khai kế hoạch 5 năm gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho lớn, nhưng sau đại dịch Covid-19 từng bước được phục hồi và tăng trưởng khá; công suất phát điện của các dự án năng lượng tiếp tục được duy trì (đến nay, trên địa bàn huyện có 08 dự án điện năng lượng tái tạo hoàn thành, với công suất 857 MW, đã hòa điện quốc gia 664 MW, còn 193 MW đang chờ cơ giá điện), một số dự án hoàn thành đưa vào sử dụng tạo ra năng lực sản xuất mới (như: thú nhồi bông, may mặc) đóng góp lớn cho ngành công nghiệp phát triển.
- Bước đầu, huyện đã có sản phẩm xuất khẩu (giá trị xuất khẩu đến cuối năm 2023 ước đạt 10 triệu USD); đầu tư hạ tầng KCN Du Long bước đầu đã thu hút nhà đầu tư thứ cấp⁽¹⁾; đồng thời Huyện đã chủ động đối thoại với các nhà đầu tư, cùng với nhà đầu tư giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ các dự án, đây là những tiền đề quan trọng để ngành công nghiệp tăng trưởng mạnh trong thời gian đến.
- Ngành công nghiệp tăng mạnh, các sản phẩm công nghiệp chính hiện nay là khai thác đá, vật liệu xây dựng, hóa chất (phân vi sinh), sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại, thực phẩm và đồ uống. Dự án KCN Du Long đang trong quá trình triển khai thi công (đến tháng 11/2023 đã hoàn thành 49,5% khối lượng). Trong đó, tỉnh đã cấp quyết định chủ trương cho dự án là Nhà máy may Hoàng Thành Đông Lương tại KCN Du Long.
- Với yếu tố nắng và gió tự nhiên đặc biệt, huyện Thuận Bắc thuận lợi phát triển công nghiệp điện gió và điện mặt trời. Hiện nay trên địa bàn huyện đã hình thành Tổ hợp năng lượng tái tạo Trung Nam lớn nhất và duy nhất tại Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á và dự án điện gió trên bờ đủ điều kiện triển khai: Dự án Nhà máy điện gió Habaram (công suất 93 MW).

❖ Tiểu thủ công nghiệp:

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp: Hoạt động tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, như: các cơ sở sản xuất, sửa chữa gia công cơ khí; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn;

⁽¹⁾ Năm 2022 hoàn thành nhà máy sản xuất thú nhồi bông quy mô thiết kế 6 triệu sản phẩm/năm; triển khai đầu tư 03 dự án mới trong năm 2023: Dự án may quy mô 2 triệu sản phẩm/năm và Nhà máy dệt sợi, Trung tâm Logistic,...

đồ mộc mỹ nghệ, mộc dân dụng, kỹ nghệ inox... đã góp phần vào tăng trưởng của ngành; hàng năm tổ chức 3 - 4 đợt tham gia hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện; công tác đào tạo nghề truyền thống luôn được chú trọng.

- Khôi phục làng nghề truyền thống đan gùi, làm nỏ tại xã Phước Chiến phục vụ du lịch và nhu cầu địa phương; Hỗ trợ các điểm trưng bày sản phẩm truyền thống, giới thiệu đến khách du lịch trong và ngoài nước.

c. Xây dựng:

- Công tác quy hoạch được triển khai có hiệu quả, đáp ứng cơ sở pháp lý để kêu gọi đầu tư các dự án bất động sản về phát triển khu dân cư, đô thị, các quy hoạch cơ bản đã phủ kín. Hiện đang chỉ đạo các ngành lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện và Điều chỉnh quy hoạch tổng thể xây dựng các xã. Công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị luôn được quan tâm thực hiện và ngày càng đi vào nề nếp. Công tác kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng luôn được tăng cường. Công tác xây dựng đô thị được đẩy mạnh, từng bước xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm hành chính. Huyện đã chỉ đạo các ngành, địa phương thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện và xử lý đúng quy định các trường hợp quy phạm.

d. Thương mại – dịch vụ:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng của ngành. Kế hoạch số 4886/KH-UBND ngày 15/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm an toàn, phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới, Huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai các giải pháp đồng bộ để hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa,... qua đó, đã có bước tăng trưởng trở lại; giá trị sản xuất ngành tăng bình quân 20,7%/năm, so với Nghị quyết đạt 97,2%.

❖ Thương mại:

- Huyện đã tập trung triển khai đồng bộ các biện pháp bình ổn thị trường, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, xã hội hóa trong đầu tư phát triển chợ đạt kết quả tích cực⁽²⁾, mạng lưới thương mại được mở rộng, phát triển các loại hình kinh doanh dịch vụ mới, theo hướng văn minh hiện đại; các hoạt động thương mại - dịch vụ có chuyển biến, cơ bản đáp ứng được nhu cầu trao đổi hàng hóa của Nhân dân.
- Hoạt động thương mại miền núi có sự chuyển biến và phát triển đáng kể; hệ thống kênh phân phối hàng hoá tới khu vực miền núi ngày càng phát triển. Đến nay, 04/05 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã có chợ xã. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đến năm 2023 ước đạt 1.823 tỷ đồng. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 07 vị trí chợ phân bố tại các xã theo bảng sau:

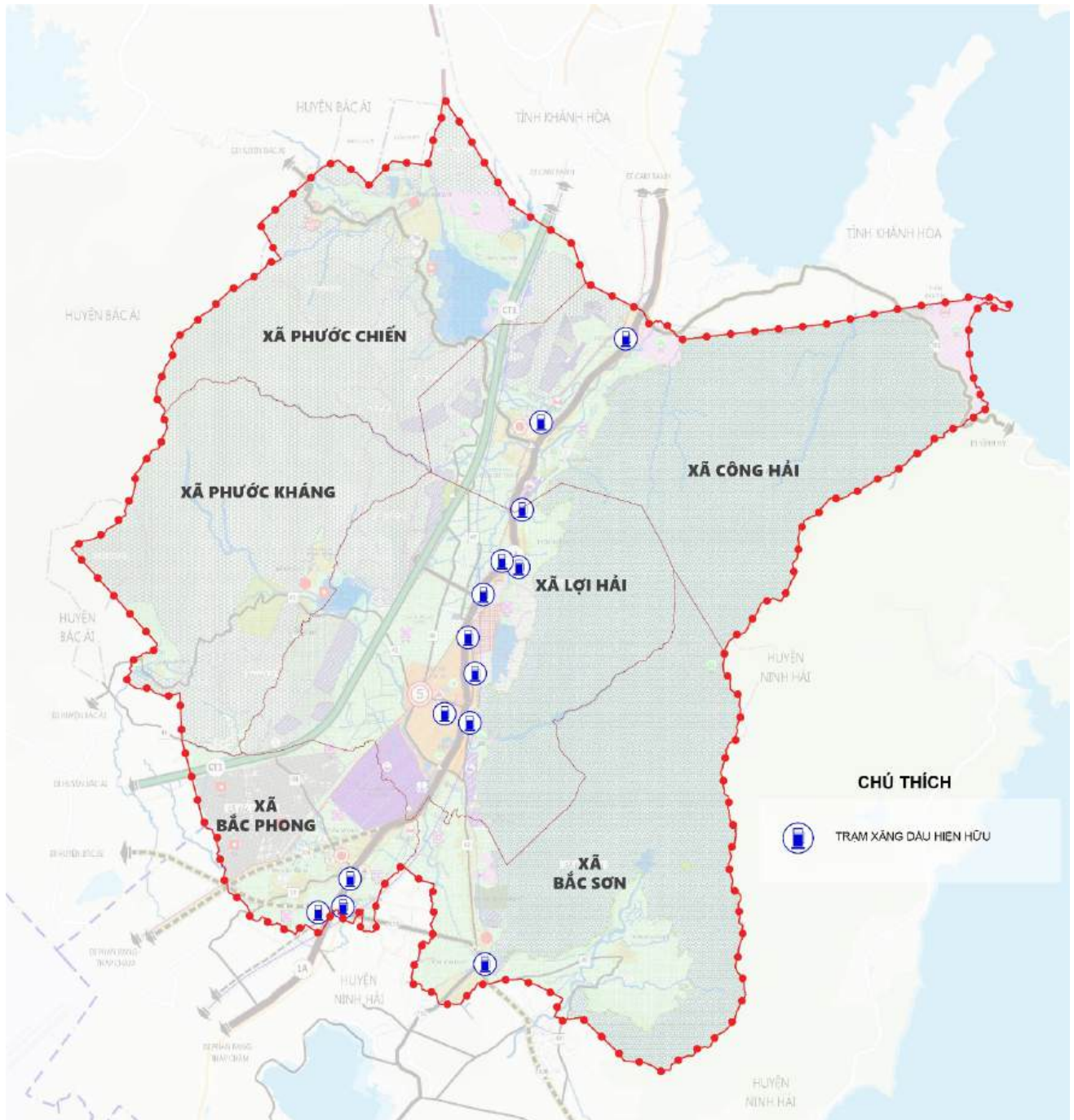
TT	Địa bàn quản lý/ Tên chợ	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hạng chợ	Ghi chú

⁽²⁾ Đã kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng Chợ Ba Tháp, nâng tổng số chợ do doanh nghiệp đầu tư lên 03 chợ.

1	Chợ Công Hải	Hiệp Kiệt, xã Công Hải	1.680	Hạng 3	Vốn DA CBRIP; 30 NS xã +70 hộ tiểu thương và DN hỗ trợ
2	Chợ Mỹ Nhơn	Mỹ Sơn, xã Bắc Phong	712	Hạng 3	Cty TNHH Đầu tư chợ Mỹ Nhơn (ô.Bùi Thanh Quang)
3	Chợ Bình Nghĩa	Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn	3.800	Hạng 3	CT135 (S khu đất 3.800)
4	Chợ Ba Tháp	Ba Tháp, xã Bắc Phong	1.332	Hạng 3	Cty TNHH MTV Thanh Bình Ninh Thuận
5	Chợ Gò Sạn	Gò Sạn, xã Bắc Phong	2.250	Hạng 3	
6	Chợ Ấn Đạt	Ấn Đạt, xã Lợi Hải	5.005	Hạng 2	Cty TNHH Bất động sản Phú Thịnh Hoạt động tháng 11/2018 Khai trương chính thức tháng 4/2019
7	Chợ Phước Chiến	Động Thông - xã Phước Chiến	2.000	Hạng 3	Không hoạt động
8	Chợ Xóm Bằng	Xóm Bằng, Xã Bắc Sơn	145,9	Hạng 3	Vốn từ NS Trung ương từ chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai.
9	Chợ Suối Giếng	Suối Giếng, Xã Công Hải	313	Hạng 3	Hiện trạng
10	Chợ Láng Me	Láng Me, Xã Bắc Sơn	366,10	Hạng 3	QH vị trí mới với DT 3944.20 m2

⇒ *Đánh giá chung:* Mạng lưới chợ được phân bố ở hầu khắp các xã trên địa bàn nông thôn Huyện (chỉ còn xã Phước Kháng chưa có chợ xã). Cơ sở vật chất của một số chợ đảm bảo kiên cố và bán kiên cố tạo thuận lợi đối với hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa của dân cư. Đặc biệt, một số chợ đã và đang thu hút được các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh khai thác và quản lý chợ (3/7 chợ do doanh nghiệp đầu tư), với cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua bán của dân cư, góp phần thay đổi diện mạo văn minh thương mại của hạ tầng thương mại nông thôn Huyện.

- Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn” được quan tâm chỉ đạo triển khai và đạt kết quả tích cực, hàng năm đã tổ chức đưa từ 07 – 08 đợt đưa hàng về địa bàn các huyện vùng xa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Công tác phòng, chống hàng giả, hàng nhái và gian lận thương mại luôn được tăng cường, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và đột biến về giá.
- Hiện nay trên địa bàn huyện Thuận Bắc có 13 cửa hàng xăng dầu phân bố tại các xã theo bảng sau:



Hình 6 – Sơ đồ hiện trạng các trạm xăng dầu trên địa bàn huyện Thuận Bắc

STT	Tên thương nhân	Tên CHXD	Địa điểm kinh doanh
1	Cty TNHH XD Hiệp Thành Phát NT	Hiệp Thành Phát 2	QL1A, Lợi Hải, Thuận Bắc
2	Chi nhánh xăng dầu Ninh Thuận	CHXD Petolimex - Cửa hàng 221	QL1A Công Hải, Thuận Bắc
3		CHXD Petolimex - Cửa hàng 222	QL1A, Lợi Hải, Thuận Bắc
4		CHXD Petolimex - Cửa hàng 228	QL1A, Lợi Hải, Thuận Bắc

5	CN Công ty CP XDDK Bình Thuận tại Ninh Thuận	CHXD Ba Tháp	QL1A, Gò Sạn, Bắc Phong, Thuận Bắc
6	Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 3	Trạm XD 74	QL1A Suối Giếng, Công Hải, Thuận Bắc
7	Công ty TNHH XD Thuận Bắc	CHXD 126	QL1A, Hiệp Kiết, Công Hải, Thuận Bắc
8	Cty TNHH Xăng dầu 222	CHXD 222	QL1A, Lợi Hải, Thuận Bắc
9	Cty TNHH TM&DV Thành Tâm Ninh Thuận	Trạm xăng dầu 27	QL1A, Gò Sạn, Bắc Phong, Thuận Bắc
10	Cty TNHH TM&XDầu Hội Thu	CHXD Hội Thu	QL1A, Suối Đá, Công Hải, Thuận Bắc
11	DNTN Xăng dầu Hữu Hùng	CHXD Bắc Sơn	Bình Nghĩa, Bắc Sơn, Thuận Bắc
12	Cty TNHH Phi Hồng Ninh Thuận	CHXD Phi Hồng 1	Ấn Đạt, Lợi Hải, Thuận Bắc
13	Công ty CP Trạm dừng chân Ninh Thuận	CHXD Trạm dừng chân Ninh Thuận	QL1A, Lợi Hải, Thuận Bắc
14	Công ty TNHH TM&DV Tường An Ninh Thuận	CHXD Tường An	QL1A Bắc Phong, Thuận Bắc

⇒ *Đánh giá chung:* Mạng lưới các cửa hàng kinh doanh xăng dầu được phân bố tại hầu khắp địa bàn các xã (tuy nhiên xã Phước Chiến, Phước Kháng là 2 xã miền núi chưa có), đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu thụ xăng dầu phục vụ sản xuất và đời sống dân cư.

❖ Dịch vụ:

- Hoạt động kinh doanh vận tải có nhiều tiến bộ, năng lực vận tải có bước tăng trưởng, chất lượng dịch vụ được nâng lên, hoạt động vận tải hành khách công cộng được mở rộng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hoá của nhân dân. Thị trường bất động sản tại huyện những năm gần đây được nhiều nhà đầu tư quan tâm, nhất là các khu dân.
- Tuy nhiên, mục tiêu thu hút các thành phần kinh tế đầu tư bến xe huyện và các điểm dừng chân và xây dựng các bến du lịch biển chưa thực hiện được; các hoạt động kinh doanh môi giới cung cấp các dịch vụ mua bán bất động sản chưa được hình thành.

e. Phát triển du lịch:

- Hoạt động du lịch bước đầu đã có sự chuyển biến, đã thu hút khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan các địa danh, thắng cảnh của huyện như: bãi biển Bình Tiên, Suối Tiên, Ba Hồ, Tháp Hòa Lai,...
- Huyện đã tập trung triển khai Nghị Quyết số 08-NQ/HU ngày 28/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển du lịch và thương mại giai đoạn 2021 - 2025 và định

hướng đến năm 2030, huyện đã tích cực phối hợp cùng các Sở ngành tỉnh tích cực kêu gọi các thành phần kinh tế đến tìm hiểu và đầu tư vào các khu du lịch của huyện. Trong giai đoạn 2021-2023, trên địa bàn huyện đã đưa vào hoạt động 02 dự án du lịch tại xã Công Hải (Dự án Khu du lịch Natural Paradise Ninh Thuận) và dự án Khu du lịch cộng đồng Núi Chúa tại xã Bắc Sơn; riêng dự án Khu du lịch Bình Tiên đã đưa vào hoạt động hạng mục sân golf. Lượng khách du lịch đến huyện ngày một tăng, giai đoạn 2021-2023, ước thu hút được 40.400 lượt khách đến tham quan, doanh số du lịch ước đạt 15,135 tỷ đồng.

- Công tác quản lý nhà nước về du lịch được đẩy mạnh, công tác phục dựng các lễ hội truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của các đồng bào Raglai, Chăm như: lễ Bỏ mả, lễ Ăn đầu lúa mới, lễ Cầu đảo, các sản phẩm gùi, nỏ, đàn chapi,... được quan tâm để tạo ra sản phẩm du lịch trong thời gian đến. Đã tổ chức xây dựng Đề án phát triển Du lịch cộng đồng tại xã Phước Chiến.

2.2. Tình hình phát triển đô thị và diêm dân cư nông thôn:

2.2.1. Hiện trạng phân bố dân cư:

Do đặc điểm về vị trí và địa hình, dân cư phân bố không đều. Khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, có điều kiện thuận lợi về giao thông, nguồn nước, đất sản xuất nông nghiệp thường tập trung dân cư, có mật độ dân số khá cao. Còn khu vực có địa hình phức tạp, chủ yếu là đất lâm nghiệp nên mật độ dân số khá thấp.

Mật độ dân số cao nhất là xã Bắc Phong (263,0 người/ km²), mật độ dân số thấp nhất là xã Phước Kháng (54,1 người/km²). (Theo Niên giám thống kê Huyện Thuận Bắc năm 2023)

- + Khu vực có mật độ thấp (200 – 500 người/km²): xã Lợi Hải, xã Bắc Phong.
- + Khu vực có mật độ thưa (100 – 200 người/ km²): xã Bắc Sơn, xã Công Hải.
- + Khu vực có mật độ rất thưa (< 100 người/km²): xã Phước Chiến, xã Phước Kháng.

Bảng 3 – Bảng thống kê hiện trạng dân số toàn huyện qua các năm

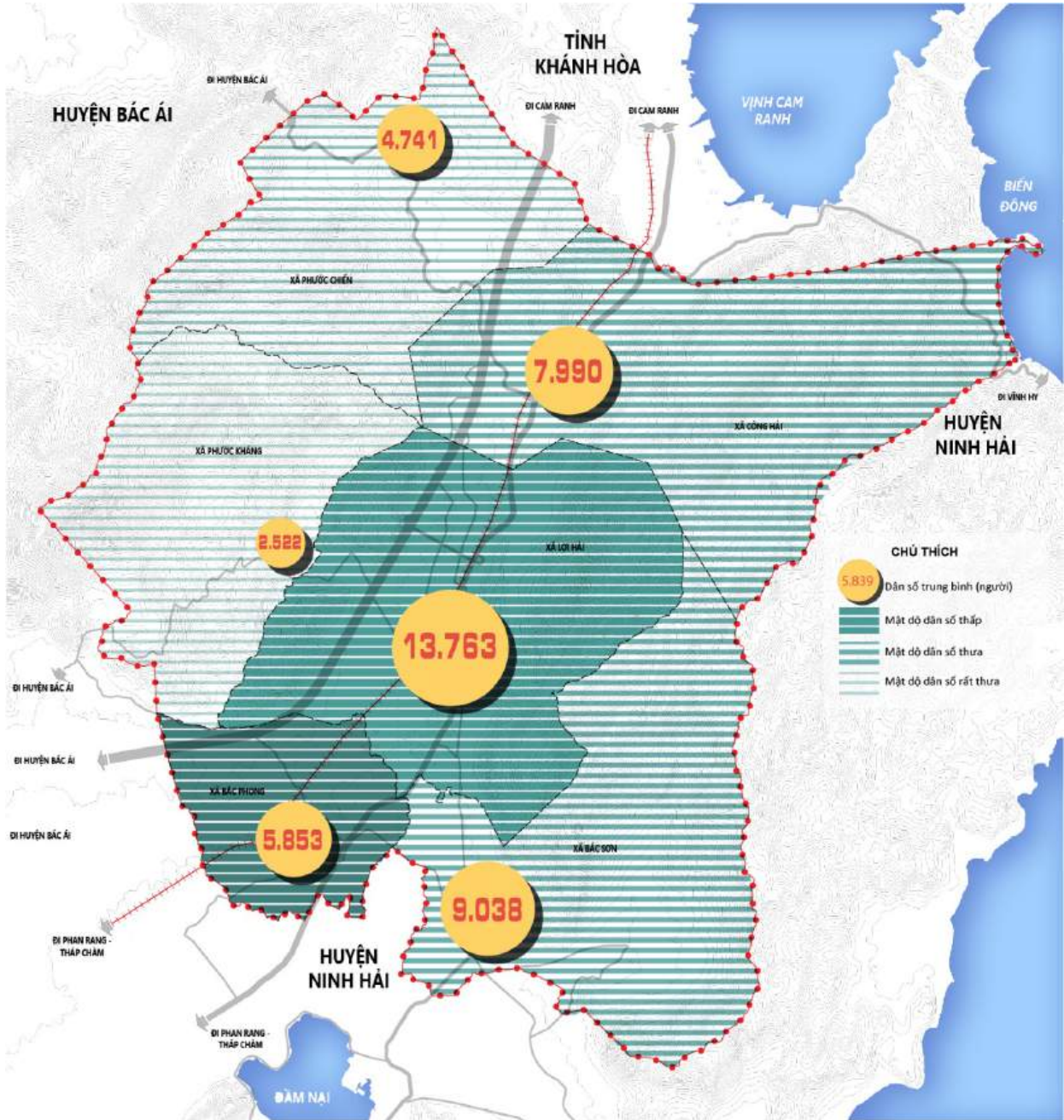
TT	Nội dung	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Dân số toàn huyện	người	42.968	43.354	43.553	43.632	43.805	43.907
	- Dân số đô thị	người	0	0	0	0	0	0
	- Dân số nông thôn	người	42.968	43.354	43.553	43.632	43.805	43.907
2	Tỷ lệ tăng TB:		1,61%	0,90%	0,46%	0,18%	0,40%	0,23%
	- Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	0,909%	0,913%	0,954%	1,328%	0,990%	-
	- Tỷ lệ tăng cơ học	%	0,697%	-0,015%	-0,495%	-1,147%	-0,594%	-

Bảng 4 – Bảng thống kê hiện trạng quy mô, dân số toàn huyện theo đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Mật độ dân số năm 2023 (người/km ²)	Dân số qua các năm (người)					
				2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Xã Phước Chiến	49,5	95,8	4.578	4.678	4.702	4.711	4.730	4.741
2	Xã Công Hải	74,79	106,8	8.181	7.889	7.927	7.941	7.972	7.990
3	Xã Phước Kháng	46,61	54,1	2.572	2.490	2.501	2.506	2.516	2.522

4	Xã Lợi Hải	68,35	201,3	12.778	13.584	13.652	13.677	13.731	13.763
5	Xã Bắc Sơn	62,29	145,1	8.865	8.933	8.965	8.981	9.017	9.038
6	Xã Bắc Phong	22,25	263,0	5.994	5.780	5.806	5.816	5.839	5.853
	Toàn huyện	323,79	135,6	42.968	43.354	43.553	43.632	43.805	43.907

(Theo Niên giám thống kê huyện Thuận Bắc năm 2023)



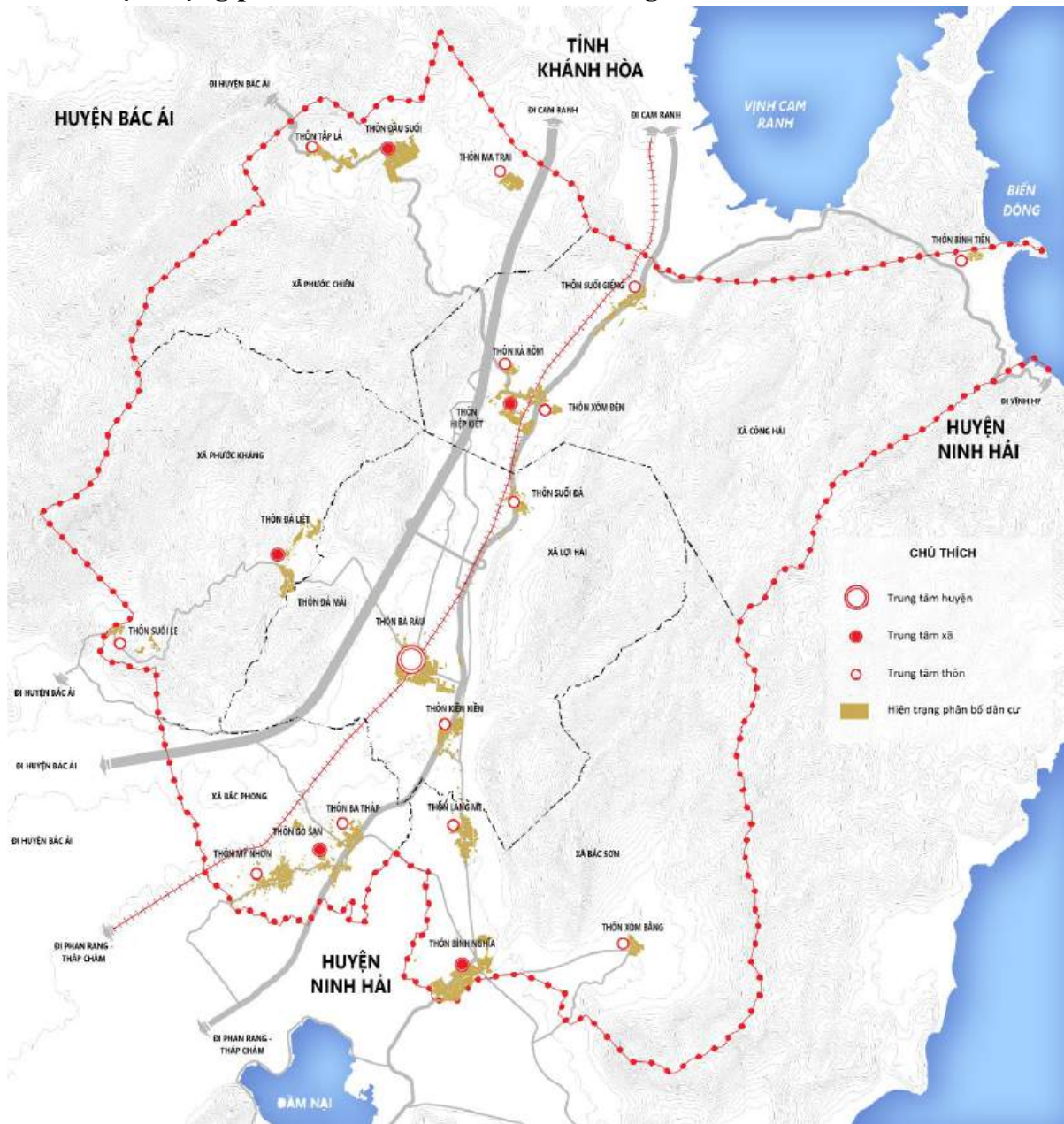
Hình 7 – Sơ đồ mật độ dân số và phân bố dân cư

2.2.2. Hiện trạng phát triển đô thị trong vùng:

- Huyện Thuận Bắc chưa có thị trấn huyện lỵ mà chỉ mới có trung tâm huyện nằm tại xã Lợi Hải. Hiện nay trong khu vực trung tâm huyện đã xây dựng một số công trình hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ khá khang trang. Tuy nhiên nhìn chung ít có công trình có quy mô lớn và hình thức kiến trúc đẹp, nhà ở chủ yếu thấp tầng, hệ số sử dụng đất chưa cao.

- Trung tâm huyện có quốc lộ 1, đường sắt Bắc – Nam chạy qua, tỉnh lộ 706 nối với quốc lộ 27B từ Cam Ranh đi Bắc Ái – Ninh Sơn – Đà Lạt, tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

2.2.3. Hiện trạng phát triển các điểm dân cư nông thôn:



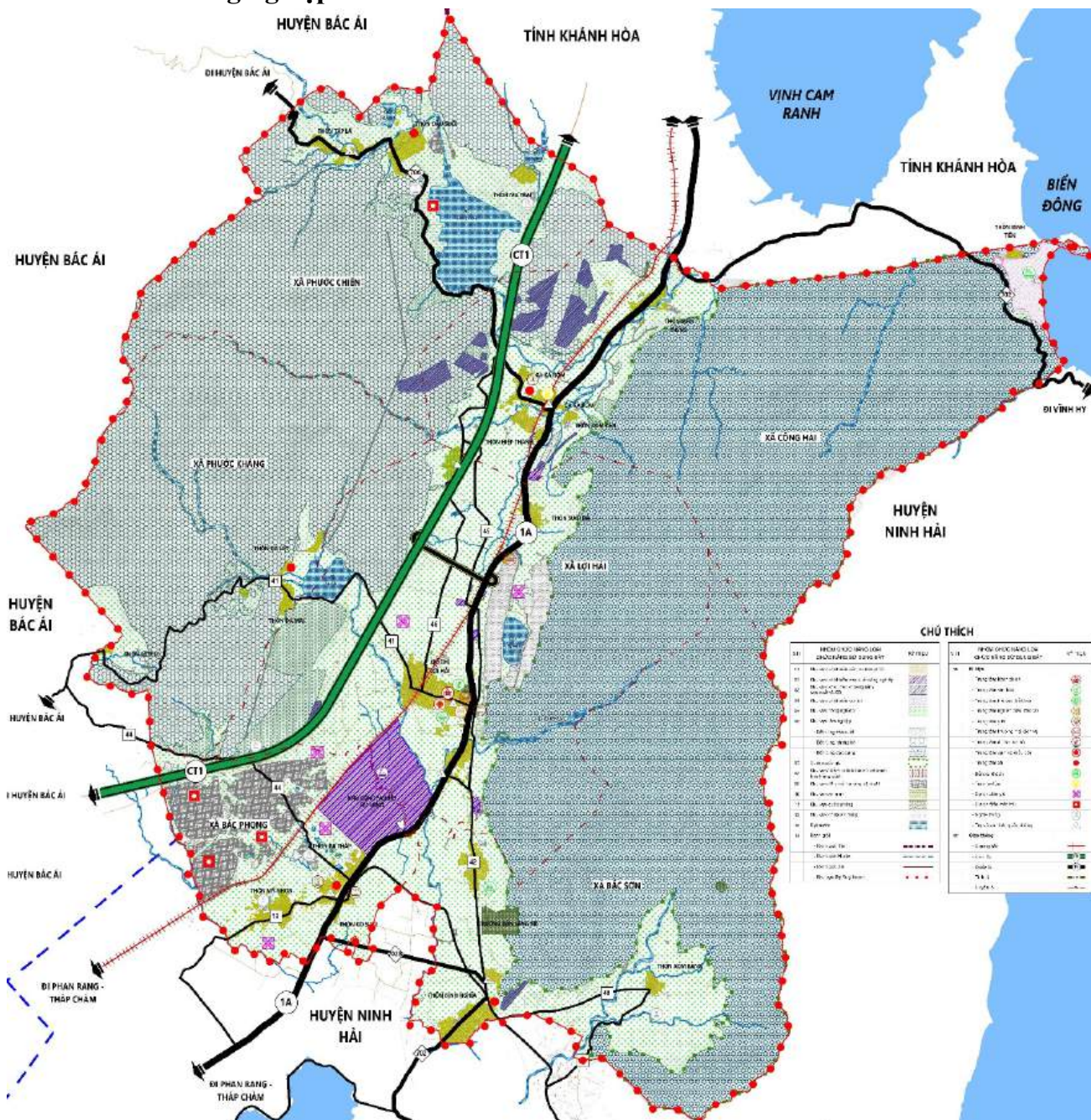
Hình 8 – Sơ đồ hiện trạng phân bố các điểm dân cư trên Huyện Thuận Bắc

- Hệ thống dân cư nông thôn phân bố không đều, mật độ dân số trung bình khoảng 50 - 270 người/km². Các khu dân cư nông thôn hiện nay phần lớn phát triển theo hướng tập trung tạo thành các điểm dân cư lớn tại khu trung tâm các xã hoặc dọc theo các trục đường giao thông liên xã, liên thôn nên việc đáp ứng các nhu cầu về điện, nước, giáo dục, y tế,...
- Tại các trung tâm xã đã xây dựng một số các công trình hành chính, trạm y tế, trường học, nhà văn hóa, bưu điện, chợ, nhưng chất lượng còn chưa cao.

- Trong khu dân cư chia thành nhiều thôn, xóm. Việc phát triển dân cư mang tính tự phát, chưa có sự quản lý chặt chẽ. Cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật rất yếu kém, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn.
- Ngành nghề chủ yếu là thương mại dịch vụ, buôn bán nhỏ, sản xuất nông lâm nghiệp,... các điểm dân cư ven biển với nghề đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản.
- Dân cư tại các xã miền núi phát triển thành các điểm dân cư phân tán, mỗi điểm từ 10-15 hộ, phân bố chủ yếu trong các vùng sản xuất lâm nghiệp.

2.3. Hiện trạng sử dụng đất:

2.3.1. Đất nông nghiệp:



Hình 9 – Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện Thuận Bắc

- Đến 31/12/2023, diện tích đất nông nghiệp phân bố trên địa bàn Thuận Bắc là 28.185,18ha, chiếm 87,05% diện tích tự nhiên, trong đó, đất rừng đặc dụng có diện tích lớn nhất 11.860,23 ha chiếm khoảng 33,63% diện tích đất tự nhiên của huyện.
- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ động nước đạt 59%. Huyện đã tập trung xây dựng, phát triển các vùng sản xuất tập trung với một số cây trồng chủ lực đó là lúa, bắp lai, đậu xanh, mè, nha đam, măng tây, măng cầu,...

2.3.2. Đất phi nông nghiệp:

- Năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp phân bố trên địa bàn Thuận Bắc là 3.803,39 ha, chiếm 11,75% diện tích tự nhiên, trong đó:
 - + Đất quốc phòng chiếm tỉ trọng 0,23% với diện tích 75,33 ha
 - + Đất thương mại - dịch vụ chiếm tỉ trọng 0,21% với diện tích 68,89 ha
 - + Đất hạ tầng xã hội chiếm tỉ trọng 1,21% với diện tích 393,33 ha
 - + Đất phát triển du lịch chiếm tỉ trọng 0,43% với diện tích 137,81 ha
 - + Đất công nghiệp, sản xuất phi nông nghiệp chiếm tỉ trọng 1,41% với diện tích 455,17 ha
 - + Đất khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng chiếm tỉ trọng 0,78% với diện tích 251,02 ha
 - + Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật chiếm tỉ trọng 1,80% với diện tích 584,44 ha
 - + Đất giao thông chiếm tỉ trọng 3,14% với diện tích 1016,17 ha.
 - + Đất an ninh chiếm tỉ trọng thấp nhất 0,08% với diện tích 25,11 ha

TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Trụ sở Công an huyện Thuận Bắc	2,9157	Hiện trạng
2	Trại tạm giam Công an tỉnh	21,4487	Hiện trạng
3	Trạm kiểm soát giao thông 15/1	1,0305	Hiện trạng
4	Công an xã Lợi Hải	0,1307	Hiện trạng
5	Công an xã Bắc Sơn	0,2499	Hiện trạng
6	Công an xã Bắc Phong	0,1490	Hiện trạng
7	Công an xã Công Hải	0,2253	Hiện trạng
8	Công an xã Phước Chiến	0,1256	Hiện trạng
9	Công an xã Phước Kháng	0,3141	Hiện trạng

2.3.3. Đất chưa sử dụng:

- Năm 2023, diện tích đất chưa sử dụng phân bố trên địa bàn Thuận Bắc là 390,90 ha, chiếm 1,21% diện tích tự nhiên.

Bảng 5 – Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất huyện Thuận Bắc đến 31/12/2023

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
A	Đất nông nghiệp	28.185,17	87,05%
1	Đất sản xuất nông nghiệp	6.787,36	20,96%

2	Đất lâm nghiệp có rừng	21.397,81	66,08%
+	Đất rừng sản xuất	806,26	2,49%
+	Đất rừng phòng hộ	8.731,32	26,97%
+	Đất rừng đặc dụng	11.860,23	36,63%
B	Đất phi nông nghiệp	3.803,39	11,75%
3	Đất ở	432,64	1,34%
+	Đất ở đô thị	-	0,00%
+	Đất ở nông thôn	432,64	1,34%
4	Đất chuyên dùng	3.007,27	9,29%
+	Đất an ninh	25,11	0,08%
+	Đất quốc phòng	75,33	0,23%
+	Đất thương mại - dịch vụ	68,89	0,21%
+	Đất hạ tầng xã hội	393,33	1,21%
+	Đất phát triển du lịch	137,81	0,43%
+	Đất công nghiệp, sản xuất phi nông nghiệp	455,17	1,41%
+	Đất khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	251,02	0,78%
+	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	584,44	1,80%
+	Đất giao thông	1.016,17	3,14%
5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	308,09	0,95%
6	Đất nghĩa trang	50,94	0,16%
7	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	4,45	0,01%
8	Đất phi nông nghiệp khác	-	0,00%
C	Khu vực chưa sử dụng	390,90	1,21%
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		32.379,47	100,00%

(Nguồn: Báo cáo thuyết minh kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Thuận Bắc)

2.4. Hiện trạng hạ tầng xã hội:

2.4.1. Nhà ở:

a. Hình thái phát triển:

- Huyện Thuận Bắc hình thành và phát triển các khu dân cư tập trung tại trung tâm huyện (xã Lợi Hải) và trung tâm các xã, dọc theo các trục quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đường liên xã.
- Nhà ở riêng lẻ chủ yếu do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trong các khu dân cư hiện hữu, chỉnh trang khu dân cư và trong các khu đô thị, khu dân cư mới được hình thành.
- Nhà ở nông thôn phát triển thành cụm dọc theo các trục giao thông, chủ yếu là nhà cấp 4 và nhà tạm, kết hợp với đất sản xuất.
- Nhìn chung nhà ở xây dựng tự phát, chất lượng thấp, thiếu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hình thức kiến trúc chưa đảm bảo về mỹ quan.

b. Thực tế phát triển:

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có quỹ nhà ở công vụ cho các đối tượng thuộc diện ở nhà công vụ theo quy định của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 (như cán bộ, công chức của các

ơ quan Đảng, Nhà nước thuộc diện điều động, luân chuyển công tác). Tuy nhiên, nhà ở công vụ cho cán bộ giáo viên miền núi, vùng sâu, vùng xa cũng đã bố trí.

- Trong giai đoạn 2016-2020 Huyện đã hỗ trợ xây mới 240 căn nhà, với tổng số kinh phí là 7.356 triệu đồng và sửa chữa 327 căn nhà bị hư hỏng cho các hộ nghèo. Xây mới 79 phòng học và nhà công vụ cho 03 xã Phước Kháng, Phước Chiến, Bắc Sơn.

Bảng 6 – Bảng thống kê hiện trạng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện Thuận Bắc

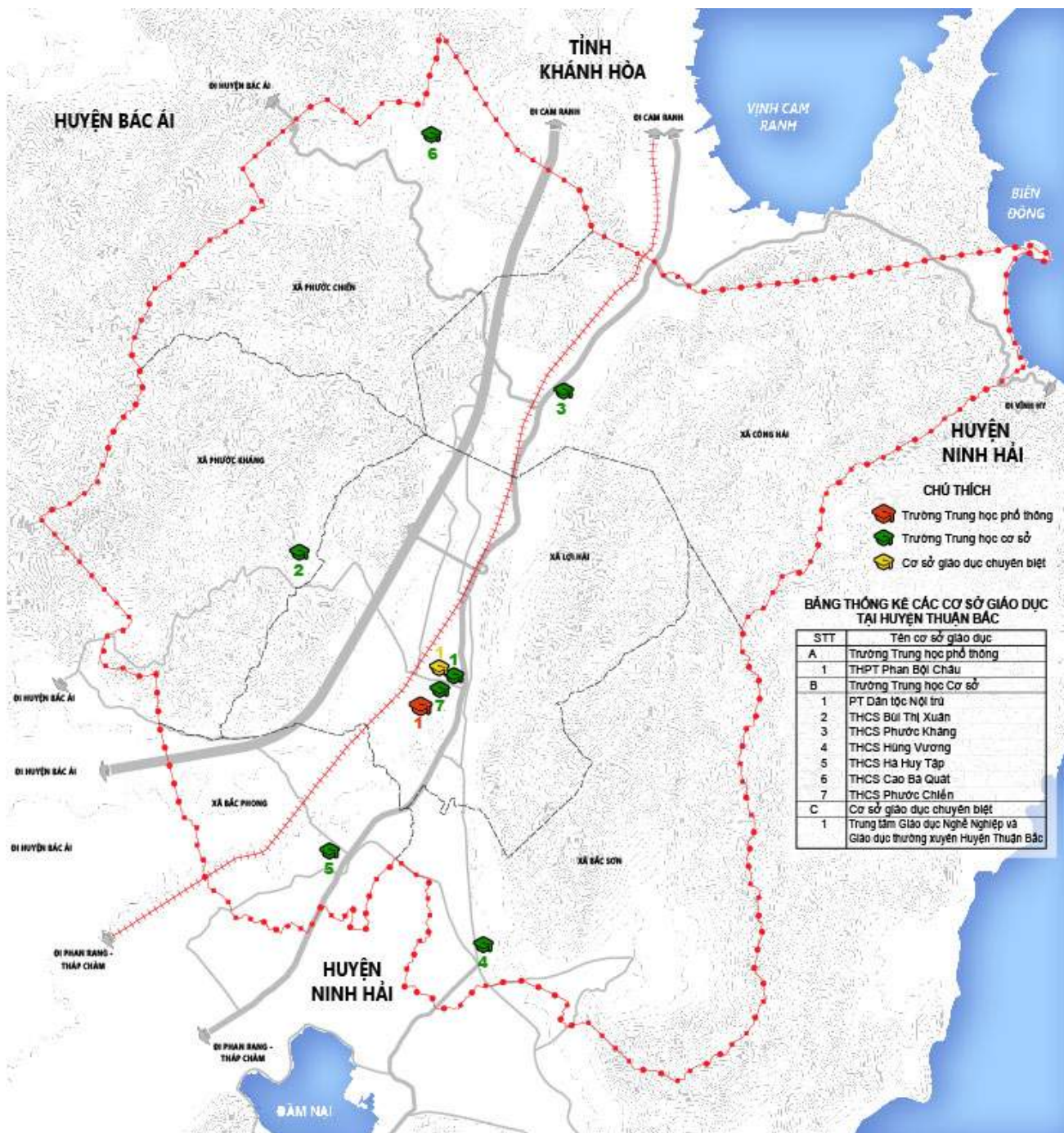
STT	Địa phương	Đô thị		Nông thôn		Tổng	
		Số căn	DT sàn (m ²)	Số căn	DT sàn (m ²)	Số căn	DT sàn (m ²)
1	Huyện Thuận Bắc	-	-	10.425	560.595	10.425	540.595

(Nguồn: Theo Nghiên cứu đề xuất phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển KH-XH, kết cấu hạ tầng KT-XH trên địa bàn Huyện Thuận Bắc 2021-2030, tầm nhìn 2025)

2.4.2. Hệ thống giáo dục – đào tạo:

Bảng 7 – Bảng thống kê các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Thuận Bắc

STT	XÃ	TÊN TRƯỜNG	DIỆN TÍCH (m ²)
A	Trường Trung học Phổ thông		
1	Lợi Hải	Trường THPT Phan Bội Châu	16.543,04
B	Trường Trung học Cơ sở		
1	Lợi Hải	Trường THCS Bùi Thị Xuân	9.345,01
2	Phước Kháng	Trường THCS Phước Kháng	4.654,29
3	Công Hải	Trường THCS Hùng Vương	4.024,20
4	Bắc Sơn	Trường THCS Hà Huy Tập	21.407,66
5	Bắc Phong	Trường THCS Cao Bá Quát	29.047,40
6	Phước Chiến	Trường THCS Phước Chiến	11.351,80
7	Lợi Hải	Trường Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Thuận Bắc	19.634,06
C	Cơ sở giáo dục khác		
1	Lợi Hải	Trung Tâm Giáo Dục Nghề Nghiệp Và Giáo Dục Thường Xuyên Huyện Thuận Bắc	16,210.44



Hình 10 – Sơ đồ hiện trạng hệ thống công trình giáo dục – đào tạo tại Huyện Thuận Bắc

- Toàn huyện có 01 Trung tâm bồi dưỡng chính trị, 01 trường trung học phổ thông, 04 trường trung học cơ sở, 03 trường tiểu học và trung học cơ sở.
- Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/HU của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ngày 27/12/2021 về nâng cao dân trí trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện. Qua đó, đã tạo sự chuyển biến rõ rệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.
- Xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện theo Chương trình giáo dục phổ thông mới tạo chuyển biến toàn diện, vững chắc về quy mô, chất lượng ở tất cả các

cấp học, ngành học, thực học, thực nghiệp gắn với khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của huyện theo thị trường lao động và nhu cầu học tập của nhân dân trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).

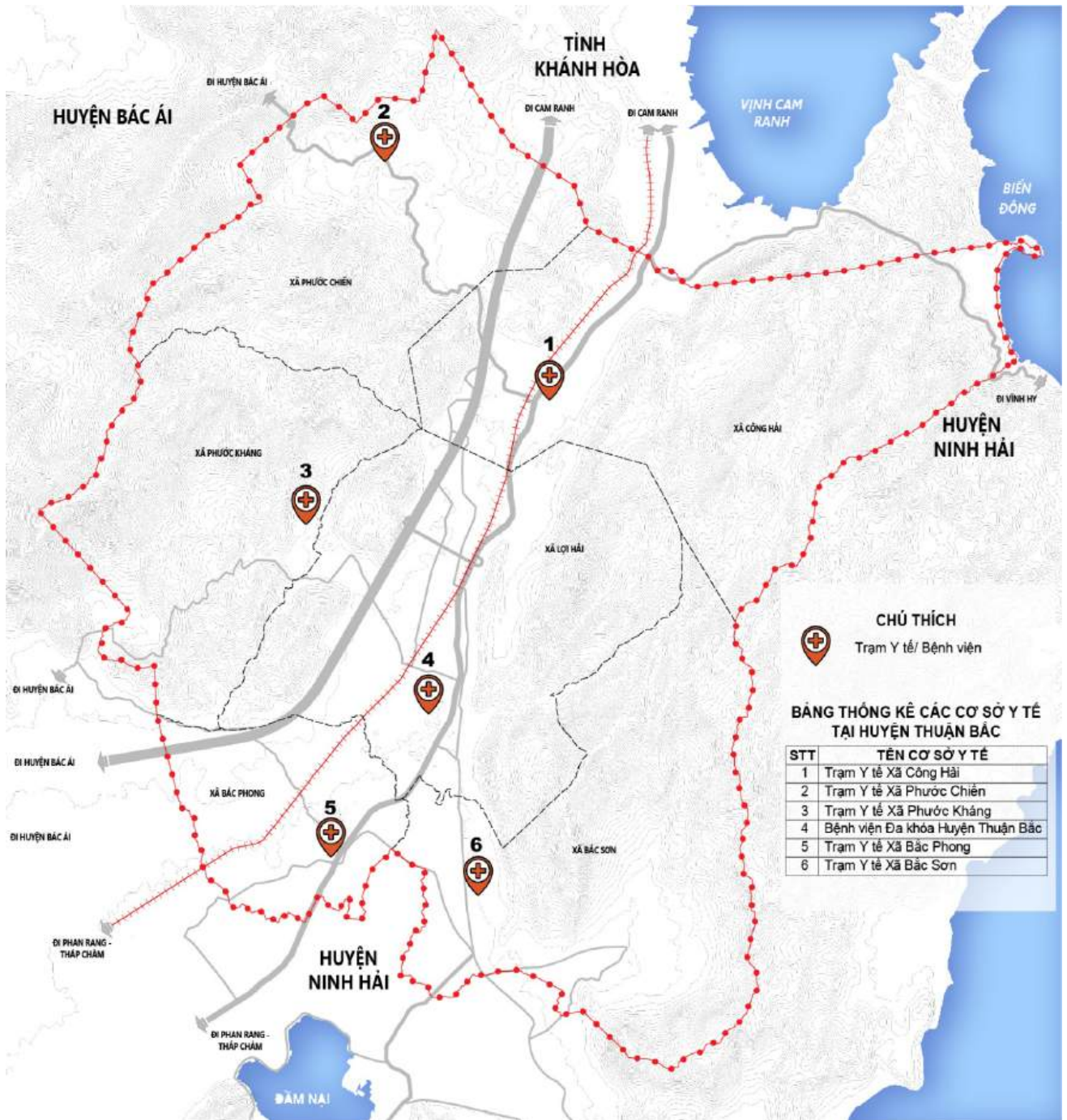
- Chất lượng giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, số lượng học sinh các cấp đều tăng, số học sinh bỏ học giảm, tỷ lệ học sinh khá giỏi hàng năm tăng, chất lượng phong trào mũi nhọn được nâng cao, chất lượng học sinh từ trung bình trở lên có sự chuyển biến rõ nét và thực chất hơn, tỷ lệ lên lớp thẳng ở các cấp học từng bước được nâng lên; trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên từng bước được chuẩn hóa. Tuy nhiên chất lượng giáo dục chưa đồng đều, nhất là vùng miền núi; tình hình học sinh bỏ học giữa chừng chưa được khắc phục triệt để (nhất là sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán).
- Đến nay có 13 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% so với nghị quyết; 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên; có 83% học sinh Tiểu học được học 02 buổi/ngày, vượt 18% so với Nghị quyết.
- Tiếp tục duy trì kết quả đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở 6/6 xã. Cơ sở vật chất trường học được đầu tư mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học; đã tổ chức thành lập 03 trường liên cấp⁽³⁾. Công tác khuyến học, khuyến tài được chú trọng, đã vận động quỹ khuyến học để hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện đến trường.

2.4.3. Hệ thống y tế:

- Hiện trạng trên toàn huyện Thuận Bắc có 06 cơ sở y tế bao gồm: bệnh viện đa khoa huyện Thuận Bắc và trạm y tế tại 5 xã (Công Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn, Phước Chiến, Phước Kháng).

STT	Tên cơ sở y tế	Vị trí
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Bắc	Xã Lợi Hải
3	Trạm y tế xã Công Hải	Xã Công Hải
4	Trạm y tế xã Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn
5	Trạm y tế xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong
6	Trạm y tế xã Phước Chiến	Xã Phước Chiến
7	Trạm y tế xã Phước Kháng	Xã Phước Kháng

⁽³⁾ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phước Kháng (trên cơ sở sáp nhập Trường TH Phước Kháng và Trường THCS Phước Kháng); Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hà Huy Tập (trên cơ sở sáp nhập Trường TH Láng Me và Trường THCS Hà Huy Tập) và Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phước Chiến (trên cơ sở sáp nhập Trường TH Phước Chiến và Trường THCS Phước Chiến).



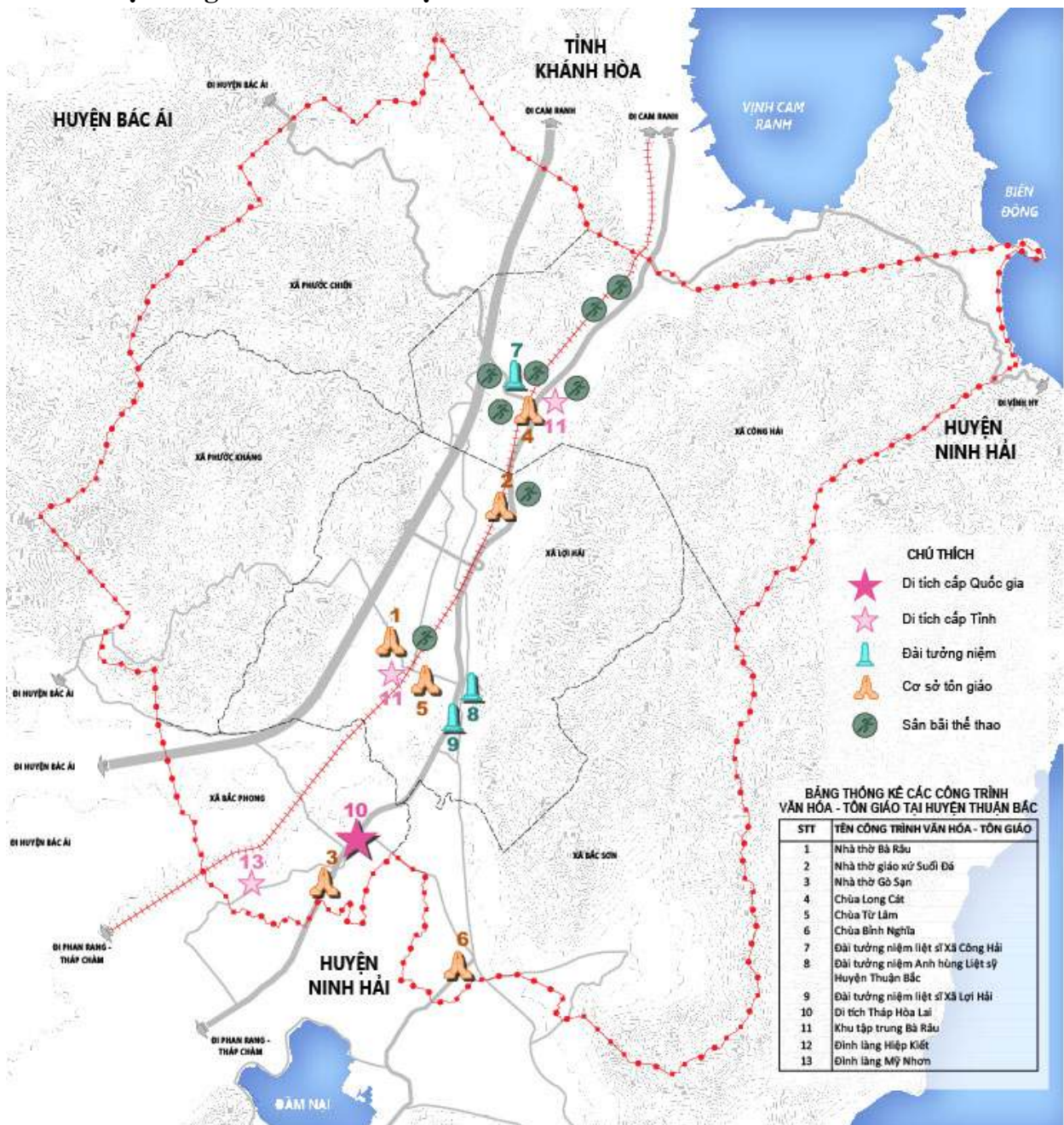
Hình 11 – Sơ đồ hiện trạng hệ thống công trình y tế

- Sau tình hình dịch Covid-19 vừa qua, huyện đã chủ động xây dựng Kế hoạch để chỉ đạo các ngành, địa phương tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh; tập trung chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, vật tư y tế để ứng phó với dịch bệnh, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên.
- Công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân được chú trọng, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế theo hướng đạt chuẩn Quốc gia. Trình độ chuyên môn được nâng lên (*hiện huyện có 3,8 bác sỹ/1 vạn dân*), bước đầu đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, hạn chế việc chuyển tuyến, tăng dần điều trị nội trú (*đạt 12 giường bệnh/1 vạn dân*). Triển khai tốt công tác khám và điều trị bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi, bình quân

hàng năm có 98% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em (thể thấp còi) giảm còn 21,4%.

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được tăng cường. Phối hợp với BHXH tuyên truyền các chính sách về BHYT cũng như quyền lợi của người khám chữa bệnh BHYT để nhân dân duy trì và tham gia các loại hình bảo hiểm, tỷ lệ người tham gia BHYT hàng năm đều tăng, dự kiến cuối năm 2023 đạt 96%. Hoạt động truyền thông dân số được đẩy mạnh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm giảm 0,2%.
- Chất lượng khám chữa bệnh tuy có được nâng lên nhưng chưa đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật có lúc, có nơi vẫn còn hạn chế.

2.4.4. Hệ thống văn hóa – thể dục thể thao:



Hình 12 – Sơ đồ hiện trạng hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao

- Các hoạt động văn hóa được duy trì và từng bước phát triển, được quần chúng nhiệt tình tham gia. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được mở rộng và có tác dụng tích cực trong đời sống xã hội.
- Toàn huyện Thuận Bắc có 13 công trình văn hóa – tôn giáo mang dấu ấn đặc trưng của địa phương phân bố chủ yếu dọc tuyến đường QL1A. UBND huyện đã ban hành các văn bản liên quan đến việc áp dụng pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Các văn bản được ban hành luôn đảm bảo kịp thời, đầy đủ nhằm đưa văn bản áp dụng vào công tác quản lý nhà nước về công tác tôn giáo mang lại nhiều hiệu quả. Các hoạt động tôn giáo trên địa bàn đều tuân thủ các quy định và theo chương trình đã đăng ký.
- Tổ chức duy trì 31/31 thôn văn hóa, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc từng bước phát huy, củng cố an ninh trật tự ổn định, hoạt động văn nghệ luôn được quan tâm, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ nét.
- Hoạt động thông tin, phát thanh và truyền thanh có chuyển biến tích cực, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị và đáp ứng được nhu cầu văn hóa tinh thần cho nhân dân.
- Trong những năm qua các công trình văn hóa đã được xây dựng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân trong huyện. Mỗi xã đều có công trình văn hóa cấp xã, tuy nhiên chưa có công trình văn hóa – TDTT cấp huyện.
- Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống trong cộng đồng các dân tộc được triển khai sâu rộng. Trên địa bàn huyện có 02 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã được Bộ VH-TT&DL xếp hạng: “Lễ Bỏ mã của người Raglai tỉnh Ninh Thuận” và “Nghỉ lễ đầu năm của người Chăm ở làng Bình Nghĩa”, và 01 Di tích cấp Quốc gia đặc biệt (Tháp Hòa Lai); 03 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh là Khu tập trung Bà Râu; Đình làng Hiệp Kiệt; Đình làng Mỹ Nhơn.
- Huyện chỉ mới có các sân bãi phục vụ cho mục đích thể dục thể thao và chưa có các công trình thể dục thể thao hoàn chỉnh. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đã có sự đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng với nhu cầu tập luyện.

Bảng 8 – Bảng thống kê các di tích và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện

TT	TÊN DI TÍCH/ DI SẢN	ĐỊA CHỈ	LOẠI HÌNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY CẤP	XẾP LOẠI
A	DI TÍCH					
1	Tháp Hòa Lai	Bắc Phong- Thuận Bắc	Kiến trúc nghệ thuật	04/2001/QĐ - BVHTT	19/01/2001	Di tích Quốc gia đặc biệt
2	Đình Hiệp Kiệt	Công Hải - Thuận Bắc	Kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng	6782/QĐ - UBND	14/11/2008	Di tích cấp Tỉnh
3	Khu tập trung Bà Râu	Lợi Hải, Thuận Bắc	Lịch sử cách mạng	83/QĐ- UBND	16/01/2018	Di tích cấp Tỉnh
4	Đình Mỹ Nhơn	Bắc Phong, Thuận Bắc	Kiến trúc nghệ thuật	1672/ QĐ- UBND	11/10/2019	Di tích cấp Tỉnh
B	DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ					
1	Lễ Bỏ mã của người Raglai tỉnh Ninh Thuận	Phước Chiến, Thuận Bắc	Tập quán xã hội	4609/QĐ- BVHTTDL	30/10/2018	DSVHPVT cấp Quốc gia

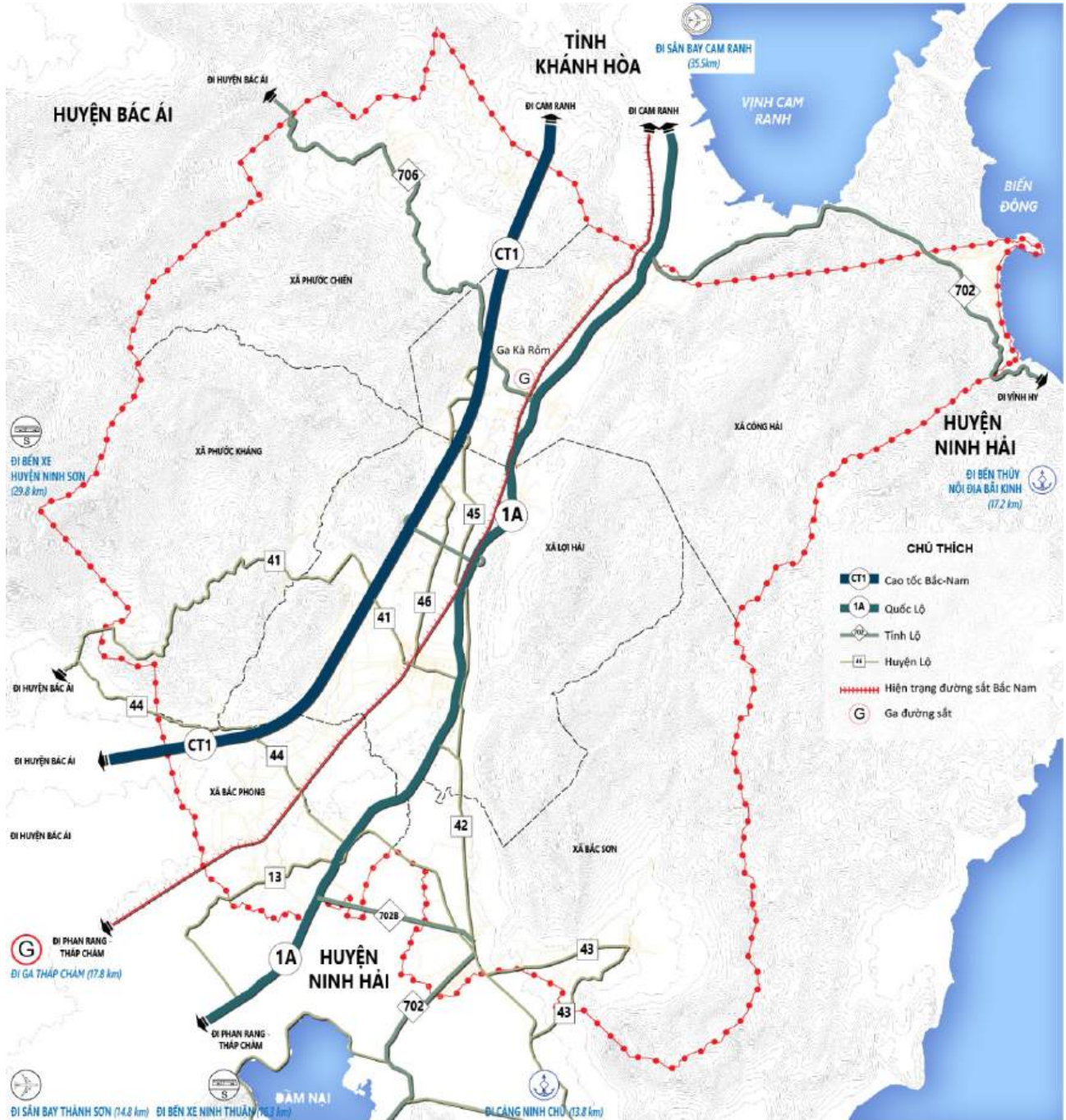
2	Nghi lễ đầu năm của người Chăm ở làng Bình Nghĩa	Bắc Sơn, Thuận Bắc	Nghi lễ truyền thống	606/QĐ-BVHTTDL	03/02/2021	DSVHPVT cấp Quốc gia
---	--	--------------------	----------------------	----------------	------------	----------------------

2.4.5. Ứng dụng khoa học công nghệ:

- Tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, chủ yếu trên các lĩnh vực khoa học ứng dụng phục vụ sản xuất và đời sống .
- Triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 87-KH/HU ngày 24/01/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; phấn đấu đến năm 2025 đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, điều hành của Nhà nước, tiến tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết của huyện đề ra và đến năm 2030 huyện Thuận Bắc cơ bản hoàn thiện và nâng cao các chỉ số.
- Tiếp tục triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp như mô hình “1 phải 05 giảm” trên cây lúa, mô hình trồng cây măng cầu, nha đam, xây dựng cánh đồng mẫu lớn,...
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước luôn được tăng cường như: tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động trang thông tin điện tử huyện; phần mềm quản lý TDoffice tại các cơ quan thuộc UBND huyện và đến cấp xã tiếp tục được khai thác và sử dụng dụng tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng điều hành công việc của huyện, xã,...

2.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

2.5.1. Giao thông:



Hình 13 – Sơ đồ hiện trạng giao thông huyện Thuận Bắc

Huyện Thuận Bắc thuận lợi về giao thông, trên địa bàn huyện phát triển với 2 loại hình giao thông: đường sắt và đường bộ. Tổng diện tích đất giao thông của Thuận Bắc có 492,99ha, chiếm 1,52% diện tích tự nhiên. Giao thông đường sắt: Đường sắt Bắc-Nam qua địa bàn, dài 19,58 km.

- Giao thông đường bộ: Theo báo cáo Điều chỉnh bổ sung Quy hoạch các tuyến đường giao thông trong quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận năm 2011-2020, định hướng đến năm 2030, Tổng chiều dài đường bộ các cấp trên địa bàn huyện là 104,271km.

- Các tuyến đường chính quan trọng trên địa bàn huyện:
 - + Quốc lộ 1 dài 20km, chiều rộng trung bình 30m. Nâng cấp QL1 đoạn Phan Rang – sân bay Cam Ranh chạy qua trung tâm huyện Thuận Bắc. Đoạn qua huyện Bn = 24m; chiều rộng mặt đường $2(2 \times 3,5)=14\text{m}$; dải an toàn $2 \times 0,5 = 1\text{m}$; dải phân cách giữa 3m; lề đường $2 \times 2,5 = 5\text{m}$; lề đất $2 \times 0,5 = 1\text{m}$.
 - + Đã hoàn thiện và đưa vào vận hành tuyến đường bộ cao tốc Bắc-Nam chạy qua tỉnh và huyện Thuận Bắc.
 - + Đường tỉnh 702 (đường ven biển): dài khoảng 6,85km; nền đường 12m, rộng 7m.
 - + Đường tỉnh 706 (Công Hải - Phước Chiến): dài 10 km; nền đường từ 7-8m, mặt đường rộng 5m.
 - + Đường Lợi Hải - Phước Kháng (ĐH.41): dài 8,66km, rộng từ 6,0m đến 30,0m.
 - + Đường Kiên Kiên - Bình Nghĩa (ĐH.42): dài 7km, rộng 9,0m; mặt rộng 6,0m.
 - + Tuyến Bình Nghĩa - Xóm Bằng (ĐH.43): dài 3,914km, rộng 6m.
 - + Đường Ba Tháp – Suối Le – Phước Kháng (ĐH.44): dài toàn tuyến 17,077km; hiện trạng đường có 1,2km bê tông xin măng; còn lại là đường đất.
- Thời kỳ 2011-2020 nâng cấp đường liên thôn và nội thôn thuộc 6 xã, tổng chiều dài 52,45 km, đạt tiêu chuẩn đường loại A NT, nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m trải BTXM.
- Giao thông nội thị Lợi Hải nhìn chung khá hoàn chỉnh, cấu trúc theo dạng ô cờ, có lộ giới từ 6,0-30m, kết cấu bê tông nhựa. Đường khu trung tâm hành chính – thương mại huyện đã đầu tư hoàn chỉnh một số tuyến đường chính D2, N4.1, N4.2, N3, N3a, xây dựng nền đường các tuyến N2, N2.1, D1, N5, N6, N7, mặt đường betong nhựa, vỉa hè betong xi măng hoặc lát gạch.

2.5.2. Thủy lợi:

- Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện khá nhiều, nhưng phần lớn là nhỏ, độ dốc cao, có một số sông suối, hồ đập chính như:
 - + Hồ Sông Trâu: dung tích chứa 31,5 triệu m^3 , diện tích tưới thiết kế cho 3.000ha.
 - + Hồ Bà Râu: dung tích chứa 4,7 triệu m^3 , phục vụ sản xuất nông nghiệp.
 - + Hệ thống Kênh mương cấp 2, 3 thủy lợi hồ Sông Trâu tại các xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn (với tổng chiều dài 38.444m, tưới cho 1.861 ha).
 - + Hồ Ba Chi: dung tích chứa 480.000 m^3 ; diện tích tưới thiết kế cho 40ha.
 - + Hồ Ma Trai: dung tích chứa 460.000 m^3 , diện tích tưới thiết kế cho 40ha.
 - + Đập Kiên Kiên với dung tích chứa 1,3 triệu m^3 , tưới cho khoảng 20ha.
 - + Hệ thống kênh mương đập dâng Ba Hồ tại 02 xã Công Hải và Lợi Hải (với tổng chiều dài 5.294m, tưới cho 100ha).
- Ngoài ra, còn có một số hệ thống Kênh mương thủy lợi, suối, hồ đập vừa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, vừa có tiềm năng để khai thác và phát triển du lịch: Kênh mương đập Suối Tiên tại xã Công Hải. Hệ thống thủy lợi đập Suối Bay tại xã Công Hải. Kênh mương đập Tà Cú, Đập Bà Rọ tại xã Bắc Sơn. Hệ thống kênh của Trạm bơm Mỹ Nhơn tại xã Bắc Phong.
- Tổng diện tích đất thủy lợi của Thuận Bắc có 807,86 ha, chiếm 2,49% diện tích tự nhiên. Những năm qua huyện rất chú trọng đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi, trong đó

có các công trình như hồ Bà Râu, trạm bơm Mỹ Nhơn, trạm Bơm Lợi Hải... Nhờ đó mà diện tích canh tác được tưới chủ động tăng nhanh, năng suất cây trồng và sản lượng lương thực được nâng cao rõ rệt.

Giai đoạn 2011-2015 nâng cấp kiên cố hoá các công trình hiện có, phát huy năng lực tưới ổn định 3.420 ha lúa. Trong đó:

- Kiên cố hoá kênh cấp II, cấp III hệ thống thủy lợi Sông Trâu và kênh Bắc Nha Trinh. Tổng chiều dài kênh cấp II là 6,9km, kênh cấp III là 53,4km. Ổn định diện tích hệ thống Sông Trâu 2.478 ha, hệ thống kênh Bắc 522 ha lúa.
- Nâng cấp, kiên cố hoá đập đầu mối và kênh mương các công trình thủy lợi nhỏ, để ổn định diện tích tưới 420 ha lúa.
- Giai đoạn 2011-2015 xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, năng lực tưới 628 ha lúa màu. Gồm có: Hồ Bà Râu (Phước Kháng): tưới 300 ha, đang thi công từ cuối năm 2009; hồ Suối Đá (Lợi Hải) tưới 36 ha; hồ Kiên Kiên (Lợi Hải) tưới 30 ha; hồ Bình Tiên (Công Hải) tưới 3 ha và cung cấp nước sinh hoạt 1000 m³/ngày đếm cho khu du lịch Bình Tiên; trạm bơm điện Mỹ Nhơn (Bắc Phong) tưới 250 ha; đập Đá Liệt (Phước Kháng) tưới 10 ha; Đập U Huy, đập U Góc (Phước Chiến) tưới 25 ha; hồ Suối Muôn (Phước Chiến) tưới 15-20 ha. Đến năm 2020 trên địa bàn huyện có tổng số 34 công trình, tổng năng lực thiết kế 4.823 ha, khả năng tưới thực tế 3.933 ha lúa màu.
- Giai đoạn 2016 -2020 Đã đầu tư xây mới 02 công trình hệ thống thủy lợi U Góc và Suối Câu xã Phước Chiến nhằm chủ động cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất từ một đến hai vụ/năm cho 105,95ha đất sản xuất nông nghiệp, bao gồm khu vực Suối Câu (32,51 ha) và khu vực Suối U Góc (73,44 ha).

2.5.3. Cấp điện và năng lượng:

- Nguồn cấp điện hiện nay trên địa bàn huyện Thuận Bắc: Hiện hữu được lấy từ Trạm biến áp 110kV Ninh Hải.
- Các trạm biến áp 110kV trên địa bàn huyện:
 - + Trạm biến áp 110kV Du Long đang triển khai thi công.
 - + Trạm biến áp 110kV Thuận Bắc.
- Trạm biến áp 220kV đang vận hành trên địa bàn huyện: Có 01 trạm biến áp đang vận hành Trạm biến áp 220kV Thám Chàm, công suất MBA 2x250MVA.
- Quy mô hiện trạng và phát triển nguồn điện trên địa bàn huyện Thuận Bắc:
 - + Tổng công suất tích lũy đến năm 2030 là 818,3 MW.
 - + Tổng công suất vận hành thương mại 728 MW (có 04 nhà máy điện mặt trời, công suất 484 MW và 04 nhà máy điện gió, công suất 243,73 MW).
- Lưới điện phục vụ phụ tải toàn huyện Thuận Bắc hiện nay được đầu tư và khai thác như sau:

Liệt kê	Đơn vị tính	Tài sản điện lực	Tài sản khách hàng	Tổng cộng
Đường dây trung áp	Km	101,155	49,741	150,896
Trạm biến áp/dung lượng	Trạm/kVA	108/14.688	176/82.943	283/96.378
Đường dây hạ áp	Km	75,155	0,443	75,598

– Các dự án điện gió đang hoạt động:

*Bảng thống kê các dự án điện gió đang vận hành tại huyện Thuận Bắc đến tháng 03/2021
(Nguồn⁴ Sở Công Thương).*

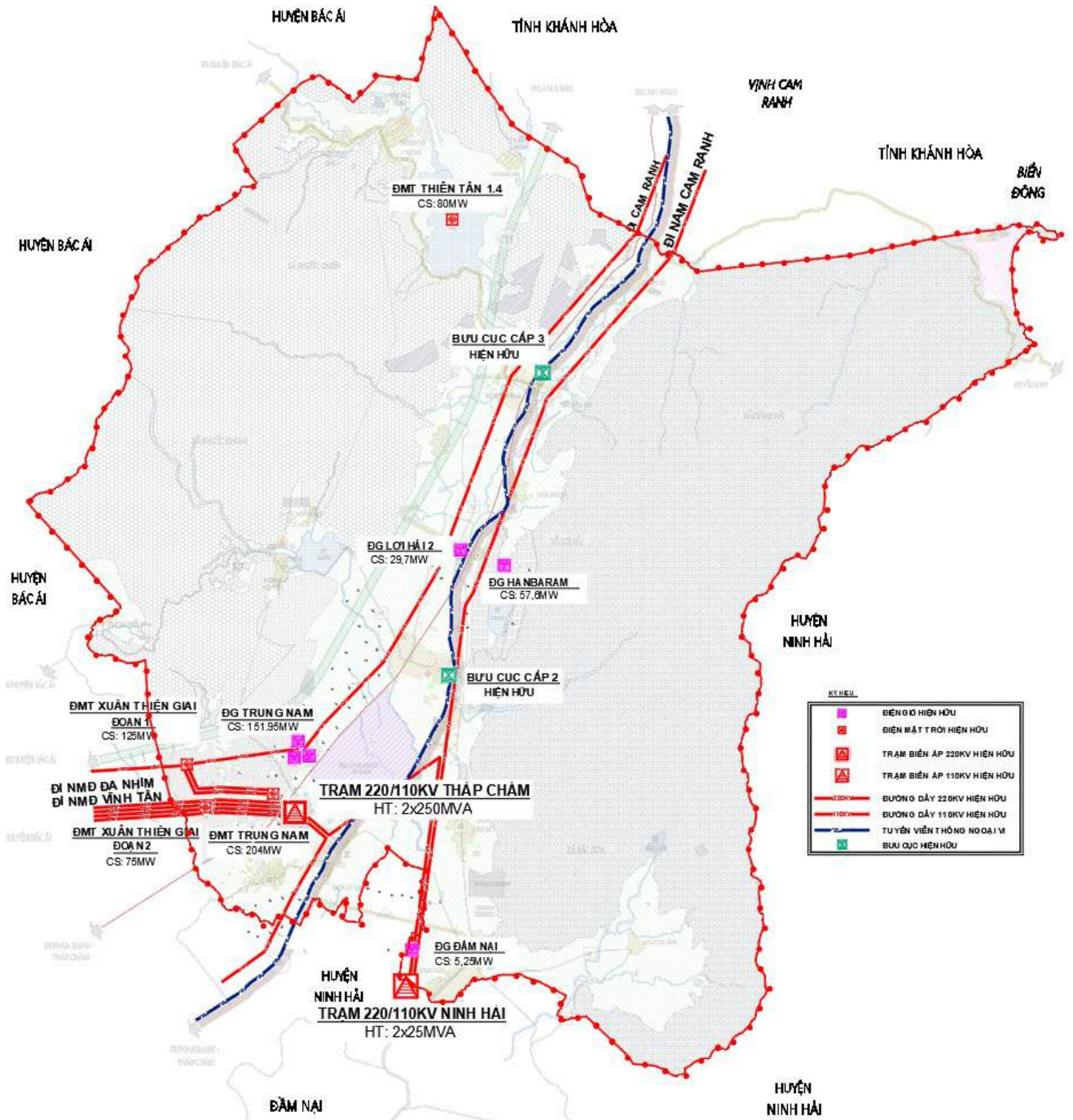
TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô (ha)	Quy mô công suất (MW)	Tiến độ theo GCNĐT/QĐ chủ trương đầu tư yêu cầu	Vị trí trên bản đồ Quy hoạch
1	Nhà máy điện gió Đầm Nại	Công ty CP Điện gió Đầm Nại	Xã Phương Hải, huyện Ninh Hải và xã Bắc Sơn, Bắc Phong, huyện Thuận Bắc	761,6	5,25	Hoàn thành giai đoạn 1 vào vận hành trong tháng 11/2017; hoàn thành giai đoạn 2 vào tháng 11/2018.	DK9
2	Nhà máy điện gió Trung Nam	Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam	Lợi Hải, Bắc Phong huyện Thuận Bắc	851,30	151,95	Khởi công GD 1: Tháng 6/2015; đến nay đã lắp đặt 17/17 turbin và vận hành nối lưới 13/17 turbin	Số 4
3	Nhà máy điện gió Lợi Hải 2	Công ty CP Phong điện Thuận Bình	Lợi Hải, Công Hải huyện Thuận Bắc	523	29,7	Khởi công dự án quý III/2018; hoàn thành dự án vào quý III/2019	Số 10
4	Dự án điện gió Hanbaram	Liên doanh Công ty TNHH Landville Energy Hàn Quốc, Công ty Equis Vietnam và Công ty Equis Vietnam Pte.Ltd.	Xã Xuân Hải, Tân Hải, huyện Ninh Hải và Lợi Hải, Bắc Phong huyện Thuận Bắc	850,13	57,6	Khởi công tháng 4/2019 và hoàn thành vào tháng 7/2020	Số 3 và DK 7
Tổng công suất					366,325		

Danh mục các nhà máy ĐMT đang vận hành tỉnh Ninh Thuận đến 03/2021 (Nguồn⁵ Sở Công Thương).

⁴ Báo cáo tổng hợp dự án điện năng lượng tái tạo (được cung cấp bởi Sở Công Thương, tháng 03 năm 2021)

⁵ Báo cáo tổng hợp dự án điện năng lượng tái tạo (được cung cấp bởi Sở Công Thương, tháng 03 năm 2021)

TT	Tên dự án	Công suất cấp Quyết định đầu tư (MW)	Công suất COD của EVN (MW) giá trị thực tế	Ngày vận hành thương mại	Ghi chú
I	Điện mặt trời vận hành theo EVN	484	404		
1	NM điện năng mặt trời Trung Nam kết hợp nông nghiệp	204	204	18/6/2019	Phát 100%
2	Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc - Giai đoạn 1	125	125	11/4/20	Phát 100%
3	Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc - Giai đoạn 2	75	75	11/4/20	Phát 100%
4	Nhà máy điện MT Thiên Tân 1.4	80			

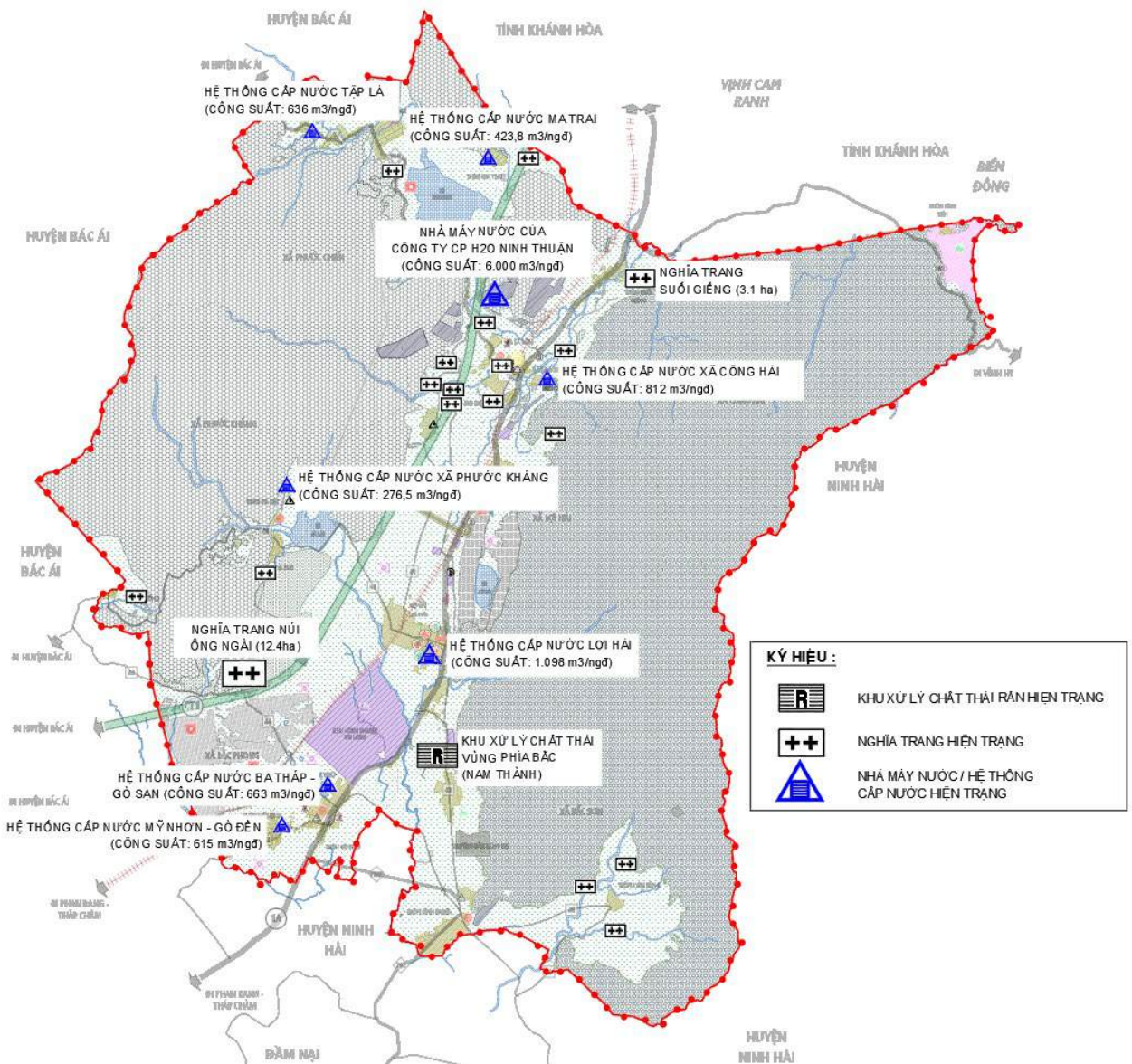


Hình 14 – Sơ đồ hiện trạng cấp năng lượng, hạ tầng viễn thông thụ động

2.5.4. Cấp nước:

- Công ty Cổ phần Thành Trung Ninh Thuận (Nay là Công ty Cổ phần H2O Ninh Thuận) trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt và các dự án khu du lịch Bình Tiên – Vĩnh Hy, nguồn nước từ hồ Sông Trâu với công suất 6.000 m³/ngày đêm. Mục tiêu cấp nước cho khu du lịch Bình tiên -Vĩnh Hy và các khu dân cư vùng phụ cận của huyện Thuận Bắc. Hiện nay, công trình đã thi công hoàn thành, cung cấp nước cho Khu du lịch Bình Tiên, khu tái định Bình Tiên và vùng phụ cận.
- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý vận hành và khai thác các hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn như sau:

- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Lợi Hải với công suất 1098 m³/ngày đêm. Nguồn nước từ Kênh chính hồ Sông Trâu; Suối Kiên Kiên, Sông Cái Phan Rang.
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Kháng xây với công suất 276,50 m³/ngày đêm. Nguồn nước từ Suối Lò Cô.
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt Tập Lá xã Phước Chiến với công suất 636 m³/ngày đêm, Nguồn nước từ Suối Sharaoi.
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt Ma Trai xã Phước Chiến với công suất 423.8 m³/ngày đêm. Nguồn nước từ Hồ Ma Trai. Hiện nay hệ thống cấp nước này đã xuống cấp, cần được đầu tư tu sửa, nâng cấp.
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Công Hải với công suất 812 m³/ngày đêm. Nguồn nước từ Hồ Sông Trâu.
- + Hệ thống cấp nước Mỹ Nhơn – Gò Đền với công suất 615 m³/ngày đêm. Nguồn nước: Kênh chính Bắc; Suối Kiên Kiên. Hệ thống cấp nước này xây dựng đã lâu, hệ thống đường ống được mở rộng nhiều lần, tuy nhiên do khu xử lý chật hẹp, đường kính ống nhỏ nhiều tuyến đường ống nằm trong nhà dân do đó cần có giải pháp tu sửa trong thời gian tới.
- + Hệ thống cấp nước Ba Tháp – Gò Sạn với công suất 663 m³/ngày đêm. Nguồn nước: Kênh chính Bắc; Sông Cái Phan Rang.
- Hệ thống cấp nước thô tạo nguồn: Dọc theo kênh Bắc, có hệ thống cấp nước thô cho các thôn thuộc huyện Thuận Bắc do Ban xây dựng năng lực tỉnh Ninh Thuận làm chủ đầu tư và trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý.
- Tỷ lệ cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 99,75%, so với nghị quyết vượt 0,95% (Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 tỷ lệ cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 98,8%).
- Hiện trạng cấp nước chữa cháy:
 - + Hiện nay vì các đô thị và khu công nghiệp kết hợp với khí hậu khô hạn ở các xã ven biển cùng sự phân bố dân cư thưa nên Hệ thống cấp nước chữa cháy chưa đồng bộ và không nhiều. Trên địa bàn huyện Thuận Bắc có 05 trụ nước chữa cháy.
 - + Công tác quy hoạch, phát triển hệ thống mạng lưới trụ lấy nước chữa cháy không theo kịp với tốc độ phát triển hạ tầng cơ sở, do đó hệ thống mạng lưới trụ lấy nước chữa cháy không đảm bảo về số lượng, khoảng cách, quy cách lắp đặt, theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, bên cạnh đó việc đầu tư, xây dựng còn nhiều bất cập do đó các trụ nước chữa cháy được lắp đặt không đồng bộ về chủng loại, vị trí, khoảng cách lắp đặt, thiếu nghiêm trọng về số lượng.
 - + Nguồn nước từ một số sông hồ như: Sông Trâu, hồ Sông Trâu, hệ thống mạng lưới kênh, mương thủy lợi thoát nước như Kênh Bắc. Hiện nay các mức nước cũng phụ thuộc rất nhiều theo mùa, hơn nữa không có bất kỳ một bến bãi nào có thể thuận tiện cho xe và máy bơm chữa cháy lấy nước.



Hình 15 – Sơ đồ hiện trạng cấp nước, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

2.5.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

❖ Hiện trạng Thoát nước thải

- Tại các khu vực nông thôn, hệ thống mương thoát nước chủ yếu là mương đất và các rãnh thoát nước. Nước thoát theo độ dốc địa hình về các vùng trũng rồi chảy vào sông, suối.
- Nước thải công nghiệp hầu hết chưa được xử lý theo yêu cầu về vệ sinh môi trường.

❖ Hiện trạng Thu gom và xử lý chất thải rắn

- Công tác thu gom chất thải rắn:
 - + Công tác thu gom CTR sinh hoạt tại các huyện và các xã trong huyện thực hiện chưa đồng đều. Công tác thu gom và vận chuyển chất thải rắn tại khu vực nông thôn còn chưa đồng bộ và còn nhiều bất cập. Một số thôn, xóm, cụm dân cư trung tâm đã có các tổ vệ sinh môi trường của thôn, HTX, vệ sinh môi trường, các đơn vị tư nhân đứng ra tổ chức thu gom, vận chuyển đến bãi chôn lấp để xử lý và tự thu phí để hoạt động. Còn lại ở hầu hết các địa phương, rác thải từ các hộ gia đình do người dân tự thu gom và xử lý bằng các hố rác nhỏ trong khuôn viên gia đình, hoặc tự thu gom, và đưa đổ xuống sông suối

- hoặc các khu vực khác; rác chợ do ban quản lý chợ tự đứng ra thu gom, xử lý. Phương tiện phục vụ cho thu gom CTR còn thiếu thốn.
- + Các chất thải rắn xây dựng như đất đá, gạch, bê tông vỡ ... phát sinh từ các hoạt động xây dựng nhìn chung chưa được phân loại, được thu gom chung với chất thải rắn sinh hoạt và đưa đến các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt.
 - + Chất thải rắn công nghiệp chưa có sự quản lý và kiểm soát lượng phát sinh trên địa bàn. Chất thải rắn của các cơ sở sản xuất này thường được các doanh nghiệp tự thu gom.
 - + Chất thải rắn y tế : Khối lượng phát sinh từ các bệnh viện khác nhau phụ thuộc vào các hoạt động khám chữa bệnh và quy mô bệnh viện. Trong đó, lượng CTR y tế phát sinh chủ yếu tại bệnh viện đa khoa thuộc tuyến huyện còn tại các trạm y tế xã, các phòng khám lượng CTR y tế phát sinh không đáng kể. Theo báo cáo của Sở Y tế Ninh Thuận, hầu hết các Bệnh viện, các cơ sở y tế trong tỉnh đều thực hiện phân loại và thu gom rác thải từ các khoa, phòng và vận chuyển hàng ngày đến nơi lưu giữ tập trung tại Bệnh viện để được xử lý tại chỗ hoặc được ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị đưa đến nơi xử lý tập trung.
- Công tác xử lý chất thải rắn:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Khu quy hoạch có Nhà máy xử lý CTR phía Bắc (Nam Thành) do công ty TNHH xây dựng - thương mại sản xuất Nam Thành đầu tư và khai thác hoạt động với công suất xử lý khoảng 250 tấn/ngđ (hiện đang tiếp nhận và xử lý hơn 200 tấn/ngđ). CTR được xử lý theo công nghệ ủ khí cưỡng bức. Sản phẩm chính của nhà máy là phân hữu cơ vi sinh và các sản phẩm nhựa tái sinh được tiêu thụ chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. CTR có thể tái chế như nilon, sắt, thép, thủy tinh... được thu hồi làm nguyên liệu sản xuất bao bì và một phần bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. CTR sinh hoạt tại các cụm dân cư nông thôn được xử lý chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp kết hợp với đốt thủ công.
 - + Chất thải rắn xây dựng và bùn thải: Do đặc thù về tính chất và đô thị hoá, CTR xây dựng hầu hết được tận dụng để san lấp mặt bằng, đổ nền xây dựng. Hoạt động này cũng chỉ là tự phát do các chủ xây dựng tự thực hiện vận chuyển bằng các xe tải nhỏ hoặc lớn từ địa điểm xây dựng công trình.
 - + Chất thải rắn công nghiệp: Đến nay chưa có sự quản lý và kiểm soát lượng CTR công nghiệp phát sinh trên địa bàn. Chất thải rắn của các cơ sở sản xuất này thường được các doanh nghiệp tự thu gom và xử lý theo tính chất của từng nhóm ngành nghề. Đối với các CTR không nguy hại xử lý tại khu xử lý CTR Nam Thành.
 - + Chất thải rắn y tế: Phương pháp xử lý chất thải rắn y tế chủ yếu là đốt và chôn lấp. Chất thải y tế không nguy hại được công ty Nam Thành thu gom và chôn lấp; chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý bằng phương pháp đúng theo quy định hiện hành.
 - ❖ *Hiện trạng nghĩa trang*
 - Nghĩa trang huyện Thuận Bắc (Núi Ông Ngài) thuộc xã Bắc Phong, phía Nam núi Ông Ngài có diện tích 12,4ha. Vị trí nghĩa trang cách trục đường sắt Bắc-Nam khoảng 2,3 km, khu đất có khả năng mở rộng về phía tây khi có nhu cầu. Hình thức táng là chôn cất 1 lần,

cát tắng, đa tôn giáo (công giáo và các tôn giáo khác). Mộ xây kiên cố, có trật tự, đường vào nghĩa trang là đường đất nên giao thông khó khăn vào mùa mưa. Hiện tại nghĩa trang chỉ mới đầu tư xây dựng công và giải quyết vấn đề chôn cất, chưa quan tâm đến các yếu tố khác như cơ sở hạ tầng: cây xanh, giao thông, cấp thoát nước, thu gom và xử lý CTR.

- Nghĩa trang Suối giếng (Công Hải) có diện tích 3,1 ha. Vị trí nghĩa trang xa khu dân cư. Hình thức táng chủ yếu chôn cất 1 lần, đa tôn giáo (Trong nghĩa trang được phân 2 khu chôn cất: cho người công giáo và các tôn giáo khác). Mật độ chôn cất khoảng 30%. Hiện tại nghĩa trang chỉ mới giải quyết vấn đề chôn cất mà chưa quan tâm đến các yếu tố khác như cơ sở hạ tầng: công, cây xanh, giao thông, cấp thoát nước, thu gom và xử lý CTR.
- Ngoài 02 nghĩa trang chính, 06 xã trên địa bàn huyện Thuận Bắc có khoảng 16 điểm nghĩa trang tập trung có quy mô khoảng 2-3ha, nằm rải rác. Các nghĩa trang hình thành tự phát từ rất lâu nằm gần khu dân cư (nghĩa trang Gò sạn, Mỹ nhơn, Láng me, Suối đá), 1 số nghĩa trang đã đóng cửa, ngưng hoạt động do có quy hoạch sử dụng đất (nghĩa trang Kà rôm, Ấn Đạt, Kiên kiên, Bình tiên), và số nghĩa trang từng xã phụ thuộc vào quy mô dân số hoặc số thôn, dân tộc, tôn giáo...
- Huyện Thuận Bắc không có nghĩa trang người Chăm, nhưng có 4/6 xã có nghĩa trang dành người dân Raglay (xã Bắc Sơn 1 vị trí, xã Công hải 2 vị trí, xã Phước Chiên 2 vị trí, xã Phước Kháng 4 vị trí), hình thức táng: chôn 1 lần.
- Hiện tại nghĩa trang tại các xã, thôn chỉ mới giải quyết vấn đề chôn cất, phần lớn chưa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: cây xanh, giao thông, cấp thoát nước, thu gom và xử lý CTR.

2.5.6. Bưu chính viễn thông:

- Mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn huyện phát triển khá tốt, bao gồm: Bưu điện trung tâm huyện tại trung tâm xã Lợi Hải, 100% số xã đã có điện thoại và có bưu điện văn hóa xã, 100% số xã được phủ sóng di động và 06/06 xã có internet. Hệ thống điện thoại, internet phát triển rộng khắp, đến nay đã đạt 36 máy điện thoại/100 dân. Tổng diện tích đất công trình bưu chính viễn thông 1,56 ha.
- Tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của mọi người dân và thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin của Đảng và chính quyền các cấp. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bưu chính - viễn thông được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, tính đến nay, toàn huyện có khoảng 24.911 thuê bao di động trả trước; 1.415 thuê bao di động trả sau; 399 thuê bao điện thoại cố định; có 4.516 hộ sử dụng cáp quang internet; 1.501 hộ sử dụng truyền hình cáp; tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên sử dụng mạng 4G, 5G ước đạt 5,65% dân số. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước, đến nay có 100% cơ quan, đơn vị áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử và triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 được cung cấp qua mạng.

2.6. Hiện trạng môi trường:

- Môi trường không khí và độ ồn: Trong quá trình phát triển đô thị hóa, quá trình phát triển của các ngành công nghiệp, sự gia tăng các phương tiện giao thông đã tác động đến sự ô nhiễm môi trường không khí. Các chỉ tiêu ô nhiễm tuy chưa vượt nhiều nhưng có một số chỉ tiêu ô nhiễm cần được quan tâm là ô nhiễm bụi và tiếng ồn. Mức độ ô nhiễm không khí

- trên địa bàn huyện Thuận Bắc ở mức thấp, nhìn chung hàm lượng bụi, hàm lượng khí còn nằm trong tiêu chuẩn cho phép.
- Môi trường nước:
 - + Trữ lượng nước ngầm hạn chế, chất lượng nước biến đổi khá phức tạp theo mùa, nước mặn và nước ngọt phân bố xen kẽ nhau trên một tầng chứa nước.
 - + Phát triển du lịch biển, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ở ven biển có nguy cơ làm cho nước biển ven bờ bị ô nhiễm, ảnh hưởng cảnh quan môi trường.
 - Môi trường đất:
 - + Tình trạng phá rừng làm rẫy thiếu kiểm soát gây ra sự xói mòn, rửa trôi, chai cứng, thoái hóa đất, tăng diện tích đồi trọc.
 - + Hiện tượng lũ quét, sạt lở núi ảnh hưởng lớn tới đời sống người dân.
 - Tỷ lệ thu gom CTR còn thấp, chưa có tổ chức phân loại CTR tại nguồn.
 - Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 86%, so với nghị quyết vượt 11% (Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 75%).
 - Suy giảm tài nguyên rừng: Tổng diện tích đất lâm nghiệp khá lớn nhưng tỷ lệ che phủ rừng còn thấp, một số khu vực bị hạn chế khả năng ngăn lũ lụt trong mùa mưa.
 - Thiệt hại thiên tai: Do ảnh hưởng vùng áp thấp có khả năng hình thành trên biển Đông và mưa lớn, trên địa bàn huyện có mưa vừa và mưa to, lượng mưa phổ biến từ 50mm. Kết hợp với việc xả nước qua tràn hạ thấp mực nước hồ chứa nước Bà Râu, hồ Sông Trâu để tăng dung tích phòng lũ đã gây ngập trên địa bàn các xã, ảnh hưởng đến một phần đời sống và sản xuất của nhân dân.

2.7. Đánh giá tổng hợp hiện trạng:

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> - Thuận Bắc là huyện nằm ở cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, giao thông liên tỉnh, nội tỉnh khá phát triển, là điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế xã hội với các huyện, thành phố trong tỉnh và với các tỉnh trong vùng. - Có vị trí thuận lợi về giao thông liên kết liền kề với các trọng điểm trên hành lang kinh tế quốc lộ 1A là: thành phố Phan Rang Tháp Chàm và thành phố Cam Ranh, đặc biệt tiếp cận cảng, sân bay quốc tế Cam Ranh. Tiềm năng lớn về vị trí đã tạo nên những ưu thế, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp và du lịch chất lượng cao. - Tiềm năng phong phú có ý nghĩa thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện như: 	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện có nền kinh tế quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh trên thị trường yếu. Đào tạo lao động còn hạn chế, môi trường kinh doanh chậm được cải thiện. - Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thủy lợi, điện – nước, các trạm cấp nước nông thôn quy mô nhỏ...). - Thuận Bắc là huyện có đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 69%, trình độ dân trí, trình độ lao động thấp. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo (năm 2024) còn khá cao 17,95%. - Chưa khai thác triệt để lợi thế về đất đai đô thị, kinh tế biển, du lịch, dịch vụ,... - Chưa tạo được nét riêng biệt, biểu tượng đặc trưng của địa phương để tạo nên hình ảnh đô thị hấp dẫn đến các vùng trong cả nước.

<p>a. Phát triển công nghiệp: Khoáng sản phong phú để sản xuất vật liệu xây dựng với quy mô lớn, thuận tiện về giao thông để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ (đá granit và đất sét). Phát triển năng lượng tái tạo nên có tiềm năng phát triển ngành công nghiệp phụ trợ.</p> <p>b. Phát triển năng lượng tái tạo: Khí hậu nhiều nắng và gió, thuận lợi cho phát triển nguồn năng lượng tái tạo như: phong điện, điện mặt trời, tạo nên hình ảnh đặc trưng cho huyện.</p> <p>c. Phát triển du lịch: Thuận Bắc có nhiều cảnh quan đẹp: biển Bình Tiên, hồ Sông Trâu, suối Tiên, Ba Hồ,... bên cạnh đó có Vườn quốc gia Núi Chúa với nhiều loại thực vật, động vật quý hiếm; đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch rừng – biển kết hợp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu nhiệt đới bán khô hạn điển hình, tốc độ gió lớn; địa hình, sông suối ngăn và dốc, nên mùa khô thì hạn hán kéo dài, mùa mưa thì lũ lên nhanh, dễ gây lũ quét, là trở ngại không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với cây hàng năm và bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan. - Nguồn nước ngầm ít và nhiều vùng bị nhiễm mặn; khả năng khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.
<p style="text-align: center;">CƠ HỘI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với tiềm năng lợi thế và khả năng cạnh tranh của huyện; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa, nâng cao chất lượng sống của người dân, phát triển theo một chiến lược cân bằng và toàn diện; góp phần tăng trưởng kinh tế quốc gia và xóa đói giảm nghèo. - Khai thác các cửa ngõ quốc tế quan trọng trên các trục hành lang kinh tế đô thị (cảng biển quốc tế, sân bay quốc tế), thu hút vốn đầu tư xây dựng các khu công nghiệp công nghệ cao, các trung tâm dịch vụ du lịch chất lượng cao tiếp giáp tỉnh Khánh Hòa. - Hình thành các vùng nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển trung tâm du lịch sinh thái đặc trưng vùng Núi Chúa, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch biển, hồ cấp quốc gia, quốc tế. - Các định hướng mới của Tỉnh tạo điều kiện để phát triển đúng các tiềm năng, lợi thế 	<p style="text-align: center;">THÁCH THỨC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh lợi thế so sánh phát triển với các tỉnh lân cận trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ và tỉnh Ninh Thuận về các lĩnh vực như đầu tư, nguồn nhân lực và các cơ hội phát triển khác. - Thu hút được nguồn vốn đầu tư FDI, DDI, đặc biệt là các nguồn lực đầu tư từ các tập đoàn lớn trong nước và quốc tế, thúc đẩy sự phát triển KT-XH của huyện Thuận Bắc nói riêng và của tỉnh Ninh Thuận nói chung. - Giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là chuyển đổi ngành nghề cho người dân sau khi thu hồi đất nông nghiệp để phát triển các khu đô thị, khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. - Giải quyết nhà ở, các dịch vụ xã hội (y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao...), đảm bảo an ninh trật tự, môi trường sinh thái, ... sẽ là những thách thức lớn trong quá trình đô thị hóa và phát triển huyện Thuận Bắc. Thách

<p>của huyện, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh và thu hút nguồn lực đầu tư.</p>	<p>thức về thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao về quản lý và kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none">- Là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu (tần suất lũ ngày càng cao), cần chủ động sẵn sàng ứng phó trong mọi lĩnh vực.- Tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.- Giải quyết mâu thuẫn giữa khai thác các nguồn tài nguyên để phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.
--	--

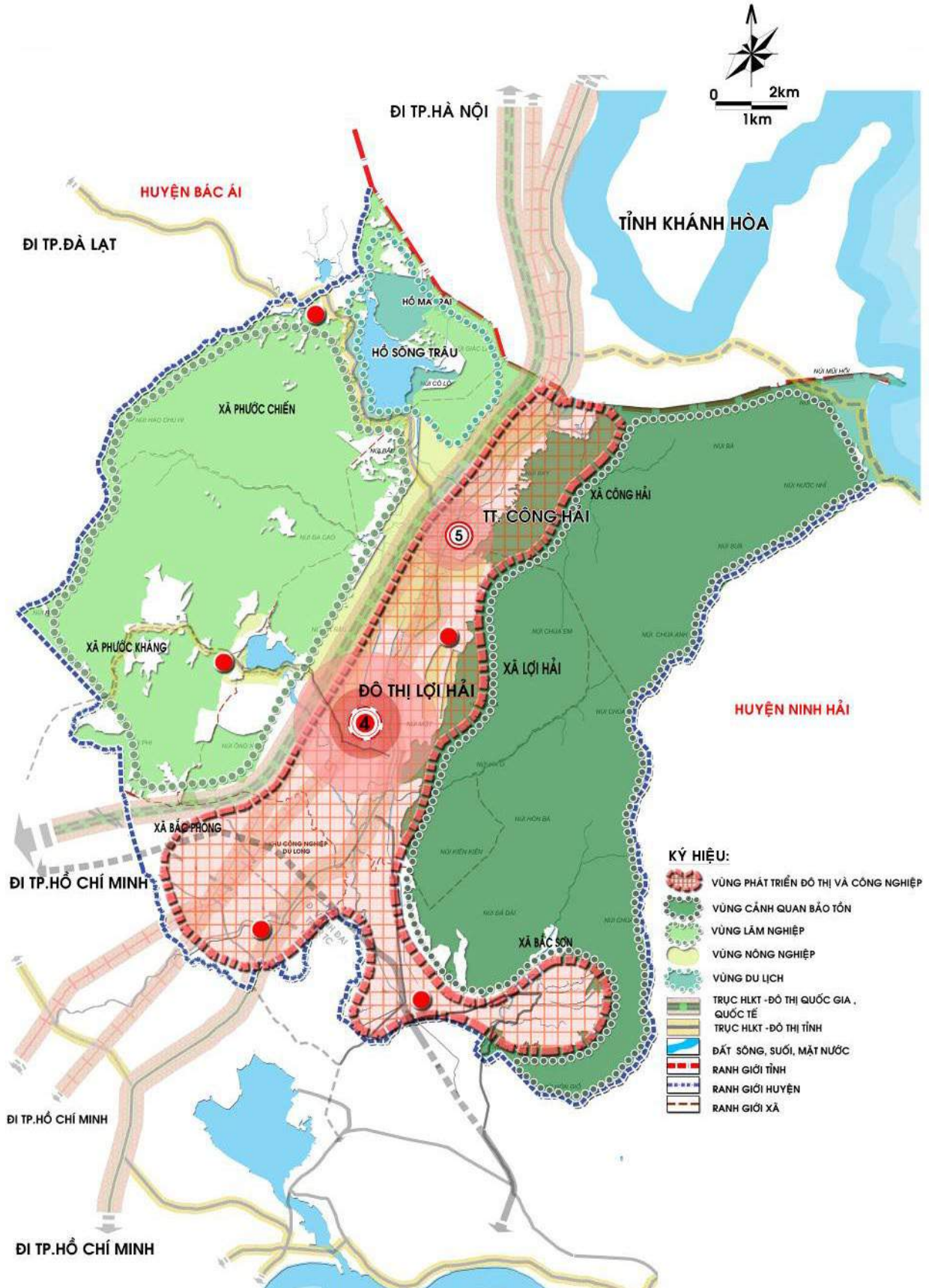
III. ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐÃ DUYỆT NĂM 2012 VÀ CÔNG TÁC THỰC HIỆN QUY HOẠCH:

3.1. Khái quát nội dung quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đã duyệt năm 2012:

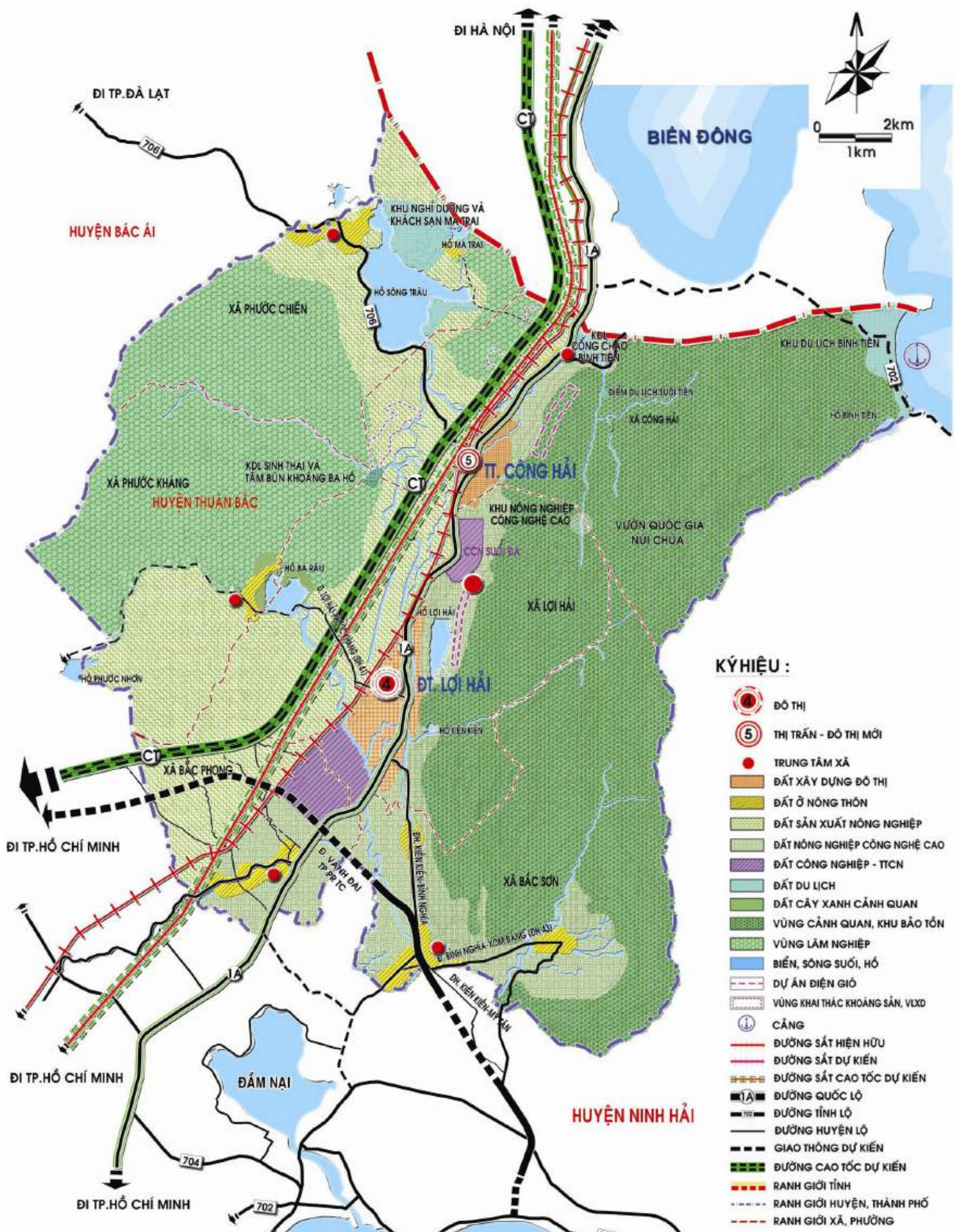
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 đã được phê duyệt theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận (gọi tắt là QH 2012).

- Tính chất:
 - + Là cửa ngõ giao thương của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa.
 - + Là cực tăng trưởng kinh tế phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận;
 - + Là vùng phát triển đô thị - công nghiệp tập trung;
 - + Là vùng phát triển lâm nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng - hồ cảnh quan.
 - + Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.
- Quy mô:
 - + Dự báo dân số toàn huyện: đến năm 2015 khoảng 43.000 người, đến năm 2020 khoảng 48.500 người, đến năm 2025 khoảng 56.000 người.
 - + Dự báo tỷ lệ đô thị hóa huyện Thuận Bắc: đến năm 2015 là 18-20%, đến năm 2020 là 30-35%, đến năm 2025 là 45-50%.
 - + Dự báo đất xây dựng đô thị: đến năm 2015 khoảng 200 - 250 ha, đến năm 2020 khoảng 400 - 450 ha, đến năm 2025 khoảng 700 - 750 ha.
- Cấu trúc không gian vùng:
 - + Cấu trúc lưu thông: Khung phát triển vùng huyện Thuận Bắc gồm các trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia sau:
 - o Trục cao tốc Bắc Nam, Quốc lộ 1A : liên kết vùng huyện Thuận Bắc với các vùng kinh tế trong và ngoài tỉnh, liên hệ trực tiếp với tỉnh Khánh Hòa và vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

- Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia (đường ven biển) : tuyến đường kinh tế ven biển kết nối các đô thị du lịch, công nghiệp, cảng biển... trong tỉnh Ninh Thuận và vùng Duyên hải Nam Trung bộ.
- Trục Đường tỉnh 706 : nối với quốc lộ 27B đi Đà Lạt.
- + Cấu trúc không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung:
 - Đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng huyện, đô thị hạt nhân vùng phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.
 - Hình thành thị trấn Công Hải trên trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia quốc lộ 1A.
 - Vùng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Suối Đá, nhà máy phong điện.
- + Cấu trúc không gian vùng cảnh quan:
 - Hệ thống sông Trâu, hồ Sông Trâu, hồ Ma Trai, hồ Bà Râu, suối Kiên Kiên, suối Ba Hồ, suối Nước Ngọt, ...
 - Vườn quốc gia Núi Chúa.
 - Bãi biển Bình Tiên.
 - Vùng sản xuất nông lâm nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao Lợi Hải.



Sơ đồ cấu trúc không gian vùng huyện Thuận Bắc



Sơ đồ tổ chức không gian vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2025
(theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

3.2. Đánh giá công tác thực hiện quy hoạch:

3.2.1. Các quy hoạch, dự án:

Sau khi Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2025 được phê duyệt, trên địa bàn huyện và tỉnh đã triển khai các quy hoạch, dự án, tác động đến định hướng không gian vùng huyện Thuận Bắc:

- Quy hoạch tỉnh:
 - + Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.
- Quy hoạch chung:
 - + Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng đô thị Lợi Hải, huyện Thuận Bắc được phê duyệt theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 09/03/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
- Quy hoạch phân khu xây dựng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000:
 - + Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Du Long, Xã Lợi Hải và xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận được phê duyệt theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 08/01/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Du Long, Xã Lợi Hải và xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận được phê duyệt theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 25/1/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỉ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Du Long được phê duyệt theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Du Long được phê duyệt theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Du Long được phê duyệt theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:
 - + Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Chính trang điểm dân cư thôn Ân Đạt xã Lợi Hải thuộc Khu Trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc được phê duyệt theo Quyết định số 2948/QĐ- UBND ngày 02/06/2015 của UBND huyện Thuận Bắc.
 - + Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu dịch vụ, thương mại dọc Quốc lộ 1A – đối diện trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc được phê duyệt theo Quyết định số 1426/QĐ- UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Thuận Bắc.
 - + Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết một số khu quy hoạch trong khu trung tâm huyện Thuận Bắc được phê duyệt theo Quyết định số 1420/QĐ- UBND ngày 16/08/2016 của UBND huyện Thuận Bắc.

- + Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại dịch vụ phía Bắc trung tâm hành chính huyện được phê duyệt theo Quyết định số 1564/QĐ- UBND ngày 22/08/2019 của UBND huyện Thuận Bắc.
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã.
- Các quy hoạch khác liên quan:
 - + Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 các đoạn Km1515+000÷Km1551+400, Km1563+000÷Km1567+500, Km1573+350÷Km1574+500, Km1581+950÷Km1584+550, Km1586+000÷Km1588+500, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng BOT được phê duyệt theo Quyết định số 2461/QĐ-BGTVT ngày 27/06/2014 của Bộ Giao thông Vận tải.
 - + Các Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 02/7/2013; Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 và Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;
 - + Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc được phê duyệt theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận.
 - + Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

3.2.2. So sánh số liệu hiện trạng của huyện Thuận Bắc và dự báo của QH 2012:

Bảng 9 – rà soát đối chiếu hiện trạng với định hướng phát triển KT-XH theo QH 2012

TT	Danh mục	Theo báo cáo KT – XH			Theo QH 2012		
		2011 – 2015	2016 – 2020	2021 – 2023	2011 – 2015	2016 – 2020	2021 – 2025
1	Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế						
	- Tăng trưởng giá trị SX	19,5%/năm	25,9%/năm	20,6%/năm	20-21%/năm	18-19%/năm	19%/năm
	- Cơ cấu kinh tế						
	+ Nông-Lâm-Thủy sản	25,6%	15,1 %	15,3 %	20,7%	13,9 %	13 %
	+ Công nghiệp - XD	58,0%	76,3 %	76,1 %	62%	60,3 %	48 %
	+ Thương mại – dịch vụ	16,4%	8,6 %	8,6 %	17,3%	25,8 %	38 %

⇒ *Đánh giá:*

- Về cơ cấu kinh tế: Cho đến hiện tại năm 2023, cơ cấu kinh tế huyện vẫn theo hướng công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng cao, ngành thương mại – dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp. Và trong QH tỉnh mới đây đã xác định lại tính chất và định hướng phát triển của huyện theo hướng công nghiệp.
- Về tỷ lệ tăng trưởng:
 - + Giai đoạn 2011 – 2015: Gần như đạt được chỉ tiêu trong Quy hoạch 2012 đã đề ra.
 - + Giai đoạn 2016 – 2020: Vượt chỉ tiêu trong Quy hoạch 2012 đã đề ra.
 - + Giai đoạn 2021 – 2023: Cao hơn dự báo trong QH 2012 (đây là giai đoạn phục hồi kinh tế sau đại dịch covid), dự kiến giai đoạn 2024-2025 kinh tế địa phương sẽ có bước phát triển khả quan hơn giai đoạn 2021-2023 với sự phục hồi và tái khởi động nhanh chóng của các dự án công nghiệp, du lịch, ... nên tỷ lệ tăng trưởng giá trị sản xuất theo QH2012 cũng có khả năng hoàn thành.

3.2.3. Rà soát tình hình thực hiện theo định hướng QH 2012:

a. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

❖ Theo định hướng QH 2012:

- Phát triển theo hướng đột phá, tiên tiến, thu hút đầu tư nước ngoài vào các dự án khu nông nghiệp công nghệ cao để tranh thủ nguồn vốn, công nghệ và thị trường. Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững.
- Ổn định diện tích lúa, tăng diện tích trồng lúa, rau, hoa, quả sạch chất lượng cao. Phát triển nhanh diện tích trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, chuyển đổi đất trồng điều kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, neem. Trồng cây công nghiệp ngắn ngày (ngô, mía, thuốc lá, lạc, ..), cây lâu năm xen cây hàng năm (cây ăn quả, neem, sắn, ngô, đậu đỗ) vùng gò đồi. Phát triển trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình công nghiệp, bán công nghiệp.
- Bảo tồn tính đa dạng sinh học của vườn quốc gia Núi Chúa, phát triển diện tích rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc. Xây dựng kinh tế vườn đồi, vườn rừng theo hướng nông lâm kết hợp.
- Phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước ngọt, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Đầu tư nuôi cá nước ngọt thâm canh trong ao địa hộ gia đình, tại các vùng trũng, gắn với đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương lấy nước từ các công trình thủy lợi.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 – 2015:

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới có chuyển biến tích cực; triển khai xây dựng các Đề án, dự án, kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp⁽⁶⁾ và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nên tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 6%, giá trị sản xuất đạt 722 tỷ đồng, đầu nhiệm kỳ chiếm tỷ trọng 34,9% đến nay còn 31%.

⁽⁶⁾Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đề án cây công nghiệp, cây ăn quả trên triền núi, đất dốc; dự án kênh cấp 2, 3 Sông Trâu, Hồ Bà Râu, hệ thống Trạm bơm Mỹ Nhơn; chuyển đổi đất lâm nghiệp sang nông nghiệp tại Lợi Hải.

- Về trồng trọt: Từng bước ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, năng suất và sản lượng một số cây trồng chủ lực tăng khá, vượt 7,3% kế hoạch. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và chuyển giao các mô hình sản xuất có hiệu quả.
- Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc có sừng toàn huyện duy trì trên 34.200 con, nhân rộng mô hình vỗ béo, nuôi sinh sản đàn bò, dê, cừu. Thực hiện lai hóa đàn bò, lai tạo giống dê, cừu, gà, heo địa phương, tỷ lệ lai hóa đàn bò đạt trên 45%, đàn dê, cừu trên 70% giúp cải thiện đời sống nhân dân.
- Về thủy sản: Từng bước phát triển với diện tích đạt 10,5ha, sản lượng thu hoạch bình quân hàng năm đạt 85 tấn. Sản xuất tôm hùm lông tại thôn Bình Tiên được duy trì ở mức 60 lồng, sản lượng thu hoạch hàng năm trên 5 tấn, bình quân hàng năm khai thác hải sản các loại đạt 35 tấn, đánh bắt tôm hùm giống đạt trên 20 ngàn con.
- Về lâm nghiệp: Độ che phủ rừng đạt 40,5/42% đạt 96,4% kế hoạch, trồng trên 310ha cây công nghiệp, cây ăn quả trên đất dốc, triền núi, giúp cải thiện đời sống nhân dân, bình quân hàng năm trồng mới trên 100ha rừng mới, giao rừng khoán quản 2.160ha.
- Công tác xây dựng nông thôn mới: Các hình thức Hợp tác ở nông thôn từng bước được củng cố và đi vào hoạt động⁽⁷⁾, thực hiện các mô hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp phát huy hiệu quả. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn không ngừng cải thiện thông qua các chương trình đầu tư về thủy lợi, giao thông nông thôn, điện, nước sạch, vệ sinh môi trường ...

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:

- Tình hình sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển khá toàn diện, giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 6,9%, chiếm tỷ trọng 15,1% giá trị sản xuất các ngành. Huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện có hiệu quả chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng⁽⁸⁾.
- Ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị sản xuất. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư hoàn thành trên 8,4 km kênh mương các loại, 02 trạm bơm và 01 đập dâng cho thủy lợi. Nhiều mô hình mới có hiệu quả trong sản xuất được nhân rộng: mô hình “1 phải 5 giảm” trên cây lúa với diện tích 1.248ha, năng suất bình quân đạt 71 tạ/ha; mô hình trồng họ đậu tại trạm bơm; mô hình tưới nước tiết kiệm trên cây màu và cây ăn quả,... Từng bước hình thành cánh đồng sản xuất lớn với diện tích 289ha/04 cánh đồng, năng suất đạt từ 73 tạ/ha đến 80 tạ/ha.
- Nâng cao chất lượng đàn gia súc, gắn với phát triển đồng cỏ; phát triển chăn nuôi dưới tán rừng; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Quy mô đàn gia súc luôn duy trì ổn định và có xu hướng phát triển, so với năm 2015 đàn gia súc tăng 3,75%, đàn heo tăng 9,6%, đàn gia cầm tăng mạnh tăng 43,8%. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi phát triển chưa ổn

⁽⁷⁾03 HTX trong đó, 01 HTX tổng hợp Công Hải, 01 HTX dịch vụ nông nghiệp và 01 HTX dịch vụ tổng hợp Ba Tháp, các làng nghề từng bước khôi phục.

⁽⁸⁾Chuyển đổi ổn định lâu dài được 20,75 ha; chuyển đổi luân canh 141,8 ha

định; tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi diễn biến phức tạp; công tác quy hoạch và đầu tư cơ sở giết mổ tập trung chưa đạt kết quả.

- Ngành thủy sản có bước tăng trưởng khá; sản lượng bình quân hàng năm đạt khoảng 199 tấn và 20.000 con tôm hùm giống, tình hình nuôi tôm hùm lồng trên đà phát triển. Trên địa bàn xã Công Hải đã triển khai nuôi tôm hùm lồng tăng gấp 21 lần so với năm 2015.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:

- Sản xuất nông nghiệp của huyện tiếp tục tăng trưởng khá, bình quân hàng năm tăng 20,7% (vượt 15,4% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội IV), sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và tăng khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; đảm bảo an ninh lương thực.
- Phát huy hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển khá toàn diện về quy mô, năng suất, hiệu quả. Năng suất lúa tăng, bình quân đạt 65 tạ/ha. Giá trị sản xuất vùng chủ động nước đạt trên 106 triệu/ha/năm (Nghị quyết 105 triệu đồng/ha/năm); tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ động nước đạt 59%, áp dụng quy trình “1 phải 5 giảm”, tưới tiết kiệm nước. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng: diện tích đất trồng lúa được duy trì ổn định trên 6.500 ha/năm. Huyện đã hình thành 07 chuỗi liên kết có hiệu quả cao; trong đó trồng trọt có 06 chuỗi với quy mô diện tích 890 ha, chăn nuôi có 01 chuỗi.
- Sau 03 năm thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chăn nuôi trở thành ngành quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, chiếm tỷ trọng 37,64% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.
- Khai thác, nuôi trồng thủy sản có thời tiết thuận lợi, sản lượng bình quân hàng năm đạt khoảng 200 tấn. Tình hình nuôi tôm hùm lồng khôi phục và phát triển mạnh đạt 960 lồng, đạt 96% so với Nghị quyết.

⇒ **Đánh giá:** Nông nghiệp phát triển theo xu hướng tích cực qua từng giai đoạn, tương đối phù hợp theo định hướng QH 2012 đề ra. Tuy có giai đoạn ảnh hưởng dịch Covid-19 nhưng huyện Thuận Bắc đang trong giai đoạn khôi phục lại ngành nông nghiệp địa phương.

b. Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

❖ Theo định hướng QH 2012:

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử, năng lượng sạch (phong điện),...
- Tập trung đầu tư xây dựng khu công nghiệp Du Long 407,28 ha, cụm công nghiệp Suối Đá 71,31ha, các nhà máy, cụm TTCN, làng nghề tại các xã, khai thác lợi thế về vị trí, nguồn nguyên liệu, thu hút lao động nông thôn.
- Các ngành công nghiệp chính:
 - + Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản: lương thực, thực phẩm, hoa quả, hạt điều, thịt gia súc, thức ăn gia súc,...
 - + Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng : khai thác, sản xuất thiếc, đá ốp lát, xi măng, sứ vệ sinh, gạch tuynel,...
 - + Công nghiệp năng lượng: xây dựng Thuận Bắc trở thành trung tâm phong điện phía Bắc của tỉnh, bao gồm các nhà máy phong điện ở xã Công Hải, Lợi Hải.

- + Công nghiệp công nghệ cao, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng: công nghệ vi sinh, điện tử, cơ khí, chế tạo và lắp ráp thiết bị, sửa chữa máy móc, sản xuất hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ,...
- Tiểu thủ công nghiệp:
 - + Thành lập làng nghề đan lát Kà Rôm (Công Hải), Phước Kháng, Phước Chiến.
 - + Phát triển và mở rộng quy mô các cơ sở TTCN tại các xã như: xây xát lương thực, sấy nông sản, chế biến thực phẩm, mộc dân dụng, cơ khí sửa chữa, may mặc, giày dép,...
- ❖ **Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 -2015:**
- Về Công nghiệp: Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nhưng các doanh nghiệp công nghiệp đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, một số sản phẩm khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng có chiều hướng nâng sản lượng. Dự án Điện gió Công Hải giai đoạn I đã khởi công, Nhà máy chế biến Rau câu Sơn Hải đã đi vào hoạt động.
- Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Thực hiện Đề án phát triển Làng nghề truyền thống đan tre, mây tại thôn Tập Lá, xã Phước Chiến; quảng bá sản phẩm tại các khu trưng bày nhằm giới thiệu và phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước tại các điểm du lịch như: Sài Gòn - Ninh Chữ, Ponaga Khánh Hòa.
- ❖ **Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:**
- Sản xuất công nghiệp trong năm đầu triển khai kế hoạch 5 năm gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho lớn, nhưng những năm về sau có bước phục hồi và tăng trưởng ổn định, nhất là 02 năm cuối của kỳ kế hoạch. Thực hiện 02 nhiệm vụ trọng tâm về công nghiệp chế biến và phát triển năng lượng tái tạo; giá trị sản xuất tăng bình quân 32,1%/năm.
- Tập trung phát triển ngành công nghiệp có lợi thế như: chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản. Một số dự án năng lượng như điện gió, điện mặt trời được đầu tư quy mô lớn giúp tăng năng lực sản xuất, đóng góp tăng trưởng chung của ngành công nghiệp với công suất 550 MW, ước sản lượng điện thương phẩm khoảng 1,4 tỷ kWh/năm.
- Tiềm năng, lợi thế về phát triển ngành năng lượng sạch được phát huy hiệu quả, thu hút 09 dự án đầu tư, tổng công suất 756 MW, vốn đăng ký trên 22.531 tỷ đồng, đã có 05 dự án hoàn thành đưa vào vận hành thương mại, 04 dự án còn đang tiếp tục triển khai.
- Việc đầu tư hạ tầng KCN Du Long triển khai rất chậm, đến nay mới hoàn thành khoảng 50% khối lượng (giai đoạn 1), chưa đạt được mục tiêu lấp đầy 60% diện tích khu công nghiệp; hiện nay việc kêu gọi các dự án công nghiệp thứ cấp đầu tư vào khu công nghiệp chưa có kết quả.
- Phát triển tiểu thủ công nghiệp: tập trung xây dựng dự án phát triển Làng nghề truyền thống tại thôn Tập Lá, xã Phước Chiến, hỗ trợ các khu trưng bày sản phẩm, giới thiệu đến với khách du lịch trong và ngoài tỉnh.
- ❖ **Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:**
- Trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến và phát triển năng lượng tái tạo, những tiềm năng, lợi thế của địa phương bước đầu được khai thác trong giai đoạn 2021 – 2023 giá trị sản xuất ngành tăng bình quân 21,5%/năm, đạt 78,2% so với Nghị quyết.

- Tình hình sản xuất công nghiệp sau đại dịch Covid-19 từng bước được phục hồi và tăng trưởng khá; công suất phát điện của các dự án năng lượng tiếp tục được duy trì. Đến nay, trên địa bàn huyện có 08 dự án điện năng lượng tái tạo hoàn thành, với công suất 857 MW, đã hòa điện quốc gia 664 MW, còn 193 MW đang chờ cơ giá điện. Giá trị xuất khẩu của huyện đến cuối năm 2023 ước đạt 10 triệu USD.
- Đầu tư hạ tầng KCN Du Long bước đầu đã thu hút nhà đầu tư thứ cấp, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ dự án.
- Phát triển tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển ổn định: cơ sở sản xuất, sửa chữa gia công cơ khí; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; đồ mộc mỹ nghệ, mộc dân dụng, kỹ nghệ inox,... đã góp phần vào tăng trưởng của ngành.

⇒ **Đánh giá:** Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp phát triển tương đối phù hợp với định hướng QH 2012. Các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất phát triển qua các giai đoạn tương đối ổn định. Các dự án công nghiệp tại huyện, điển hình là KCN Du Long hiện hữu đang chuyển biến tích cực. Công nghiệp năng lượng tái tạo đang phát triển vượt xa so với định hướng quy hoạch được duyệt, tuy nhiên dư địa về NLTT tập trung hầu như không còn (các vị trí tiềm năng đã được đánh giá và đưa vào QH), chỉ còn 1 dự án ĐMT hồ Bà Râu đang kêu gọi đầu tư.

c. Về xây dựng:

❖ Theo định hướng QH 2012:

- UBND huyện và chính quyền các địa phương quản lý phát triển đô thị theo phân cấp để triển khai các quy hoạch, dự án xây dựng và các hệ thống cơ sở hạ tầng theo đúng các quy hoạch đã được phê duyệt. Tránh lãng phí về nguồn lực tài chính và đất đai, ảnh hưởng đến môi trường kinh tế và dân sinh.
- Cùng với công tác lập quy hoạch vùng là các kế hoạch, chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư và các hoạt động đầu tư cần được thống nhất tuân thủ các vùng chức năng đã được xác lập trong quy hoạch vùng. Ưu tiên vốn ngân sách để xây dựng các tuyến giao thông chính, đầu mối hạ tầng kỹ thuật.
- Điều chỉnh quy hoạch ngành theo các mục tiêu và chương trình đã được thống nhất.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 – 2015:

- Công tác quản lý Nhà nước về xây dựng được tăng cường, nhất là thực hiện tốt công tác quy hoạch đô thị loại V xã Lợi Hải, từng bước hoàn chỉnh Khu Trung tâm hành chính huyện, hệ thống hạ tầng giao thông, thoát nước, quy hoạch chỉnh trang Khu dân cư Ấn Đạt phục vụ phát triển đô thị, đến nay cơ bản đạt 30/37 tiêu chí về chương trình phát triển đô thị⁽⁹⁾. Quy hoạch diêm dân cư nông thôn theo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm hành chính 6 xã và 14 điểm dân cư nông thôn.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:

- Có 06 đồ án quy hoạch nông thôn mới và 18 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư, mở rộng khu TTHC huyện. Công tác xây dựng đô thị được đẩy mạnh, từng bước xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm hành chính.

⁽⁹⁾ Các tiêu chí chưa đạt: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; xây dựng Trung tâm văn hóa, Trung tâm TDTT, Trung tâm thương mại-dịch vụ; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom; quy chế quản lý.

- Các dự án trọng điểm của huyện được đẩy nhanh tiến độ thực hiện như: Dự án các tuyến đường giao thông nông thôn liên xã huyện Thuận Bắc, Dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống kênh tưới hồ Bà Râu phục vụ cánh đồng nhíp, Dự án phát triển kinh tế xã hội vùng đặc biệt khó khăn dân tộc thiểu số Raglai thôn Xóm Bằng, giai đoạn 2014-2017 và định hướng đến năm 2020,...
- Tuy nhiên, tình hình vi phạm quy hoạch, lấn chiếm hành lang đường bộ, xây dựng trái phép vẫn còn diễn ra và có nguy cơ ngày một tăng,... Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện và xử lý đúng quy định các trường hợp quy phạm.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:

- Công tác quy hoạch được triển khai có hiệu quả, đáp ứng cơ sở pháp lý để kêu gọi đầu tư các dự án bất động sản về phát triển khu dân cư, đô thị, các quy hoạch cơ bản đã phủ kín. Hiện đang chỉ đạo các ngành lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện và Điều chỉnh quy hoạch tổng thể xây dựng các xã.
- Các công tác quản lý nhà nước về trật tự đô thị, kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng, công tác xây dựng đô thị được quan tâm tăng cường, từng bước xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm hành chính.

⇒ **Đánh giá:** Về lĩnh vực xây dựng của huyện phát triển ổn định, triển khai các dự án theo giai đoạn có hiệu quả dựa trên định hướng đề ra của QH 2012. Công tác quy hoạch xây dựng về cơ bản đáp ứng cơ sở pháp lý để kêu gọi đầu tư. Công tác quản lý được quan tâm, thực hiện chặt chẽ là tiền đề để định hướng huyện phát triển.

d. Về thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ:

❖ Theo định hướng QH 2012:

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ du lịch, xây dựng trung tâm thương mại cấp vùng, siêu thị trung tâm huyện tại đô thị Lợi Hải và siêu thị khu công nghiệp Du Long. Xây dựng trung tâm thương mại, chợ loại I tại thị trấn Công Hải. Xây dựng hệ thống chợ nông thôn, đảm bảo mỗi xã có 1 chợ loại III. Phát triển hệ thống điểm buôn bán lẻ, phân phối của các tổng công ty, đại lý tạo điều kiện phát triển giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa của người dân trong huyện.
- Phát triển mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển – rừng, du lịch văn hóa. Xây dựng khu du lịch biển cao cấp Bình Tiên, Núi Chúa, khu du lịch nghỉ dưỡng và khách sạn Ma Trai, khu du lịch sinh thái và tắm bùn khoáng Ba Hồ, đưa Thuận Bắc trở thành một điểm du lịch hấp dẫn trên tuyến du lịch quốc gia Nha Trang – Phan Rang-Tháp Chàm – Đà Lạt.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 – 2015:

- Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, cơ bản đáp ứng được nhu cầu trao đổi hàng hóa của Nhân dân, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và đột biến về giá. Chủ động xây dựng quy hoạch khu dịch vụ, thương mại phía Đông Trung tâm hành chính huyện, đầu tư mới và đưa vào hoạt động 03 chợ xã⁽¹⁰⁾. Giá trị sản xuất đạt 525 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khá 26,6%, vượt 7,5% chỉ tiêu; chiếm tỷ trọng 22,5%.

⁽¹⁰⁾ Chợ Gò Sạn, chợ Bình Nghĩa, chợ Phước Chiến.

- Hoạt động du lịch đang ở dạng tiềm năng, các dự án du lịch đang triển khai khảo sát và kêu gọi đầu tư như: Khu du lịch sinh thái Ba Hồ, Kiên Kiên, Suối Tiên,...
- Các ngành dịch vụ tiếp tục được mở rộng, mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển mạnh, thông tin liên lạc thông suốt; đến nay đã phủ kín sóng, có 33 trạm phát sóng di động đang hoạt động, 26 điểm kinh doanh dịch vụ và trên 500 thuê bao internet. Tổng số thuê bao điện thoại di động và cố định trên 14.000 thuê bao, đạt bình quân 3 người/ máy.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:

- Phát triển thương mại có chuyển biến tích cực và tăng trưởng ổn định, giá trị sản xuất ngành tăng bình quân 25%/năm, so với kế hoạch vượt 2,7%. Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư; đã kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng Chợ trung tâm huyện, Chợ Mỹ Nhơn. Hiện đang tập trung kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào Chợ Công Hải và Chợ Ba Tháp; cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân. Đến nay 04/05 xã thuộc dân tộc thiểu số và xã miền núi đã có chợ xã (xã Phước Kháng chưa có chợ xã). Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đến năm 2020 ước đạt 1.170 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so với năm 2015.
- Phát triển du lịch có sự chuyển biến, thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh đến tham quan các địa danh, thắng cảnh: biển Bình Tiên, Suối Tiên, Ba Hồ,... Tích cực kêu gọi các thành phần kinh tế đến tìm hiểu và đầu tư vào các khu du lịch của huyện: khu Suối Tiên, Suối Câu, du lịch sinh thái Giác Lan,... Công tác phục dựng các lễ hội truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của các đồng bào Raglai, Chăm được đẩy mạnh: lễ Bỏ mã, lễ Ăn đầu lúa mới,... Tuy nhiên việc khai thác các thế mạnh về du lịch huyện chỉ dừng ở mức tiềm năng, chưa hình thành các cơ sở lưu trú, dịch vụ hỗ trợ du lịch nên chưa thu hút được nhiều khách du lịch. Hiệu quả kinh tế mang lại từ lĩnh vực du lịch chưa rõ ràng.
- Dịch vụ kinh doanh vận tải có nhiều tiến bộ, chất lượng dịch vụ được nâng lên đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hóa của nhân dân. Tuy nhiên, mục tiêu thu hút các thành phần kinh tế đầu tư bến xe huyện và các điểm dừng chân và xây dựng các bến du lịch biển chưa thực hiện được.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng của ngành. Tuy nhiên, Huyện đã từng bước tăng trưởng trở lại, giá trị sản xuất ngành tăng bình quân 20,7%/năm, so với Nghị quyết đạt 97,2%.
- Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, đã kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ Ba Tháp, nâng tổng số chợ do doanh nghiệp đầu tư lên 03 chợ. Hệ thống kênh phân phối hàng hoá tới khu vực miền núi ngày càng phát triển. Có 04/05 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã có chợ xã (xã Phước Kháng chưa có chợ xã). Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đến năm 2023 ước đạt 1.823 tỷ đồng.
- Phát triển du lịch có sự chuyển biến, thu hút các thành phần kinh tế đến tìm hiểu và đầu tư các khu du lịch huyện. Hiện nay đã đưa vào hoạt động 02 dự án du lịch tại xã Công Hải (Dự án Khu du lịch Natural Paradise Ninh Thuận) và dự án Khu du lịch cộng đồng Núi Chúa tại xã Bắc Sơn; riêng dự án khu du lịch Bình Tiên đã đưa vào hoạt động hạng mục sân golf. Lượng khách du lịch đến huyện ngày một tăng, giai đoạn 2021-2023, ước thu hút

được 40.400 lượt khách đến tham quan, doanh số du lịch ước đạt 15,135 tỷ đồng. Đã tổ chức xây dựng Đề án phát triển Du lịch cộng đồng tại xã Phước Chiến.

- Hoạt động dịch vụ vận tải hành khách công cộng được mở rộng đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hóa của nhân dân. Mục tiêu thu hút các thành phần kinh tế đầu tư bến xe huyện, các điểm dừng chân và xây dựng các bến du lịch biển chưa thực hiện được; các hoạt động kinh doanh môi giới cung cấp các dịch vụ mua bán bất động sản chưa được hình thành.

⇒ **Đánh giá:** Phát triển thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ phù hợp với định hướng, thu hút nhiều dự án đầu tư. Tuy nhiên việc khai thác tiềm năng và thế mạnh du lịch của huyện vẫn chưa hiệu quả, chưa đem lại hiệu quả kinh tế cao. Hạ tầng thương mại từ giai đoạn 2011 đến năm 2016 có đầu tư và phát triển thêm các chợ xã, tuy nhiên từ năm 2016 đến năm 2023 vẫn chỉ có 04/05 xã miền núi có chợ xã (Phước Kháng chưa có chợ xã). Hoạt động dịch vụ vận tải vẫn chưa thực hiện được các mục tiêu đề ra.

e. Về mạng lưới đô thị và nông thôn:

❖ Theo định hướng QH 2012:

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa của huyện Thuận Bắc đến năm 2020 là 30 – 35%, đến năm 2025 là 45 – 50%.
- Dự báo đô thị:
 - + Năm 2015: có 1 đô thị loại V : đô thị Lợi Hải.
 - + Năm 2025: có 2 đô thị, trong đó có đô thị Lợi Hải (đô thị loại IV) và thị trấn Công Hải (đô thị loại V).
- Do tốc độ đô thị hóa tại đô thị Lợi Hải, thị trấn Công Hải tăng nhanh nên một phần dân cư từ các xã lân cận sẽ sát nhập vào các đô thị. Đồng thời xây dựng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Suối Đá các nhà máy điện gió sẽ thu hút lao động nông thôn. Vì vậy dự báo dân số nông thôn sẽ giảm so với hiện trạng.
- Cần quy hoạch dân cư nông thôn trên địa bàn huyện, dựa trên các điều kiện thuận lợi về giao thông, vùng sản xuất, nguồn nước. Quy hoạch các khu tái định cư cho các hộ dân nằm trong khu vực xây dựng đường giao thông, khu, cụm công nghiệp, nhà máy phong điện, khu du lịch, hồ thủy lợi,... Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong huyện.
- Phát triển dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Dự kiến đến năm 2015 có 1 xã, năm 2020 có 4 xã đạt tiêu chí nông thôn mới.
- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn dựa trên cơ sở mở rộng các điểm dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững, xóa dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 – 2015:

- Về đầu tư Trung tâm hành chính huyện: Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình các Trụ sở làm việc của các ngành, Nhà bia ghi danh các Anh hùng liệt sĩ, đường D2 – D2 nối dài, đường N6, hệ thống điện chiếu sáng Trung tâm hành chính, Công viên Trung tâm huyện.

Hiện đang tiếp tục triển khai xây dựng đường Trung tâm tạo nên diện mạo mới cho khu Trung tâm huyện.

- Xây dựng xã Công Hải đạt chuẩn Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (đạt 19/19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới). Đến nay có xã Bắc Phong đạt 14 tiêu chí, xã Bắc Sơn và xã Lợi Hải đạt 9 tiêu chí, xã Phước Chiến và xã Phước Kháng đạt 7 tiêu chí. Có 25/20 thôn được công nhận thôn văn hóa, vượt 25% chỉ tiêu.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:

- Nguồn lực đầu tư còn hạn chế nên việc đầu tư kết cấu hạ tầng xã Lợi Hải để phân đấu đạt đô thị loại V và thành lập thị trấn Lợi Hải vào năm 2020, trên các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, gặp nhiều khó khăn. Qua đánh giá đến nay xã Lợi Hải mới đạt 3/5 tiêu chí, 51/57 tiêu chuẩn, 77,97/100 số điểm về tiêu chí đô thị theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Có 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 66,7% kế hoạch. Có 32 thôn được công nhận thôn văn hoá, vượt kế hoạch 06% chỉ tiêu 30 thôn.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:

- Thực hiện nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng xã Lợi Hải thành đô thị loại V vào năm 2025. Huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành, xã Lợi Hải đẩy nhanh thực hiện đưa xã Lợi Hải đạt chuẩn đô thị loại V vào năm 2025, trong đó tập trung vào các chỉ tiêu chưa đạt, như: mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp,... Đánh giá chấm điểm lại đô thị Lợi Hải theo Nghị Quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 15/10/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị để từ đó xác định các tiêu chí cần ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn thiện đô thị theo tiêu chuẩn mới (theo Báo cáo Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đang lập), đến nay xã Lợi Hải đạt 05/05⁽¹¹⁾ tiêu chí, 51/61⁽¹²⁾ tiêu chuẩn, số điểm đạt 83,35/100 điểm.
- Đến hết năm 2023 toàn huyện có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, so với nghị quyết đạt 100% (*Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 toàn huyện có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới*), bình quân các xã đạt 17,33 tiêu chí nông thôn mới, so với nghị quyết đạt 99% (*Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 bình quân các xã đạt 17,5 tiêu chí nông thôn mới*).
- Công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đã có 3/6 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 01 xã so với năm 2020, bình quân đạt 17,33 tiêu chí/xã⁽¹³⁾. Đến nay, cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, điện, trường học,...

⁽¹¹⁾ **Tiêu chí 1:** Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, thang điểm quy định 13,5 – 18 điểm, đánh giá đạt 15,13/18 điểm; **Tiêu chí 2:** Về quy mô dân số, thang điểm quy định 6 – 8 điểm, đánh giá đạt 6,96/8 điểm; **Tiêu chí 3:** Mật độ dân số, thang điểm quy định 6 – 8 điểm, đánh giá đạt 8,0/8,0 điểm; **Tiêu chí 4:** Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, thang điểm quy định 4,5 – 6,0 điểm, đánh giá đạt 4,51/6,0 điểm và **Tiêu chí 5:** Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị, thang điểm quy định 45 – 60 điểm, đánh giá đạt 48,75/60 điểm.

⁽¹²⁾ Trong đó: 33/61 tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị đạt mức tối đa (chiếm 54,10%); 03/61 tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị đạt giữa mức tối đa và mức tối thiểu (chiếm 4,92%); 05/61 tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị đạt mức tối thiểu (chiếm 8,20%); 10/61 tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị chưa đạt mức tối thiểu (chiếm 16,39%).

⁽¹³⁾ Nghị quyết Đại hội IV: phân đấu 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân đạt 17,5 tiêu chí/xã.

ơ bản được đầu tư đồng bộ, tăng cả về quy mô, chất lượng, đáp ứng cho phát triển kinh tế và phục vụ đời sống dân sinh hiện nay và cho những năm tiếp theo.

⇒ **Đánh giá:** Theo định hướng QH 2012 đề ra đến năm 2020 huyện Thuận Bắc có 04 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, tuy nhiên do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 vừa qua và tình hình chiến tranh làm biến động nền kinh tế - xã hội thế giới, vì vậy đến năm 2023 toàn huyện chỉ có 03 xã đạt tiêu chí nông thôn mới (đạt 75% chỉ tiêu QH 2012 đề ra). Tiến độ thành lập đô thị Lợi Hải giai đoạn từ năm 2016 đến nay có bước tiến triển (đạt 77,97/100 điểm giai đoạn 2016 – 2020 và đạt 83,35/100 điểm giai đoạn 2021 – 2023). Căn cứ theo Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 ngày 15/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 1210/2016/QBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị có nội dung: Khu vực dự kiến hình thành đô thị loại V là trung tâm hành chính của huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì mức tối thiểu của các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị của tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị bằng 70% mức quy định và mức tối thiểu của các tiêu chuẩn khác bằng 50% mức quy định của loại đô thị tương ứng; Có các tiêu chí đạt điểm tối thiểu và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên ⇒ Lợi Hải đủ điều kiện xét công nhận đô thị loại V.

f. Về hạ tầng xã hội:

❖ Theo định hướng QH 2012:

- Giáo dục và đào tạo:
 - + Tại đô thị Lợi Hải: Xây dựng trung tâm dạy nghề để đào tạo nhân lực cho vùng huyện Thuận Bắc – Ninh Hải; Hoàn thành trường THPT Phan Bội Châu, nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú; Xây dựng Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội huyện (theo Đề án 32 của Chính phủ).
 - + Thị trấn Công Hải : Xây dựng trường THPT Công Hải.
 - + Nâng cấp và xây dựng mới trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập, nâng cao chất lượng dạy và học.
 - + Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng trung tâm học tập cộng đồng tại các xã.
 - + Xây dựng nhà công vụ cho giáo viên để ổn định cuộc sống cho các giáo viên công tác trên địa bàn huyện.
- Văn hóa – TDTT:
 - + Tại đô thị Lợi Hải: Xây dựng trung tâm văn hóa – TDTT, sân vận động; Xây dựng thư viện, nhà truyền thống, khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên; Trạm phát thanh, truyền hình.
 - + Thị trấn Công Hải: Xây dựng Trung tâm văn hóa – TDTT; Xây dựng Thư viện, trạm phát thanh.
 - + Tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử như : di tích Ba Tháp, đình Hiệp Kiệt, chùa Đức Sơn,... Xây dựng, chỉnh trang các công trình Đài tưởng niệm Liệt sĩ ở đô thị, thị trấn và các xã. Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc, chủ yếu là văn hóa của dân tộc Raglai, Chăm, kết hợp với các di tích văn hóa lịch sử tạo thành những sản phẩm du lịch văn hóa, lễ hội hấp dẫn.
 - + Nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa – thể thao cấp xã : nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện, đài phát thanh, sân thể thao,...

- Hệ thống y tế:
 - + Mở rộng quy mô và đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện đa khoa huyện tại đô thị Lợi Hải.
 - + Thành lập mới Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm y tế dự phòng huyện, nâng cấp Trung tâm Dân số - KHHGD huyện.
 - + Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực thị trấn Công Hải.
 - + Hệ thống mạng lưới y tế tuyến cơ sở : Nâng cấp và xây mới các trạm y tế xã, thị trấn quy mô 10 – 20 giường bệnh.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 – 2015:

- Giáo dục và đào tạo: Chất lượng giáo dục – đào tạo có chuyển biến tiến bộ. Đã hoàn thành xây dựng trường Trung học phổ thông tại huyện, Trung tâm nghề giai đoạn 1. Có 08 trường đạt chuẩn Quốc gia, 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên, 96% trẻ em 5 tuổi học Mẫu giáo trước khi vào lớp 1, có 65% học sinh Tiểu học được học 02 buổi/ngày. Công tác phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi được duy trì ở 6/6 xã.
- Văn hóa – TDTT: Công nhận 25/20 thôn văn hóa, vượt 25% kế hoạch; phát huy được các giá trị truyền thống, tình làng nghĩa xóm được duy trì, an ninh trật tự cơ bản được ổn định, đời sống văn hóa tinh thần Nhân dân được nâng cao. Hoạt động thông tin, phát thanh, truyền thanh và truyền hình được phủ kín đến tất cả các thôn. Hoạt động TDTT phát triển, hình thành giải thể thao Việt dã leo núi Kiên Kiên
- Hệ thống y tế: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế theo hướng đạt chuẩn Quốc gia, đến nay có 5/6 xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế. Hoàn thành đưa vào sử dụng Trung tâm y tế huyện với quy mô 50 giường, xây dựng mới phân trạm y tế thôn Suối Le (xã Phước Kháng) và sửa chữa các trạm y tế Lợi Hải, Bắc Phong. Có 3/6 xã có bác sĩ, 32/32 thôn có cán bộ y tế thôn bản, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Hoạt động truyền thông dân số được đẩy mạnh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,46% (2010) còn 1,33%, bình quân hàng năm giảm 0,02%.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:

- Giáo dục và đào tạo: Mạng lưới trường lớp học được mở rộng đến các vùng, miền, đến nay hầu hết các cụm dân cư đều có trường Tiểu học hoặc điểm trường, 100% xã, có trường trung học cơ sở. Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì và củng cố, có 6/6 xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Trong 5 năm 2016 - 2020, đầu tư mới xây dựng mới, sửa chữa 182 phòng học và 79 phòng chức năng, nhà công vụ giáo viên; đã xóa được lớp học ca 3, điểm học nhờ, học tạm. Dự kiến đến năm 2020 có 09 trường phổ thông và 03 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, đạt được mục tiêu đề ra; 65% số học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày. Đã đưa vào hoạt động Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện, tổ chức đào tạo nghề cho 1.844 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45%, so với Kế hoạch đạt 100%.
- Văn hóa – TDTT: Tổ chức phát động Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công nhận 31/31 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa; có 94,9% hộ gia đình được công nhận và giữ chuẩn văn hóa. Hoạt động thể dục thể thao có bước phát triển về quy mô và

nâng dần về chất lượng, đến năm 2020 có 30% dân số luyện tập thể thao thường xuyên. Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống trong công đồng các dân tộc được triển khai sâu rộng. Trên địa bàn huyện có 01 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã được Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công nhận “Lễ Bỏ mã của người Raglai” và 01 di tích cấp Quốc gia Đặc biệt (Tháp Hòa Lai); 03 di tích lịch sử cấp tỉnh là Khu tập trung Bà Râu; Đình làng Hiệp Kiệt; Đình làng Mỹ Nhơn; có 04 nghệ nhân được công nhận là nghệ nhân ưu tú.

- Hệ thống y tế: Mạng lưới y tế cơ sở và y tế dự phòng được củng cố và tăng cường, toàn huyện 100% xã đạt tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế xã có bác sĩ, đạt 3,6 bác sĩ/1 vạn dân; 12 giường bệnh/1 vạn dân. Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ đào tạo liên thông đại học và sau đại học cho cán bộ y tế theo yêu cầu hoạt động và nhiệm vụ công tác. Trong giai đoạn 2016-2020 đã vận động các nguồn vốn ODA để đầu tư mới 03 trạm y tế; tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa bệnh viện huyện và các trạm y tế.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:

- Giáo dục và đào tạo: Có sự chuyển biến rõ rệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện theo Chương trình giáo dục phổ thông mới tạo chuyển biến toàn diện, vững chắc về quy mô, chất lượng ở tất cả các cấp học, ngành học, thực học, thực nghiệp gắn với khuyến học, khuyến tài. Có 13 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% so với nghị quyết; 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên; có 83% học sinh Tiểu học được học 02 buổi/ngày, vượt 18% so với Nghị quyết. Duy trì kết quả đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở 6/6 xã. Tổ chức thành lập 03 trường liên cấp. Vận động quỹ khuyến học để hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện đến trường.
- Văn hóa – TDTT: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được mở rộng và có tác dụng tích cực trong đời sống xã hội. Tổ chức duy trì 31/31 thôn văn hóa, hoạt động văn nghệ luôn được quan tâm, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ nét.
- Hệ thống y tế: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế theo hướng đạt chuẩn Quốc gia. Trình độ chuyên môn được nâng lên (*hiện huyện có 3,8 bác sĩ/1 vạn dân*), bước đầu đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, hạn chế việc chuyển tuyến, tăng dần điều trị nội trú (*đạt 12 giường bệnh/1 vạn dân*). Tỷ lệ người tham gia BHYT hàng năm đều tăng, dự kiến cuối năm 2023 đạt 96%. Hoạt động truyền thông dân số được đẩy mạnh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm giảm 0,2%.

⇒ **Đánh giá:** Tình hình phát triển hạ tầng xã hội tại địa phương từng bước phát triển và có chuyển biến tích cực qua từng thời kỳ, đáp ứng được định hướng và chỉ tiêu QH 2012 đã đề ra.

g. Về hạ tầng kỹ thuật:

❖ Theo định hướng QH 2012:

➤ **Giao thông:**

▪ **Đường bộ:**

- Xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam chạy qua tỉnh và huyện Thuận Bắc.
- Nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Phan Rang – sân bay Cam Ranh chạy qua địa bàn huyện.

- Hoàn thành đường ven biển Hiệp Kiết – Bình Tiên – Vĩnh Hy.
- Nâng cấp đường tỉnh 706, đường Kiên Kiên – cảng Ninh Chữ, Kiên Kiên – Bình Nghĩa. Xây dựng mới đường Ba Tháp – Suối Le – Phước Kháng, một đoạn đường Vành đai TP. Phan Rang – Tháp Chàm.
- Nâng cấp và xây dựng mới đường huyện lộ, giao thông đô thị Lợi Hải, Công Hải, giao thông nông thôn.
- Xây dựng bến xe đô thị Lợi Hải.
 - **Đường sắt:**
- Nâng cấp đường sắt Bắc - Nam hiện hữu.
- Phục hồi ga Cà Rôm (Công Hải) thành ga hàng hóa khi ngành công nghiệp, du lịch của huyện phát triển.
 - **Đường thủy:**
- Xây dựng bến tàu du lịch Bình Tiên tiếp nhận các tàu du lịch trong nước.
 - **Chuẩn bị kỹ thuật:**
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa cho các đô thị, khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Suối Đá, các khu du lịch.
 - **Thủy lợi:**
- Kiên cố hóa kênh Mỹ Nhơn, Bắc Sơn, kênh cấp 2, 3 hệ thống thủy lợi Sông Trâu và kênh Bắc Nha Trinh.
- Hoàn thành hồ Bà Râu, xây dựng mới hồ Kiên Kiên, Bình Tiên, trạm bơm điện Mỹ Nhơn, đập Đá Liệt, U Huy, U Gờ.
 - **Cấp điện:**
- Nâng công suất các trạm 110/22kV Tháp Chàm và Ninh Hải lên 2x63MVA để đủ khả năng cấp điện cho huyện và các khu vực khác.
- Xây dựng nhà máy điện gió tại xã Công Hải, xã Lợi Hải.
- Nâng cấp, cải tạo các tuyến và trạm 22kV hiện hữu, xây dựng mới lưới phân phối trung hạ thế theo quy hoạch xây dựng và quy hoạch lưới điện của từng địa phương.
 - **Cấp nước:**
- Từ nhà máy nước TP. Phan Rang – Tháp Chàm hiện hữu và mở rộng, xây dựng đường ống cấp nước chạy dọc QL 1A, đường Bình Tiên – Hiệp Kiết. Trên tuyến có trạm tăng áp Công Hải để cấp cho các đô thị, dân cư các xã lân cận, các khu, cụm công nghiệp và các khu du lịch của huyện.
- Xây dựng mới nhà máy nước cung cấp cho khu du lịch nghỉ dưỡng và khách sạn Ma Trai (Phước Chiến) : công suất 6.000 m³/ngđ.
- Xây dựng 3 trạm cấp nước Bắc Phong, Bắc Sơn, Phước Kháng công suất 600 – 2000 m³/ngđ cấp cho các xã.
 - **Thoát nước thải, CTR và nghĩa trang:**
- Đô thị Lợi Hải : hoàn thiện hệ thống thoát nước chung một nửa ở khu trung tâm huyện hiện hữu, xây dựng các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về khu xử lý nước thải. Xây

dựng hệ thống nước thải riêng cho các khu vực xây dựng mới của đô thị. Nước bẩn được thu về trạm xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra ngoài.

- Thị trấn Công Hải, khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Suối Đá, khu nông nghiệp kỹ thuật cao Lợi Hải, các khu du lịch : xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, có trạm xử lý.
- Mở rộng khu xử lý CTR Nam Thành (cấp vùng tỉnh) quy mô 20 ha.
- Quy hoạch, mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện (đô thị Lợi Hải) 20 ha, nghĩa trang thị trấn Công Hải 10ha.

❖ **Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2011 – 2015:**

➤ **Giao thông:**

- Đầu tư mới, nâng cấp gần 30km đường các loại, sửa chữa 04 cầu tràn và xây dựng mới 03 cầu.
- Được tỉnh đầu tư mới và nâng cấp các tuyến đường Phước Chiến – Phước Thành, Vĩnh Hy – Bình Tiên, Hiệp Kiết – Bình Tiên, Bình Nghĩa – Xóm Bằng, nâng cấp tuyến Kiên Kiên - Vĩnh Hy.
- Tuyến đường Quốc lộ 1A hiện đang được triển khai nâng cấp – mở rộng theo quy hoạch.
- Một số tuyến giao thông trong khu Trung tâm hành chính huyện, dự án các tuyến đường giao thông liên xã, qua đó giao thông giữa các vùng cơ bản liên thông góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

➤ **Thủy lợi:**

- Đầu tư xây dựng mới 68,5km kênh mương các loại.
- Đầu tư trạm bơm Mỹ Nhơn, hệ thống kênh mương cánh đồng Nhíp.
- Nâng cấp, kiên cố hóa kênh Bà Rợ.
- Hoàn thành đưa vào sử dụng Hồ Bà Rêu tăng diện tích tưới lên trên 5.500 Ha đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.

➤ **Cấp nước:**

- Xây dựng 08 nhà máy nước và 04 hệ thống nước sinh hoạt tự chảy tại các xã Lợi Hải, Phước Kháng, Phước Chiến đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân.

❖ **Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2016 – 2020:**

- Kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, những năm qua thực hiện chủ trương đầu tư hệ thống giao thông trọng điểm, tạo kết nối với các vùng và trong tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội của huyện; huyện đã tập trung ưu tiên các nguồn lực đầu tư các tuyến giao thông kết nối để khai thác lợi thế về hạ tầng sân bay, cảng biển của các vùng lân cận, trọng tâm là ưu tiên nguồn vốn đầu tư nhanh dự án các tuyến đường liên xã huyện Thuận Bắc; Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải, hoàn thành dự án mở rộng QL1A và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đường cao tốc Bắc - Nam (đoạn đi qua địa bàn huyện);

- Trong giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 10 dự án(14), với tổng mức đầu tư trên 17.429 tỷ đồng, chủ yếu tập trung trên lĩnh vực năng lượng tái tạo, khai thác khoáng sản. Đã có 04 dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, nâng tổng số đến nay có 30 dự án đầu tư đã hoàn thành, tăng năng lực sản xuất mới đóng góp cho tăng trưởng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển, trong đó có một số dự án lớn như: điện gió, điện mặt trời Trung Nam, điện mặt trời Xuân Thiện,... và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư 02 dự án chậm tiến độ và tính khả thi không cao là khu du lịch sinh thái Resort Ganesa - Phước Chiến và khu du lịch Suối Tiên.
- Tiềm năng, lợi thế mới về phát triển ngành năng lượng, nhất là năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời) được đánh giá đúng mức và phát huy hiệu quả bước đầu, trong giai đoạn 2016-2020, đã thu hút 09 dự án đầu tư, với tổng công suất 756 MW, vốn đăng ký trên 22.531 tỷ đồng, đến nay đã có 05 dự án hoàn thành đưa vào vận hành thương mại, 04 dự án còn đang tiếp tục triển khai.
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp: việc đầu tư hạ tầng KCN Du Long triển khai rất chậm, đến nay mới hoàn thành khoản 50% khối lượng (giai đoạn 1), chưa đạt được mục tiêu lấp đầy 60% diện tích khu công nghiệp; hiện nay việc kêu gọi các dự án công nghiệp thứ cấp đầu tư vào khu công nghiệp chưa có kết quả.
- Hoạt động buru chính - viễn thông tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của mọi người dân và thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin của Đảng và chính quyền các cấp. Hệ thống điện thoại, internet phát triển rộng khắp, đến nay đã đạt 36 máy điện thoại/100 dân. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực buru chính - viễn thông được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước, đến nay có 100% cơ quan, đơn vị áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử và từng bước thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 được cung cấp qua mạng.

❖ Theo báo cáo kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021 – 2023:

- Ưu tiên đầu tư nhanh dự án các tuyến đường liên xã huyện Thuận Bắc; Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải, hoàn thành dự án mở rộng QL1 và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đường cao tốc Bắc - Nam (đoạn đi qua địa bàn huyện);
- Bê tông hóa 23,5 km đường giao thông nông thôn và giao thông nội đồng nâng tỷ lệ cứng hóa đạt 96% đối với giao thông nội đồng và 81% đối với giao thông nông thôn.
- Tập trung khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế về phát triển điện gió, ưu tiên khuyến khích và thu hút đầu tư các dự án điện gió ở 10 vị trí theo quy hoạch phát triển điện gió quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, phấn đấu đến năm 2025 công suất lắp đặt 910 MW, với tổng sản lượng điện thương phẩm dự kiến đạt 2.500 triệu kWh/năm.
- Hoàn thành trên 8,4 km kênh mương các loại, 02 trạm bơm và 01 đập dâng cho thủy lợi. Đến nay, trên địa bàn huyện có 4 hồ chứa, 14 đập dâng độc lập và 04 trạm bơm.
- Hoàn thiện hệ thống giao thông thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại cho nhân dân. Triển khai thực hiện quy hoạch nông thôn mới các xã, trọng tâm đầu tư hạ tầng thiết yếu theo

(14) 04 dự án điện gió, 02 dự án điện mặt trời, 02 dự án khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, 01 dự án chế biến và 01 dự án thương mại.

tiêu chí quốc gia về nông thôn mới để khai thác tiềm năng và lợi thế của từng vùng miền, quản lý quy hoạch phát triển nông thôn mới bảo đảm bản sắc văn hóa. Chú trọng đầu tư khu trung tâm hành chính huyện; đồng thời tích cực phối hợp cùng các ngành có liên quan hoàn thành dự án đường Cao tốc Bắc - Nam theo sự chỉ đạo của tỉnh.

⇒ **Đánh giá:**

- Giao thông: Các định hướng theo QH 2012 đã được triển khai khoảng 80-90% theo định hướng đề ra trong đồ án, phần còn lại ngoài thực tế đang được triển khai và tiếp tục hoàn thiện.
- Cấp nước: Tỷ lệ cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 99,75%, so với nghị quyết vượt 0,95% (Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 tỷ lệ cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 98,8%);
- Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn: Định hướng xây dựng hệ thống thoát nước mặt và thoát nước thải riêng biệt được thống nhất và triển khai ở cấp quy hoạch chi tiết, nhà máy xử lý chất thải rắn Nam Thành được mở rộng đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn ngày càng lớn trên địa bàn Huyện.
- Cấp năng lượng: Huyện đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời. Dự địa tiềm năng khai thác năng lượng tái tạo trên địa bàn Huyện còn rất lớn.
- Viễn thông: Mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn huyện phát triển khá tốt, bao gồm: Bưu điện trung tâm huyện tại trung tâm xã Lợi Hải, 100% số xã đã có điện thoại và có bưu điện văn hóa xã, 100% số xã được phủ sóng di động và 06/06 xã có internet. Hệ thống điện thoại, internet phát triển rộng khắp, đến nay đã đạt 36 máy điện thoại/100 dân.

h. Tuy nhiên, bên cạnh các nội dung đã đạt được, vẫn còn một số nội dung của đồ án QH 2012 chưa đáp ứng được để phù hợp với xu thế phát triển hiện tại và trong tương lai:

- Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn: Trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới, ngoài việc quy hoạch phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cần phải xây dựng phát triển mô hình quy hoạch trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn mà hiện nay đang còn thiếu, đáp ứng xu thế chung của sự phát triển.
- Mô hình trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất sẽ là khởi đầu định hướng, hỗ trợ nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao. Bao gồm các khu dịch vụ hỗ trợ về khoa học công nghệ, sản xuất, khu chức năng dịch vụ giao thương, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo thương hiệu... theo hướng liên kết mở.

3.2.4. Rà soát thực hiện theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/HU, ngày 31/3/2022 của Huyện ủy, UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết cho cả giai đoạn và từng năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;
- Trong 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, đến nay công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đã có 3/6 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 01 xã so với năm 2020, bình quân đạt 17,33 tiêu chí/xã. Diện mạo nông thôn có

nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng lên rõ rệt; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh có nhiều khó khăn, nhất là nguồn lực đầu tư còn hạn chế, khó khăn. Trong 03 năm 2021 - 2023, tổng kinh phí huy động đầu tư cho xây dựng nông thôn mới đạt 285,7 tỷ đồng. Với nguồn vốn trên, tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, như giao thông, thủy lợi, điện, trường học, y tế, nhà văn hóa, nhà ở nông thôn,... đến nay cơ sở hạ tầng thiết yếu cơ bản được đầu tư đồng bộ, tăng cả về quy mô, chất lượng, đáp ứng cho phát triển kinh tế và phục vụ đời sống dân sinh hiện nay và cho những năm tiếp theo. Đánh giá các quy hoạch và dự án hiện nay trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có tác động đến đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc

3.2.5. Đánh giá các quy hoạch/dự án hiện nay trên địa bàn tỉnh tác động đến đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc

TT	Hạng mục	Mục tiêu quy hoạch	Tình trạng phê duyệt	Tác động đến QHXD vùng huyện Thuận Bắc
1	Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	<ul style="list-style-type: none"> - Là cơ sở để xây dựng các kế hoạch, chương trình phát triển các ngành, các cấp trong Tỉnh. - Là công cụ pháp lý giúp cho địa phương hoạch định, kiến tạo động lực không gian phát triển, đảm bảo tính kế thừa và kết nối đồng bộ giữa các quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. - Là cơ sở để lập quy hoạch xây dựng các vùng huyện; liên huyện; quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành có liên quan - Là cơ sở để quản lý phát triển theo quy hoạch và thu hút các nguồn lực đầu tư. 	QĐ 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Phân bố hệ thống đô thị, vùng công nghiệp, du lịch, nông nghiệp. - Định hướng đầu mối hạ tầng kỹ thuật khung. - Định hướng hạ tầng xã hội khung.

2	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc	Xây dựng phương án sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội	QĐ 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022	Là cơ sở pháp lý cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
3	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm 2021-2025	Kiểm soát phát triển kinh tế xã hội, phát triển hạ tầng kỹ thuật	QĐ 2296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	Các chỉ tiêu dự báo về tỷ lệ tăng dân số, lao động Phân vùng phát triển kinh tế
4	QH XD nông thôn mới 6 xã	Quản lý, kiểm soát phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn	Đang thực hiện điều chỉnh	Phát triển điểm dân cư nông thôn tập trung, vùng nông nghiệp, hạ tầng XH, hạ tầng KT

IV. CÁC PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH LIÊN QUAN ĐẾN VÙNG LẬP QUY HOẠCH:

4.1. Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030:

- Theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030; theo đó hệ thống đô thị tỉnh Ninh Thuận trong giai đoạn này bao gồm:

Bảng 10 – Bảng thống kê hệ thống đô thị tỉnh Ninh Thuận

STT	Hệ thống đô thị của Tỉnh Ninh Thuận	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
1	TT. Phước Dân, H.Ninh Phước	V		IV
2	TT. Tân Sơn, H.Ninh Sơn	V	IV	
3	Đô thị Lợi Hải, H.Thuận Bắc		V	IV
4	Đô thị mới: Phước Đại, H.Bác Ái		V	
5	Đô thị mới: Thanh Hải, H.Ninh Hải; Phước Nam, H.Thuận Nam; Cà Ná, H.Thuận Nam; Lâm Sơn, H.Minh Sơn; Hòa Sơn, H.Ninh Sơn			V

- Theo đó, giai đoạn 2021 – 2030 huyện Thuận Bắc chỉ có 01 đô thị là đô thị Lợi Hải, được hình thành ở giai đoạn 2021 – 2025 là đô thị loại V, giai đoạn 2026 – 2030 là đô thị loại IV.

⇒ **Đánh giá:** Định hướng phân loại đô thị của tỉnh Ninh Thuận trong Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc được phê duyệt vào 02/2021 đã được tích hợp Định hướng hệ thống đô thị của Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được phê duyệt vào 09/2018, đồng thời đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể với huyện Thuận Bắc:

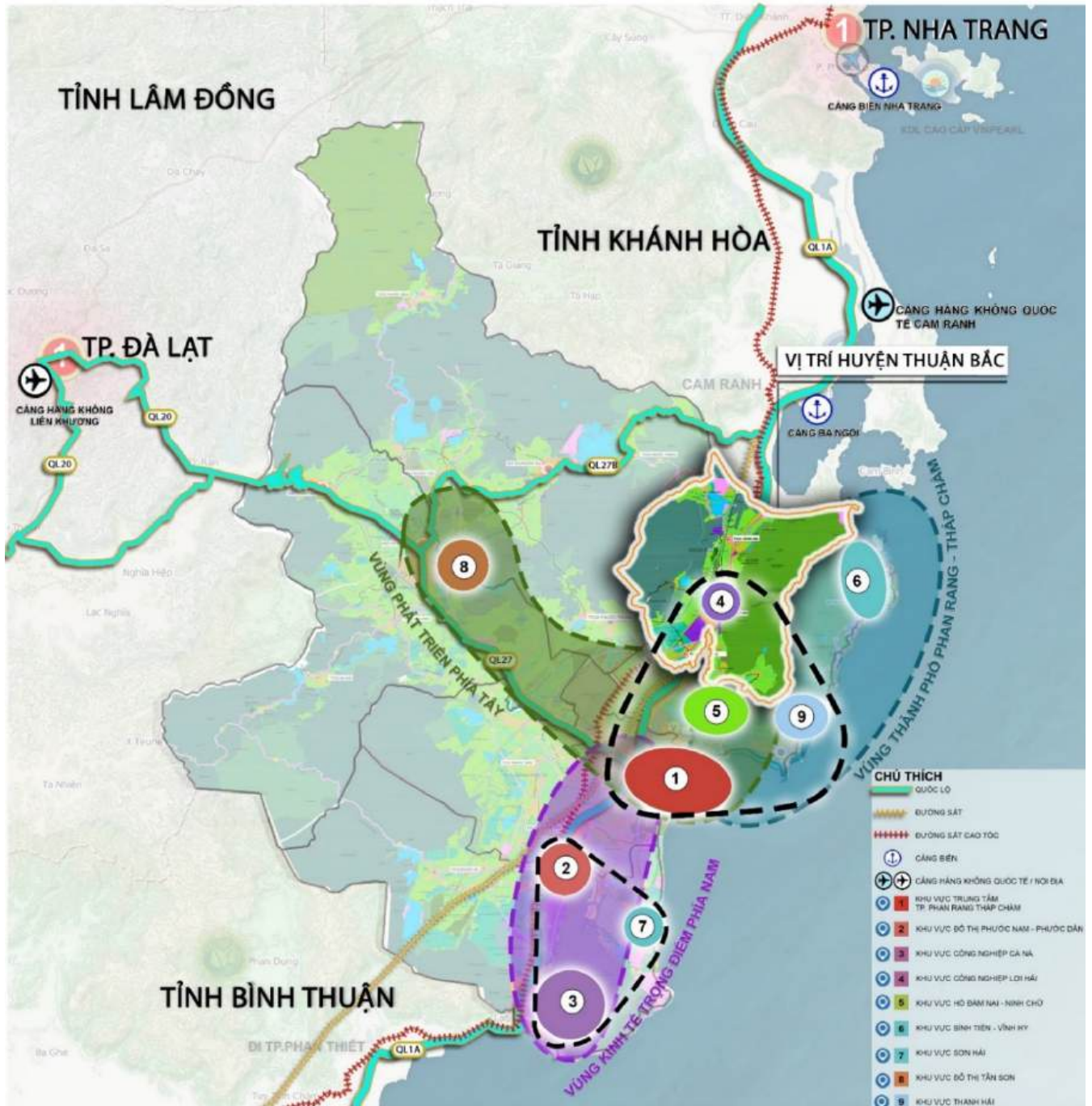
- Theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh: Đô thị Lợi Hải (loại V) được hình thành vào năm 2020; Năm 2030 Lợi Hải đạt đô thị loại IV.
- Theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc: Đô thị Lợi Hải (loại V) được hình thành vào năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế của Huyện; Năm 2030 Lợi Hải đạt đô thị loại IV.

4.2. Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050:

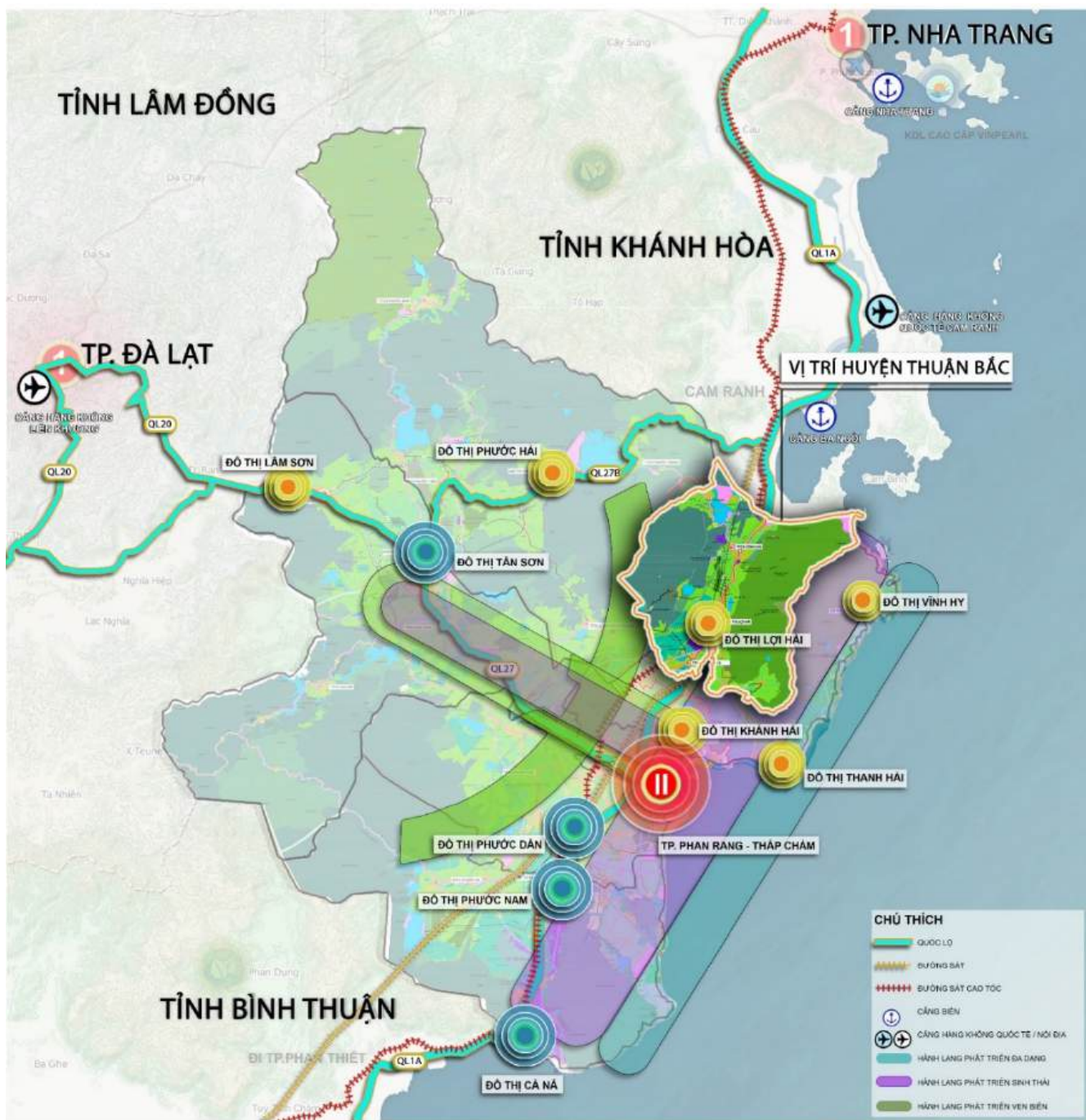
- Quy hoạch tỉnh đề xuất phương án tổ chức không gian mới với 04 vùng lãnh thổ, 03 vùng động lực, 03 hành lang phát triển và 09 khu vực trọng yếu:
 - + 04 vùng lãnh thổ: (1) Vùng trung tâm gồm thành phố PRTC hiện hữu và phụ cận; (2) Vùng phía Bắc gồm huyện Thuận Bắc và huyện Ninh Hải; (3) Vùng phía Nam gồm huyện Thuận Nam và huyện Ninh Phước; (4) Vùng phía Tây gồm huyện Ninh Sơn, huyện Bác Ái.
 - + 03 vùng động lực, gồm: (1) Vùng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là vùng tổng hợp đa ngành với đô thị Phan Rang – Tháp Chàm là trung tâm vùng, các đô thị vệ tinh phụ trợ có chức năng riêng biệt, trong đó có đô thị Lợi Hải (công nghiệp); (2) Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng phát triển công nghiệp – cảng biển - năng lượng, thương mại dịch vụ và du lịch; (3) Vùng phát triển phía Tây là vùng phát triển thương mại dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng và du lịch.
 - + 03 hành lang phát triển: (1) Hành lang phát triển đa dạng (2) Hành lang phát triển sinh thái (3) Hành lang phát triển ven biển.
 - + 09 khu vực trọng yếu: (1) Khu vực trung tâm TP Phan Rang-Tháp Chàm; (2) Khu vực đô thị Phước Nam - Phước Dân; (3) Khu vực công nghiệp Cà Ná; (4) Khu vực công nghiệp Lợi Hải; (5) Khu vực Đầm Nai; (6) Khu vực Bình Tiên – Vĩnh Hy; (7) Khu vực Sơn Hải; (8) Khu vực Đô thị Tân Sơn và (9) Khu vực Thanh Hải.
- Cấu trúc hệ thống đô thị tỉnh Ninh Thuận phát triển theo mạng lưới, dựa trên mô hình cấu trúc đô thị đa cực tích hợp, có các đô thị chức năng tương hỗ với 03 đô thị trung tâm là đô thị Phan Rang - Tháp Chàm và phụ cận; đô thị Phước Nam và đô thị Tân Sơn. Các đô thị trung tâm đóng vai trò là hạt nhân của 03 tam giác phát triển/vùng đô thị hóa.
- Định hướng hệ thống đô thị toàn tỉnh:
 - + Đến năm 2025, có 9 đô thị gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; 02 đô thị loại IV là thị trấn Tân Sơn và Phước Dân cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV; 06 đô thị loại V gồm 01 đô thị hiện hữu là thị trấn Khánh Hải và 05 đô thị mới gồm các đô thị: Lợi Hải, Phước Đại, Phước Nam, Cà Ná, Thanh Hải. tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%.
 - + Đến năm 2030, có 12 đô thị gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; 04 đô thị loại IV gồm 02 đô thị hiện hữu là Tân Sơn, Phước Dân và 02 đô thị loại IV mới là thị trấn Phước Nam và thị trấn Cà Ná; 07 đô thị loại V, bao gồm 04 đô thị hiện hữu là thị trấn Khánh Hải, thị trấn Lợi Hải; thị trấn Phước Đại; đô thị Thanh Hải và 03 đô thị loại V mới là Lâm Sơn, Vĩnh Hy và Sơn Hải. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 55-56%.
 - + Tầm nhìn đến năm 2050, có 10 đô thị gồm: 01 đô thị loại I trực thuộc Tỉnh là Thành phố Phan Rang Tháp Chàm; 05 đô thị loại IV gồm: 02 thị xã Tân Sơn và thị xã Phước

Nam và 03 thị trấn Lợi Hải, thị trấn Phước Dân và thị trấn Cà Ná; 04 đô thị loại V gồm: thị trấn Phước Đại; thị trấn Thanh Hải, thị trấn Vĩnh Hy, thị trấn Sơn Hải. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65% - 68%.

⇒ *Đánh giá chung:* Theo QH tỉnh thì huyện Thuận Bắc không nằm trong 03 vùng động lực của tỉnh, đồng thời đô thị Lợi Hải định hướng đến năm 2030 vẫn là đô thị loại V và là đô thị vệ tinh phụ trợ của Vùng động lực Phan Rang – Tháp Chàm với chức năng riêng biệt (công nghiệp) nên đô thị Lợi Hải hầu như có vai trò không lớn trong hệ thống đô thị toàn tỉnh.



Hình 16 – Vai trò của huyện Thuận Bắc trong 03 vùng động lực của đồ án quy hoạch tỉnh



Hình 17 – Mối liên hệ của đô thị Lợi Hải với các đô thị trong tỉnh Ninh Thuận

Một số định hướng phát triển của huyện Thuận Bắc trong Quy hoạch tỉnh như sau:

- Tính chất:
 - + Là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, giáp với tỉnh Khánh Hòa, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa.
 - + Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo và du lịch dịch vụ phía Bắc của Tỉnh;
 - + Là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, phát triển đa ngành gồm công nghiệp, năng lượng tái tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông.
- Dự báo dân số:

- + Đến năm 2025 dân số huyện Thuận Bắc là khoảng 46.633 người, trong đó dân số đô thị khoảng 11.635 người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 25% (theo Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của QH tỉnh).
- + Đến năm 2030 dân số huyện Thuận Bắc là khoảng 49.200 người, trong đó dân số đô thị khoảng 18.000 người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 37%;
- Các định hướng phát triển không gian:
 - + Huyện Thuận Bắc có 01 đô thị Lợi Hải, là thị trấn huyện lỵ của huyện Thuận Bắc, là đô thị hạt nhân – trung tâm tiêu vùng phía Bắc của Tỉnh gắn với đầu mối giao thông nối QL1 và đường cao tốc Bắc Nam, là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, điện năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh.
 - + Phát triển công nghiệp tập trung; Phát triển công nghiệp điện năng; Dịch vụ thương mại, làng nghề; Các loại hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao; Phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái.
 - + Tập trung phát triển Khu đô thị trung tâm (nội thị): Khu vực đô thị nằm giữa quốc lộ 1 và đường sắt Bắc – Nam.
- Các đặc điểm, lợi thế tiềm năng của huyện Thuận Bắc trong tỉnh:
 - + Thuận Bắc là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, điện năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh.
 - + Trung tâm huyện có đường quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua. Ngoài ra còn có tỉnh lộ 706 nối trung tâm huyện với quốc lộ 27B từ Cam Ranh đi Bắc Ái-Ninh Sơn - Đà Lạt (Lâm Đồng). Với vị trí này Thuận Bắc là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, có điều kiện thuận lợi trong kết nối phát triển kinh tế xã hội với các huyện, thành phố trong tỉnh và với các tỉnh trong vùng và cả nước.
 - + Đặc biệt Thuận Bắc có quan hệ trực tiếp với các trọng điểm trên hành lang ven biển của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và tỉnh Ninh Thuận là: TP. Phan Rang Tháp Chàm là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh ở phía Nam và TP. Cam Ranh là trọng điểm kinh tế Nam Khánh Hoà (cảng biển, cảng hàng không quốc tế, công nghiệp, du lịch) ở phía Bắc.



Hình 18 – Sơ đồ định hướng phát triển không gian huyện Thuận Bắc

⇒ **Đánh giá:** Quy hoạch tỉnh thời kỳ này đã xác định huyện Thuận Bắc thuộc vùng lãnh thổ phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời định hướng hình thành đô thị Lợi Hải loại V vào năm 2030 và phát triển thành đô thị loại IV đến năm 2050, với Lợi Hải là đô thị vệ tinh phụ trợ có chức năng riêng biệt (công nghiệp) trong vùng động lực Vùng thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Qua đó cũng làm rõ hơn về lợi thế và tiềm năng của từng huyện dựa trên các đặc điểm riêng của từng vùng, trong đó có huyện Thuận Bắc.

4.3. Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030:

Theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030, định hướng đô thị Lợi Hải như sau:

- Giai đoạn 2021 – 2025: Điều chỉnh kế hoạch nâng loại đô thị loại V của đô thị Lợi Hải huyện Thuận Bắc đến năm 2020 thành trong giai đoạn 2021 – 2025.
- Đến năm 2030: Điều chỉnh kế hoạch nâng loại đô thị loại IV của đô thị Lợi Hải huyện Thuận Bắc đến năm 2030 về thành đô thị loại V.

⇒ **Lý do:** Các điều kiện về kinh tế - xã hội, dân số và quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động của Lợi Hải còn khó khăn, phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của hạ tầng đường cao tốc Bắc Nam và kết nối đường cao tốc, thúc đẩy phát triển các khu công nghiệp. Do vậy, cơ bản khó hình thành đô thị loại IV trong giai đoạn này.

4.4. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc giai đoạn 2021 – 2026:

Theo Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm 2021 – 2026:

- Mục tiêu: Tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Tập trung huy động tốt nhất mọi nguồn lực để khai thác tiềm năng, thế mạnh của huyện; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng các ngành, lĩnh vực, sản phẩm và dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng cao; Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó có hiệu quả biến đổi khí hậu; Nâng cao hiệu quả điều hành chính quyền các cấp, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, tạo sự đồng thuận trong xã hội.
- Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu:
 - + Đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, phát triển bền vững, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng hiện đại gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Tập trung chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, từng địa phương, nhất là các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, có ưu thế cạnh tranh trên thị trường; tăng tỷ trọng chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, tăng nhanh tỷ trọng giá trị nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ nông nghiệp.

- + Khai thác tiềm năng thế mạnh của Huyện, mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở công nghiệp hiện có, các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, tăng sản lượng khai thác và chế biến vật liệu xây dựng, gắn với phát triển các ngành dịch vụ và phát triển nhanh tiểu thủ công nghiệp nông thôn. Triển khai đề án phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch, tranh thủ chính sách hỗ trợ về khuyến công và xúc tiến thương mại để phát triển các ngành nghề truyền thống.
- + Triển khai thực hiện quy hoạch nông thôn mới các xã, trọng tâm đầu tư hạ tầng thiết yếu theo tiêu chí quốc gia về nông thôn mới để khai thác tiềm năng và lợi thế của từng vùng miền, quản lý quy hoạch phát triển nông thôn mới bảo đảm bản sắc văn hóa.
- + Tập trung khai thác có hiệu quả những lợi thế về du lịch biển, gắn kết phát triển du lịch sinh thái với du lịch văn hóa, làng nghề và các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các sản phẩm đặc trưng, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù của Thuận Bắc. Ưu tiên loại hình du lịch khám phá, du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng sinh thái, nghỉ dưỡng.
- + Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành thương mại và dịch vụ trên địa bàn. Tăng nhanh khối lượng hàng hoá bán buôn và bán lẻ nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Củng cố và thành lập mới các hợp tác xã hoặc tổ hợp tác thương mại và dịch vụ trên địa bàn để tổ chức lưu thông hàng hoá và thu mua nông sản cho nông dân.

4.5. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc:

- Theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc, với tổng diện tích tự nhiên: 32.379,47 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp : 27.030, 00 ha, chiếm 83,48% diện tích tự nhiên.
 - + Đất phi nông nghiệp : 5.061,00 ha, chiếm 15,63% diện tích tự nhiên.
 - + Đất chưa sử dụng : 288,47 ha, chiếm 0,89% diện tích tự nhiên.
- Theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, trong đó phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cho huyện Thuận Bắc được đề cập tại Nội dung đề xuất tích hợp số 05 như sau:
 - + Đất nông nghiệp : 26.935 ha, chiếm 83,19% diện tích tự nhiên.
 - + Đất phi nông nghiệp : 5.156 ha, chiếm 15,92% diện tích tự nhiên.
 - + Đất chưa sử dụng : 289 ha, chiếm 0,89% diện tích tự nhiên.

Bảng 11 – Bảng so sánh diện tích sử dụng đất của hiện trạng 2023 với phương án phân bổ đất đai cho huyện Thuận Bắc trong QH tỉnh

TT	Loại đất	Diện tích theo hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích theo phân bổ đất đai trong QH tỉnh (ha)	So Sánh (Tăng (+), giảm (-))
1	Đất nông nghiệp	28.185,17	26.935	- 1.250,17

2	Đất phi nông nghiệp	3.803,39	5.156	+ 1.352,61
3	Khu vực chưa sử dụng	390,90	289	- 101,90
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		32.379,47	32.379,47	

⇒ **Đánh giá:** Qua bảng so sánh trên có thể thấy được xu hướng phát triển của huyện Thuận Bắc là giảm dần đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng, tăng đất phi nông nghiệp.

Bảng 12 – Bảng chi tiết phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cho huyện Thuận Bắc được đề cập tại Nội dung đề xuất tích hợp số 5

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích phân theo đơn vị hành chính huyện Thuận Bắc (ha)
I	Loại đất	
1	Đất nông nghiệp	26.935
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Đất trồng lúa	1.528
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.528
1.2	Đất trồng cây lâu năm	1.926
1.3	Đất rừng phòng hộ	8.208
1.4	Đất rừng đặc dụng	11.388
1.5	Đất rừng sản xuất	378
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	84
1.6	Các loại đất nông nghiệp còn lại	3.506
2	Đất phi nông nghiệp	5.156
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất khu công nghiệp	407
2.2	Đất quốc phòng	90
2.3	Đất an ninh	32
2.4	Đất ở tại nông thôn	393
2.5	Đất ở tại đô thị	178
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14
2.7	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	3
2.8	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-
2.9	Đất cụm công nghiệp	49
2.10	Đất thương mại, dịch vụ	257
2.11	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	49
2.12	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	432
2.13	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	-
2.14	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	3
2.15	Đất bãi thải, xử lý chất thải	20
2.16	Đất danh lam thắng cảnh	-
2.17	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	2.924
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đất giao thông	980

-	Đất thủy lợi	1.136
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	12
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	5
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	47
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	28
-	Đất công trình năng lượng	710
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	2
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	4
2.19	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	70
2.20	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại	232
3	Đất chưa sử dụng	289
	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	107
II	Khu chức năng	
1	Đất khu công nghệ cao	
2	Đất khu kinh tế	
3	Đất đô thị	6.835
4	Khu sản xuất nông nghiệp	3.454
5	Khu lâm nghiệp	19.975
6	Khu du lịch	653
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	11.388
8	Khu phát triển công nghiệp	456
9	Khu đô thị	589
10	Khu thương mại - dịch vụ	257
11	Khu dân cư nông thôn	827

PHẦN C. TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG

I. TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN:

1.1. Quan điểm, mục tiêu và thời hạn lập quy hoạch:

1.1.1. Quan điểm:

- Đặt huyện Thuận Bắc trong sự phát triển liên kết vùng; gắn kết chặt chẽ và hài hòa hệ thống đô thị huyện Thuận Bắc (đô thị Lợi Hải) với các vùng lân cận; Trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng và lợi thế của huyện, thu hút đầu tư, phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, góp phần tạo động lực cho phát triển khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.
- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đảm bảo phù hợp với đường lối chính sách và chủ trương của Đảng và Nhà nước; Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện.
- Từng bước xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn trong huyện mang nét đặc trưng, có bước phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai – địa hình – cảnh quan, có môi trường sống tiện nghi, đáp ứng định hướng phát triển không gian kinh tế, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân.
- Xây dựng mô hình phát triển đô thị hiện đại, đậm đà bản sắc, sinh thái, phù hợp với lộ trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

1.1.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa nội dung Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận và huyện Thuận Bắc, Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, nhằm tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của tỉnh và huyện một cách hiệu quả, phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới ở giai đoạn tiếp theo.
- Điều chỉnh giai đoạn hình thành và phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, hạ tầng kỹ thuật trong vùng huyện Thuận Bắc, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.
- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của huyện Thuận Bắc, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường phát triển bền vững;
- Lựa chọn mô hình phát triển. Định hướng tổ chức không gian vùng như không gian xây dựng đô thị, nông thôn, không gian công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, không gian cảnh quan, ... trong đó xác định các vùng động lực phát triển kinh tế- xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế- xã hội theo hướng cân bằng và bền vững.
- Điều chỉnh định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn huyện đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc sẽ giúp địa phương tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của huyện, góp phần đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh

tế xã hội, tạo lập môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Xác định khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, làm cơ sở cho việc kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh đi qua địa bàn huyện và lựa chọn quỹ đất hợp lý để phát triển đô thị, khu phát triển nông nghiệp, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu chức năng khác trong vùng huyện.
- Làm cơ sở để chỉ đạo các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch chuyên ngành, lập các chuyên ngành đầu tư và hoạch định chính sách phát triển, quản lý đô thị, các khu dân cư nông thôn, các khu cụm công nghiệp, khu du lịch và hệ thống các công trình chuyên ngành vùng huyện phát triển hài hòa và bền vững;
- Làm công cụ quản lý phát triển kiểm soát không gian toàn vùng và tạo cơ hội đầu tư.

1.1.3. Nhiệm vụ quy hoạch:

- Đánh giá thực trạng và tiềm năng, lợi thế cũng như hạn chế của huyện.
- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, đưa ra các vấn đề cần giải quyết ở thời kỳ quy hoạch này.
- Điều chỉnh dự báo cơ cấu phát triển dân số, lao động sản xuất, đất đai đô thị - nông thôn và các chỉ tiêu đô thị hoá cho các giai đoạn phát triển, đảm bảo phù hợp với các định hướng của các quy hoạch có liên quan và quy định hiện hành.
- Điều chỉnh mô hình định hướng phát triển không gian huyện và các khu vực giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Điều chỉnh tổ chức không gian lãnh thổ, tổ chức không gian đô thị trung tâm, điểm dân cư nông thôn và định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp; phát triển các trung tâm chuyên ngành khác như giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá - thể thao; thương mại - dịch vụ - du lịch..., khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện.
- Điều chỉnh khung hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.
- Đề xuất các chương trình dự án ưu tiên đầu tư phát triển và cơ cấu điều hành thực hiện, kiểm soát phát triển.

1.1.4. Thời hạn quy hoạch:

- Thời hạn lập Quy hoạch: Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Căn cứ theo Quy hoạch Tỉnh*).

1.2. Bối cảnh phát triển vùng:

1.2.1. Bối cảnh quốc tế

- Thay đổi kinh tế toàn cầu: Thay đổi phương thức công nghiệp hoá, thúc đẩy tính cạnh tranh cao, nguồn vốn đầu tư thay đổi, cơ cấu kinh tế thay đổi tiến đến nền kinh tế tri thức.
- Toàn cầu hóa tạo cơ hội giao lưu kinh tế thúc đẩy quan hệ về thương mại du lịch và đầu tư.
- Triển vọng phát triển kinh tế ở các nước lớn và các liên minh khu vực.
- Asean trở thành một cộng đồng kinh tế đồng thuận và chia sẻ lợi ích.

- Sự nóng lên của toàn cầu tác động biến đổi khí hậu gây ra nước biển dâng, mưa lũ và xói lở bất thường.
- Khủng hoảng về năng lượng dẫn đến nguồn tài nguyên bị cạn kiệt, giá cả tăng cao.
- Tình hình suy thoái, khủng hoảng kinh tế thế giới tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội.
- Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường như cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng quyết liệt; tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước; Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến mọi mặt của đời sống; các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19.
- Chiến tranh Ukraina – Nga làm chậm đà phục hồi tăng trưởng kinh tế toàn cầu sau đại dịch COVID-19. Trước 2/2022, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi khá nhanh chóng sau những tác động của dịch COVID-19. Tuy nhiên xung đột giữa Nga và Ukraina khiến chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu bị gián đoạn nghiêm trọng. Ngoài ra, giá nhiên liệu tăng cao cũng là nguyên nhân gây lạm phát kỷ lục ở rất nhiều quốc gia trên thế giới. Những yếu tố vĩ mô có tác động tiêu cực khá lớn tới tỉnh Ninh Thuận do tỉnh phụ thuộc nhiều vào ngành chế biến chế tạo phục vụ xuất khẩu, và du lịch, dịch vụ.

1.2.2. Bối cảnh quốc gia:

- Năm 2020 Việt Nam trở thành một nước công nghiệp phát triển hiện đại. Việt Nam đã gia nhập WTO, AFTA, nền kinh tế hội nhập toàn diện với toàn cầu.
- Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng của Việt Nam sẽ mang lại nhiều lợi ích rõ rệt cho nền kinh tế tỉnh Ninh Thuận, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo. Đến nay, Việt Nam đã chính thức tham gia, ký kết thực hiện 14 hiệp định thương mại tự do (HĐTM) có hiệu lực và 01 HĐTM đã chính thức ký kết, sắp có hiệu lực, hiện đang đàm phán 02 HĐTM. Trong đó Hiệp định RCEP là HĐTM thứ 14 của Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 1/1/2022, được đánh giá là hiệp định thương mại có quy mô lớn nhất thế giới, giúp tạo lập thị trường xuất khẩu ổn định, lâu dài cho các nước ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng, góp phần thúc đẩy nền sản xuất định hướng xuất khẩu của Việt Nam. Nhu cầu đối với các sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh tương đối cao, đặc biệt là nông sản nhiệt đới, thực phẩm chế biến.
- Hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn và phát triển bền vững.
- Phát triển đô thị trên cơ sở động lực là các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chuyên môn hoá cao, đi đôi với bảo vệ môi trường - phát triển bền vững.
- Việt Nam là nước chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng.
- Đối diện với nhập cư và đô thị hoá tăng nhanh, dịch cư từ vùng kinh tế tăng trưởng thấp sang vùng kinh tế tăng trưởng cao, từ vùng nông thôn vào đô thị dẫn đến kiểm soát phát triển khó khăn, quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.
- Dịch bệnh Covid-19 xuất hiện vào tháng 12/2019 và đến ngày 31/01/2020 trên toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa của thế giới, đình trệ trong sản xuất -

kinh doanh; suy giảm nhu cầu tạm thời từ Trung Quốc đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng tới tăng trưởng toàn cầu. Việt Nam có độ mở cửa của nền kinh tế khá lớn và có vị trí địa lý giáp với Trung Quốc nên dịch bệnh sẽ ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Việt Nam, tới tâm lý người dân và hoạt động sản xuất - kinh doanh, thương mại, du lịch, qua đó tác động đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và gián tiếp tác động đến tình hình ngân sách nhà nước.

– Theo dự báo kinh tế, xã hội quốc gia giai đoạn 2021-2025, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song nhờ tận dụng được tác động tích cực từ xu hướng toàn cầu hoá và kinh tế số, cộng với nỗ lực từ nền kinh tế trong nước, khả năng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn tiếp theo sẽ khó có xu hướng chậm lại. Kinh tế vĩ mô về cơ bản ổn định (lạm phát khoảng 3 - 3,2%), mô hình tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu vẫn dựa vào những động lực tăng trưởng kinh tế cũ nhưng chất lượng, hiệu quả nền kinh tế được cải thiện hơn.

– Tuy nhiên tình hình kinh tế tiếp tục phải đối mặt với xu hướng tăng trưởng chậm của lao động do tình trạng già hóa dân số nhanh chóng, tốc độ tăng dân số ngày càng thấp. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động sẽ theo xu hướng giảm xuống, tốc độ tăng lực lượng lao động sẽ chậm lại. Bên cạnh đó, nhiều rủi ro tiềm ẩn cũng có thể gây bất ổn kinh tế vĩ mô, tác động gián tiếp đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2025. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước mặc dù vẫn theo hướng tích cực nhưng sẽ chậm lại. Năng suất lao động tăng chậm sẽ tiếp tục là rào cản cho tăng trưởng trong giai đoạn này. Chất lượng tăng trưởng chậm cải thiện, động lực tăng trưởng đang ở mức tới hạn là hạn chế lớn cho phát triển kinh tế giai đoạn tiếp theo.

– Việc xuất hiện các đô thị ma trên cả nước, việc điều chỉnh các Luật, Nghị định liên quan như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, ... làm thị trường bất động sản đóng băng, các dự án bất động sản thiếu thanh khoản làm tăng nợ xấu lên hệ thống ngân hàng ... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các dự án phát triển các khu đô thị ở Huyện. Khi bất động sản phát triển sẽ kéo theo các quy hoạch, cơ sở hạ tầng phát triển. Vì vậy, nếu bất động sản đóng băng sẽ khiến cho các giao dịch bị ngưng trệ, các chủ đầu tư sẽ gặp khó khăn khi xây dựng nhà cửa, từ đó hạn chế sự phát triển của Huyện.

1.2.3. Bối cảnh vùng tỉnh Ninh Thuận:

– Xây dựng Ninh Thuận trở thành điểm đến của Việt Nam trong tương lai, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, kinh tế phát triển nhanh và bền vững theo mô hình kinh tế “xanh, sạch”, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh.

– Ninh Thuận trong tương lai trở thành trung tâm năng lượng sạch của cả nước. Là khu du lịch trọng điểm của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

– Giai đoạn 2021-2025, các chủ trương, chương trình phát triển kinh tế, các chương trình hợp tác toàn diện của Tỉnh với các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty lớn tiếp tục được triển khai. Đặc biệt là các dự án năng lượng, các dự án du lịch và các dự án động lực khác; cùng với vị thế của tỉnh được nâng lên, phát huy hiệu quả các công trình, dự án lớn đã được đầu tư, nhất là tuyến đường ven biển, các công trình hồ đập sau khi hoàn thành, tạo động lực thúc đẩy phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ có tác động lớn đến định hướng phát triển của Huyện trong giai đoạn tới.

1.2.4. Bối cảnh phát triển huyện Thuận Bắc:

– Đối với huyện, giai đoạn 2021-2025 một số dự án lớn sẽ tiếp tục đầu tư và đưa vào hoạt động như dự án điện gió, mặt trời, các dự án du lịch,... và việc tái khởi động lại dự án đầu tư KCN Du Long là động lực để kinh tế-xã hội của địa phương phát triển nhanh, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ. Sự tác động của việc giảm diện tích sản xuất để thực hiện các dự án điện gió, mặt trời,...

– Bên cạnh đó có nhiều khó khăn, thách thức đó là quy mô nền kinh tế còn khiêm tốn, nguồn lực đầu tư còn hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; tình hình thời tiết diễn biến bất thường đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của một bộ phận người dân là những khó khăn, thách thức trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

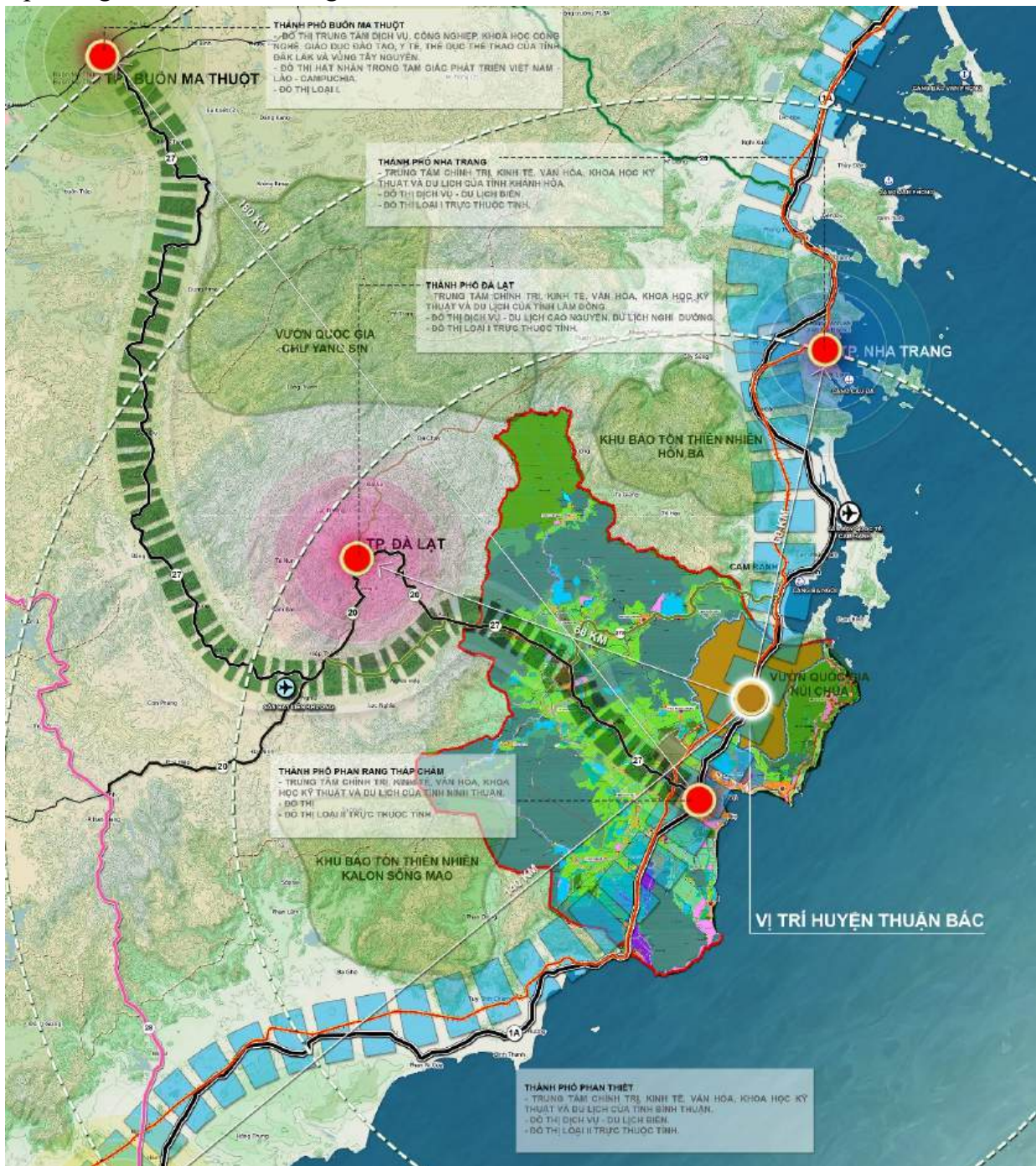
1.3. Vai trò và vị thế của huyện Thuận Bắc trong mối liên hệ vùng:

1.3.1. Liên hệ vùng của huyện Thuận Bắc trong các vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên:

- Tỉnh Ninh Thuận có vị trí địa chính trị, kinh tế, quốc phòng an ninh quan trọng, kết nối các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ nhờ vị trí nằm trong trung tâm tam giác phát triển là: Khánh Hòa - Lâm Đồng - Bình Thuận; giữ vai trò “cầu nối” trong mối liên kết, thúc đẩy phát triển giữa các địa phương thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Mặc dù quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ nhưng Ninh Thuận đã xác lập vai trò và vị thế rất quan trọng trên một số lĩnh vực phát triển của Vùng cũng như của Quốc gia như: du lịch, giao thông vận tải, công nghiệp năng lượng, chế biến thủy hải sản,...
- Huyện Thuận Bắc nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Nam Khánh Hòa – Bắc Ninh Thuận, có vị trí tương đối thuận lợi để tiếp cận các công trình hạ tầng kỹ thuật của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ như sân bay quốc tế Cam Ranh khoảng 35km, cảng trung chuyển quốc tế Bắc Vân Phong (khoảng 112km), cảng hàng hóa Ba Ngòi khoảng 22km, các trục hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế như quốc lộ 1 (cũng là đường xuyên Á AH1) qua huyện chiều dài 20km, đường sắt Bắc – Nam, đường cao tốc Bắc – Nam, đường sắt tốc độ cao;
- Cách trung tâm thành phố Phan Rang – Tháp Chàm về phía Bắc khoảng 17km và thành phố Cam Ranh về phía Nam theo QL1 khoảng 20km, cách thành phố Phan Thiết khoảng 140km hướng Tây Nam và cách thành phố Đà Lạt khoảng 68km hướng Tây Bắc. Tỉnh lộ 706 nối trung tâm huyện với QL27B từ Cam Ranh đi Bác Ái – Ninh Sơn – Đà Lạt (Lâm Đồng); Thuận Bắc có điều kiện thuận lợi trong việc kết nối với các huyện, thành phố trong tỉnh, với các tỉnh trong vùng và cả nước để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch rừng - biển, tạo mối liên kết khai thác các tour du lịch, phát triển thương mại dịch vụ, hỗ trợ, hợp tác trao đổi, tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp, nông lâm nghiệp với các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ.
- Về công nghiệp năng lượng: Ninh Thuận là một trong những địa phương đi đầu trong nước về phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, trong đó tại huyện Thuận Bắc có 08 dự

án điện năng lượng tái tạo hoàn thành, với công suất 857 MW, đã hòa điện quốc gia 664 MW, còn 193 MW đang chờ cơ giá điện, góp phần đưa Ninh Thuận trên đường trở thành một trong các trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước.

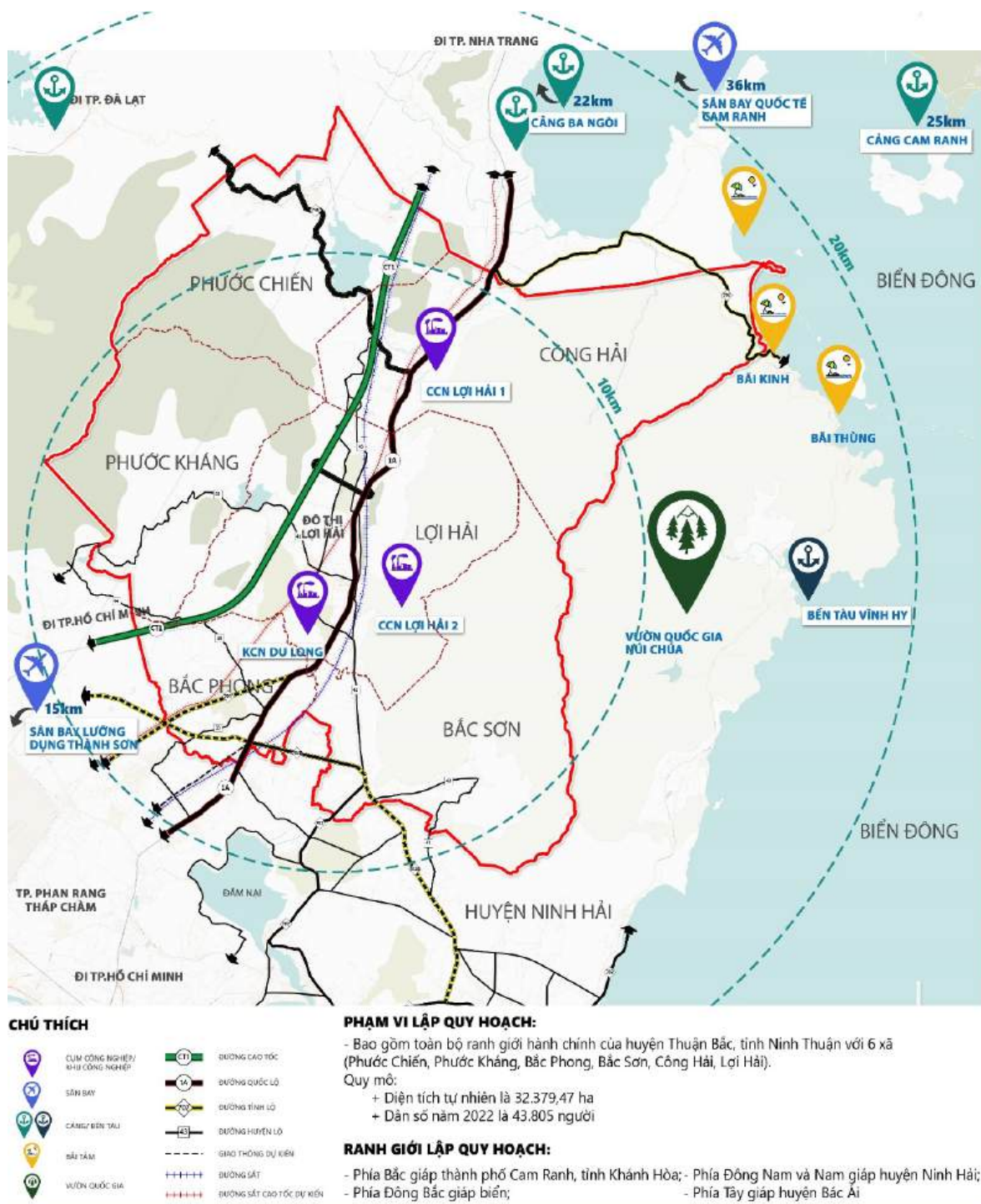
- Về du lịch: mặc dù có điều kiện tự nhiên tương đối khắc nghiệt nhưng Ninh Thuận là địa phương có rất nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch trong vùng Duyên hải miền Trung nói riêng và trên bình diện Quốc gia nói chung, trong đó huyện Thuận Bắc có nhiều sản phẩm du lịch đa dạng và độc đáo như: biển Bình Tiên, truyền thống văn hóa và lễ hội người Chăm và Raglai, di tích tháp Hòa Lai,... Bên cạnh đó là tài nguyên du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng đặc sắc, khác biệt từ chính thể mạnh sản xuất nông nghiệp ở địa phương có khí hậu khắc nghiệt.



Hình 19 – Môi liên hệ của huyện Thuận Bắc với các vùng lân cận

1.3.2. Vai trò, vị thế và môi liên hệ của huyện Thuận Bắc trong tỉnh Ninh Thuận:

- Huyện Thuận Bắc là cửa ngõ, đầu mối giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận với tỉnh Khánh Hòa với đô thị trung tâm là đô thị Lợi Hải (sẽ hình thành giai đoạn 2021-2025);
- Tiếp cận với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật nội tỉnh như cảng Ninh Chữ khoảng 13km, cảng biển tổng hợp Cà Ná khoảng 45km, cảng cạn Lợi Hải thuộc huyện Thuận Bắc (nằm trong Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/08/2023), sân bay lưỡng dụng Thành Sơn khoảng 15km, đồng thời kết nối với các bên thủy nội địa thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp và du lịch chất lượng cao.
- Hiện nay, Thuận Bắc là 01 trong 02 huyện có quy mô khu công nghiệp lớn nhất tỉnh Ninh Thuận (KCN Du Long với 407,28ha). Bên cạnh đó huyện còn sở hữu dự án điện gió kết hợp với nhà máy điện mặt trời lớn nhất Việt Nam (Tổ hợp năng lượng tái tạo Trung Nam) tạo sự thu hút và quan tâm của các nhà đầu tư cho các dự án công nghiệp từ các vùng kinh tế lân cận nói chung và từ các huyện trong tỉnh Ninh Thuận nói riêng, thu hút các nguồn lao động vào địa phương. Tuy nhiên huyện Thuận Bắc cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ do sức hấp dẫn của các huyện nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh về các lĩnh vực đầu tư, nguồn nhân lực và các cơ hội phát triển khác.
- Vị trí tiếp giáp TP. Cam Ranh và huyện Bác Ái là trung tâm phát triển thủy điện, du lịch sinh thái vùng Tây Bắc của tỉnh. Có tỉnh lộ 706 kết nối QL1A, hồ Sông Trâu, Ma Trai, suối Ba Hồ, vùng nông lâm nghiệp rộng lớn, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, kinh tế trang trại, vườn rừng.
- Phía Đông huyện Thuận Bắc tiếp giáp với huyện Ninh Hải là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng rừng - biển cao cấp của tỉnh, nên có điều kiện kết nối tương hỗ phát triển du lịch sinh thái rừng – biển qua tuyến đường tỉnh 702 ven biển và vườn quốc gia Núi Chúa, bãi biển Bình Tiên – Ninh Chữ, góp phần đưa Ninh Thuận trở thành một trong những khu du lịch trọng điểm của quốc gia.



Hình 20 – Liên hệ vùng huyện Thuận Bắc với các tiềm năng và động lực phát triển vùng

1.4. Tính chất:

- Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa;
- Là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông;
- Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh;
- Là vùng phát triển lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa;

– Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.

So sánh tính chất vùng huyện Thuận Bắc so với đồ án đã được phê duyệt năm 2012:

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đã duyệt	Tính chất của huyện Thuận Bắc theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận	Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đang lập	Nhận xét
Là cửa ngõ giao thương của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa	Là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, giáp với tỉnh Khánh Hòa, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa;	Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa;	Trên cơ bản tính chất này không có sự thay đổi so với quy hoạch vùng huyện đã duyệt.
Là cực tăng trưởng kinh tế phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận	Là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, phát triển đa ngành gồm công nghiệp, năng lượng tái tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông;	Là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông; <i>(yếu tố “phát triển đa ngành” đã được làm rõ ở các tính chất (3) và (4))</i>	Đồ án quy hoạch tỉnh đã xác định huyện Thuận Bắc không còn là cực tăng trưởng kinh tế phía Bắc của tỉnh nữa mà chỉ mang tính chất là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị theo đúng tiềm năng và lợi thế vùng.
Là vùng phát triển đô thị - công nghiệp tập trung	Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo và du lịch dịch vụ phía Bắc của Tỉnh;	Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh; <i>(yếu tố “phát triển du lịch” đã được làm rõ ở tính chất (4))</i>	Tính chất này chỉ ra cụ thể hơn lợi thế của huyện về công nghiệp và năng lượng.
Là vùng phát triển lâm nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan.		Là vùng phát triển lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa;	Tính chất này gần như không thay đổi so với quy hoạch 2012. Có bổ sung tính chất về Khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa, nên có tiềm năng

			phát triển du lịch sinh thái.
Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng		Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.	Tính chất này được bổ sung dựa vào vị trí chiến lược của huyện về an ninh quốc phòng.

⇒ **Đánh giá:** Các tính chất trong đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc cơ bản có nội dung không thay đổi so với Quy hoạch được duyệt, bên cạnh đó cũng được cập nhật các nội dung tính chất theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận mới nhất để phù hợp với tình hình phát triển và lợi thế của huyện.

1.5. Tiềm năng và động lực phát triển vùng:

1.5.1. Tiềm năng phát triển vùng:

a. Tiềm năng về vị trí:

- Huyện Thuận Bắc là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận, kết nối chặt chẽ với TP. Cam Ranh là trọng điểm kinh tế vùng Nam Khánh Hòa. Trung tâm huyện tại xã Lợi Hải, cách TP. Phan Rang – Tháp Chàm khoảng 20km, khá thuận tiện cho giao lưu kinh tế - xã hội. Trung tâm huyện có đường quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt chạy qua. Huyện kết nối với quốc tế và quốc gia theo các trục hành lang kinh tế đô thị quốc tế và quốc gia bằng đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không.
- Vị trí tiềm năng của huyện Thuận Bắc giúp huyện có điều kiện thuận lợi trong kết nối phát triển kinh tế xã hội với các huyện, thành phố trong tỉnh, với các tỉnh trong vùng và cả nước. Đặc biệt Thuận Bắc có quan hệ trực tiếp với các trọng điểm trên hành lang ven biển của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và tỉnh Ninh Thuận là: TP. Phan Rang Tháp Chàm là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh ở phía Nam và TP. Cam Ranh là trọng điểm kinh tế Nam Khánh Hoà (cảng biển, cảng hàng không quốc tế, công nghiệp, du lịch) ở phía Bắc.

b. Điều mới hạ tầng kỹ thuật:

- Nằm trên các hành lang kinh tế đô thị quốc tế - quốc gia như quốc lộ 1A (đồng thời là tuyến đường xuyên Á AH1 kết nối trực tiếp với các quốc gia: Cam-Pu-Chia, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc...), đường sắt Bắc-Nam, tiếp cận với sân bay quốc tế Cam Ranh, cảng Cam Ranh ở phía Bắc.
- Ngoài ra còn có tỉnh lộ 706 nối trung tâm huyện với QL27B, đường vành đai phía Bắc 702B, quốc lộ 27B từ Cam Ranh đi Bác Ái - Ninh Sơn - Đà Lạt (Lâm Đồng), tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các địa phương trong và ngoài tỉnh.
- Đã hoàn thiện và đưa vào vận hành tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh đi qua, sẽ kết nối huyện Thuận Bắc với các vùng kinh tế trong và ngoài tỉnh.

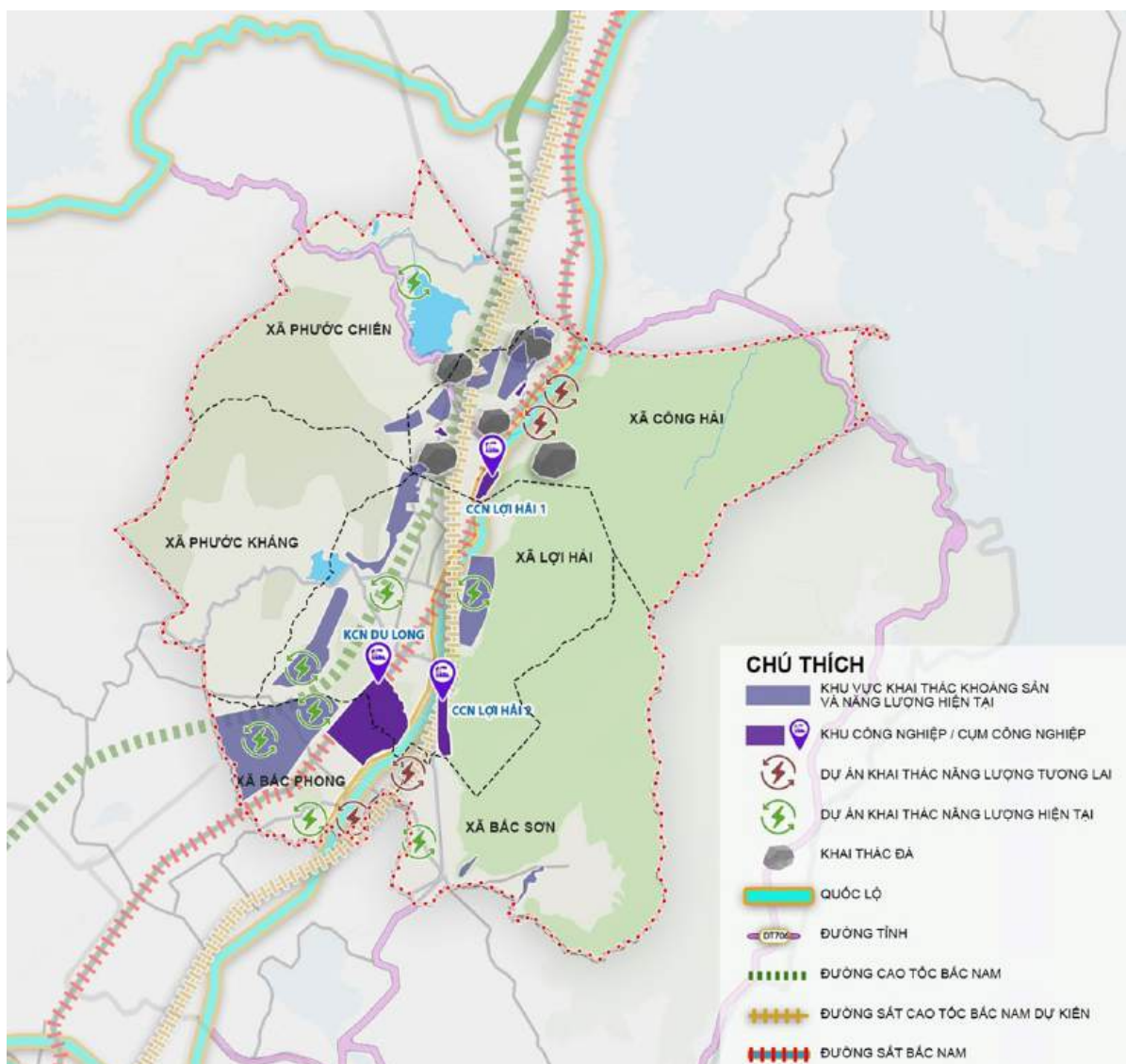
c. Tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên:

- Tài nguyên đất: thích hợp với lúa, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả và phát triển lâm nghiệp. Tuy nhiên loại đất tốt thích hợp cho sản xuất nông nghiệp rất ít.

- Tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp chiếm 69,7% diện tích tự nhiên của huyện, tuy nhiên không có giá trị về khai thác gỗ, chủ yếu là phục vụ bảo tồn nguồn gen rừng bán khô hạn, bảo vệ môi trường và kết hợp phát triển du lịch sinh thái.
- Tài nguyên khoáng sản: Có mỏ đá xây dựng, đá chẻ, đất sét thuận lợi cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng.

d. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo:

- Hiện nay, việc phát triển năng lượng tái tạo dạng tập trung đã được đánh giá và triển khai quy hoạch theo Quy hoạch phát triển điện gió quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, hiện đã có 9 dự án được triển khai (trong 10 vị trí được quy hoạch), các vị trí thuận lợi để phát triển dự án điện gió, điện mặt trời đã được đánh giá và quy hoạch, nên hầu như không còn dư địa cho việc phát triển mới các dự án năng lượng tập trung (chỉ còn 1 dự án ĐMT trên hồ Bà Râu đang kêu gọi đầu tư).
- Tuy nhiên, với nguồn tài nguyên về nắng, gió tại địa phương, huyện Thuận Bắc vẫn còn dư địa lớn trong việc phát triển năng lượng tái tạo dạng phi tập trung, nghĩa là phát triển điện gió quy mô nhỏ và điện mặt trời áp mái (lắp đặt tại nhà dân, cơ quan công sở, khu công nghiệp...). Phát triển điện mặt trời mái nhà còn là hình thức sản xuất điện vừa phục vụ mục đích sản xuất, sinh hoạt, vừa tăng thêm thu nhập của người dân. Đây là một trong các tiềm năng về năng lượng có thể được khai thác và nghiên cứu đưa vào phát triển ở thời kỳ này. Nội dung này cũng phù hợp với Phương án phát triển được nêu tại Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch điện VIII), cụ thể là Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản tự tiêu (trong đó có điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia).

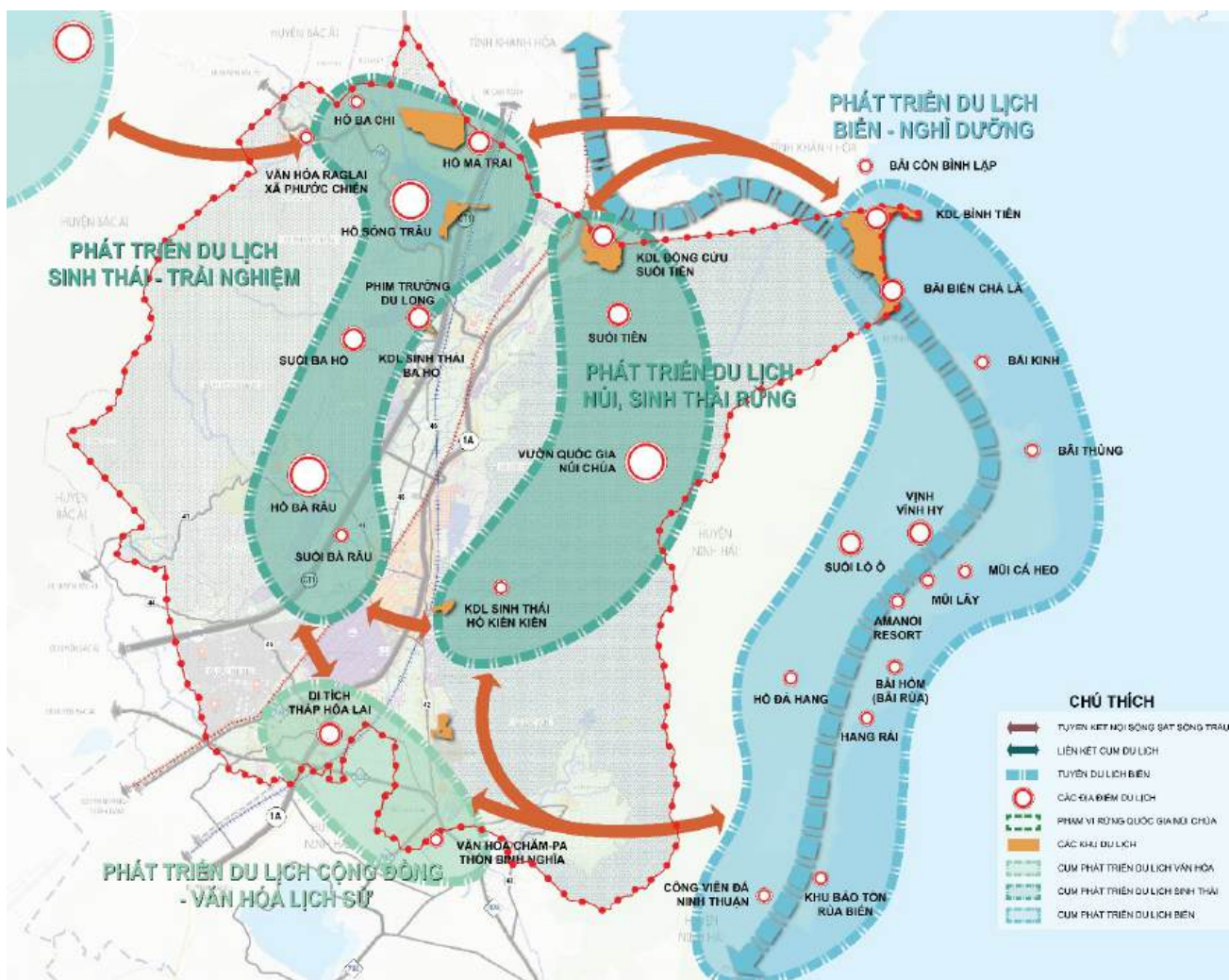


Hình 21 – Tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và phát triển năng lượng

e. Tiềm năng về phát triển du lịch:

Thuận Bắc là địa bàn giàu tiềm năng về du lịch như:

- Du lịch biển: Bãi biển Bình Tiên dài 3,8km.
- Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, sinh thái rừng – biển: Vườn Quốc gia Núi Chúa là khu bảo tồn thiên nhiên rừng khô hạn điển hình của Việt Nam. Sông suối có nhiều ghềnh thác đẹp như: Suối Tiên, suối Kiên Kiên, suối Sừng Trâu, suối Ba Hồ,...
- Du lịch văn hoá với các loại thắng cảnh và di tích như Bình nguyên Ma Trai, di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai được xây dựng từ thế kỷ thứ VIII, nhiều giá trị văn hóa truyền thống, các di tích phi vật thể được xếp hạng như Lễ bỏ mả của người Raglai ở xã Phước Chiến; Nghi lễ đầu năm của người Chăm ở làng Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, ...thích hợp phát triển du lịch cộng đồng gắn với du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.



Hình 22 – Tiềm năng phát triển du lịch của vùng huyện Thuận Bắc

1.5.2. Động lực phát triển vùng:

- Phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, là đô thị vệ tinh phụ trợ có chức năng riêng biệt của Vùng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với chức năng là đô thị công nghiệp – dịch vụ.
- Phát triển công nghiệp tập trung: khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Lợi Hải 1, cụm công nghiệp Lợi Hải 2;
- Duy trì công nghiệp điện năng tập trung: phong điện, năng lượng mặt trời. Phát triển loại hình công nghiệp điện năng phân tán: điện gió quy mô nhỏ và điện mặt trời trên mái để khai thác tối đa lợi thế năng và gió tại huyện.
- Phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái biển – rừng, giải trí cao cấp.
- Hình thành các vùng chuyên canh cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khai thác tối đa lợi thế của hệ thống thủy lợi hồ Sông Trâu, hồ Bà Râu. Phát triển dịch vụ thương mại, làng nghề; Các loại hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao.

II. CÁC CHỈ TIÊU DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG:

2.1. Mục tiêu phát triển vùng:

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển mạnh về công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Về năng lượng, duy trì thế mạnh sẵn có tại các dự án phong điện, điện mặt trời tập trung, phát triển loại hình năng lượng năng lượng tái tạo theo hướng phân tán.
- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó có hiệu quả với tình hình biến đổi khí hậu.
- Bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Bảo đảm quốc phòng - an ninh.
- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

2.2. Cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng:

Cơ sở dự báo các chỉ tiêu của đồ án như dự báo chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự báo dân số, dự báo quy mô khu, cụm công nghiệp, ... dựa trên các tiêu chí sau:

- *Dựa trên các quy hoạch cấp trên đã được duyệt:* Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc.

- *Dựa trên định hướng phát triển kinh tế - xã hội:*

Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm 2021 – 2025 đã ban hành tại Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thuận Bắc trong Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050: Nghiên cứu đề xuất phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Thuận Bắc thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- *Dựa trên tiêu chuẩn về dân số theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 15/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị:* trong đó đáp ứng tiêu chí về dân số của đô thị loại V đến năm 2025 và đạt tiêu chí đô thị loại IV đến năm 2050.
- *Dựa trên tỷ lệ gia tăng dân số hàng năm:* bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học do sự dịch chuyển lao động từ ngoại tỉnh và nội tỉnh đến làm việc ở Khu công nghiệp Du Long và các ngành dịch vụ đô thị khác.

2.3. Chỉ tiêu về kinh tế - xã hội:

Căn cứ pháp lý: Căn cứ theo Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của Quy hoạch tỉnh trên địa bàn huyện Thuận Bắc thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (*hồ sơ đã được hoàn thiện theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*).

2.3.1. Dự báo về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Tập trung huy động tốt nhất mọi nguồn lực để khai thác tiềm năng, thế mạnh của huyện, nhất là thế mạnh về năng lượng tái tạo, dịch vụ - du lịch, phát triển kinh tế - xã hội đạt tốc độ tăng trưởng cao, tập trung nâng cao chất lượng tăng trưởng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng các ngành, lĩnh vực, sản phẩm và dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng cao.

- Giai đoạn 2021 - 2025:
 - + Phần đầu giá trị sản xuất các ngành tăng bình quân hàng năm tăng 19 - 20%, trong đó:
 - o Ngành nông nghiệp tăng 12-13%;
 - o Ngành công nghiệp-xây dựng tăng 20-21%;
 - o Ngành dịch vụ tăng 23-24%.
 - + Cơ cấu kinh tế: Theo hướng giảm dần nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ:
 - o Nông nghiệp: 15,1% (hiện trạng 2016 – 2020), 15,3% (hiện trạng 2021 – 2023), 11,32% (dự báo giai đoạn 2021 – 2025);
 - o Công nghiệp – xây dựng: 76,3% (hiện trạng 2016 – 2020), 76,1% (hiện trạng 2021 – 2023), 77,97% (dự báo giai đoạn 2021 – 2025);
 - o Thương mại – dịch vụ: 8,6% (hiện trạng 2016 – 2020), 8,6% (hiện trạng 2021 – 2023), 10,71% (dự báo giai đoạn 2021 – 2025).
 - + Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 (*Căn cứ theo Văn bản số 2797/CTNTH-NVDTPC ngày 12/08/2024 của Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp số thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 và dự báo tình hình thu ngân sách giai đoạn 2026-2030*):

Bảng 13 – Kết quả thu ngân sách nhà nước 5 năm 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	118,9	430,1	320,4	291,7	391,5	411,1
	Trong đó:							
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng						
	- Thu nội	Tỷ đồng	118,9	430,1	320,4	291,7	391,5	411,1
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng						
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng						
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	101,4	258,8	269,1	274,8	350,0	367,5
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	17,5	171,3	51,3	16,9	41,5	43,6

- + Tổng mức đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn (2021-2025) đạt 15.500 - 16.000 tỷ đồng.
- Định hướng đến năm 2030:
 - + Cơ cấu kinh tế: Thuận Bắc tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng ngành Công nghiệp - xây dựng, chú trọng phát triển công nghiệp sạch, năng lượng tái tạo và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và dịch vụ. Chỉ tiêu cụ thể của từng ngành sẽ được nghiên cứu và đề xuất trong Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội huyện Thuận Bắc giai đoạn 5 năm 2026 – 2030.

- + Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2030 (Căn cứ theo Văn bản số 2797/CTNTH-NVDTPC ngày 12/08/2024 của Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp số thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 và dự báo tình hình thu ngân sách giai đoạn 2026-2030):

Bảng 14 – Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 5 năm 2025-2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	411,1	431,6	453,1	475,8	499,6	524,6
	Trong đó:							
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng						
	- Thu nội	Tỷ đồng	411,1	431,6	453,1	475,8	499,6	524,6
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng						
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng						
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	367,5	385,8	405,1	425,4	446,6	369,0
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	43,6	45,8	48,0	50,4	53,0	55,6

- + Tổng mức đầu tư toàn xã hội đến năm 2030 dự kiến đạt khoảng 38.000 tỷ đồng.
- + GDP bình quân đầu người: Giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, thực hiện tốt các chính sách và giải pháp giải quyết việc làm, tạo việc làm mới cho lao động, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống. Thu nhập bình quân đầu người năm của huyện Thuận Bắc tăng từ 0,5-0,7 lần so với cả nước.

2.3.2. Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội, môi trường:

- Giai đoạn 2021 – 2025 (theo Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Thuận Bắc):
 - + Mức giảm sinh bình quân mỗi năm từ 0,2 - 0,3‰;
 - + Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm 2,5%;
 - + Phân đấu đến năm 2025 có 03 xã đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;
 - + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%;
 - + Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số;
 - + Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,8%;
 - + Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình hợp vệ sinh đạt 76%.
- Giai đoạn 2026 – 2030 (theo Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của Quy hoạch tỉnh):
 - + Giữ mức giảm sinh bình quân mỗi năm từ 0,2 - 0,3‰;
 - + Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm giảm 2,5%;
 - + Tất cả các xã thuộc huyện Thuận Bắc đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;
 - + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%;
 - + Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 100% dân số;
 - + Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%;
 - + Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình hợp vệ sinh đạt trên 85%.

Bảng dự báo về cơ cấu lao động của huyện Thuận Bắc qua các thời kỳ

	Huyện Thuận Bắc	2010	2011-2015	2016-2020	2021-2023	2021-2025 (ước tính)	2026-2030 (ước tính)
1	Dân số cuối kỳ	38.167	40.539	43.553	43.907	47.000	55.000
2	Tổng lao động đang làm việc trong các ngành	22.751	24.973	27.411	28.987	30.088	33.026
	- Tỷ lệ % so với dân số	59,61%	61,60%	62,94%	66,02%	64,02%	60,05%
	- Nông - lâm nghiệp	18.542	18.505	18.283	18.262	18.510	15.918
	+ Tỷ lệ %	81,50%	74,10%	66,70%	63,00%	61,52%	48,20%
	- Phi nông nghiệp	4.209	6.468	9.128	10.725	11.578	17.108
	+ Tỷ lệ %	18,50%	25,90%	33,30%	37,00%	38,48%	51,80%
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	25%	35%	45%	50%	52%	70%
	- Số lao động đã đào tạo được trong kỳ		2.072	1.844	750	1.250	2.000
	- Tổng số lao động qua đào tạo	5.688	8.740	12.335	14.494	15.646	23.118
	- Số lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp	4.209	6.468	9.128	10.725	11.578	17.108
	+ Tỷ lệ %	74,00%					

(Nguồn: Dữ liệu điều tra, các báo cáo kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc qua các thời kỳ 2011-2015, 2016-2020, 2021-2023, IPU 33 của Quy hoạch tỉnh và tính toán nội suy của đơn vị tư vấn)

– Về cơ cấu lao động: Đến năm 2025, cơ cấu lao động của huyện vẫn là cơ cấu lao động nông nghiệp với tỷ lệ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn 61,52% (theo tính toán). Đến năm 2030, định hướng cơ cấu lao động của huyện định hướng sẽ chuyển dần sang cơ cấu lao động phi nông nghiệp với tỷ lệ làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm 51,80%, phù hợp với định hướng phát triển của huyện về công nghiệp - xây dựng, năng lượng tái tạo, phát triển kinh tế biển.

– Về lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 48,20%): theo định hướng phát triển của Huyện và Quy hoạch tỉnh, định hướng giảm 1.250,17ha diện tích Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, phát triển bền vững, gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Như vậy, lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp giảm (chuyển sang phi nông nghiệp) so với các thời kỳ trước cũng phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của huyện theo hướng chuyên môn hóa cao, giảm quy mô, tăng sản lượng và chất lượng cao.

2.4. Dự báo phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

– Phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch dựa trên lợi thế của huyện, lấy công nghiệp chế biến, năng lượng làm động lực thúc đẩy tăng trưởng nhanh để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và nâng cao hiệu quả nền kinh tế.

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030 tập trung phát triển công nghiệp theo hướng tập trung ở các khu công nghiệp và cụm công nghiệp được bố trí dọc theo Quốc lộ 1A như:
 - + KCN Du Long quy mô là 407,28ha với các ngành nghề ít gây ảnh hưởng đến môi trường như lắp ráp điện tử, tin học, các ngành nghề công nghệ cao, các dự án phục vụ cho sản xuất năng lượng tái tạo; công nghệ cơ khí chế tạo máy nông, công nghiệp; công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; sản xuất hàng tiêu dùng; dệt may, đóng bao bì sản phẩm.
 - + Cụm Công nghiệp Lợi Hải 1, diện tích 15,589 ha.
 - + Cụm Công nghiệp Lợi Hải 2, diện tích 33,4176 ha.
 - + Tập trung thu hút các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong đó ưu tiên: chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, sản xuất chế biến gỗ, sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương. (phù hợp theo nội dung Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ).
- Dự báo diện tích đất khu, cụm công nghiệp của huyện đến năm 2030 khoảng 456,29 ha.

Bảng 15 – Dự báo các khu, cụm công nghiệp đến năm 2030

TT	Tên khu, cụm công nghiệp	Quy mô (ha)	
		Năm 2020	Năm 2030
1	Khu công nghiệp Du Long	407,28	407,28
2	Cụm công nghiệp Lợi Hải 1		15,589
3	Cụm công nghiệp Lợi Hải 2		33,4176
Tổng cộng		407,28	456,29

2.5. Dự báo dân số:

2.5.1. Cơ sở dự báo dân số:

Công thức tính dự báo dân số theo tỷ lệ tăng dân số:

$$A_n = A_0 \times (1+B)^{(n-n_0)}$$

A_n : Dân số tại năm n

A_0 : Dân số hiện trạng

B : Tỷ lệ gia tăng dân số (tính đến năm n)

n : năm hiện trạng

n_0 : năm quy hoạch

Cơ sở dự báo dân số:

- Dựa trên các đồ án quy hoạch có liên quan như:
 - + Dân số toàn huyện: Dựa trên phân bổ dân số của Đồ án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- + Dân số đô thị: Dựa trên đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị Lợi Hải đã duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 09/03/2024.

2.5.2. Dự báo dân số theo Quy hoạch tỉnh và Nhiệm vụ quy hoạch đã duyệt:

- Dự báo dân số toàn huyện:
 - + Năm 2025 : 46.633 người.
 - + Năm 2030 : 49.255 người.
- Dự báo dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa:
 - + Hiện trạng 2023 : Chưa có.
 - + Năm 2025 : 11.635 người, tỷ lệ đô thị hóa 25,0%
 - + Năm 2030 : 18.037 người, tỷ lệ đô thị hóa 36,6%
- Dự báo dân số nông thôn:
 - + Hiện trạng năm 2023: 43.907 người.
 - + Năm 2025 : 35.000 người
 - + Năm 2030 : 31.200 người

2.5.3. Dự báo dân số theo tính toán và theo xu hướng phát triển của địa phương:

- Dân số dự báo theo Nhiệm vụ đã duyệt được phân bổ theo Quy hoạch tỉnh, theo đó:
 - + Dân số nông thôn đến năm 2025: có xu hướng giảm, do dân số tại trung tâm xã Lợi Hải (cụ thể tại thôn Bà Râu 1, Bà Râu 2, Ấn Đạt, Kiên Kiên 1, Kiên Kiên 2) chuyển thành dân số đô thị (theo sự hình thành của đô thị Lợi Hải), nhưng dân số nông thôn tại các xã vẫn tăng với tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1,2-1,3%.
 - + Dân số nông thôn đến năm 2030: tiếp tục giảm, giai đoạn này có sự giảm dân số tại các xã vùng nông thôn, trong khi chỉ có 1 đô thị tại huyện Thuận Bắc, việc đô thị hóa vùng nông thôn của các xã (làm giảm dân số nông thôn) là điều khó xảy ra, nên dân số nông thôn thời kỳ này tiếp tục tăng tự nhiên. Nguyên nhân: Dân số nông thôn được kiểm soát bởi Dân số toàn huyện. Dân số toàn huyện trong đồ án Quy hoạch tỉnh được phân bổ dựa trên dân số thường trú tại địa phương, còn lượng dân số tạm trú (sống và làm việc tạm thời tại các khu, cụm công nghiệp hoặc các ngành dịch vụ khác) chưa được tính vào (còn gọi là dân số quy đổi).
- Trong đồ án Quy hoạch chung đô thị Lợi Hải có xác định lực lượng lao động làm việc tại KCN Du Long ngoài lực lượng lao động tại địa phương (các xã lân cận) thì còn có lượng dân nhập cư từ vùng khác đến sống và làm việc, làm tăng dân số đô thị.
- Như vậy, theo lí giải trên, dân số toàn huyện có thể hiểu ngoài lượng dân cư sinh sống tại địa phương (do tăng tự nhiên), thì còn lượng cư dân nhập cư (tăng cơ học) từ vùng khác đến sống và làm việc tại khu, cụm công nghiệp và sống tại đô thị Lợi Hải. Đồ án Quy hoạch tỉnh phân bổ Dân số toàn huyện đến năm 2030 khoảng 49.200 người chủ yếu là dân cư địa phương, nếu tính thêm dân số tăng cơ học do nhập cư thì khoảng 54.000 – 55.000 người (tương ứng với lượng dân số tăng cơ học được tính toán trong đồ án Quy hoạch chung đô thị Lợi Hải được duyệt là khoảng 5.100 – 5.900 người).

Như vậy, theo tính toán, thì dân số của huyện Thuận Bắc sẽ được điều chỉnh như sau (bao gồm dân số tăng tự nhiên và cơ học):

- Dự báo dân số toàn huyện:

- + Năm 2025 : 46.000 – 47.000 người.
 - + Năm 2030 : 54.000 – 55.000 người.
 - Dự báo dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa:
 - + Hiện trạng 2023 : Chưa có.
 - + Năm 2025 : 11.700 – 12.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 25,0%
 - + Năm 2030 : 17.000 – 18.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 32,73%
 - Dự báo dân số nông thôn:
 - + Hiện trạng năm 2023: 43.907 người.
 - + Năm 2025 : 34.000 – 35.000 người.
 - + Năm 2030 : 37.000 – 38.000 người.
- ❖ Bảng so sánh chỉ tiêu dân số giữa Quy hoạch tỉnh và đồ án Điều chỉnh vùng huyện:

TT	Dân số	Hiện trạng	QH SĐĐ huyện	Nội dung đề xuất tích hợp số 33			QH tỉnh	QH vùng huyện đang lập	
				2025	2030	2050		2030	2025
	Toàn huyện	43.805	50.300	46.700	49.200	54.000	49.200	47.000	55.000
A	Đô thị Lợi Hải	-	13.200	16.700	23.700	39.000	18.000	12.000	18.000
B	Nông thôn:	43.805	37.100	30.000	25.500	15.000	31.200	35.000	37.000
1	- X Lợi Hải	13.731	2.608					2.548 ↘	2.600 ↗
2	- X Công Hải	7.972	9.140					8.602 ↗	9.140 ↗
3	- X P Chiến	4.730	5.419					5.104 ↗	5.423 ↗
4	- X P Kháng	2.516	2.883					2.715 ↗	2.885 ↗
5	- X Bắc Sơn	9.017	10.350					9.730 ↗	10.338 ↗
6	- X Bắc Phong	5.839	6.696					6.301 ↗	6.695 ↗

	Quy hoạch tỉnh	Điều chỉnh vùng huyện	Đánh giá so với QH tỉnh
Dân số toàn huyện:			
- Đến 2025	46.633	46.000 – 47.000	Phù hợp
- Đến 2030	49.200	54.000 – 55.000	Cao hơn do tăng cơ học
Dân số đô thị:			
- Đến 2025	11.635	11.700 – 12.000	Phù hợp
- Đến 2030	18.037	17.000 – 18.000	Phù hợp
Tỷ lệ đô thị hóa			
- Đến 2025	25,0%	25,0%	Phù hợp
- Đến 2030	36,6%	32,73%	Thấp hơn

Dân số nông thôn:			
– Đến 2025	35.000	34.000 – 35.000	Phù hợp
– Đến 2030	31.200	37.000 – 38.000	Cao hơn do tăng tự nhiên

2.6. Dự báo nhu cầu đất đai:

2.6.1. Dự báo về nhu cầu đất xây dựng:

- Nhu cầu đất xây dựng toàn huyện được hiểu là bao gồm đất xây dựng đô thị, đất xây dựng điểm dân cư nông thôn và đất xây dựng các chức năng khác của huyện như khu công nghiệp, khu du lịch, đường giao thông kết nối, đất cho công trình thủy lợi, năng lượng và các chức năng phi nông nghiệp khác.
- Dự báo quy mô đất xây dựng:
 - + Đến năm 2025 : khoảng 3.900 – 4.200 ha.
 - + Đến năm 2030 : khoảng 4.600 – 5.150 ha (phù hợp với QĐ 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc và phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cho huyện Thuận Bắc được đề cập tại Nội dung đề xuất tích hợp số 5 của Quy hoạch tỉnh đã duyệt).

2.6.2. Dự báo về nhu cầu đất xây dựng đô thị:

- Nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị toàn huyện được dự báo dựa trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, dự báo đất xây dựng đô thị của huyện theo Quy hoạch sử dụng đất Huyện và định hướng phát triển của đô thị Lợi Hải.
- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị: 120 – 200 m²/người.
- Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị:
 - + Đến năm 2025 : khoảng 140 – 240 ha.
 - + Đến năm 2030 : khoảng 250 – 360 ha.

2.6.3. Dự báo về nhu cầu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn:

- Cơ sở tính toán:
 - + Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc, đất ở tại nông thôn toàn huyện đến năm 2030 là 393,0ha, dân số nông thôn là 37.081 người (gồm dân số phần còn lại của xã Lợi Hải và 5 xã còn lại, tính toán theo tỷ lệ tăng dân số và phương pháp tính nội suy, nên dân số nông thôn là 37.081 người). Như vậy chỉ tiêu đất ở tại nông thôn toàn huyện đến năm 2030 là 105,98m²/người.
 - + Căn cứ Bảng 2.31 của QCVN 01:2021/BXD, chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn như sau:

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
Đất xây dựng công trình nhà ở	25	67,57%
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5	13,51%
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5	13,51%

Cây xanh công cộng	2	5,41%
Tổng cộng	37	100%
Chú thích: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện		

- Như vậy, chỉ tiêu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn toàn huyện năm 2020 là:

$$= 105,98 \times 100\% \div 67,57\% = 156,85 \text{ m}^2/\text{người}$$
- Chỉ tiêu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn: 150 – 160m²/người (4 người/hộ).
- Dự báo nhu cầu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn:
 - + Đến năm 2025: khoảng 515 – 560 ha.
 - + Đến năm 2030: khoảng 555 – 610 ha.

2.7. Dự báo hệ thống đô thị:

Căn cứ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận đã duyệt và Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 đã duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận, xác định số đô thị và phân loại đô thị huyện Thuận Bắc như sau:

Huyện Thuận Bắc có 1 đô thị là đô thị Lợi Hải:

- Giai đoạn 2021 – 2025: Phát triển Lợi Hải đạt tiêu chuẩn đô thị loại V và trở thành thị trấn.
- Giai đoạn 2026 – 2030: Tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của Thị trấn Lợi Hải.
- Tầm nhìn 2050: Đô thị Lợi Hải cơ bản đạt theo các tiêu chí của đô thị loại IV.

2.8. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật vùng:

Trên cơ sở quy mô dân số như đã phân tích ở trên, các chỉ tiêu kỹ thuật chính được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 16 – Các chỉ tiêu kỹ thuật trong Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Giai đoạn	
			2021-2025	2026-2030
1	Chỉ tiêu giao thông: – Căn cứ theo TCVN 13592:2022 – Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Căn cứ theo QCVN 07-4:2016/BXD			
	– Khu vực đô thị:			
	– Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới \geq 11,5m)	km/km ²	≥ 6	≥ 6
	– Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 11
	– Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 5
	– Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 1

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Giai đoạn	
			2021-2025	2026-2030
	– Khu vực nông thôn:			
	– Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	Cấp	≥ VI (mặt đường ≥3,5m, nền đường ≥6,5m)	≥ VI (mặt đường ≥3,5m, nền đường ≥6,5m)
2	– Chỉ tiêu cấp nước: – Căn cứ theo bảng 3.1, TCVN 13606:2023 – Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15			
	– Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	L/người.ng đ	≥100	≥100
	– Tỷ lệ cấp nước	%	≥95	≥95
	– Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn (tập trung)	L/người.ng	60-120	60-120
	– Tỷ lệ cấp nước	đ	80-95	80-95
	– Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	% m ³ /ha	20	20
3	– Chỉ tiêu thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang: – Căn cứ theo TCVN 7957:2023 – Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15			
	– Tiêu chuẩn nước thải dân sinh hoạt	100% TC cấp nước	100%	100%
	– Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp	100% TC cấp nước	100%	100%
	– Tiêu chuẩn thu gom rác thải	Kg/người/ngày	0,9	0,9
	– Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥85	≥85
	– Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥90	≥90
	– Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥70	≥70
4	– Chỉ tiêu cấp điện: – Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15			

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Giai đoạn	
			2021-2025	2026-2030
	– Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị	KW/ng/năm	1.000	1.000
	– Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn	KW/ng/năm	400	400
	– Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp	KW/ha	160-350	160-350
	– Tiêu chuẩn cấp điện TT công nghiệp	KW/ha	120-140	120-140

PHẦN D. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

I. TỔ CHỨC PHÂN VÙNG:

1.1. Mô hình phát triển không gian vùng:

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình 01 đô thị trung tâm cùng với hệ thống các trục vành đai phát triển. Trong đó:

- Lấy đô thị Lợi Hải làm hạt nhân phát triển không gian lan tỏa ra các xã lân cận tạo động lực phát triển cho nội vùng. Đô thị Lợi Hải có tính chất là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế-xã hội, đô thị hậu cần cho phát triển công nghiệp (gồm nhà ở công nhân và các chức năng khác phục vụ cho nhu cầu ở và làm việc của người lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trong huyện) và thương mại dịch vụ.
- Các trục đường liên kết chính gồm Quốc lộ 1 hiện hữu, đường cao tốc Bắc - Nam, đường tỉnh 706 và hệ thống các trục đường tỉnh, đường huyện, liên kết vùng Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và vùng huyện Ninh Hải, Bác Ái.

1.2. Tổ chức phân vùng:

1.2.1. Phân vùng phát triển:

a. Mục tiêu phân vùng:

– Là phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác.

– Tạo ra cơ hội tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Các vùng kinh tế thường có những đặc điểm chung về nguồn lực, cơ sở hạ tầng, môi trường kinh doanh, và hạ tầng nhân lực. Việc tạo ra và phát triển các vùng kinh tế mạnh có thể giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và giảm bất đẳng thức kinh tế giữa các vùng.

b. Cơ sở để phân vùng:

– Điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, tài nguyên và hệ thống hạ tầng liên kết nội vùng.

– Điều kiện xã hội như văn hóa, phong tục tập quán.

– Điều kiện kinh tế như trình độ phát triển hiện tại, tập quán sản xuất, ngành nghề truyền thống.

- Hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật hiện tại.
- Tiềm năng phát triển các ngành kinh tế, thế mạnh địa phương và các hạn chế đối với quá trình phát triển KTXH,...

c. So sánh phương án phân vùng phát triển kinh tế giữa Quy hoạch vùng huyện đã duyệt và Quy hoạch vùng huyện đang điều chỉnh:

	Theo Quy hoạch vùng huyện đã duyệt	Theo Đồ án đề xuất	
	Phương án 1 – 02 tiểu vùng	Phương án 2 – 03 tiểu vùng	Phương án 3 – 03 tiểu vùng
Sơ đồ phân vùng			
Cơ sở phân vùng	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đã duyệt. - Phương án 1 căn cứ vào tiềm năng và điều kiện phát triển trong tương lai của mỗi phân vùng, tạo điều kiện thuận lợi để tập trung đầu tư và khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế của mỗi phân vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên đặc trưng tự nhiên và tiềm năng phát triển kinh tế từng vùng. - Phương án 2 chia nhỏ vùng động lực của phương án 1 thành 2 phân vùng (theo ranh giới của Vườn Quốc gia Núi Chúa), tạo nên 3 tiểu vùng có sức cạnh tranh tương đối đồng đều nhau. - 3 phân vùng có điều kiện địa lý để phát triển tương tự nhưng lợi thế để phát triển kinh tế tương đối khác nhau (phát triển đô thị, công nghiệp kết hợp dịch vụ - thương mại). 	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên khả năng kết nối vùng thông qua các tuyến giao thông chính. - Phương án 3 chia theo ranh giới hành chính xã, mỗi tiểu vùng gồm 2 xã với đô thị trung tâm và 2 trung tâm cụm xã tạo động lực thúc đẩy các xã lân cận phát triển.

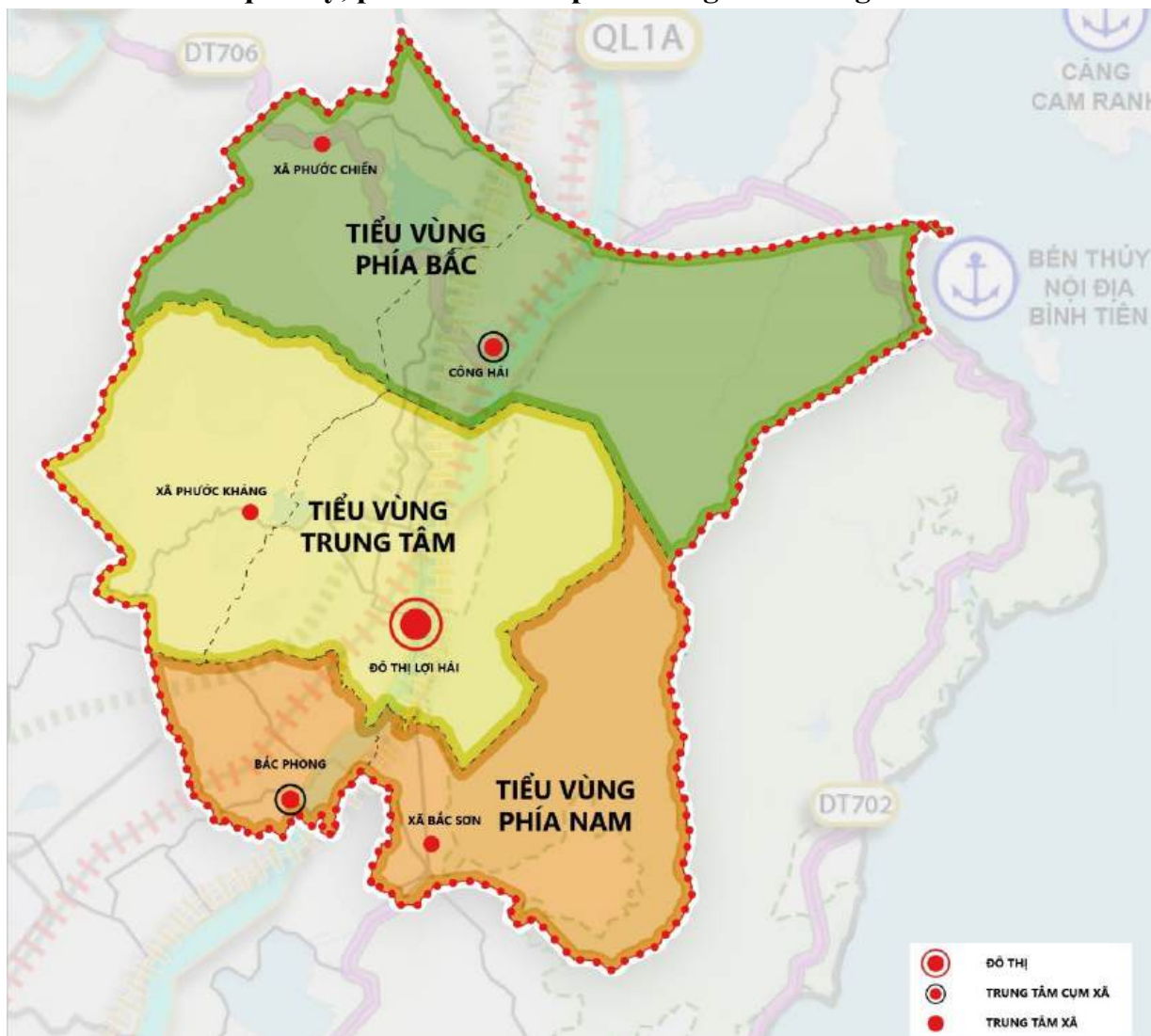
		<p>mại; bảo tồn vườn quốc gia và du lịch rừng – biển cao cấp; du lịch sinh thái gắn với dự trữ phát triển).</p>	
Các phân vùng	<p>02 tiểu vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vùng kinh tế động lực: gồm đô thị Lợi Hải, xã Lợi Hải, xã Công Hải, xã Bắc Sơn, xã Bắc Phong. Đô thị Lợi Hải là đô thị trung tâm vùng. – Vùng kinh tế phía Tây: gồm xã Phước Chiến, xã Phước Kháng và thôn Xóm Bằng – Bắc Sơn 	<p>03 tiểu vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tiểu vùng trung tâm: gồm đô thị Lợi Hải, một phần xã Lợi Hải và xã Bắc Phong. – Tiểu vùng phía Đông: gồm xã Bắc Sơn, xã Công Hải và một phần xã Lợi Hải. – Tiểu vùng phía Tây: gồm xã Phước Chiến, xã Phước Kháng. 	<p>03 tiểu vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tiểu vùng trung tâm: gồm xã Lợi Hải và xã Phước Kháng. – Tiểu vùng phía Bắc: gồm xã Phước Chiến và xã Công Hải – Tiểu vùng phía Nam: gồm xã Bắc Phong và xã Bắc Sơn
Trung tâm tiểu vùng	<ul style="list-style-type: none"> – Vùng kinh tế động lực: Đô thị Lợi Hải – Vùng kinh tế phía Tây: Trung tâm xã Phước Chiến 	<ul style="list-style-type: none"> – Tiểu vùng trung tâm: Đô thị Lợi Hải – Tiểu vùng phía Đông: Trung tâm cụm xã Công Hải – Tiểu vùng phía Tây: Trung tâm xã Phước Chiến 	<ul style="list-style-type: none"> – Tiểu vùng trung tâm: Đô thị Lợi Hải – Tiểu vùng phía Bắc: Trung tâm cụm xã Công Hải – Tiểu vùng phía Nam: Trung tâm cụm xã Bắc Phong

<p>Tính chất các tiểu vùng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng kinh tế động lực: Là vùng phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, công nghiệp, phong điện. Là vùng có cảnh quan đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Núi Chúa. Phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển. - Vùng kinh tế phía Tây: Là vùng phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái rừng – hồ cảnh quan, nông nghiệp công nghệ cao, phát huy mô hình kinh tế trang trại, nông lâm, vườn rừng. Phát triển thủy lợi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu vùng trung tâm: Phát triển đô thị công nghiệp Lợi Hải, đô thị trung tâm huyện Thuận Bắc. - Tiểu vùng phía Đông: Vùng bảo tồn Vườn Quốc gia Núi Chúa và vùng phụ cận ven biển phát triển du lịch chất lượng cao. - Tiểu vùng phía Tây: Phát triển du lịch sinh thái gắn với dự trữ phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu vùng trung tâm: Phát triển kinh tế đô thị - là khu vực trung tâm huyện Thuận Bắc, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục đô thị. Là trung tâm dịch vụ, thương mại kết hợp phát triển công nghiệp, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông. Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng. - Tiểu vùng phía Bắc: Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp sạch; là vùng du lịch trọng điểm phía Bắc, phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch chất lượng cao với Bình Tiên là trọng tâm, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan. - Tiểu vùng phía Nam: Vùng công nghiệp - năng lượng tái tạo, phát huy mô hình nông - lâm nghiệp kết hợp kinh tế trang trại, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa.
<p>Liên kết vùng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 vùng kinh tế kết nối với nhau qua tỉnh lộ 706 và đường huyện 41 theo hướng Đông Tây, cụ thể: - Tỉnh lộ 706 kết nối trung tâm xã Phước Chiến với trung tâm xã Công Hải; 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 vùng kinh tế kết nối với nhau qua đường quốc lộ 1 theo hướng Bắc Nam và tỉnh lộ 706, đường huyện 41 theo hướng Đông Tây, cụ thể: 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 vùng kinh tế kết nối với nhau qua Quốc lộ 1 theo hướng Bắc Nam. - Kết nối nội vùng qua tỉnh lộ 706, đường huyện 41 và đường tỉnh 702B.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đường huyện 41 kết nối trung tâm xã Phước Kháng với đô thị Lợi Hải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quốc lộ 1 kết nối trung tâm xã Công Hải, Bắc Phong và đô thị Lợi Hải. - Tỉnh lộ 706 kết nối trung tâm xã Phước Chiến với trung tâm xã Công Hải; Đường huyện 41 kết nối trung tâm xã Phước Kháng với đô thị Lợi Hải. 	
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung được thế mạnh vào vùng động lực để tập trung nguồn lực phát triển, làm động lực để phát triển toàn vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi thế phát triển kinh tế vùng được phân bố đồng đều hơn. Thế mạnh của mỗi vùng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, vị trí địa lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối nội vùng và ngoại vùng tốt. - Các trung tâm tiểu vùng phù hợp với định hướng của Quy hoạch tỉnh đã duyệt.
Khuyết điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi thế phát triển kinh tế toàn vùng huyện không đồng đều, chủ yếu tập trung tại phân vùng kinh tế động lực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối nội vùng kém (do địa hình đồi núi ở phía Đông và Tây huyện, nên xã Phước Chiến và xã Phước Kháng thuộc tiểu vùng phía Tây chưa có kết nối; xã Công Hải và Bắc Sơn thuộc tiểu vùng phía Đông chưa có kết nối). 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi thế phát triển kinh tế vùng bị phân tán, chưa tập trung rõ chức năng.

Kết luận: Phương án 3 (3 tiểu vùng) là phương án chọn do có nhiều ưu điểm vượt trội hơn trong cách phân vùng, giúp phát huy tiềm năng, lợi thế vùng.

1.2.2. Yêu cầu quản lý, phát triển theo phân vùng chức năng kinh tế:



Hình 23 – Sơ đồ phân vùng chức năng kinh tế

a. Tiểu vùng 1 (Tiểu vùng trung tâm):

- Vị trí: Nằm ở trung tâm của huyện Thuận Bắc.
- Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Lợi Hải và xã Phước Kháng.
- Quy mô:
 - + Diện tích: 114,96 km²
 - + Dân số: Hiện trạng năm 2022 : 16.247 người
Đến năm 2025 : 16.898 người
Đến năm 2030 : 23.522 người
- Các trục giao thông động lực: Quốc lộ 1, đường nối cao tốc Bắc – Nam, đường huyện 41 nối Phước Kháng – Lợi Hải.
- Tính chất, chức năng: Phát triển kinh tế đô thị - là khu vực trung tâm huyện Thuận Bắc, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục đô thị. Là trung tâm dịch vụ, thương mại kết hợp phát triển công nghiệp, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông. Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.
- Trung tâm tiểu vùng: đô thị Lợi Hải.
- Tiềm năng và nguồn lực phát triển:

- + Vị trí địa lý kinh tế: Nằm ở vị trí trung tâm huyện, thuận lợi cho việc tiếp cận đến các tiểu vùng lân cận.
- + Tiềm năng tự nhiên – nhân văn:
 - o Tiềm năng đất: Quỹ đất thuận lợi cho phát triển đô thị. Đất phù sa ở xã Lợi Hải thích hợp trồng lúa nước, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả. Trồng cây điều, cây ăn quả, cây dược liệu theo hướng sản xuất hữu cơ để nâng cao giá trị, thu nhập cho người dân ở Phước Kháng.
 - o Tài nguyên nước: hồ Bà Râu, hồ Lợi Hải \Rightarrow nguồn nước cấp cho phát triển nông nghiệp, thủy lợi và khai thác du lịch sinh thái ven hồ.
 - o Tài nguyên rừng: diện tích rừng tự nhiên hiện hữu tại xã Phước Kháng và một phần Vườn Quốc gia Núi Chúa tại xã Lợi Hải \Rightarrow lá phổi xanh thiên nhiên giúp điều hòa khí hậu, cân bằng môi trường.
- + Tiềm năng ngành công nghiệp: KCN Du Long hiện hữu với sức thu hút mạnh mẽ với các ngành công nghiệp sạch và định hướng hình thành CCN Lợi Hải 2 trong xã Lợi Hải tiềm năng phát triển công nghiệp tập trung.
- **Định hướng phát triển:**
 - + Phát triển đô thị Lợi Hải thành đô thị loại V giai đoạn năm 2030, là động lực thúc đẩy xã Phước Kháng cùng phát triển trong tiểu vùng nói riêng và trong huyện nói chung.
 - + Phát triển đô thị mới Lợi Hải, là trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc, gắn với trung tâm thương mại dịch vụ Huyện.
 - + Phát triển công nghiệp tập trung: phát triển CCN Lợi Hải 2 và khu công nghiệp Du Long hiện đã xây dựng và đang trong giai đoạn kêu gọi nhà đầu tư.
 - + Phát triển nông nghiệp công nghệ cao quy mô 190ha tại xã Lợi Hải.
 - + Khai thác sử dụng đất các khu vực đã được phê duyệt quy hoạch.
 - + Chính trang nâng cấp các khu dân cư hiện trạng để phù hợp với định hướng phát triển chung của đô thị, ưu tiên tập trung nâng cấp các công trình hạ tầng và các không gian công cộng.
 - + Phát triển du lịch sinh thái ở khu vực hồ cảnh quan: Hồ Bà Râu.
 - + Quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên hiện hữu, phát huy tối đa chức năng rừng phòng hộ đầu nguồn, giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu.
- b. Tiểu vùng 2 (Tiểu vùng phía Bắc):**
 - Vị trí: Nằm ở phía Bắc huyện.
 - Phạm vi ranh giới: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Công Hải, Phước Chiến.
 - Quy mô:
 - + Diện tích: 124,29 km²
 - + Dân số: Hiện trạng năm 2022 : 12.702 người
Đến năm 2025 : 13.707 người
Đến năm 2030 : 14.563 người
 - Các trục giao thông động lực: Quốc lộ 1, đường tỉnh 706 nối Công Hải – Phước Chiến đi huyện Bác Ái.

- *Tính chất, chức năng:* Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp sạch; là vùng du lịch trọng điểm phía Bắc, phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch chất lượng cao với Bình Tiên là trọng tâm, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan.
- *Trung tâm tiểu vùng:* trung tâm cụm xã Công Hải.
- *Tiềm năng và nguồn lực phát triển:*
 - + Vị trí địa lý kinh tế: Là cửa ngõ phía Bắc của huyện Thuận Bắc nói riêng và của tỉnh Ninh Thuận nói chung.
 - + *Tiềm năng tự nhiên – nhân văn:*
 - o *Tiềm năng du lịch:* Có bãi biển Bình Tiên (phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển), Vườn quốc gia Núi Chúa (khu bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái), hồ Sông Trâu, hồ Ma Trai (phát triển du lịch sinh thái hồ), cộng đồng dân tộc glai (phát triển du lịch cộng đồng), Suối Tiên (phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm).
 - o *Tiềm năng đất:* Đất phù sa ở xã Công Hải thích hợp trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả.
 - o *Tài nguyên nước:* hồ Sông Trâu, hồ Ma Trai ⇒ nguồn nước cấp cho nông nghiệp và thủy lợi trong vùng kết hợp khai thác du lịch sinh thái.
 - o *Tài nguyên rừng:* diện tích rừng tự nhiên tại Vườn Quốc gia Núi Chúa ⇒ cân bằng hệ sinh thái cho môi trường huyện, kết hợp khai thác du lịch biển Bình Tiên giúp tăng thêm sự thu hút khách du lịch.
 - o *Tiềm năng khoáng sản:* có đá xây dựng, đá chẻ, vật liệu san lấp với trữ lượng lớn, là nguyên liệu cho công nghiệp vật liệu xây dựng.
- *Định hướng phát triển:*
 - + Phát triển du lịch sinh thái biển – núi, nghỉ dưỡng biển – hồ cao cấp, trong đó lấy Bình Tiên làm trọng tâm.
 - + Khai thác phát triển du lịch sinh thái ở các khu vực cảnh quan Hồ Sông Trâu, Hồ Ma Trai, suối Ba Hồ với các hoạt động gắn liền với tự nhiên như cắm trại, chụp hình tham quan, trải nghiệm,... tạo nên không gian thu hút cho khu vực.
 - + Quản lý bảo vệ toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện hữu. Thực hiện khai thác, sử dụng rừng hợp lý.
 - + Phát huy tối đa chức năng phòng hộ đầu nguồn của rừng, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.
 - + Chính trang nâng cấp các khu dân cư hiện trạng để phù hợp với định hướng phát triển chung của vùng.
 - + Phát triển du lịch văn hóa với không gian Bình nguyên Ma Trai, nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Phát huy mô hình du lịch văn hóa cộng đồng.
 - + Khai thác dịch vụ thương mại, làng nghề.
 - + Phát huy mô hình kinh tế trang trại, nông lâm, vườn rừng. Giao rừng khoán quản, mở rộng diện tích trồng rừng tập trung, tăng độ che phủ rừng.
 - + Hình thành các không gian dự trữ phát triển cho vùng.
 - + Hình thành cụm công nghiệp Lợi Hải 1.

- + Phát triển công nghiệp: Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng; công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến thực phẩm, cơ khí, hàng tiêu dùng và các ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
- + Phối hợp cùng các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ các dự án khai thác khoáng sản đang triển khai. Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên khoáng sản, quản lý đất đai. Tăng cường công tác kiểm tra tình hình khai thác khoáng sản, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm và xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

c. Tiểu vùng 3 (Tiểu vùng phía Nam):

- Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Bắc Sơn, Bắc Phong.
- Quy mô:
 - + Diện tích: 84,54 km²
 - + Dân số: Hiện trạng năm 2022 : 14.856 người
Đến năm 2025 : 16.031 người
Đến năm 2030 : 17.033 người
- Các trục giao thông động lực: Quốc lộ 1, đường tỉnh 702B nối Ninh Hải – Thuận Bắc – Bắc Ái, đường tỉnh 703 đi Phan Rang, đường huyện 42, 43, 44.
- Tính chất, chức năng: Vùng công nghiệp - năng lượng tái tạo, phát huy mô hình nông - lâm nghiệp kết hợp kinh tế trang trại, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa.
- Trung tâm tiểu vùng: trung tâm cụm xã Bắc Phong.
- Tiềm năng và nguồn lực phát triển:
 - + Vị trí địa lý kinh tế: Là cửa ngõ phía Nam của huyện Thuận Bắc, thuận lợi tiếp cận đến TP. Phan Rang – Tháp Chàm và các tiểu vùng phía Nam tỉnh Ninh Thuận.
 - + Tiềm năng tự nhiên – nhân văn:
 - o Tiềm năng thiên nhiên: yếu tố nắng và gió nhiều là đặc trưng riêng của tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Thuận Bắc nói riêng ⇒ khai thác phát triển điện năng từ các nguồn năng lượng tái tạo, bền vững.
 - o Tài nguyên rừng: khu dự trữ sinh quyển quốc gia tại xã Bắc Sơn ⇒ cân bằng môi trường xanh tự nhiên, điều hòa không khí và giảm thiểu tác hại thiên tai cho địa phương, kết hợp phát triển du lịch trải nghiệm.
 - o Tiềm năng phát triển chăn nuôi: địa hình gò đồi kết hợp với vùng trồng cỏ thuận lợi chăn nuôi gia súc.
 - + Tiềm năng công nghiệp: sự hình thành KCN Du Long là động lực thúc đẩy huyện phát triển về mặt dân số cũng như thu hút các nhà đầu tư vào huyện.
- Định hướng phát triển:
 - + Phát triển công nghiệp điện năng, năng lượng tái tạo: năng lượng gió và năng lượng mặt trời với nhà máy điện gió Trung Nam có quy mô lớn tại xã Bắc Phong.
 - + Phát triển KCN Du Long làm động lực với các ngành công nghiệp sạch, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.
 - + Phát triển chăn nuôi gia súc tập trung gắn với công nghiệp chế biến, cung cấp sản phẩm sạch cho địa phương.

- + Quản lý bảo vệ toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện hữu. Thực hiện khai thác, sử dụng rừng hợp lý, khai thác phải đi đôi với tái sinh và thực hiện nghiêm chỉnh phương án điều chế rừng, ưu tiên trồng xen canh cây dược liệu dưới tán rừng tại các vùng đệm.
- + Phát triển du lịch sinh thái, khám phá trải nghiệm, nghiên cứu khoa học trên diện tích Vườn Quốc gia Núi Chúa, không làm thay đổi môi trường và hệ sinh thái hiện hữu.
- + Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.
- + Không gian quanh đường vành đai phía Bắc: định hướng phát triển nông nghiệp theo hiện trạng và phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.3. Cấu trúc không gian vùng:

1.3.1. Cấu trúc lưu thông:

Khung phát triển vùng huyện Thuận Bắc gắn liền với các trục hành lang kinh tế của tỉnh Ninh Thuận, bao gồm các trục hành lang kinh tế đô thị cấp Quốc gia, Quốc tế như sau:

- Trục cao tốc Bắc – Nam (đã hoàn thiện và đưa vào vận hành), Quốc lộ 1 (cũng là đường xuyên Á AH1), đường sắt Bắc – Nam xuyên Việt hiện hữu và đường sắt tốc độ cao (dự kiến): liên kết vùng huyện Thuận Bắc với các vùng kinh tế trong và ngoài tỉnh, mối liên hệ trực tiếp với tỉnh Khánh Hòa và vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia (đường ven biển) : tuyến đường kinh tế ven biển kết nối các khu du lịch, công nghiệp, cảng biển... trong tỉnh Ninh Thuận và vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Trục đường tỉnh 706: đi qua xã Phước Chiến, kết nối trung tâm huyện với Quốc lộ 27B đi Bắc Ái – Ninh Sơn và Thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng).
- Trục hành lang kinh tế - đô thị nội vùng:
 - + Đường tỉnh 702B kết nối từ đường ven biển đi qua xã Bắc Sơn, xã Bắc Phong đến xã Phước Trung huyện Bắc Ái.
 - + Đường huyện ĐH41 kết nối với đường huyện ĐH44 đi từ xã Phước Kháng qua xã Bắc Phong đến đường Quốc lộ 1.
 - + Đường huyện ĐH45 kết nối với đường huyện ĐH46 đi từ trung tâm đô thị Lợi Hải qua xã Công Hải đến đường tỉnh 706.
 - + Đường huyện ĐH43 kết nối từ đường tỉnh 702B đi trung tâm thôn Xóm Bằng xã Bắc Sơn.
 - + Các trục đường xã, thôn kết nối các khu dân cư với các trung tâm các xã.

1.3.2. Cấu trúc không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung:

Căn cứ Quy hoạch tỉnh đã duyệt và Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của huyện Thuận Bắc xác định:

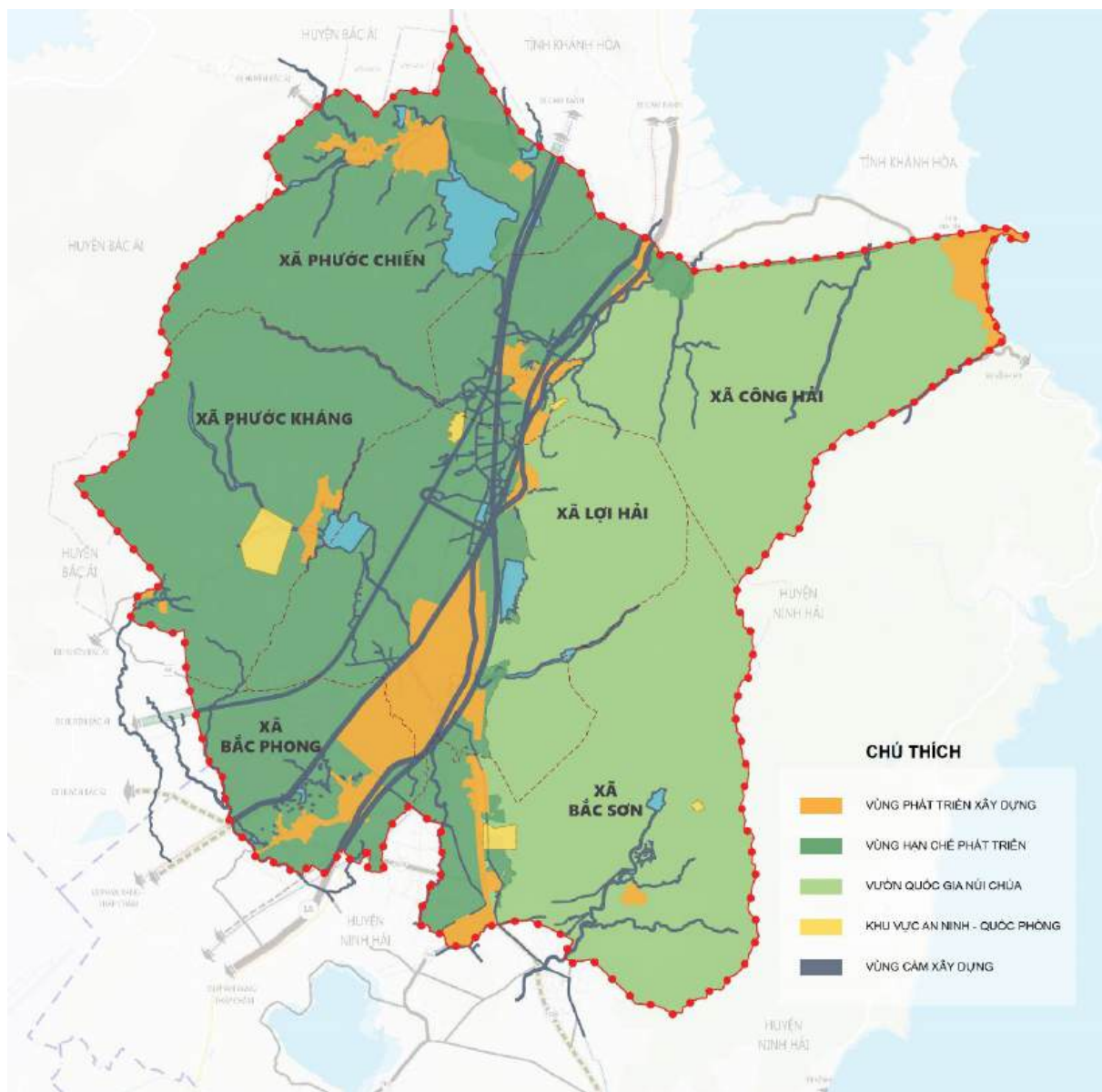
- Đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng huyện, là đô thị hạt nhân phát triển với tính chất là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, điện năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh Ninh Thuận.
- Hình thành trung tâm cụm xã Công Hải và trung tâm cụm xã Bắc Phong trên trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia Quốc lộ 1.

- Vùng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Lợi Hải 1, cụm công nghiệp Lợi Hải 2 và các nhà máy phong điện.

1.3.3. Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở:

- Vùng bảo tồn thiên nhiên vườn quốc gia Núi Chúa, vùng rừng cảnh quan, rừng phòng hộ, rừng sản xuất với địa hình núi cao cấu trúc thành không gian đặc trưng phân bố phía Đông và Tây huyện Thuận Bắc, hình thành nên không gian đô thị ở khu vực đồng bằng, gò đồi trung tâm huyện.
- Vùng cảnh quan bao gồm các vành đai cây xanh (khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, khu vực phát triển điện gió, không gian xanh cảnh quan) bao quanh đô thị trung tâm và dọc 2 bên các trục đường đô thị.
- Khu vực hành lang bảo vệ dọc 2 bên các hệ thống hồ, sông, suối trên địa bàn huyện là các vùng không gian mở với hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan, tạo bản sắc đặc trưng cho Thuận Bắc. Điển hình như cảnh quan Hồ Bà Râu, Hồ Sông Trâu, Hồ Ma Trai, Suối Bà Râu,.....
- Các vùng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và vùng nuôi trồng thủy sản, gắn kết với các vùng cảnh quan và không gian mở tạo thành cùng cảnh quan nông nghiệp của huyện.

1.4. Xác định các phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng:



Hình 24 – Sơ đồ phân vùng kiểm soát xây dựng

1.4.1. Vùng phát triển xây dựng:

- Bao gồm khu vực đô thị Lợi Hải và các điểm dân cư nông thôn thuộc các xã Phước Chiến, Phước Kháng, Bắc Phong, Bắc Sơn, Lợi Hải, Công Hải.

1.4.2. Các khu vực bảo tồn, bảo vệ cảnh quan, kiểm soát đặc biệt, hạn chế phát triển:

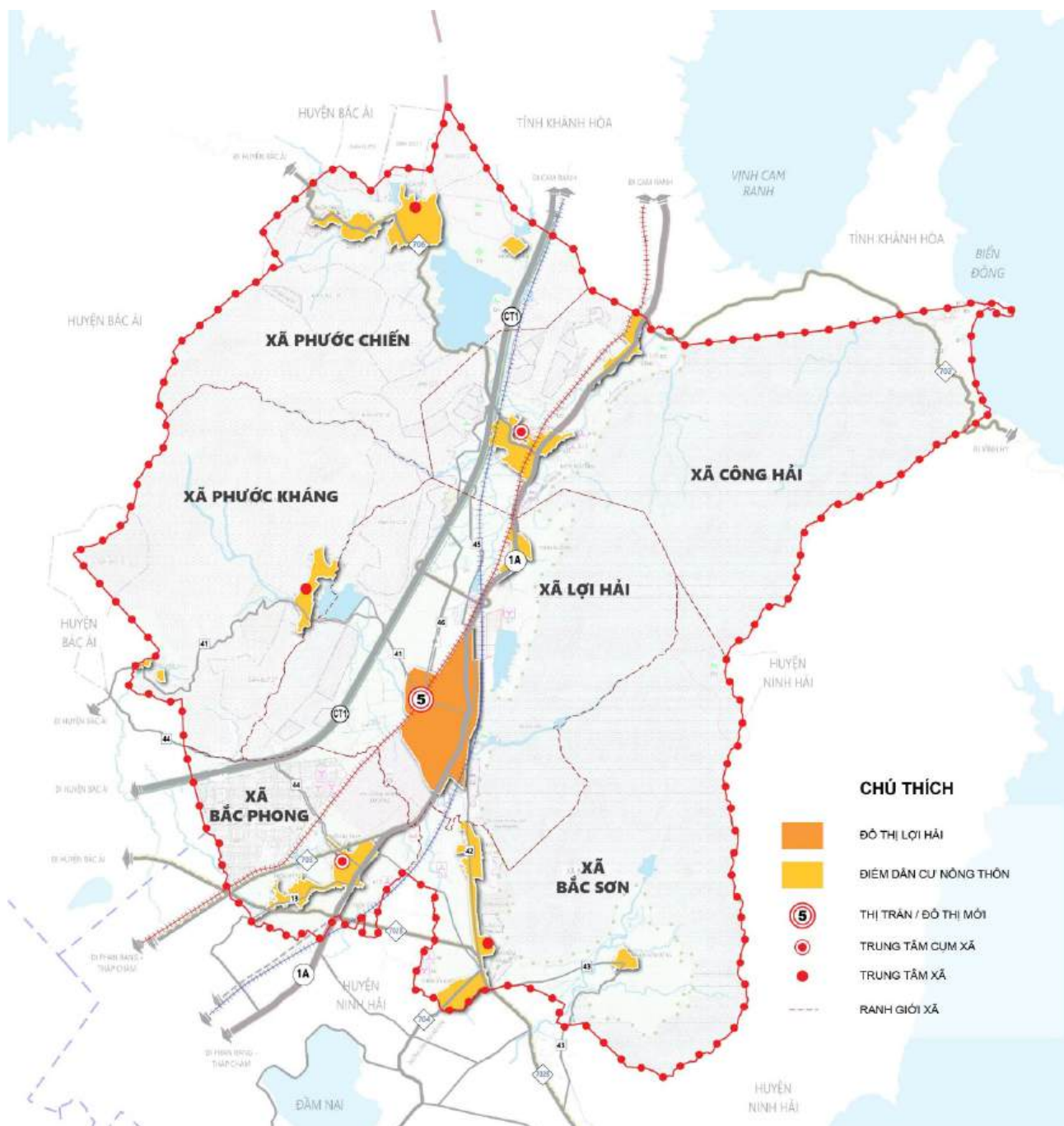
- Các khu vực bảo tồn gồm các khu vực sau:
 - + Di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai thuộc xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2499/QĐ-TTg ngày 22/12/2016. Công trình được xây dựng vào khoảng thế kỷ VIII - IX, mang phong cách kiến trúc nghệ thuật độc đáo.
 - + Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng như: Khu Đình Hiệp Kiết, Khu tập trung Bà Râu, Đình Mỹ Nhơn cần xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích theo Luật Di sản.

- + Vườn quốc gia Núi Chúa (huyện Thuận Bắc và huyện Ninh Hải): Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng và các loài động, thực vật quý hiếm, phục hồi sinh thái rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.
- + Gắn với phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và tham quan phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn vùng đệm xã Công Hải, Lợi Hải (huyện Thuận Bắc); Vĩnh Hải, Tri Hải, Nhơn Hải và Phương Hải (huyện Ninh Hải).
- Các khu vực bảo vệ cảnh quan gồm các khu vực sau:
 - + Khu vực vùng đệm dọc hai bờ Sông Trâu, suối Bà Râu, suối Sừng Trâu, suối Ba Hồ, hồ Sông Trâu, hồ Ba Tri, hồ Ma Trai và hồ Bà Râu, các công trình thủy lợi: là vùng sinh thái cảnh quan và phòng chống lũ lụt ven sông cần được bảo vệ, hạn chế, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng. Khai thác các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng.
 - + Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ: là khu vực cảnh quan có giá trị, hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ. Không tác động vào khu vực rừng tự nhiên, bảo vệ, phát triển gắn với các dự án quy hoạch du lịch, khai thác các không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên cho hoạt động cộng đồng.
- Khu vực an ninh quốc phòng: Không chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng. Việc xây dựng tại các khu vực này và vùng phụ cận cần thỏa thuận với các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định.
- Xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng trong khu vực sản xuất nông nghiệp cần phải được thỏa thuận quy hoạch kiến trúc để đảm bảo không gian cảnh quan chung của vùng nông thôn.

1.4.3. Vùng cấm xây dựng:

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm hành lang bảo vệ vùng thoát lũ, hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật (như vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường Quốc lộ 1, đường cao tốc Bắc – Nam, đường sắt Bắc – Nam, ...), hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng (như vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường đường sắt tốc độ cao dự kiến, hành lang 2 bên tuyến đường nối vào cao tốc Bắc – Nam, ...), vùng cảnh quan sinh thái.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ ĐÔ THỊ VÀ ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN:



Hình 25 – Sơ đồ phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

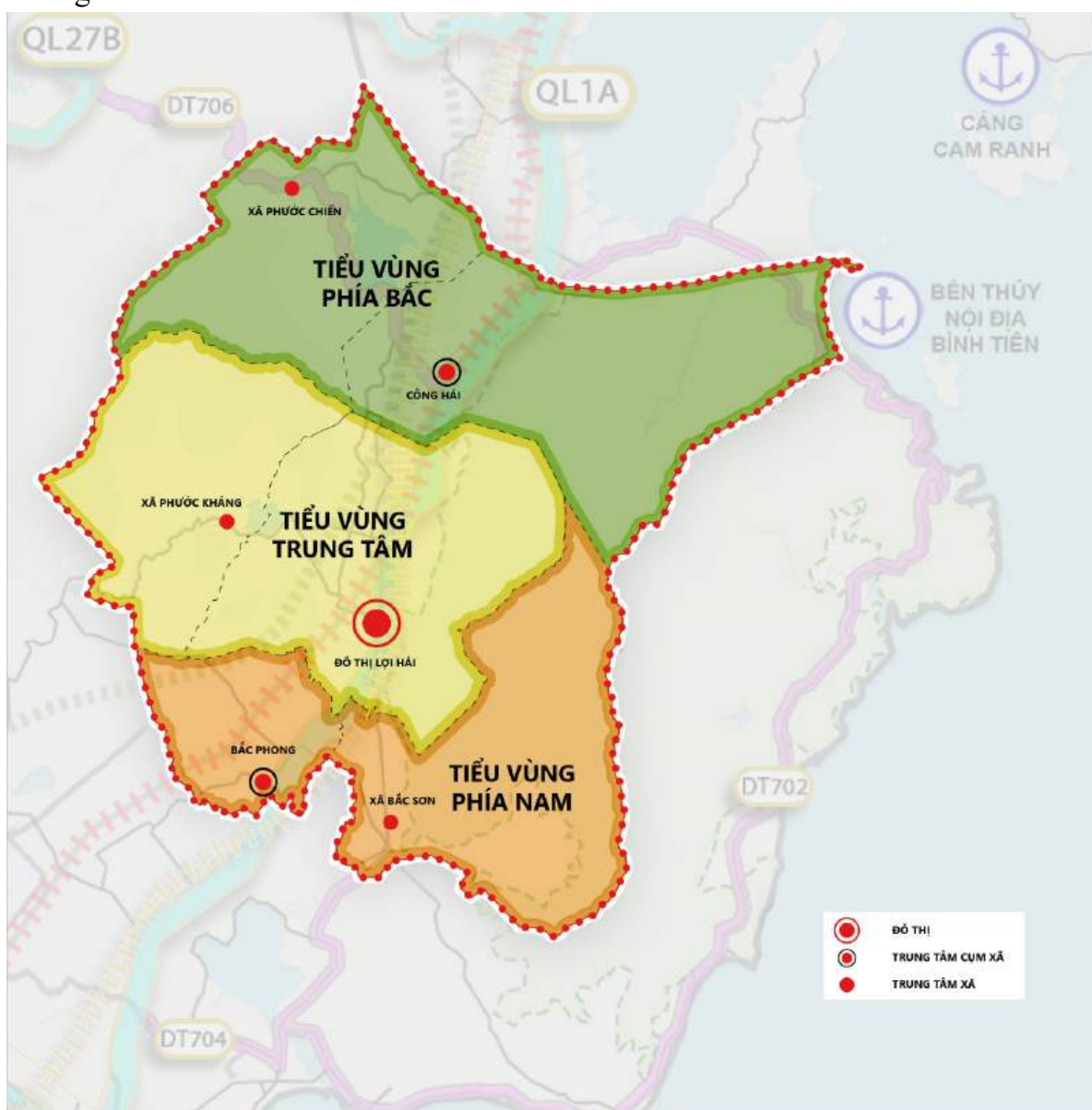
2.1. Phân vùng hệ thống đô thị và nông thôn:

2.1.1. Quan điểm:

- Định hướng phân vùng hệ thống đô thị và nông thôn dựa trên tình hình phát triển kinh tế - xã hội phù hợp của huyện Thuận Bắc.
- Phân vùng các hệ thống điểm dân cư nông thôn trong huyện, tăng tính kết nối từ đô thị đến nông thôn, đảm bảo phát triển đồng đều, thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội toàn huyện cùng phát triển.
- Đảm bảo các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các cấp được phân bố đầy đủ tại hệ thống điểm dân cư nông thôn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt người dân.

2.1.2. Định hướng phân vùng trung tâm phát triển đô thị - nông thôn:

- Theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 định hướng:
 - + Về hệ thống đô thị: Toàn huyện chỉ có 01 đô thị là đô thị Lợi Hải:
 - + Về hệ thống điểm dân cư nông thôn: Huyện Thuận Bắc có 02 trung tâm cụm xã:
 - o Bắc Phong là trung tâm cụm xã của các xã Bắc Phong, Bắc Sơn.
 - o Công Hải là trung tâm cụm xã của các xã Công Hải, Phước Chiến, Phước Kháng.
- Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình đồi núi phức tạp ở phía Tây huyện, nên xã Phước Kháng không thể kết nối trực tiếp với trung tâm xã Công Hải mà phải thông qua đường quốc lộ 1 và cao tốc Bắc Nam đi qua đô thị Lợi Hải. Do đó, xét về tính kết nối nội vùng, xã Phước Kháng thuận lợi trong việc tiếp cận với đô thị Lợi Hải qua đường huyện 41. Do đó, trong đồ án điều chỉnh lần này, đề xuất như sau:
 - + Bắc Phong là trung tâm cụm xã của các xã Bắc Phong, Bắc Sơn (Không thay đổi so với Quy hoạch tỉnh).
 - + Công Hải là trung tâm cụm xã của các xã Công Hải, Phước Chiến.
 - + Đô thị Lợi Hải: Trung tâm của toàn huyện và trung tâm của các xã Lợi Hải, Phước Kháng.



Hình 26 - Sơ đồ định hướng phân vùng phát triển đô thị - nông thôn

2.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

- Phân bố hệ thống đô thị vùng huyện Thuận Bắc được đề xuất theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển đô thị trên cơ sở cân đối nguồn lực, tập trung nâng cao chất lượng sống. Phát triển đô thị lồng ghép biến đổi khí hậu, phát triển đô thị làm động lực phát triển vùng.
- Trên cơ sở nêu trên, định hướng phát triển hệ thống đô thị trong vùng huyện Thuận Bắc như sau: huyện Thuận Bắc chỉ có 1 đô thị trung tâm là đô thị Lợi Hải
 - + Giai đoạn 2021 – 2025, phát triển Lợi Hải cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.
 - + Giai đoạn đến năm 2030, đô thị Lợi Hải đạt tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn huyện lỵ của huyện Thuận Bắc.
 - + Giai đoạn đến năm 2050: cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV.
- Định hướng Đô thị Lợi Hải:
 - + Quy mô: 589,08ha.
 - + Dự báo dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa:
 - o Năm 2025: 11.635 người, tỷ lệ đô thị hóa 25,0%
 - o Năm 2030: 18.037 người, tỷ lệ đô thị hóa 32,7%
 - + Tính chất và chức năng đô thị: Là đô thị huyện lỵ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của huyện Thuận Bắc; Là đô thị hạt nhân - trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận, đô thị phía Bắc thuộc vùng phụ cận thành phố Phan Rang Tháp Chàm; Là đô thị dịch vụ cho công nghiệp (dịch vụ sản xuất, nhà ở công nhân, ...) và thương mại dịch vụ; Là đô thị cửa ngõ quan trọng trên tuyến hành lang phát triển dọc Quốc lộ 1A thuộc tỉnh Ninh Thuận.
 - + Động lực phát triển đô thị Lợi Hải: Đầu mối giao thông, giao lưu kết nối liên vùng do vị trí địa lý thuận lợi mang lại; Đầu mối kinh tế chính của huyện Thuận Bắc với dịch vụ - công nghiệp là thế mạnh, trong đó Khu công nghiệp Du Long và cụm công nghiệp Lợi Hải 2 là động lực kinh tế chính cho sự phát triển của đô thị Lợi Hải; Trung tâm chính trị, văn hóa xã hội với vai trò là cực tăng trưởng và đô thị vệ tinh phía Bắc của Tỉnh.
 - + Định hướng phát triển không gian:
 - o Phát triển khu đô thị mới phục vụ cho lao động (công nhân, chuyên gia ...) làm việc tại KCN Du Long và CCN Lợi Hải 2, với đầy đủ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được kết nối tốt.
 - o Các khu dân cư hiện hữu được cải tạo chỉnh trang, hạn chế tác động.
 - o Phát triển thương mại dịch vụ, hỗn hợp dọc các trục chính đô thị, làm động lực để thu hút đầu tư và phát triển đô thị, tạo điểm nhấn đô thị.
 - o Phát triển cảnh quan đô thị gắn với cây xanh – mặt nước, đặc biệt là suối Bà Râu, suối Kiên Kiên được khai thác hợp lý, vừa tạo cảnh quan, vừa chống ngập cho đô thị.

2.3. Định hướng tổ chức hệ thống dân cư nông thôn trên địa bàn huyện:

2.3.1. Quan điểm và nguyên tắc phát triển nông thôn:

- Phát triển dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Thu hẹp dần độ chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn, tiến tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển bền vững.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn gắn với phát triển đô thị của huyện, tạo sự gắn kết và hỗ trợ, cùng nhau phát triển. Xây dựng huyện nông thôn mới trước hết từ việc hoàn thiện tất cả các tiêu chí nông thôn mới của tất cả các xã.
- Phát triển điểm dân cư nông thôn trên cơ sở ổn định hệ thống điểm dân cư hiện có, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững; phát triển các điểm dân cư tập trung ở khu vực trung tâm xã, ven các trục đường chính của xã và trên cơ sở lấp đầy theo dân cư hiện hữu. Phát triển các điểm dân cư nông thôn hiện hữu gắn với vùng sản xuất, phù hợp văn hóa, đặc điểm tự nhiên của huyện.
- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.
- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn mới cần chọn vị trí thuận lợi, đảm bảo khoảng cách hành lang an toàn vùng hạ du hồ chứa nước để tránh thiệt hại trong tình huống xảy ra sự cố vỡ đập.

2.3.2. Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật nông thôn:

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội, kỹ thuật theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia xây dựng nông thôn”, “Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn” do Bộ Xây dựng ban hành.
- Mỗi xã có khu trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.
- Mỗi trung tâm xã có hệ thống các công trình hạ tầng xã hội như:
 - + Trụ sở các cơ quan xã: Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Đảng ủy, Công an, Xã đội, trụ sở Hợp tác xã, các đoàn thể (Hội Nông dân, Phụ nữ, Phụ lão, Đoàn Thanh niên, Hội cựu Chiến binh, Mặt trận Tổ quốc...);
 - + Các công trình công cộng của toàn xã: nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã, trung tâm văn hoá - thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông;
 - + Các xã có quy mô dân số ≥ 20.000 dân, phải quy hoạch trường phổ thông trung học.
- Chỉ tiêu về diện tích sàn nhà ở nông thôn: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$.
- Chỉ tiêu cấp nước: 100% dân số được sử dụng nước sạch với tiêu chuẩn nước sinh hoạt tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm; nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đảm bảo đạt tối thiểu 150 W/người; điện cho công trình công cộng đảm bảo $> 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt.

2.3.3. Quy mô dân số:

- Hiện trạng năm 2023 khu vực trung tâm huyện Thuận Bắc vẫn chưa hình thành đô thị nên toàn bộ dân số huyện là dân số nông thôn với 43.907 người.
- Giai đoạn đến năm 2025: Dự kiến Lợi Hải hình thành đô thị, nên một phần dân số xã Lợi Hải chuyển thành dân số đô thị, nên dân số nông thôn tại xã Lợi Hải giảm, các xã còn lại vẫn tăng dân số tự nhiên.
- Giai đoạn đến 2030: Dân số tại vùng nông thôn tăng tự nhiên, với tỷ lệ tăng tự nhiên 1,2-1,3%.
- Dân số nông thôn tại từng xã được dự báo như sau:

Bảng 17 – Bảng thống kê dân số nông thôn trong quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc

STT	Các xã	Đơn vị	2023	2025	2030
1	Xã Lợi Hải	người	13.763	2.548	2.600
2	Xã Công Hải	người	7.990	8.602	9.140
3	Xã Phước Chiến	người	4.741	5.104	5.423
4	Xã Phước Kháng	người	2.522	2.715	2.885
5	Xã Bắc Sơn	người	9.038	9.730	10.338
6	Xã Bắc Phong	người	5.853	6.301	6.695
	Dân số nông thôn		43.907	35.000	37.081

2.3.4. Định hướng phát triển:

- Phát triển toàn diện nông nghiệp - nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững.
- Công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng thâm canh, chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao nhằm để đáp ứng yêu cầu của thị trường và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích nuôi trồng.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Quy hoạch và phát triển nông thôn, tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; xây dựng nông thôn dân chủ, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nông dân nông thôn.
- Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn chính là từng bước để phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, xóa dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn.
- Xây dựng nông thôn mới và các hình thức hợp tác ở nông thôn: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với việc triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
- Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu cho nông thôn; duy trì 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Công Hải, xã Lợi Hải, xã Bắc Phong được công nhận năm 2022), chú trọng nâng cao số lượng và chất lượng các tiêu chí về nông thôn mới. Quan tâm hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của các Hợp tác xã.

- Theo Nghị quyết số 10/NQ-HU ngày 31/03/2022 của Huyện Ủy huyện Thuận Bắc về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030:
 - + Phấn đấu đến năm 2025, xã Bắc Sơn đạt chuẩn xã nông thôn mới, nâng tổng số lên 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới; xã Bắc Phong đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; toàn huyện có 26 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có từ 1 – 2 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có 60% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận nông thôn mới.
 - + Định hướng đến năm 2030 phấn đấu xã Phước Kháng, Phước Chiến đạt chuẩn nông thôn; xã Công Hải đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; toàn huyện có 30 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có từ 2 – 3 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có 65% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận nông thôn mới.
- Phát huy thế mạnh riêng của từng xã để phát triển mô hình kinh tế nông thôn khác nhau:
 - + Vùng đồi núi: Bảo vệ và phát triển rừng, trồng cây chịu hạn, cây công nghiệp ... phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Trồng cỏ, bắp lai phục vụ chăn nuôi trong vùng. Phát triển trang trại chăn nuôi gia súc (bò, dê, cừu, ...), các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.
 - + Vùng đồng bằng: Phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, theo hướng sản xuất hàng hóa như lúa, hoa màu, rau xanh, cây ăn quả, ... cung cấp lương thực thực phẩm cho các đô thị, nguyên liệu chế biến cho khu, cụm công nghiệp trong và ngoài huyện. Phát triển mô hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại các khu tưới của các công trình thủy lợi.

2.3.5. Phân bố không gian các trung tâm xã, cụm xã:

- Trung tâm xã:
 - + Giữ nguyên mô hình các trung tâm xã như hiện nay.
 - + Tính chất: Là khu vực trung tâm, tập trung các hoạt động phát triển xã về hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa – thể thao, thương mại.
 - + Các chức năng chính: trung tâm hành chính (UBND, HĐND xã, các đoàn thể), trung tâm sinh hoạt lễ hội, tín ngưỡng (đình, chùa, miếu, đền thờ, nhà văn hoá,..), trung tâm giáo dục (trường học, mẫu giáo,...), trung tâm TDTT, thương mại, dịch vụ (chợ xã, các cửa hàng dịch vụ bán lẻ), trung tâm phục vụ sản xuất (trụ sở HTX, trạm khuyến nông, khuyến lâm,...).
- Trung tâm cụm xã:
 - + Một số xã (có thể 2 – 3 xã) sẽ được hình thành một trung tâm cụm xã, trung tâm cụm xã được hình thành tại vị trí trung tâm các xã trọng điểm, thuận tiện giao thông và giao lưu giữa các xã, có quỹ đất, các xã có trung tâm cụm xã có thể kết hợp trung tâm xã và trung tâm cụm xã tại một khu vực.
 - + Mỗi trung tâm cụm xã bao gồm các công trình: Đường giao thông, trường học, phòng khám đa khoa, chợ thương mại, cấp nước, cấp điện, trạm khuyến nông, khuyến lâm và tạo mặt bằng để nhân dân xây dựng nhà ở, cửa hàng, cơ sở chế biến, tổ chức các hoạt động dịch vụ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Trường học: Tại các xã đặt trung tâm cụm xã chỉ đầu tư xây dựng một hệ thống trường cấp I và cấp II.

+ Y tế: Tại xã đặt trung tâm cụm xã chỉ đầu tư xây dựng một phòng khám đa khoa, không xây dựng trạm xá. Nếu tại đây đã có cơ sở y tế thì cải tạo, nâng cấp, mở rộng đảm bảo yêu cầu phục vụ của phòng khám đa khoa.

+ Huyện Thuận Bắc định hướng hình thành 02 trung tâm cụm xã là Bắc Phong và Công Hải:

- Bắc Phong là trung tâm cụm xã của các xã Bắc Phong, Bắc Sơn.
 - Vị trí: gần với đường Quốc lộ 1, đường cao tốc Bắc – Nam, đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đến QL27), đường sắt Bắc – Nam hiện hữu, đường sắt tốc độ cao thuận tiện kết nối với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, đi Thành phố Nha Trang và Thành phố Phan Thiết và các vùng lân cận.
 - Động lực phát triển: Khu vực có tiềm năng lớn về phát triển năng lượng và nông nghiệp, có KCN Du Long với quy mô lớn, tiềm năng lớn trở thành trung tâm dịch vụ. Ngoài ra khu vực còn có diện tích Vườn quốc gia Núi Chúa với hệ sinh thái tự nhiên cần được bảo tồn.
- Công Hải là trung tâm cụm xã của các xã Công Hải, Phước Chiến.
 - Vị trí: ngay sát đường Quốc lộ 1 và đường liên tỉnh 706, thuận tiện kết nối với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, đi Thành phố Nha Trang và Thành phố Phan Thiết, tiếp giáp với đường sắt Bắc – Nam hiện hữu và đường sắt tốc độ cao.
 - Động lực phát triển: Về thương mại dịch vụ, trung tâm cụm xã Công Hải có nhiều khu du lịch như khu du lịch sinh thái hồ tại xã Phước Kháng và xã Phước Chiến, khu du lịch biển Bình Tiên. Về nông nghiệp, xã trung tâm Công Hải có khu nông nghiệp CNC lớn, như sản xuất rau CNC Thuận Bắc là động lực chính của khu vực. Về lâm nghiệp, khu vực có diện tích lớn đất rừng phòng hộ, để bảo vệ nguồn nước, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường. Ngoài ra diện tích Vườn Quốc gia Núi Chúa trong khu vực tiềm năng phát triển du lịch sinh thái khám phá tự nhiên độc đáo, thu hút cho toàn huyện.

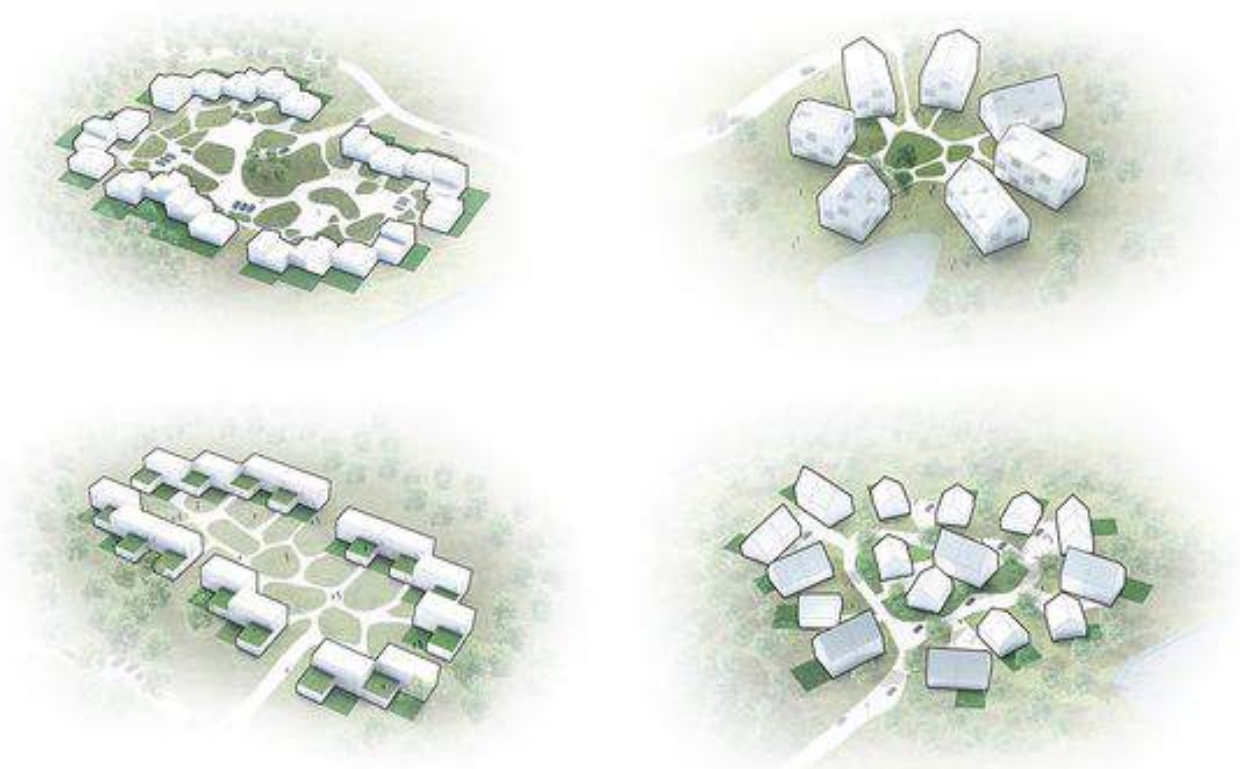
– Xã Phước Kháng: là vùng nông thôn thuộc tiểu vùng trung tâm với đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng.

2.3.6. Các hình thái, mô hình phân bố dân cư nông thôn:

- Hình thái dân cư nông thôn huyện Thuận Bắc chủ yếu là hình thái cụm – điểm dân cư tại trung tâm xã; hình thái tuyến dân cư phân bố dọc đường giao thông lớn như đường Quốc lộ 1, đường tỉnh 706, đường huyện, các hồ, kênh rạch lớn.
- Mô hình phân bố dân cư nông thôn huyện Thuận Bắc phân chia theo đặc điểm địa hình tự nhiên có dân cư vùng đồi núi và dân cư vùng đồng bằng trên cơ sở tổ nhân dân tự quản, thôn, xóm. Quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới, để đảm bảo tiện nghi về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và hình thành các vùng chuyên canh lớn cơ giới hóa sản

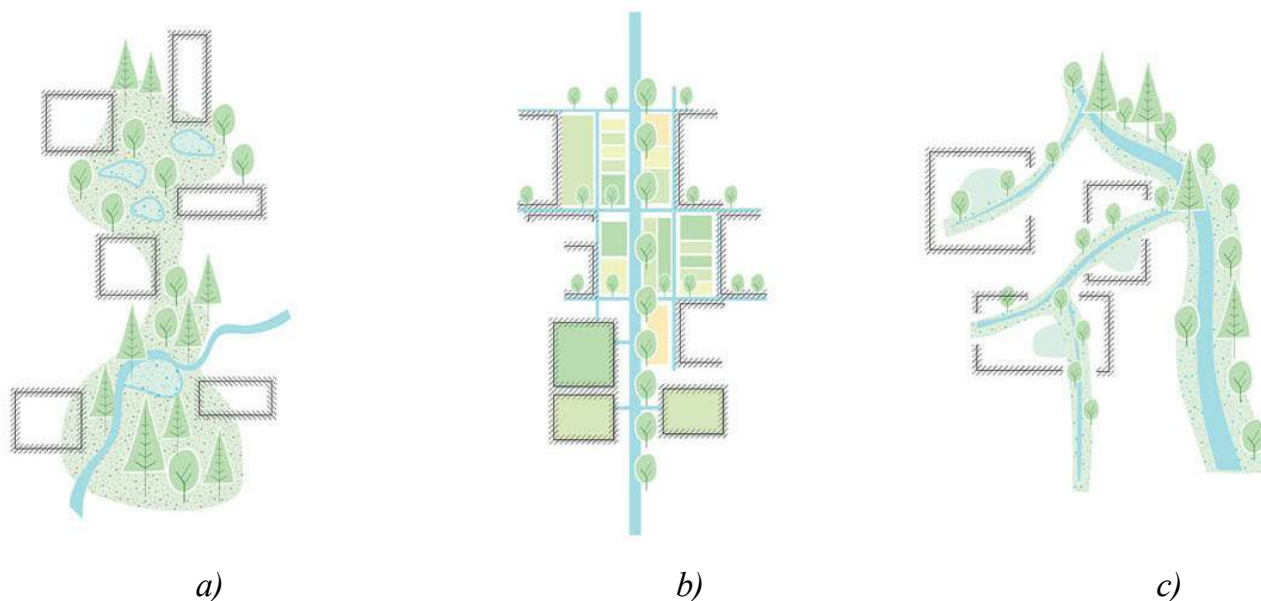
xuất nông nghiệp để phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- + Vùng địa hình đồi núi gắn với sản xuất lâm nghiệp: dân cư nông thôn vẫn theo mô hình truyền thống buôn làng, sắp xếp các điểm dân cư có quy mô nhỏ thành điểm dân cư tập trung, có điều kiện xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp điện, cấp nước, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, thương mại dịch vụ, trạm phát thanh truyền hình,... Cần di chuyển các điểm dân cư hiện có và không xây dựng các điểm dân cư mới tại các khu vực có nguy cơ lũ quét, trượt đất, lở, sụt đất.



Hình 27 – Mô hình các dạng phân bố dân cư nông thôn vùng đồi núi

- + Vùng đồng bằng: phân bố trên cơ sở xã, thôn, xóm. Cần sắp xếp, tổ chức dân cư theo mô hình tập trung để phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.



Hình 28 – Mô hình các dạng phân bố dân cư nông thôn vùng đồng bằng

a) Phân bố rải rác, tự nhiên; b) Phân bố theo tuyến, ô bàn cờ; c) Phân bố theo điều kiện tự nhiên như các nhánh suối, kênh, rạch.

- Quy hoạch, cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là giao thông, cấp nước, cấp điện theo xu hướng tiếp cận nếp sống đô thị.

2.4. Xác định nhu cầu nhà ở:

2.4.1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 09/04/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 16/1/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh một số nội dung Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 phê duyệt kèm theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

2.4.2. Nhu cầu nhà ở:

- Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 16/1/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh:
 - + Đến năm 2025: Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 25,0m² sàn/người, trong đó đô thị đạt 29,0m² sàn/người, nông thôn đạt 22,2m² sàn/người. Diện tích nhà ở tối thiểu 10,0m² sàn/người.

- + Đến năm 2030: Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 30,0m² sàn/người, trong đó đô thị đạt 33,4m² sàn/người, nông thôn đạt 26,7m² sàn/người. Diện tích nhà ở tối thiểu 12,0m² sàn/người.
- Diện tích nhà ở bình quân huyện Thuận Bắc đến năm 2025 đạt khoảng 17,8 m²/người. (căn cứ phụ lục III kèm theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).
- Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận, xác định nhu cầu nhà ở huyện Thuận Bắc giai đoạn 2021-2025 như sau:
 - + Nhu cầu nhà ở thương mại: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở thương mại giai đoạn 2021-2025 là 176 căn, tương ứng khoảng 26.402m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 150m²/căn.
 - + Nhu cầu nhà ở công vụ: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu ở công vụ giai đoạn 2021 – 2025 là 20 căn, tương ứng khoảng 500m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 25m²/căn.
 - + Nhu cầu nhà ở riêng lẻ do dân tự xây dựng: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng, giai đoạn 2021-2025 là 2.567 căn, tương ứng khoảng 256.720m² sàn nhà ở, trong đó:
 - o Nhu cầu nhà ở cho người có công với cách mạng: dự kiến giai đoạn 2021-2025 là 91 căn, tương ứng khoảng 4.095m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn.
 - o Nhu cầu nhà ở cho hộ gia đình nghèo và cận nghèo ở khu vực nông thôn: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở cho hộ gia đình nghèo và cận nghèo ở khu vực nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến khoảng 2.152 căn, tương ứng khoảng 96.840m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn.
 - o Nhu cầu nhà ở hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến khoảng 100 căn, tương ứng khoảng 4.500m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn.
 - o Nhà ở do người dân tự xây dựng: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở do người dân tự xây dựng giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến khoảng 224 căn, tương ứng khoảng 151.285m² sàn nhà ở.

Bảng 18 – Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn huyện Thuận Bắc giai đoạn 2021-2025 (Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu nhà ở	Giai đoạn 2021-2025	
		Số căn (căn)	Diện tích (m ² sàn)
1	Nhà ở thương mại	176	26.402
2	Nhà ở xã hội	-	-
2.1	Nhà ở xã hội cho các đối tượng	-	-
2.2	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN	-	-
2.3	Nhà ở xã hội cho sinh viên	-	-

3	Nhà ở công vụ	20	500
4	Nhà ở tái định cư	-	-
5	Nhà ở riêng lẻ do dân tự xây dựng	2.567	256.720
Tổng số		2.763	283.622

Bảng 19 - Diện tích sàn nhà ở trên địa bàn huyện Thuận Bắc giai đoạn 2021 – 2025

(Theo Báo cáo tổng hợp Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 - Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

STT	Chỉ tiêu nhà ở	Giai đoạn 2021-2025	
		Số căn (căn)	Diện tích (m ² sàn)
1	Nhà ở thương mại	176	26.402
2	Nhà ở xã hội	-	-
2.1	<i>Nhà ở xã hội cho các đối tượng</i>	-	-
2.2	<i>Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN</i>	-	-
2.3	<i>Nhà ở xã hội cho sinh viên</i>	-	-
3	Nhà ở công vụ	20	500
4	Nhà ở tái định cư	-	-
5	Nhà ở riêng lẻ do dân tự xây dựng	2.567	256.720
5.1	<i>Nhà ở người có công với cách mạng</i>	91	4.095
5.2	<i>Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn</i>	2.152	96.840
5.3	<i>Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu</i>	100	4.500
5.4	<i>Nhà ở do người dân tự xây dựng</i>	224	151.285
Tổng số		2.763	283.622

- Căn cứ Báo cáo Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 (kèm theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 16/1/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh), xác định nhu cầu nhà ở huyện Thuận Bắc đến năm 2030 như sau:
 - + Nhà ở xã hội: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở xã hội đến năm 2030 là 293 căn, tương ứng khoảng 13.171m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn..
 - + Nhu cầu nhà ở công vụ: Đến năm 2030 dự kiến không đầu tư xây dựng thêm trên toàn tỉnh.
 - + Nhà ở tái định cư: Hiện nay, trên địa bàn thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và các huyện thì quỹ đất để tái định cư bằng đất ở. Vì vậy, trong giai đoạn đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh nhu cầu về nhà ở tái định cư.
 - + Nhu cầu nhà ở riêng lẻ do dân tự xây dựng: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng, giai đoạn 2021-2025 là 7.115 căn, tương ứng khoảng 615.016m² sàn nhà ở, trong đó:

- Nhu cầu nhà ở cho người có công với cách mạng: dự kiến đến năm 2030 là 70 căn, tương ứng khoảng 3.150m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn.
 - Nhu cầu nhà ở cho hộ gia đình nghèo và cận nghèo ở khu vực nông thôn: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở cho hộ gia đình nghèo và cận nghèo ở khu vực nông thôn, đến năm 2030 dự kiến khoảng 1.327 căn, tương ứng khoảng 59.715m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn.
 - Nhu cầu nhà ở hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu đến năm 2030 dự kiến khoảng 357 căn, tương ứng khoảng 16.065m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 45m²/căn.
 - Nhà ở do người dân tự xây dựng: Đối với huyện Thuận Bắc nhu cầu nhà ở do người dân tự xây dựng đến năm 2030 dự kiến khoảng 5.361 căn, tương ứng khoảng 536.086m² sàn nhà ở, chỉ tiêu 100m²/căn.
- Dự báo nhu cầu nhà ở cho công nhân trên địa bàn huyện Thuận Bắc (hình thức nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê) (Đề xuất mới trong Đồ án điều chỉnh):
- + Giai đoạn 2021 – 2025: Nhu cầu nhà ở công nhân không cao, do lực lượng lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp chủ yếu là người dân địa phương, dự kiến khoảng 150 – 350 dân số nhập cư cần nhà ở (khoảng 80 - 100 căn hộ, 4 người/căn, bình quân mỗi căn 40-70m²).
 - + Giai đoạn 2026 – 2030: Giai đoạn này sự phát triển mạnh mẽ của đô thị Lợi Hải với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (trường học, cây xanh, vui chơi giải trí, thương mại dịch vụ ...) và nhà ở được đầu tư hoàn thiện hơn, các khu, cụm công nghiệp phát triển nhanh nên kéo theo lượng nhập cư đông đúc hơn để làm việc tại khu, cụm công nghiệp và các ngành nghề khác của đô thị, lượng dân số phụ thuộc cũng gia tăng (có hạ tầng xã hội đầy đủ cho các hoạt động thiết yếu về học tập – làm việc – vui chơi giải trí). Dự kiến khoảng 5.100 – 5.900 dân số nhập cư cần nhà ở (khoảng 1.275 – 1.475 căn hộ, 4 người/căn, bình quân mỗi căn 40-70m²).

III. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN CÁC NGÀNH KINH TẾ:

3.1. Phân bố các vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

3.1.1. Quan điểm:

Trên cơ sở tiếp thu Đồ án quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc được duyệt năm 2012 với các nội dung như sau:

- Xây dựng các vùng công nghiệp trên cơ sở liên kết với các vùng nguyên liệu trọng điểm, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện và tỉnh.
- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo như: phong điện, chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử,...
- Phát triển mạnh khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp - TTCN như : chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng, cơ khí, điện tử, ... gắn với đô thị, khu dân cư tập trung, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

Dựa vào tình hình thực trạng kinh tế - xã hội Huyện, KCN Du Long đang trong giai đoạn hoàn thiện và đồ án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận, định hướng quan điểm phân bố các vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đề xuất bổ sung trong đồ án điều chỉnh gồm:

- Tập trung khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, phân đầu đưa huyện Thuận Bắc trở thành địa phương đi đầu của tỉnh về phát triển năng lượng điện mặt trời phân tán. Xác định phát triển năng lượng tái tạo là trụ cột, là động lực và là một trong những ngành đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó Khu công nghiệp Du Long là KCN lớn của tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Thuận Bắc nói riêng, có khả năng thu hút đầu tư đa dạng ngành nghề.
- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và khai thác hiệu quả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

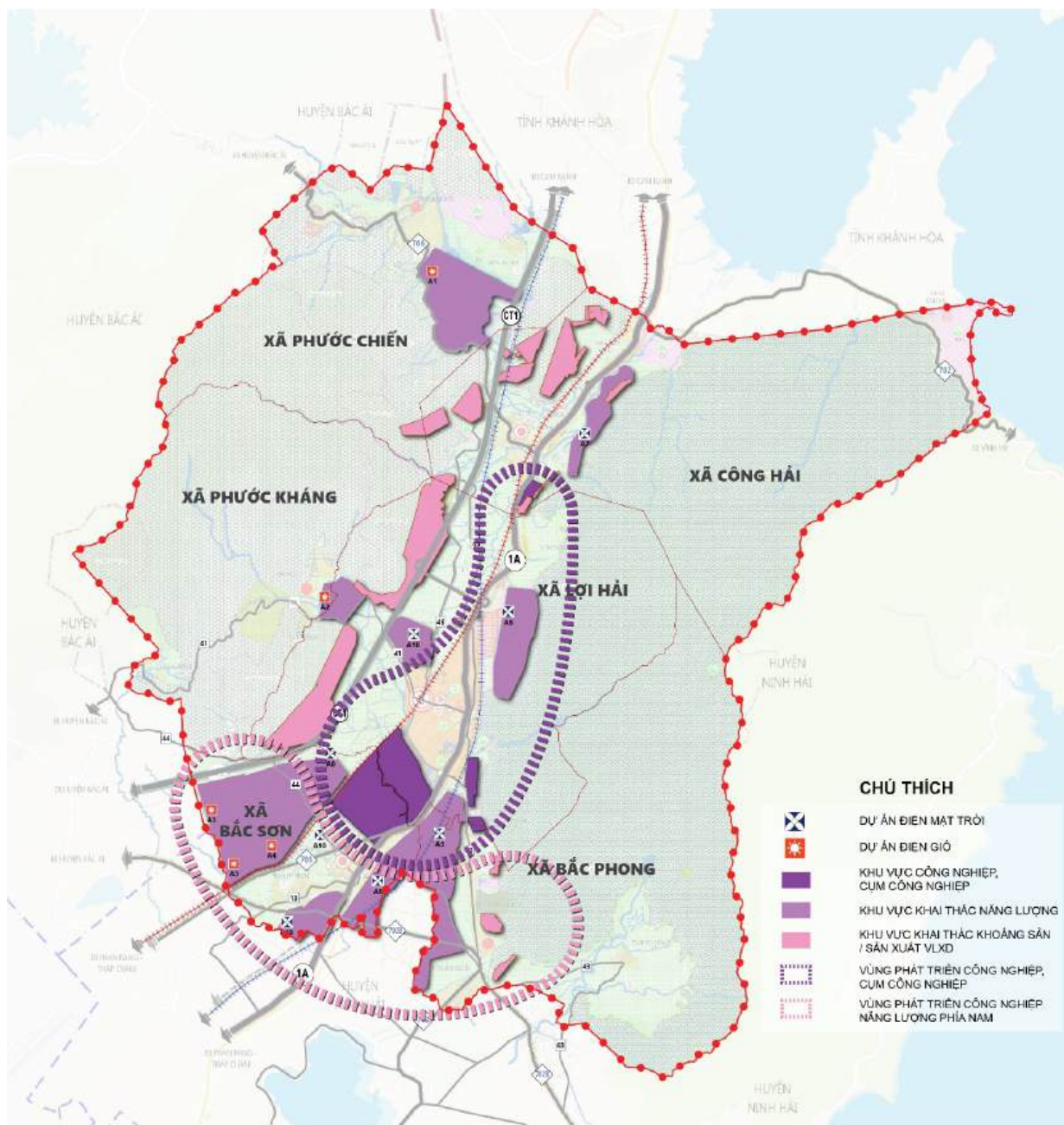
3.1.2. Định hướng các ngành công nghiệp:

Kế thừa định hướng từ Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc đã duyệt năm 2012, qua đó bổ sung đề xuất định hướng các ngành công nghiệp phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện hiện hữu:

- Các ngành công nghiệp chính:
 - + Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản: lương thực, thực phẩm, hoa quả, hạt điều, thịt gia súc, thức ăn gia súc,... Phát triển quy mô phù hợp với mở rộng vùng nguồn nguyên liệu và nguồn cung cấp nguyên liệu.
 - + Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: khai thác, sản xuất thiếc, đá ốp lát, xi măng, sứ vệ sinh, gạch tuynel,...
 - + Công nghiệp năng lượng: duy trì công nghiệp năng lượng tại các nhà máy phong điện, điện mặt trời tập trung; phát triển năng lượng tái tạo theo hình thức phân tán như điện gió quy mô nhỏ và điện mặt trời trên mái.
 - + Công nghiệp công nghệ cao, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng: công nghệ vi sinh, điện tử, cơ khí, chế tạo và lắp ráp thiết bị, sửa chữa máy móc, sản xuất hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ,...
- Tiểu thủ công nghiệp:
 - + Phát huy và gìn giữ làng nghề đan lát xã Công Hải, Phước Kháng, Phước Chiến.

- + Phát triển và mở rộng quy mô các cơ sở TTCN tại các xã như : xay xát lương thực, sấy nông sản, chế biến thực phẩm, mộc dân dụng, cơ khí sửa chữa, may mặc, giày dép,...
- + Triển khai đề án phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch, tranh thủ chính sách hỗ trợ về khuyến công và xúc tiến thương mại để phát triển các ngành nghề truyền thống, trong đó tập trung hỗ trợ từng bước hình thành làng nghề Tập Lát-Phước Chiến, gắn với phát triển du lịch cộng đồng và phát triển di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã được Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công nhận “Lễ Bỏ mũ của người Raglai”.
- Sắp xếp, củng cố các cơ sở kinh doanh hiện hữu.
- Đẩy mạnh công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến, chế tạo, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thu hút đầu tư thứ cấp trong các khu, cụm công nghiệp, đổi mới công tác xúc tiến, kêu gọi nhà đầu tư thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.

3.1.3. Phân bố các vùng công nghiệp:



Hình 29 – Sơ đồ vị trí các dự án công nghiệp, cụm công nghiệp và năng lượng

Dựa trên điều kiện tự nhiên thuận lợi và tiềm năng, động lực phát triển khu vực, việc phân vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp chia thành 02 vùng vị trí tương đồng như đồ án Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc được duyệt năm 2012, tuy nhiên có những điểm khác được cập nhật theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm, nội dung như sau:

a. Vùng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp (đô thị Lợi Hải – xã Lợi Hải, xã Công Hải, xã Phước Chiến):

- Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Du Long với quy mô diện tích 407,28ha, đến năm 2030 tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Hiện khu công nghiệp đã xây dựng và đang trong giai đoạn kêu gọi nhà đầu tư.
- Định hướng thành lập CCN Lợi Hải 1 (15,58ha) và CCN Lợi Hải 2 (33,42ha), tập trung thu hút các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường, các ngành công nghiệp

chế biến, chế tạo trong đó ưu tiên: chế biến thực phẩm, Sản xuất VLXD, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.

- Mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở công nghiệp hiện có, tăng sản lượng khai thác và chế biến VLXD, chế biến rác sản xuất phân hữu cơ, phát triển nhanh tiểu thủ công nghiệp nông thôn.
- Ban hành các chính sách hỗ trợ để thu hút lao động có chuyên môn cao vào làm việc lâu dài tại KCN, CCN. Có chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân.
- Tiếp tục rà soát các khu vực có khả năng phát triển ngành năng lượng để kêu gọi đầu tư như các hồ chứa nước, các khu vực không có khả năng canh tác nông nghiệp, khu vực dọc các miền núi,... Khuyến khích phát triển các dự án năng lượng tái tạo quy mô nhỏ dưới 1MW tại các khu vực đất không có khả năng tưới, cần cỗi, sản xuất nông nghiệp không hiệu quả.

b. Vùng phát triển công nghiệp năng lượng phía Nam (xã Bắc Phong, xã Bắc Sơn):

- Nhà máy điện gió Trung Nam được xem là nhà máy điện gió lớn nhất Việt Nam kết hợp với nhà máy điện mặt trời 204MW hình thành tổ hợp năng lượng tái tạo điện mặt trời và điện gió lớn nhất và duy nhất tại Việt Nam và Đông Nam Á. Phát huy hình thái nhà máy phát triển công nghiệp năng lượng nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia phát triển nguồn và xây dựng hạ tầng truyền tải. Dự án nhà máy điện gió Habaram (công suất 93 MW) là 01 trong 05 dự án trên bờ trong tỉnh Ninh Thuận đủ điều kiện triển khai, với vị trí tiếp giáp với hồ Lợi Hải.
- Tập trung hỗ trợ cho các chủ đầu tư hoàn thành các dự án điện gió, điện mặt trời đang triển khai.
- Phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo là trụ cột, là động lực và là một trong những ngành đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc duy trì các dự án năng lượng tập trung hiện hữu và phát triển các loại hình khai thác năng lượng phân tán.
- Với nguồn tài nguyên về nắng, gió tại địa phương, huyện Thuận Bắc vẫn còn dư địa lớn trong việc phát triển năng lượng tái tạo dạng phi tập trung, nghĩa là phát triển điện gió quy mô nhỏ và điện mặt trời áp mái (lắp đặt tại nhà dân, cơ quan công sở, khu công nghiệp...). Phát triển điện mặt trời mái nhà còn là hình thức sản xuất điện vừa phục vụ mục đích sản xuất, sinh hoạt, vừa tăng thêm thu nhập của người dân. Đây là một trong các tiềm năng về năng lượng có thể được khai thác và nghiên cứu đưa vào phát triển ở thời kỳ này. Nội dung này cũng phù hợp với Phương án phát triển được nêu tại Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch điện VIII), cụ thể là Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản tự tiêu (trong đó có điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia). Ưu tiên và có chính sách đột phá để thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng. Loại hình nguồn điện này

được ưu tiên phát triển không giới hạn công suất, với điều kiện giá thành hợp lý và tận dụng lưới điện sẵn có, không phải nâng cấp.

3.2. Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:

3.2.1. Quan điểm:

Nhằm làm rõ các nội dung về phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, vùng bảo tồn thiên nhiên, việc điều chỉnh quy hoạch vùng huyện đề xuất các quan điểm như sau:

- Huy động mọi nguồn lực để từng bước đầu tư phát triển du lịch, tích cực góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của huyện. Xây dựng hình ảnh du lịch huyện Thuận Bắc là điểm đến hấp dẫn, đặc trưng của vùng sinh thái núi rừng, hồ và biển.
- Phát triển du lịch theo hướng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường.
- Phát huy lợi thế về tài nguyên thiên nhiên với cảnh quan đa dạng từ rừng, núi, biển và hồ để phát triển đa loại hình du lịch.
- Phát triển du lịch kết hợp phát triển các dịch vụ nhằm phục vụ tốt nhu cầu của khách du lịch, góp phần phát triển khu vực thương mại dịch vụ và tăng nguồn thu từ hoạt động du lịch.
- Các ngành của huyện đều tham gia, có sản phẩm của từng ngành tạo nên sự đa dạng sản phẩm du lịch.
- Gắn phát triển du lịch với mục tiêu tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo.
- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia Núi Chúa, kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

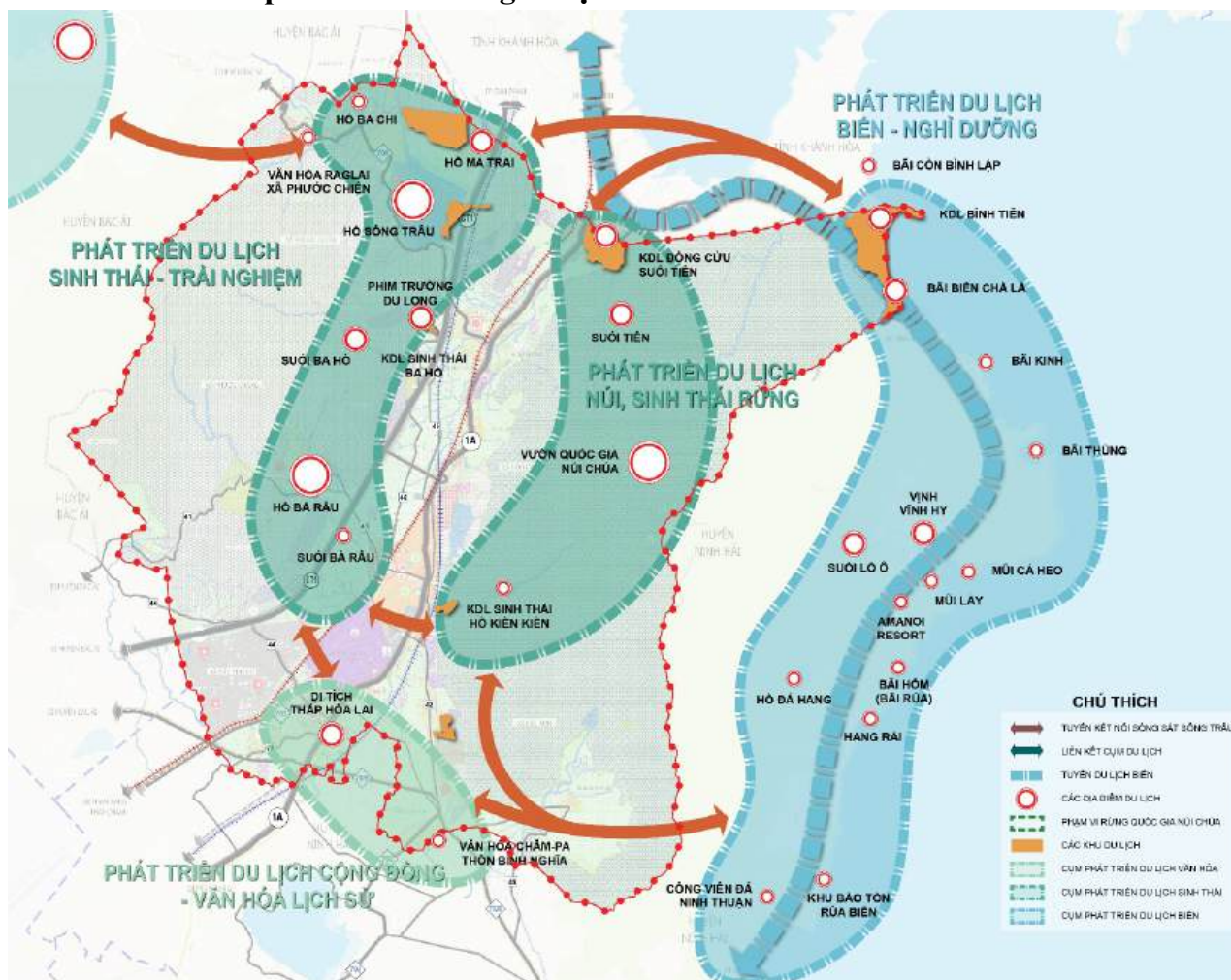
3.2.2. Định hướng phát triển:

Cơ bản dựa trên các định hướng phát triển theo quy hoạch cũ được duyệt năm 2012, tuy nhiên với đồ án điều chỉnh này có cập nhật thêm một số nội dung mới theo Quy hoạch Tỉnh Ninh Thuận như sau:

- Huyện Thuận Bắc nằm trên tuyến du lịch Khánh Hòa – Ninh Thuận – Bình Thuận, động lực phát triển ngành du lịch, phấn đấu đưa Thuận Bắc trở thành vùng trọng điểm về du lịch phía Bắc theo Quy hoạch Tỉnh. Trong đó tập trung khai thác lợi thế về du lịch biển, du lịch sinh thái, văn hóa và lịch sử.
- Phát triển du lịch toàn diện, bền vững, tạo dựng các loại hình, sản phẩm du lịch độc đáo, mới, chất lượng dựa trên thế mạnh về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, hình thành các khu, điểm và tuyến du lịch theo trục hành lang kinh tế quốc gia nối kết trung tâm du lịch của tỉnh, vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.
- Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái thành một ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện và tỉnh. Trong đó Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Bình Tiên là một trong những khu du lịch trọng điểm của Ninh Thuận.
- Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên của Vườn Quốc gia Núi Chúa để kết hợp phát triển du lịch sinh thái, khám phá, trải nghiệm và nghiên cứu khoa học, phù hợp với Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn Quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận.
- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch, vui chơi giải trí, đặc biệt là khu nghỉ dưỡng cao cấp biển Bình Tiên – hồ Bà Râu, hồ Sông Trâu,...

- Chú trọng phát triển du lịch cộng đồng Phước Chiến, Phước Kháng, du lịch văn hóa Raglai, văn hóa người Chăm và Bình nguyên Ba Chi – Ma Trai, di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai, đình Mỹ Nhơn....
- Phát triển du lịch gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững an ninh quốc phòng.
- Tích cực kết hợp phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch. Thúc đẩy mô hình liên kết giữa các cơ sản xuất nông nghiệp với các hoạt động du lịch. Hướng đến xây dựng nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp đều trở thành điểm đến của du lịch.

3.2.3. Tổ chức phân bố các vùng du lịch:



Hình 30 – Sơ đồ phân vùng phát triển du lịch

Phân bố các vùng du lịch cơ bản dựa trên Đồ án quy hoạch vùng huyện cũ năm 2012, các vùng đều dựa trên lợi thế về đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên hiện có để phát huy và phân vùng du lịch. Qua đó kết hợp các nội dung Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận đề xuất tích hợp để định hướng thêm về nội dung các vùng du lịch như sau:

a. Cụm du lịch Bình Tiên – Núi Chúa:

- Nằm trong cụm Bình Tiên – Vĩnh Hy theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận, điểm trung tâm là bãi biển Bình Tiên, đã được xây dựng các làng du lịch với hệ thống các nhà nghỉ, nhà hàng, điểm phục vụ nghỉ ngơi.

- Quy hoạch, quản lý kiến trúc cảnh quan tuyến đường ven biển Bình Tiên, phát triển trở thành tuyến đường ven biển đẹp nổi tiếng của quốc gia và quốc tế, gắn với danh hiệu Khu dự trữ sinh quyển thế giới, Vườn Quốc gia Núi Chúa.
- Hình thành các khu, điểm du lịch có quy mô lớn: Khu du lịch Bình Tiên, khu du lịch sinh thái cao cấp Núi Chúa,....
- Phát triển kết hợp du lịch núi và du lịch sinh thái rừng như khám phá, leo núi, trekking, nghiên cứu sinh học. Từ đó kết hợp tổ chức liên kết tuyến du lịch “lên rừng – xuống biển” đặc trưng, gắn liền với thiên nhiên chỉ ở huyện Thuận Bắc mới có được.



Bãi biển Bình Tiên



Bãi biển Chà Là



Suối Tiên



Vườn Quốc gia Núi Chúa

b. Cụm du lịch hồ Sông Trâu – Ma Trai:

- Hồ sông Trâu là hồ chứa nước ngọt lớn của tỉnh, có vị trí thuận lợi gần cửa ngõ phía Bắc của tỉnh.
- Hình thành khu du lịch sinh thái rừng tự nhiên đồng thời kết hợp khu du lịch vui chơi nghỉ dưỡng đặc biệt của vùng phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.
- Khu vực còn là khu thể thao vui chơi giải trí đẹp, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí của khách hàng trong nước và quốc tế.
- Gắn kết với vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao xung quanh hồ và bình nguyên Ma Trai, phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, chơi golf, vui chơi giải trí, tìm hiểu nền văn hóa dân tộc Raglai.



Hồ Ma Trai



Hồ Bà Râu



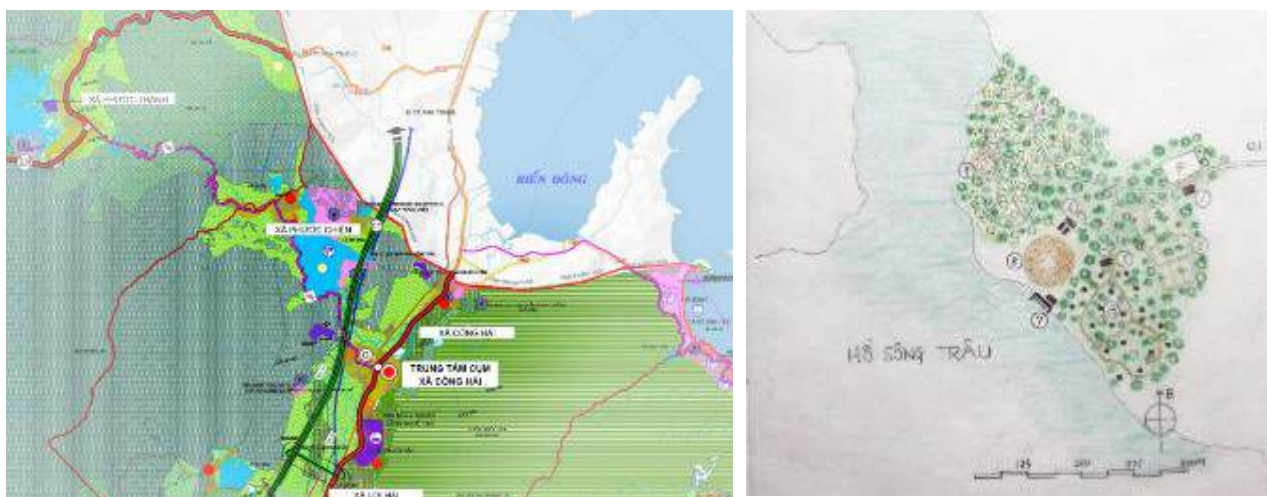
Văn hóa Raglai



Hồ Sông Trâu

❖ Định hướng phát triển du lịch khu vực hồ Sông Trâu:

- *Địa điểm quy hoạch : Xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận*
- Được bao bọc xung quanh bởi rừng cây bạt ngàn, hồ Sông Trâu có phong cảnh khá hữu tình. Diện tích mặt hồ 800 ha. Đây là một trong những hồ chứa nước ngọt lớn của tỉnh.
- Tham quan vào mùa mưa để chiêm ngưỡng vùng hồ nước mênh mông, không nên đến vào mùa khô vì mùa này hồ thường bị cạn kiệt nước.
- Có vị trí thuận lợi gần của ngõ phía Bắc của tỉnh như tuyến đường cao tốc Bắc- Nam dự kiến.
 - *Tính chất*
 - Đây là hồ chứa nước ngọt lớn của tỉnh.
 - Hình thành khu du lịch sinh thái rừng tự nhiên đồng thời kết hợp khu du lịch vui chơi nghỉ dưỡng đặc biệt của vùng Phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.
 - Khu vực không chỉ đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của khách hàng đây còn là một khu thể thao vui chơi giải trí đẹp, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí của khách hàng trong nước và quốc tế.
 - *Định hướng phát triển không gian:*
 - Do nằm ở vị trí dễ dàng tiếp cận bằng các phương tiện như xe máy (auto bike), xe ô tô gia đình nên đây là khu vực thích hợp để làm khu vực cắm trại bằng (auto campsite).



Hình- 1 Định hướng phát triển không gian khu vực hồ Sông Trâu

- + Khu vực 1: Khu vực trung tâm gồm các khu điều hành, khu công cộng phục vụ cho khu du lịch như: nhà hàng, khu vui chơi, bãi đỗ xe.... Quy mô khoảng 1ha.



Hình- 2 Minh họa về các loại hình khu cắm trại

- + Khu vực 2: Khai thác lợi thế mặt hồ rộng và bố trí các mô hình lưu trú như cắm trại, tham quan ở ven hồ và các hoạt động vui chơi giải trí trên mặt nước. Quy mô khoảng 2ha.

Nơi lưu trú gồm có: Khu vực cắm trại bằng ô tô, khu vực cắm trại lều, khu bungalow.

- + Khu vực 3: Khai thác lợi thế trên địa hình bằng phẳng và không khí mát mẻ bởi xung quanh là núi cao tạo các không gian cắm trại bằng xe ô tô với quy mô khoảng 1 ha

Mỗi ô (lot) trong khu cắm trại bằng ô tô rộng từ 100 ~150m², trong mỗi lô nên đều có cung cấp ổ cắm điện.

Ở trung tâm khu đất, bố trí khu bếp nấu ăn chung. Quảng trường trung tâm là trung tâm của tổ chức các hoạt động ngoài trời, buổi tối là nơi tổ chức lửa trại.





Hình- 3 Minh họa về các loại hình cắm trại

c. Điểm du lịch:

- Điểm du lịch sinh thái hồ Kiên Kiên (Lợi Hải): quy mô khoảng 15ha, có suối Kiên Kiên là một trong những nơi có nhiều thác nước, cảnh quan thiên nhiên đẹp của Thuận Bắc. Đặc biệt có dòng thác đổ nước cuộn cuộn từ trên cao.
- Điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và tâm linh Suối Tiên.
- Cụm du lịch Suối Bà Dầu – xã Phước Kháng: khu du lịch sinh thái rừng tự nhiên.
- Điểm du lịch văn hóa (Bắc Phong): có tháp Hòa Lai (còn gọi là Di tích Ba Tháp) được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt, là một trong những cụm tháp Chăm cổ nhất và đẹp nhất của Ninh Thuận còn tồn tại; bên cạnh đó còn có Đình Mỹ Nhơn cũng là di tích lịch sử cấp tỉnh với loại hình kiến trúc nghệ thuật độc đáo.
- Đình Hiệp Kiệt (Công Hải) được tỉnh xếp hạng vào di tích lịch sử năm 2008.
- Khu tập trung Bà Râu (Lợi Hải) là khu vực di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh, được công nhận vào năm 2018.
- Suối Tiên (Công Hải) là suối tự nhiên với dòng thác đổ cuộn cuộn từ trên cao, thuận lợi phát triển du lịch khám phá, thể thao mạo hiểm.
- Suối Ba Hồ (Phước Chiến): là suối tự nhiên tạo thành 3 hồ lớn giữa sườn núi với cảnh quan rất đẹp và hùng vĩ, thuận lợi phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm.
- Suối Nước Ngọt: nằm ở xã Công Hải, giáp ranh với huyện Ninh Hải.
- Hồ Sông Trâu: nằm ở xã Phước Chiến, là một điểm du lịch sinh thái rất hấp dẫn.



Tháp Hòa Lai



Văn hóa Chăm pa

- Giai đoạn sau năm 2030, triển khai Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt – Sông Trâu, giai đoạn 2021 – 2030:

- + Phạm vi đề án: gồm 8 khu vực: Khu vực Hồ Sông sắt, khu vực Hồ Suối lạnh, khu vực Suối Sừng trâu, khu vực Suối Ba Hồ, khu vực Đồi thông, khu vực Hồ Bà Râu, khu vực Suối Ô Cắm.
- + Các loại hình du lịch: du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch hội nghị, hội thảo, ...
- + Các điểm du lịch của Đề án nằm trên huyện Thuận Bắc:

	Dự án	Quy mô quy hoạch (ha)	Khái toán vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phương thức đầu tư
1	Điểm du lịch sinh thái 16: Tại khoảnh 1, 3, 5 của tiểu khu 77 thuộc xã Phước Thành và khoảnh 1, 2 của tiểu khu 134; khoảnh 1, 3 của tiểu khu 136; khoảnh 2, 3, 4 của tiểu khu 135a thuộc xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.	428,01	177,703	Cho thuê môi trường rừng
2	Điểm du lịch sinh thái 17: Tại khoảnh 5 của tiểu khu 135a; khoảnh 1, 2, 3, 4 của tiểu khu 136 và khoảnh 1, 2 của tiểu khu 137 thuộc xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	239,34	71,802	Cho thuê môi trường rừng
3	Điểm du lịch sinh thái 18: Tại khoảnh 1, 2 của tiểu khu 142 thuộc xã Công Hải và khoảnh 1, 2, 3, 4 của tiểu khu 137a thuộc xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	299,55	89,958	Cho thuê môi trường rừng
4	Điểm du lịch sinh thái 19: Tại khoảnh 2, 3 của tiểu khu 142 thuộc xã Công Hải và khoảnh 2, 3, 4 của tiểu khu 137a; khoảnh 5, 7 của tiểu khu 135a thuộc xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	260,62	78,186	Cho thuê môi trường rừng
5	Điểm du lịch sinh thái 20: Tại khoảnh 4 của tiểu khu 84; khoảnh 3, 8, 12 của tiểu khu 89; khoảnh 1, 2, 3, 4 của tiểu khu 94; khoảnh 1, 2, 3 của tiểu khu 151b thuộc xã Phước Trung và khoảnh 2, 4, 5, 6, 8 của tiểu khu 151a thuộc xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.	738,04	221,412	Cho thuê môi trường rừng

Bảng 20 – Danh sách các khu du lịch của Huyện Thuận Bắc

TT	Dự án du lịch	Địa điểm	Quy mô	Loại hình
1	Khu du lịch Bình Tiên	xã Công Hải	190 ha	Dịch vụ - Du lịch
2	Khu chức năng trung tâm dịch vụ và du lịch xã Công Hải (bao gồm cả ranh giới Khu du lịch sinh thái Natural Paradise)	xã Công Hải	40,87 ha	Dịch vụ - Du lịch

3	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Suối Tiên	xã Công Hải	16,6 ha	Du lịch sinh thái
4	Khu du lịch sinh thái hồ Ma Trai	Xã Phước Chiến		Du lịch sinh thái, du lịch khám phá
5	Khu du lịch hồ Sông Trâu	Xã Phước Chiến		Du lịch sinh thái hồ
6	Khu du lịch sinh thái hồ Kiền Kiền	thôn Kiền Kiền – Lợi Hải	15,0 ha	Du lịch sinh thái
7	Khu du lịch sinh thái cộng đồng Núi Chúa	Thôn Láng Me, xã Bắc Sơn	15,0 ha	Du lịch sinh thái
8	Khu vực dự kiến phát triển du lịch sinh thái (theo định hướng QH Tỉnh)	Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Hải		Du lịch sinh thái, du lịch khám phá
9	Dự án sân golf hồ Sông Trâu và hồ Ma Trai	Xã Phước Chiến		Dịch vụ vui chơi giải trí
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Núi Chúa	Bãi Chà Là, Xã Công Hải	15,7 ha	Du lịch nghỉ dưỡng

d. Các tuyến du lịch nội vùng:

- Tuyến du lịch trải nghiệm sinh thái hồ Bà Râu (Lợi Hải) – hồ Sông Trâu (Phước Chiến) – hồ Ma Trai (Phước Chiến) kết hợp du lịch văn hóa Bình Nguyên Ma Trai.
- Tuyến du lịch Lợi Hải – Vườn Quốc gia Núi Chúa – suối Nước ngọt – biển Bình Tiên.
- Tuyến du lịch Công Hải – đình Hiệp Kiệt – suối Ba Hồ.
- Tuyến du lịch Lợi Hải – tháp Hòa Lai – cánh đồng điện gió (Bắc Phong, Lợi Hải).
- Tuyến du lịch Lợi Hải – điểm du lịch sinh thái hồ Kiền Kiền – vườn Quốc gia Núi Chúa.

e. Các tuyến du lịch nội tỉnh:

- Tuyến du lịch ven biển Phan Rang-Tháp Chàm – Vĩnh Hy – Bình Tiên – Vườn Quốc gia Núi Chúa.
- Tuyến du lịch Phan Rang-Tháp Chàm – Lợi Hải (tháp Hòa Lai, đình Mỹ Nhơn, hồ Bà Râu) – Phước Chiến (suối Ba Hồ, hồ Sông Trâu, làng Ma Trai).

f. Các tuyến du lịch liên tỉnh:

- Tuyến du lịch dọc theo quốc lộ 1A: Nha Trang – Lợi Hải - Phan Rang-Tháp Chàm – Cà Ná – Phan Thiết.
- Tuyến du lịch biển – núi: Nha Trang – Văn Phong – Bình Tiên – Vĩnh Hy - Phan Rang-Tháp Chàm – Đà Lạt.

3.2.4. Vùng cảnh quan, vùng bảo tồn thiên nhiên:

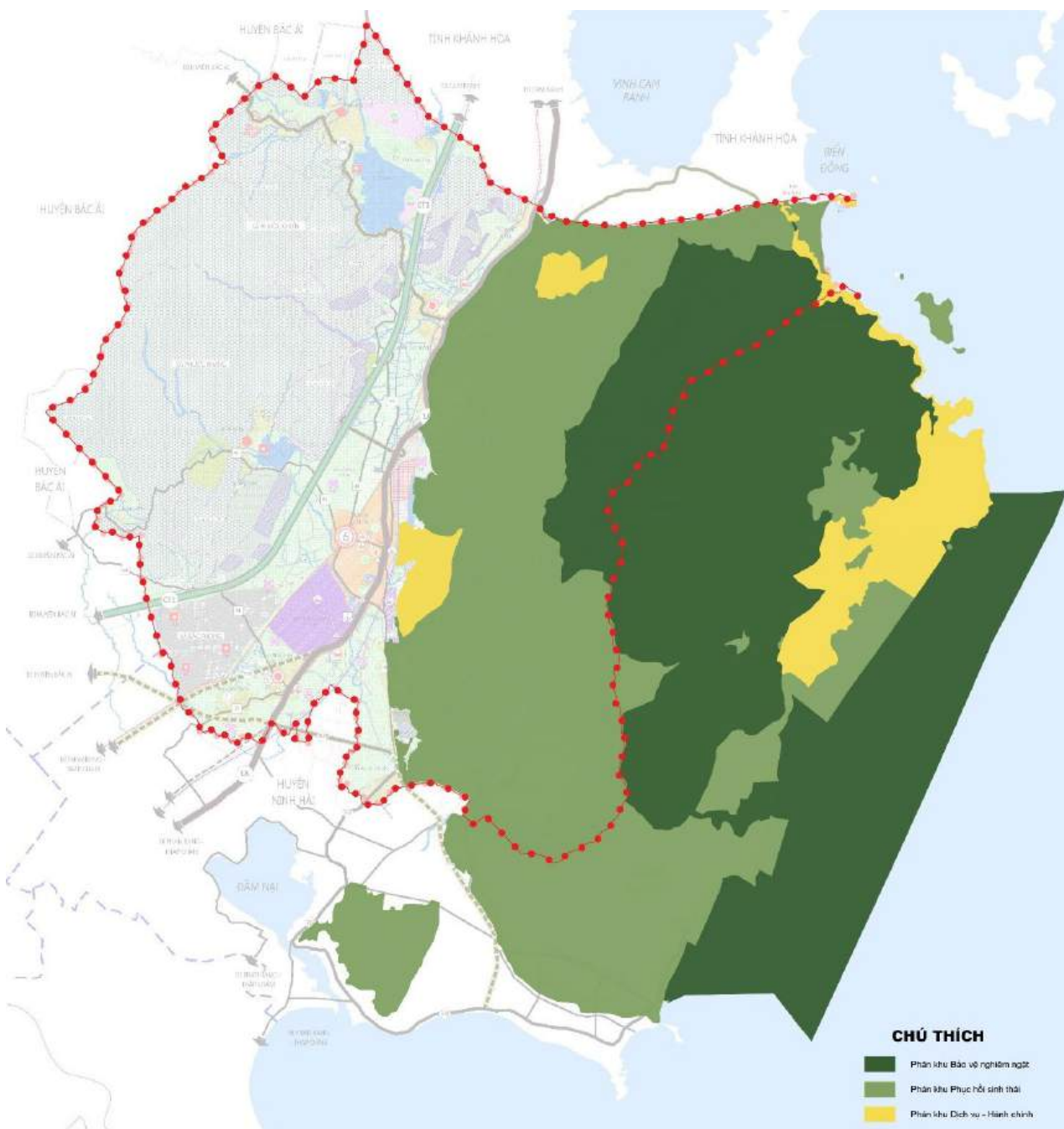
a. Vùng cảnh quan, vùng bảo tồn thiên nhiên:

- Bảo tồn và phát huy tính đa dạng sinh học tự nhiên của Vườn Quốc gia Núi Chúa. Đa dạng sinh học phải phù hợp, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với kế hoạch bảo vệ môi trường và kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu; đảm bảo tính ổn định của Vườn Quốc gia Núi Chúa, rừng đặc dụng.
- Phát huy chức năng và gìn giữ rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Trâu.
- Tạo môi trường thuận lợi để tổ chức ổn định đời sống dân cư trong vùng đệm, góp phần bảo vệ tài nguyên rừng. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, sử dụng hợp lý tài

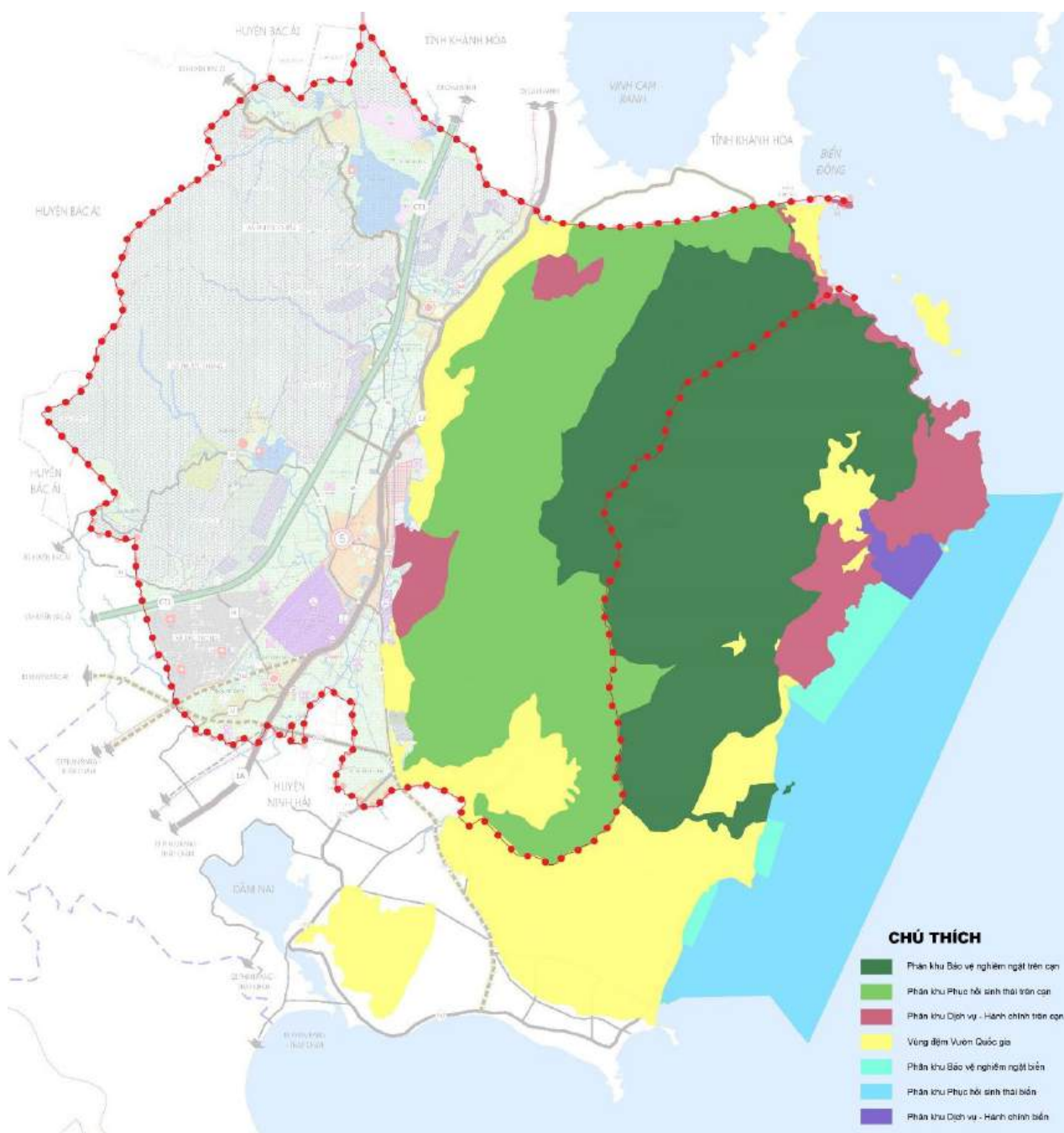
nguyên sinh vật, đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình thực hiện đa dạng sinh học.

– Vườn Quốc gia Núi Chúa:

- + Nằm trên địa giới của 3 xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn (huyện Thuận Bắc) và xã Vĩnh Hải (huyện Ninh Hải). Phần diện tích thuộc huyện Thuận Bắc khoảng hơn 12.000ha.
- + Toàn bộ diện tích rừng và các sinh cảnh hiện có với tổng diện tích là 18.970,57ha trong đó diện tích đất rừng đặc dụng: 17.342,70ha (bao gồm: 15.670ha rừng trồng tự nhiên và 1.672,52ha rừng trồng); diện tích đất có rừng phòng hộ: 1.624,87ha, toàn bộ là rừng tự nhiên. (theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận)
- + Vườn quốc gia Núi Chúa được đánh giá là rừng độc đáo duy nhất và đặc trưng cho hệ sinh thái khô hạn ở Đông Nam Á, với những giá trị nổi bật về địa hình, địa thế, khí hậu và tính đa dạng sinh học cao. Hệ động thực vật có liên hệ chặt chẽ với hệ động thực vật của dãy Trường Sơn Nam và miền Đông Nam Bộ.
- + Trong vườn quốc gia có suối Kiền Kiền, suối Đông Nha, suối Nước Ngọt, ... với nhiều thác nước tạo nên cảnh quan rất đẹp.
- + Phát triển theo hướng đa mục tiêu, phát triển rừng kết hợp với phát triển du lịch, nghiên cứu khoa học và tham quan để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo tồn tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng và các loài động, thực vật quý hiếm.
- + Vườn Quốc gia Núi Chúa được chia thành 03 phân khu chức năng (Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, Phân khu phục hồi sinh thái và Phân khu hành chính dịch vụ). Định hướng phát triển không gian ngành kinh tế tại Phân khu phục hồi sinh thái và Phân khu hành chính dịch vụ. Riêng đối với Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chỉ được phép tổ chức nghiên cứu khoa học, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; không được tổ chức nghỉ dưỡng, năng lượng, mô hình kinh tế trang trại,... trong phân khu này.
- + Tiếp tục duy trì ổn định độ che phủ rừng đến năm 2030 là 79,6%. Phục hồi hệ sinh thái rừng nghèo, nghèo kiệt thông qua các giải pháp lâm sinh phù hợp, theo quy định của pháp luật.
- + Bảo tồn tài nguyên động, thực vật, đặc biệt là các loài thực vật và động vật quý hiếm, bị đe dọa nguy cấp theo tiêu chí trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ, Sách đỏ Việt Nam và IUCN, CITES.
- + Định hướng không gian phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo các phân khu chức năng: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; phân khu phục hồi sinh thái; phân khu hành chính, dịch vụ.



Hình 31 – Sơ đồ phân khu chức năng Vườn Quốc gia Núi Chúa



Hình 32 – Sơ đồ phân khu chức năng chi tiết Vườn Quốc gia Núi Chúa

b. Đề án phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn Quốc gia Núi Chúa:

- Triển khai Đề án phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2020 – 2030 (Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận), thu hút lượng khách du lịch bình quân từ 500.000 – 700.000 lượt mỗi năm, trong đó khách quốc tế 10.000 – 15.000 lượt, phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm và chất lượng cao.
- Các loại hình du lịch: Du lịch sinh thái; du lịch biển; du lịch thể thao, mạo hiểm; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch chuyên đề; du lịch văn hóa lịch sử; du lịch thám hiểm,....
- Các sản phẩm du lịch:

- + Tổ chức các dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng với hệ thống phòng nghỉ liên kết và biệt lập mang kiến trúc truyền thống địa phương kết hợp với hiện đại;
 - + Các nhà nghỉ sinh thái tách biệt, bố trí dưới tán rừng, trên cây, trên vách đá, mặt nước,...; là nơi có không gian yên tĩnh, môi trường trong lành, gần gũi với cảnh quan thiên nhiên hoang dã, phù hợp cho du khách lưu trú dài ngày;
 - + Tổ chức các dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng trên các du thuyền kết hợp với dịch vụ vui chơi, giải trí trên biển,...
 - + Tổ chức các tuyến dã ngoại, leo núi, khám phá thiên nhiên; tổ chức các tuyến học tập, tham quan, khám phá các làng nghề sản xuất, nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch cộng đồng theo mô hình homestay,...
 - + Tổ chức các dịch vụ nhà hàng ăn uống ẩm thực, giải trí, mua sắm,... phục vụ du khách.
- Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chỉ được lập các tuyến đường mòn, đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.
 - Trong phân khu phục hồi sinh thái được lập các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường cấp IV miền núi, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, cầu dành cho người đi bộ ở khu rừng ngập nước.
 - Trong phân khu dịch vụ hành chính của Vườn Quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học được xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh bảo đảm các nguyên tắc trong Đề án đã đề ra.

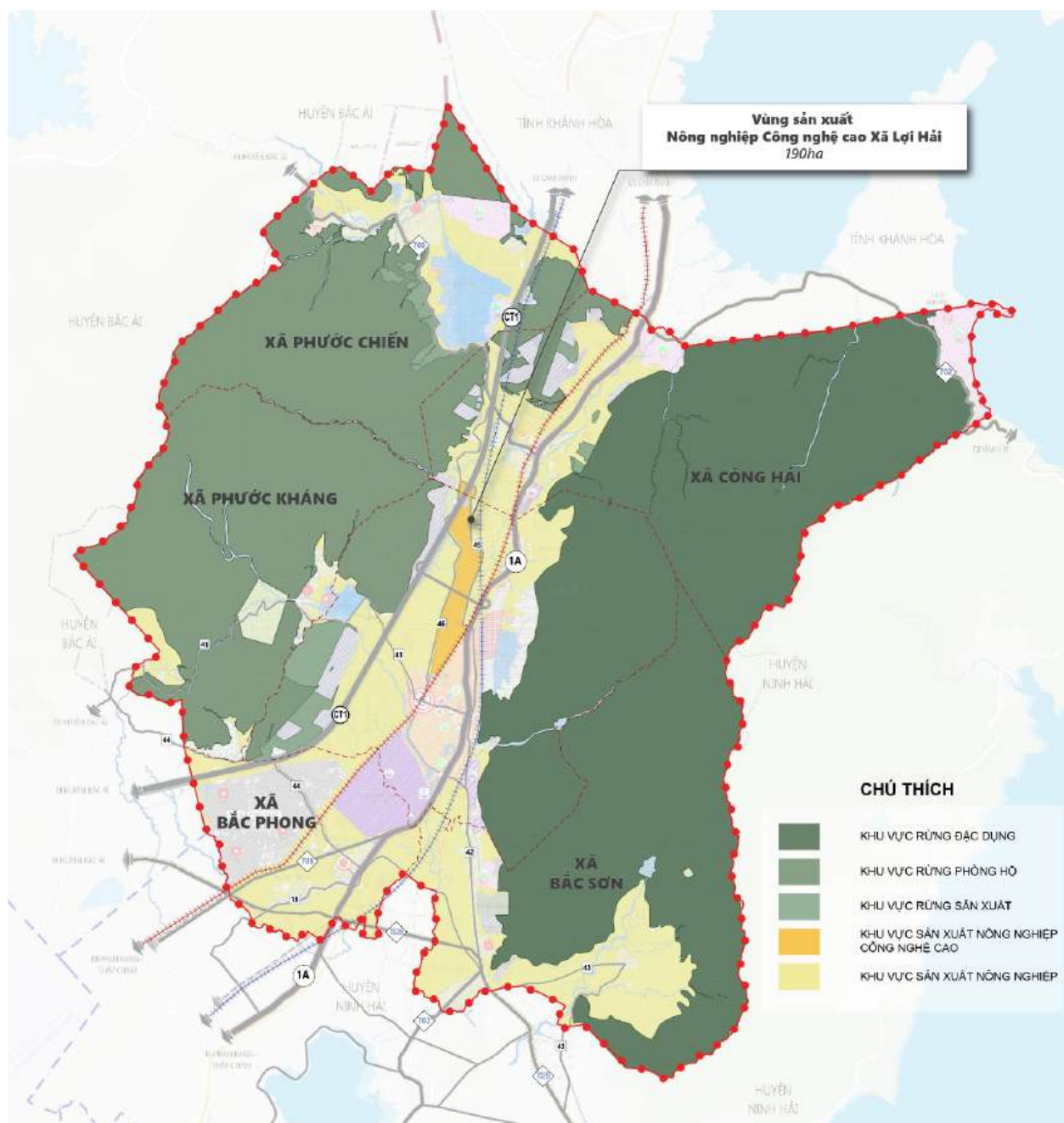
3.3. Phân bố các vùng nông – lâm, thủy sản:

3.3.1. Quan điểm:

Đề xuất các quan điểm về phân bố các vùng nông – lâm, thủy sản để làm rõ các nội dung định hướng và phân vùng như sau:

- Ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Thuận Bắc nói riêng, trong đó xác định nông nghiệp công nghệ cao là 1 trong 5 ngành trụ cột của nền kinh tế.
- Đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, phát triển bền vững, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.
- Phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và bền vững gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.
- Tập trung chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, từng địa phương, nhất là các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, có ưu thế cạnh tranh trên thị trường.

3.3.2. Định hướng phát triển:



Hình 33 – Sơ đồ định hướng phát triển nông lâm nghiệp

Trên cơ sở tuân theo nội dung định hướng quy hoạch cũ được phê duyệt, cập nhật thêm nội dung định hướng đề xuất tích hợp từ đồ án Quy hoạch vùng tỉnh Ninh Thuận, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm và tình hình kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc hiện hữu.

- Tăng tỷ trọng chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, chiếm tỉ trọng 41% giá trị toàn ngành, tăng nhanh tỷ trọng giá trị nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ nông nghiệp; xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh (mãng cầu dai,...), chuyên nuôi tập trung có quy mô lớn (heo, gà, bò,...) theo hướng an toàn sinh học, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất.

- Hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp chuyên môn hóa cao, các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế của huyện; các vùng chăn nuôi gia súc tập trung gắn với công nghiệp chế biến, cung cấp sản phẩm sạch cho địa phương.
- Tập trung phát triển vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao tại một số khu vực trạm bơm, phối hợp với Tỉnh xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao theo quy hoạch (quy mô khoảng 190ha tại khu vực trạm bơm Lợi Hải).
- Trồng rừng, tăng độ che phủ rừng và bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên. Tập trung thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng, đi đôi với thực hiện hiệu quả trồng rừng sản xuất, trồng rừng thay thế nhằm đảm bảo độ che phủ rừng, góp phần ổn định và từng bước nâng cao đời sống người dân trong phát triển kinh tế rừng.
- Phát triển quy mô hợp lý về thủy sản, đảm bảo cân bằng sinh thái, ổn định diện tích nuôi trồng, phát triển thủy sản gắn với phát triển du lịch.

3.3.3. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Trên cơ sở nội dung phân bố theo Đồ án quy hoạch vùng huyện được duyệt năm 2012, qua đó cập nhật thêm các nội dung từ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc 5 năm và tình hình thực tiễn khu vực để đưa ra nội dung phân vùng phù hợp.

a. Vùng nông nghiệp:

- Vùng chuyên canh lúa 2 – 3 vụ ở xã Bắc Phong, Bắc Sơn, Lợi Hải, Công Hải; trồng cây ăn quả, cây lâu năm ở Công Hải, Lợi Hải. Áp dụng biện pháp trồng luân canh, xen canh. Trồng cây lâu năm xen cây hàng năm (cây ăn quả, neem, sắn, ngô, đậu đỗ,...) vùng gò đồi.
- Vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao tại xã Lợi Hải (khoảng 190ha).
- Phát triển chăn nuôi toàn diện, đồng bộ gắn với thị trường theo hướng bền vững, hình thức trang trại tập trung, quy mô công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các cơ sở giết mổ và chế biến tập trung, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; phát triển mô hình chăn nuôi bò 3B gắn với phát triển đồng cỏ, phát triển chăn nuôi heo theo hướng trang trại khép kín gắn với sử dụng giống mới.
- Không chú trọng tăng quy mô mà chủ yếu tăng trọng lượng xuất chuồng, cải tạo chất lượng giống gia súc, gia cầm.
- Khai thác hồ chứa nước Kiên Kiên cho canh tác nông nghiệp khu vực thôn Suối Đá (nhánh Suối Đá) với diện tích canh tác đất nông nghiệp khoảng 300ha.

b. Vùng lâm nghiệp:

- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của vườn quốc gia Núi Chúa, phát triển rừng gắn với phát triển kinh tế từ rừng ở các xã (Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn) thuộc khu vực vùng đệm của vườn quốc gia. Quản lý chặt chẽ rừng phòng hộ ở Phước Chiến, Phước Kháng theo hướng cộng đồng. Phân đấu đến năm 2025 nâng độ che phủ rừng trên địa bàn huyện đạt 42%.
- Đầu tư nâng cao chất lượng gắn với bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã quy hoạch bằng việc bảo vệ, trồng mới rừng, khoanh nuôi tái sinh và làm giàu rừng tự nhiên.

- Mở rộng diện tích rừng sản xuất với các loại cây trồng như cây công nghiệp, cây ăn quả; chú trọng phát triển các lâm sản ngoài gỗ như mùn trắng, dược liệu,... từng bước phát triển rừng trồng nâng cao giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp và thúc đẩy phát triển rừng sản xuất.
- Ổn định định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số với phương hướng sản xuất nông – lâm kết hợp.

c. Vùng thủy sản:

- Hiện trạng vẫn tiếp tục phát triển với quy mô hợp lý, bảo đảm cân bằng sinh thái, ổn định diện tích nuôi trồng, phát triển thủy sản gắn với phát triển du lịch. Định hướng dài hạn không còn phát triển ngành thủy sản ở huyện.
- Theo định hướng quy hoạch tỉnh cũng như định hướng phát triển của huyện thì khu vực biển Bình Tiên chỉ phát triển về du lịch nên cũng không còn phát triển thủy sản tại khu vực này.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH SẢN XUẤT:

Đồ án Quy hoạch vùng huyện được duyệt năm 2012 chưa đưa ra định hướng phát triển các ngành sản xuất, do đó trong đồ án Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện đề xuất đưa ra các định hướng tuân theo Quy hoạch Tỉnh, Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm của Huyện và tình hình thực trạng nhằm cụ thể các nội dung:

4.1. Định hướng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp:

- Huyện Thuận Bắc thuộc vùng công nghiệp tập trung phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận, phát triển gắn với hành lang kinh tế Bắc – Nam thông qua với QL1, đường cao tốc Bắc – Nam. Tập trung thu hút các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, trong đó ưu tiên: Chế biến các sản phẩm từ ngành nông sản, thủy sản, đồ đông lạnh, đồ hộp, nước mắm, táo, rong biển,...; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến thực phẩm, Sản xuất VLXD, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.



Công nghiệp chế biến nông sản



Công nghiệp chế biến thủy sản



Quy trình sản xuất vật liệu xây dựng



Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng

- Huyện đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên cơ sở xác định 02 ngành chủ lực là năng lượng sạch và công nghiệp chế biến, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng để chuyển nhanh cơ cấu kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.
- Khai thác tiềm năng thế mạnh của huyện, mở rộng quy mô các cơ sở công nghiệp sản xuất hiện hữu, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, tăng sản lượng khai thác và chế biến vật liệu xây dựng, gắn với phát triển các ngành dịch vụ và phát triển nhanh tiêu thụ công nghiệp nông thôn.
- Về việc khai thác khoáng sản thiếc: Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, giai đoạn đến năm 2030 hoàn thành đề án thăm dò đã cấp phép Mỏ thiếc Tập Lá, thuộc xã Phước Chiển, huyện Thuận Bắc, có diện tích 34,3ha, trữ lượng dự kiến 865 tấn KL.



Công nghiệp năng lượng



Khai thác khoáng sản



Công nghiệp chế biến



Công nghiệp hỗ trợ



Công nghiệp cơ khí chế tạo máy



Tiểu thủ công nghiệp – làng nghề

- Phân đầu giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 20 – 21%.
- Xác định 02 nhiệm vụ chính của ngành công nghiệp của huyện là công nghiệp khai khoáng và hình thành các cơ sở sản xuất các sản phẩm phụ trợ phục vụ cho ngành năng lượng tái tạo. Đến năm 2030, phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch dựa trên lợi thế của Huyện. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, đầu tư các nhà máy chế biến tại Lợi Hải, Công Hải, khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Lợi Hải 1 và cụm công nghiệp Lợi Hải 2. Các cơ sở công nghiệp trên địa bàn huyện Thuận Bắc:

- + KCN Du Long quy mô giữ nguyên diện tích 407,28 ha, với các ngành nghề ít gây ảnh hưởng đến môi trường như lắp ráp điện tử, tin học, các ngành nghề công nghệ cao, các dự án phục vụ cho sản xuất năng lượng tái tạo; công nghệ cơ khí chế tạo máy nông, công nghiệp; công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; sản xuất hàng tiêu dùng; dệt may, đóng bao bì sản phẩm.
- + Cụm Công nghiệp Lợi Hải 1 (xã Công Hải và Lợi Hải), diện tích 15,589 ha.
- + Cụm Công nghiệp Lợi Hải 2 (xã Lợi Hải), diện tích 33,4176 ha.
- Hình thành nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm với sản phẩm có lợi thế từ ngành chăn nuôi của địa phương như dê, cừu; đồng thời phối hợp cùng các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai như các dự án điện gió, các dự án khai thác khoáng sản,...
- Tập trung khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế về phát triển điện gió, ưu tiên khuyến khích và thu hút đầu tư các dự án điện gió ở 10 vị trí theo quy hoạch phát triển điện gió quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, phấn đấu đến năm 2025 công suất lắp đặt 910 MW, với tổng sản lượng điện thương phẩm dự kiến đạt 2.500 triệu kWh/năm.
- Trong giai đoạn 2021 – 2025 phấn đấu Thuận Bắc trở thành vùng trọng điểm năng lượng tái tạo của tỉnh, tập trung hỗ trợ cho các chủ đầu tư hoàn thành 10 dự án điện gió, điện mặt trời, dự kiến đến năm 2025.
- Tiếp tục rà soát các khu vực có khả năng phát triển ngành năng lượng để kêu gọi đầu tư, như các hồ chứa nước, các khu vực không có khả năng canh tác nông nghiệp, khu vực dọc các triền núi,... khuyến khích phát triển các dự án năng lượng tái tạo quy mô nhỏ dưới 1MW tại các khu vực đất không có khả năng tưới, cần cỗi sản xuất nông nghiệp không hiệu quả.
- Từng bước hình hành thị trường bất động sản, phát triển đồng bộ và đa dạng nhiều loại hình nhà ở, văn phòng đáp ứng yêu cầu phát triển. Triển khai chương trình nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp.

4.2. Định hướng phát triển nông, lâm, thủy sản:

4.2.1. Nông nghiệp:

a. Mô hình nông nghiệp công nghệ cao:

- Vùng nông nghiệp công nghệ cao – sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (xã Lợi Hải) – là nơi kết hợp sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, làm cơ sở cho việc liên doanh, liên kết, nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện, hỗ trợ kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại.
- Đây được công nhận là vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; sản phẩm rau an toàn sau thu hoạch đạt tiêu chuẩn VietGAP.
- Tại một số khu vực có trạm bơm, trước mắt tập trung phát triển vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao nhằm phát triển nông nghiệp kỹ thuật cao để ứng phó với tình hình thời tiết khắc nghiệt do tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian hiện nay, phù hợp với thực trạng diện tích đất canh tác nhỏ, tầng đất canh tác thấp.

- Đối với khu vực miền núi tập trung phát triển cây điều ghép, cây ăn quả, cây dược liệu; đồng thời từng bước nghiên cứu áp dụng mô hình phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp phát triển năng lượng mặt trời, điện gió.



Nhà lưới Công nghệ cao



Rau sạch công nghệ cao



Hệ thống tưới ngập sàn



Trồng rau trên giá thể



Trồng rau khí canh



Hệ thống tưới ngập giá đỡ

- Các công nghệ ứng dụng:
 - + Sử dụng giống rau sạch bệnh, năng suất và chất lượng cao, kháng bệnh tốt theo phương pháp nhân giống invitro hoặc từ hạt giống có sử dụng công nghệ bao bọc hoặc cây giống ghép.
 - + Sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt.
 - + Ứng dụng công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM).
 - + Ứng dụng công nghệ nhà lưới và nhà màng có hệ thống bán tự động trong sản xuất rau an toàn.
 - + Ứng dụng công nghệ thủy canh và trồng cây trên giá thể.
 - + Cơ giới hóa trong khâu làm đất, đóng túi bầu, sản xuất cây giống, gieo trồng, tưới nước, bón phân, phòng trừ sâu, bệnh hại, sơ chế và bảo quản.
 - + Ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm bằng phương pháp tưới nhỏ giọt và phun mưa bán tự động có kết hợp cung cấp dinh dưỡng và phun phòng, trừ sâu, bệnh hại.

- + Ứng dụng công nghệ phân bón nhà chậm, phân nano, phân hữu cơ vi sinh, phân vi sinh trong quản lý dinh dưỡng tổng hợp (INM) và chế phẩm sinh học (chế phẩm vi sinh và chế phẩm thực vật) trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).
- + Ứng dụng công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen và tạo màng trong bảo quản rau tươi.

b. Trồng trọt:

- Tập trung đầu tư vào khâu giống cây trồng, canh tác tiết kiệm nước, đẩy mạnh cơ giới hoá gắn với chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của từng vùng.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng các cây trồng có giá trị kinh tế cao; nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, từng bước thực hiện quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap để nâng cao giá trị sản xuất đạt trên 110 triệu đồng/ha đất canh tác vùng chủ động nước.
- Tiếp tục duy trì, ổn định diện tích canh tác lúa khoảng 6.500 ha/năm. Phân đầu đến năm 2025, sản lượng lương thực đạt 42.000 tấn.
- Tập trung phát triển các cây trồng đặc thù, có lợi thế cạnh tranh (mãng cầu dai,...) tiến tới xây dựng thương hiệu và từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ.
- Định hướng đến năm 2030, chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng của cây ăn quả, cây công nghiệp và cây rau, đậu. Chú trọng phát triển các ngành hàng có lợi thế cạnh tranh cao và trung bình như: táo, tỏi, nha đam, sắn, ngô,...
- Đối với khu vực miền núi (xã Phước Kháng, xã Phước Chiến) tập trung phát triển cây điều, cây ăn quả, cây dược liệu theo hướng sản xuất hữu cơ để nâng cao giá trị, thu nhập cho người dân. Xây dựng và nhân rộng mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả, phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp phát triển năng lượng mặt trời, điện gió.



Thu hoạch tỏi



Táo xanh



Trồng ngô

Măng cầu gai

b.1. Cây lương thực:

- Ưu tiên phát triển các giống cây lương thực như lúa, ngô, mở rộng diện tích cây lương thực phù hợp với quy hoạch theo nhu cầu của thị trường. Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng trang trại, hợp tác xã liên kết sản xuất, tiêu thụ với các doanh nghiệp trung tâm giống cây trồng.
- Nâng quy mô diện tích sản xuất lúa (dồn điền, đổi thửa) để áp dụng cơ giới, giảm giá thành sản phẩm. Lúa gieo trồng trên các loại đất phù sa hoặc dốc tụ, những nơi có nguồn nước tưới, tiêu chủ động; ở khu vực tiếp giáp với các sông, suối, hồ đầm thuận tiện về nguồn nước với tổng diện tích đến năm 2030 khoảng 14.000 ha (giảm 6.000 ha so với năm 2020).
- Vùng trồng ngô được tập trung được trồng ở những khu vực thuận tiện trong việc tiếp cận nguồn nước tưới từ các khu vực sông, hồ, đập với diện tích đến năm 2030 khoảng 9.900 ha (giảm 2.000 ha so với năm 2020).



Phát triển trồng lúa



Đẩy mạnh trồng ngô

b.2. Cây ăn quả:

- Mở rộng diện tích trồng cây ăn quả, ưu tiên trồng táo, ngô phù hợp với quy hoạch theo nhu cầu thị trường. Phát triển vùng sản xuất theo quy trình chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng ưu tiên phát triển các mô hình trang trại, hợp tác xã. Phát triển liên kết sản xuất – tiêu thụ giữa các hộ sản xuất, trang trại, hợp tác xã với doanh nghiệp chế biến, hệ thống siêu thị.
 - Gắn hoạt động phát triển du lịch nông nghiệp của tỉnh với các vườn táo nhằm quảng bá chất lượng, thương hiệu cũng như tiêu thụ táo tại chỗ của du khách.
- Xây dựng mô hình trồng nhà lưới để tránh tổn thất trong mùa mưa.



Trồng táo an toàn trong nhà lưới

❖ Các loại cây trồng khác:

- Duy trì ổn định diện tích trồng rau, đậu, cây gia vị các loại, chuyển đổi một phần diện tích lúa nước kém hiệu quả sang phát triển rau, đậu, cây gia vị các loại. Mở rộng vùng trồng rau an toàn, trồng tỏi làm nguyên liệu cho sản xuất chế biến dược phẩm như tỏi đen theo nhu cầu thị trường.
- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, sản phẩm đối với các sản phẩm rau, gia vị.
- Vùng trồng Rau, đậu: diện tích gieo trồng rau, đậu các loại khoảng 12.000 ha; các vùng chuyên canh tập trung ở ven thành phố, thị trấn, vùng đất cát ven biển.
- Tổ chức sản xuất cây công nghiệp theo hướng hộ sản xuất nhỏ, liên kết với doanh nghiệp sản xuất, chế biến.
- Giảm diện tích gieo trồng sắn (mỳ) tại các khu vực kém hiệu quả, chuyển đổi diện tích trồng sắn không hiệu quả sang cây trồng mới hoặc cây trồng làm thức ăn chăn nuôi.
- Nghiên cứu, phát triển cây dược liệu tại khu vực tại các xã miền núi.

c. Chăn nuôi:

- Phát triển chăn nuôi toàn diện, đồng bộ gắn với thị trường theo hướng bền vững, từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, chiếm tỷ trọng 41% giá trị toàn ngành.
- Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại tập trung, quy mô công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các cơ sở giết mổ và chế biến tập trung, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng đàn gia súc đáp ứng yêu cầu công nghiệp chế biến.
- Quy hoạch vùng chăn nuôi trâu, bò tập trung ở các xã miền núi và vùng gò đồi thấp, xa các khu dân cư, xa khu công nghiệp.



Heo đen Thuận Bắc



Chăn nuôi heo đen trên rẫy cao



Chăn nuôi ở Thuận Bắc



Gà Thuận Bắc

4.2.2. Thủy sản:

- Hiện trạng vẫn tiếp tục phát triển với quy mô hợp lý, bảo đảm cân bằng sinh thái, ổn định diện tích nuôi trồng, phát triển thủy sản gắn với phát triển du lịch. Định hướng dài hạn không còn phát triển ngành thủy sản ở huyện.

4.2.3. Lâm nghiệp:

- Tập trung thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng, đi đôi với thực hiện có hiệu quả trồng rừng sản xuất, trồng rừng thay thế.
- Đảm bảo độ che phủ rừng, góp phần ổn định và từng bước nâng cao đời sống người dân trong phát triển kinh tế rừng, trong đó tập trung nhân rộng mô hình cây điều ghép với quy mô khoảng 1.000 ha để tạo động lực cho việc phát triển kinh tế rừng.
- Phân đấu đến năm 2025, nâng độ che phủ rừng trên địa bàn huyện đạt 42%.
- Đến năm 2030, ổn định theo quy hoạch 03 loại rừng đã được phê duyệt. Đầu tư để nâng cao chất lượng gắn với bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã quy hoạch bằng việc bảo vệ, trồng mới rừng, khoanh nuôi tái sinh và làm giàu rừng tự nhiên.
- Phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa có giá trị, bổ sung loài mới vào các rừng tự nhiên ở các khu rừng phòng hộ, đặc dụng; Hạn chế khai thác gỗ và lâm sản khác, tăng cường tận thu các sản phẩm ngoài gỗ.



Quản lý, bảo vệ rừng



Trồng rừng tăng độ che phủ của rừng

4.3. Định hướng phát triển văn hóa – thể dục thể thao và phát thanh truyền hình:

4.3.1. Định hướng chung:

Xây dựng nền văn hóa phát triển toàn diện gắn với mục tiêu phát triển con người, có nét đặc sắc riêng, bảo tồn truyền thống tộc người Raglai, Chăm...; phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá. Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống nhân dân.

4.3.2. Văn hóa:

- Lĩnh vực di sản văn hóa vật thể: Có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý các di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp tỉnh để trở thành điểm tham quan, du lịch, sinh hoạt văn hóa và giáo dục truyền thống một cách có hiệu quả. Lập kế hoạch cụ thể về không gian, diện tích sử dụng đất đai cho từng di tích bao gồm diện tích chính và khuôn viên sử dụng kèm theo nhằm phát huy có hiệu quả trong bảo tồn cũng như phát triển du lịch.
- Lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể: Tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức lễ hội, tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu những giá trị văn hóa đặc sắc của Lễ bỏ mả của người Raglai. Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, Lễ hội truyền thống của địa phương gắn với phát triển du lịch
- Nghệ thuật biểu diễn: Nghiên cứu xây dựng mô hình nghệ thuật biểu diễn không chuyên nghiệp đưa vào phục vụ du lịch tại các khu du lịch, đặc biệt là gắn với loại hình du lịch cộng đồng, góp phần phát triển sinh kế cho người dân từ nguồn lực di sản. Khuyến khích các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân đầu tư xây dựng nhà triển lãm, phòng trưng bày văn hóa, nghệ thuật tổng hợp và chuyên đề theo chính sách xã hội hóa của Nhà nước.
- Thư viện bảo tàng: Phát triển thư viện cấp huyện, xã theo hướng đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ thư viện hiện đại: dịch vụ đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trưng bày triển lãm...; dịch vụ hỗ trợ độc giả là người khiếm thị, khuyết tật; sưu tầm thư tịch và số hóa các dạng tài liệu. Mở rộng mạng lưới cửa hàng sách tư nhân tại địa bàn huyện, xã.
- Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở: Tổ chức các loại hình câu lạc bộ, đội nghệ thuật quần chúng thích hợp để khôi phục và phát triển vốn di sản nghệ thuật truyền thống. Đầu tư cho xã hoặc cụm xã nhà văn hóa - thể thao xã và các điểm văn hóa - vui chơi giải trí, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận dễ dàng thuận tiện các hoạt động văn hóa nghệ thuật.



Tái hiện Lễ bỏ mã – Di sản văn hóa phi vật thể của người Raglai



Văn hóa Raglai



Phát huy giá trị văn hóa qua Khai mạc hội thi trình diễn Mã La và giao lưu văn nghệ



Văn hóa Chăm

4.3.3. Thể dục thể thao:

- Khuyến khích và tạo điều kiện toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể thao. Chú trọng phát triển thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư, khôi phục các trò chơi dân gian, các hội thi truyền thống.
- Đến năm 2025 thu hút 38% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, khuyến khích hình thành các loại hình dịch vụ tập luyện thể dục thể thao.
- Hỗ trợ phát triển thể dục, thể thao cho các đối tượng đặc biệt: khuyến khích, hướng dẫn và hỗ trợ phát triển thể dục, thể thao cho người khuyết tật, người cao tuổi, các chức sắc tôn giáo. Bổ sung các điều kiện đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao của người khuyết tật trong quy chuẩn xây dựng cơ sở luyện tập, sân bãi thể thao.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất: Đầu tư xây dựng các sân chơi, bãi tập, công trình thể thao trong quần thể trung tâm văn hoá - thể thao cấp xã, thôn, khu phố. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để phát triển thể dục, thể thao. Xây dựng các mô hình điểm về cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động thể dục, thể thao tại các thôn, khu phố và phường, xã, thị trấn.



Giải Việt dã trên cung đường TL706 gắn với quảng bá, giới thiệu tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng xã Phước Chiến



Đẩy mạnh thể thao

4.3.4. Phát thanh truyền hình:

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ kịp thời cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và các sự kiện chính trị lớn của cả nước, của tỉnh và địa phương.
- Chú trọng đầu tư, nâng cấp hệ thống phát thanh đến tất cả địa bàn dân cư, là diễn đàn cập nhật kiến thức, định hướng dư luận, trao đổi học tập cho nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa.

4.4. Định hướng phát triển du lịch:

- Tập trung khai thác có hiệu quả những lợi thế về du lịch biển, gắn kết phát triển du lịch sinh thái với du lịch văn hóa, làng nghề và các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các sản phẩm đặc trưng, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù của huyện Thuận Bắc. Ưu tiên loại hình du lịch khám phá, du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng sinh thái, nghỉ dưỡng.
- Các khu du lịch trọng điểm: Khu du lịch Bình Tiên, Vườn Quốc gia Núi Chúa, Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Suối Tiên,...
- Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành động lực chính của việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện, khai thác lợi thế về du lịch biển gắn với tuyến đường ven biển, hình thành những khu du lịch có quy mô phù hợp, loại hình dịch vụ mới, khác biệt với chất lượng phục vụ tốt để tăng sức cạnh tranh các sản phẩm du lịch.
- Phân đầu Thuận Bắc trở thành vùng trọng điểm về du lịch phía Bắc theo quy hoạch của Tỉnh.
- Tận dụng lợi thế của địa hình, địa vật để phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch khám phá, tại các khu vực Suối Tiên, suối Kiền Kiền, Ba Hồ,...; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và văn hóa Raglai, văn hóa người Chăm và bình nguyên Ba Chi - Ma Trai, di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai, điểm du lịch lịch sử Lá chắn thép Du Long,...
- Giai đoạn 2030, phát triển du lịch núi và du lịch sinh thái, rừng: Trekking, nghiên cứu sinh học. Phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng cao cấp: Núi ven biển (Dốc lớn): Resort núi đẳng cấp, bất động sản du lịch; Hội tụ nhiều khu du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp: Trung tâm dịch vụ và du lịch xã Công Hải, khu du lịch sinh thái tự nhiên hồ Kiền Kiền, khu du lịch sinh thái... Khu du lịch văn hóa, di sản Ba Tháp...



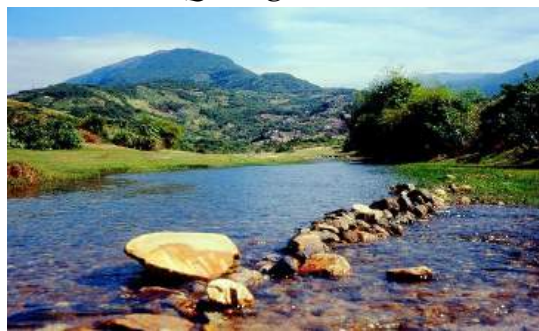
Khu du lịch Bình Tiên



Vườn Quốc gia Núi Chúa



*Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng
Suối Tiên*



Khu du lịch sinh thái hồ Kiên Kiên



Suối Ba Hồ



Du lịch cộng đồng văn hóa Raglai



Du lịch cộng đồng văn hóa người Chăm



Hồ Sông Trâu



Nghệ thuật chạm khắc tinh tế, độc đáo của tháp Hòa Lai



Bệ pháo thuộc Lá chắn thép Du Long



Khu du lịch sinh thái cộng đồng Núi Chúa



Du lịch Trekking, khám phá trải nghiệm Vườn Quốc gia Núi Chúa

4.5. Định hướng phát triển khoa học công nghệ:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nhất là đối với các sản phẩm đặc thù, có lợi thế.
- Kế hoạch số 201-KH/TU ngày 17/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào các mô hình sản xuất; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành. Tận dụng hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV.
- Đến năm 2030, khoa học và công nghệ cần tiếp tục được quan tâm ứng dụng triển khai thực hiện; Tiếp tục một số mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế được nhân rộng như: Mô hình tưới nước tiết kiệm, mô hình “01 phải 05 giảm” trên cây lúa, mô hình trồng cây măng cầu, măng tây xanh, bưởi da xanh, cánh đồng lớn,....
- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành; đưa vào sử dụng phần mềm quản lý TDoffice trong giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng chất lượng, hiệu quả công việc.

V. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI:

5.1. Hệ thống trung tâm Hành chính chính trị:

- Tập trung phát triển Khu đô thị trung tâm (đô thị Lợi Hải). Khai thác sử dụng đất các khu vực đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết; Chính trang nâng cấp các khu dân cư hiện

trạng, để phù hợp với định hướng phát triển chung của đô thị, ưu tiên tập trung nâng cấp các công trình hạ tầng và các không gian công cộng.

- Huy động tổng hợp và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển đô thị. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển đô thị; cân đối, bố trí hợp lý các nguồn thu từ kinh tế, dịch vụ, đất đai để xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng.
- Định hướng tổ chức các hệ thống công trình công cộng phù hợp tại hệ thống các trung tâm xã, trung tâm cụm xã, từng bước nâng cao đời sống và đáp ứng nhu cầu người dân, xóa khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

5.2. Hệ thống giáo dục đào tạo:

5.2.1. Quan điểm và mục tiêu:

a. Quan điểm:

- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện từ mầm non đến phổ thông trung học và nâng cao hiệu quả đào tạo ở các bậc học.
- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, nâng cao chất lượng và đảm bảo đủ giáo viên cho hệ thống giáo dục.
- Phân bố và phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục hiện có một cách thiết thực và hiệu quả.

b. Mục tiêu:

- Về tiếp cận giáo dục, mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông đảm bảo cơ cấu hợp lý theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa”, khả năng tiếp cận của mọi trẻ em trong độ tuổi đi học, trẻ dân tộc thiểu số được phân bố hợp lý trên địa bàn huyện phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế-xã hội của từng địa phương.
- Về chất lượng giáo dục, duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, nâng dần giáo dục mũi nhọn để tăng số học sinh đạt giải tại các kỳ thi quốc gia và quốc tế.
- Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh việc đạt chuẩn Quốc gia của các trường mầm non, phổ thông của tỉnh.
- Về phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV vững vàng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chuyên nghiệp vụ chuyên môn. Cơ sở vật chất được đầu tư theo hướng hiện đại để từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

5.2.2. Định hướng phát triển:

Dựa trên tình hình kinh tế - xã hội hiện hữu, định hướng phát triển hệ thống giáo dục đào tạo căn bản dựa trên đồ án Quy hoạch vùng huyện cũ, qua đó đề xuất thêm các nội dung nhằm làm rõ theo Quy hoạch Tỉnh và Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm của huyện Thuận Bắc:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trọng tâm thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đi đôi với bố trí sắp xếp lại hệ thống trường lớp học, đội ngũ giáo viên, phân luồng tiếp nhận học sinh.

- Triển khai hoàn thành Đề án kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; hoàn thành và đưa vào hoạt động 03 trường liên cấp. Phấn đấu đến năm 2025, tiếp tục duy trì các Trường đạt chuẩn quốc gia, công nhận thêm 03 trường đạt chuẩn quốc gia và có 65% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ ngày;
- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề của Ninh Thuận và TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Lạt, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện và tỉnh để đào tạo các ngành kinh tế - kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của địa phương như : điện, cơ khí, du lịch, nông lâm nghiệp,... Đào tạo các nhà quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của vùng. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- Mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo, ưu tiên đầu tư phát triển mầm non vùng nông thôn, trẻ em các dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa. Khuyến khích mở các loại hình trường ngoài công lập ở các cấp học, nhân rộng mô hình trường bán trú dân nuôi, trung tâm học tập cộng đồng để thực hiện chủ trương xây dựng xã hội học tập. Tiếp tục duy trì đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi, Tiểu học đúng độ tuổi và Trung học cơ sở.
- Mở rộng mạng lưới đào tạo, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo yêu cầu hội nhập. Từng bước xã hội hóa công tác đào tạo, nâng cao dân trí, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.
- Năm 2030, hệ thống giáo dục đào tạo phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện và tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- Phát triển nguồn nhân lực có tay nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng thành thạo. Đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, phát huy hiệu quả hơn nữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
- Phát triển vững chắc ngành giáo dục – đào tạo của huyện bằng việc tranh thủ mọi nguồn lực, sự hỗ trợ trong và ngoài nước. Từng bước xã hội hóa công tác giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực, phát triển và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng cả 3 mặt, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; phát triển mạng lưới trường, lớp học ở các cấp học đạt chuẩn quốc gia.
- Hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có xu hướng tăng, tuy nhiên hệ thống các trường tiểu học công lập có xu hướng giảm do tỉnh tiếp tục thực hiện Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thực hiện Chương trình số 181-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã được phê duyệt, theo lộ trình sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2 (năm 2021-2025) và giai đoạn 3 (năm 2025-2030), tăng tỉ lệ các trường tư thục ở tất cả các cấp học này.
- Định hướng hạ tầng giáo dục: Dự kiến đến năm 2030, tăng 01 trường mầm non (tư thục), 01 trường tiểu học (tư thục) và 01 trường THPT tư thục gần khu công nghiệp Du Long, huyện Thuận Bắc. Duy trì 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Huyện.

- Định hướng hệ thống giáo dục đào tạo đến năm 2030:
 - + *Cấp tỉnh (Sở Lao động TB&XH)*: Duy trì 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Huyện tại đô thị Lợi Hải.
 - + *Cấp đô thị*: gồm trường THPT Phan Bội Châu hiện hữu với quy mô 1,65ha. Để đáp ứng nhu cầu giáo dục và bán kính tiếp cận cho người dân trên toàn huyện Thuận Bắc, đặc biệt là các xã, định hướng xây dựng mới 02 trường THPT tại trung tâm cụm xã Công Hải (đáp ứng bán kính phục vụ cho xã Công Hải, Phước Chiến) và trung tâm cụm xã Bắc Phong (đáp ứng bán kính phục vụ cho xã Bắc Phong và xã Bắc Sơn), phù hợp với quy mô dân số định hướng của từng xã trong tương lai. Đối với xã Phước Kháng sẽ sử dụng trường THPT tại đô thị Lợi Hải sẽ thuận tiện hơn cho việc tiếp cận.
 - + Tại mỗi trung tâm xã đảm bảo bố trí đầy đủ trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non đáp ứng quy mô dân số từng xã đến năm 2030 và tuân theo QCVN 01:2021/BXD
- Tầm nhìn đến năm 2050 hệ thống giáo dục đào tạo được định hướng:
 - + *Cấp huyện*: Duy trì 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Huyện. Đồng thời đầu tư xây dựng mới Trường đào tạo lái xe khu phía Nam đô thị Lợi Hải để đảm bảo quy mô phục vụ trong tương lai và công cuộc đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục – đào tạo của huyện.
 - + *Cấp đô thị*: đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, toàn huyện có 04 trường THPT được định hướng phát triển, mở rộng để đáp ứng phù hợp quy mô dân số đến năm 2050.
 - + Đến năm 2050, đầu tư phát triển hệ thống các trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non đáp ứng đủ nhu cầu quy mô dân số tại các trung tâm xã trong huyện.
- Quy mô nhu cầu đất xây dựng các cấp cơ sở giáo dục theo từng giai đoạn phù hợp với quy mô phát triển dân số của huyện được cụ thể trong bảng sau đây:

Bảng 21 – Nhu cầu đất xây dựng cơ sở giáo dục theo QCVN 01:2021

Chỉ tiêu:

- Trường mầm non: 50 học sinh/1000 người, chỉ tiêu đất xây dựng 12 m²/học sinh
- Trường tiểu học: 65 học sinh/1000 người, chỉ tiêu đất xây dựng 10 m²/học sinh
- Trường THCS: 55 học sinh/1000 người, chỉ tiêu đất xây dựng 10 m²/học sinh
- Trường THPT: 40 học sinh/1000 người, chỉ tiêu đất xây dựng 10 m²/học sinh

STT	Cơ sở Giáo dục	2025		2030	
		Số lượng học sinh (HS/Cháu)	Nhu cầu DT đất xây dựng (ha)	Số lượng học sinh (HS/Cháu)	Nhu cầu DT đất xây dựng (ha)
	Dân số toàn huyện (người)	47.000		55.000	
I	Cấp đô thị	1.880	1,88	2.200	2,20
1	Trường Trung học phổ thông	1.880	1,88	2.200	2,20

II	Cấp xã, cấp đơn vị ở	7.990	8,46	9.350	9,90
2	Trường Trung học cơ sở	2.585	2,59	3.025	3,03
3	Trường Tiểu học	3.055	3,06	3.575	3,58
4	Trường Mầm non	2.350	2,82	2.750	3,30
III	Toàn huyện	9.870	10,34	11.550	12,10

- Trên cơ sở nhu cầu đất xây dựng cơ sở vật chất Giáo dục được dự báo như trên, đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, xã nông thôn mới sẽ cụ thể hóa về vị trí, quy mô các công trình theo yêu cầu phát triển của địa phương.
- Định hướng đầu tư cho giáo dục bằng nhiều nguồn, đặc biệt chú ý đến xã hội hóa giáo dục. Thu hút và có chế độ đãi ngộ giáo viên giỏi. Quy hoạch, đào tạo giáo viên theo địa chỉ. Chú ý chính sách hỗ trợ các sinh viên nghèo ngành sư phạm các trường đại học danh tiếng, học giỏi (có cam kết làm việc lâu dài tại huyện Thuận Bắc).

5.3. Hệ thống công trình y tế:

5.3.1. Quan điểm và mục tiêu:

a. Quan điểm:

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển. Công bằng phải đi đôi với hiệu quả và phát triển. Hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân, thuận lợi, dễ tiếp cận, đáp ứng được những yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng của các tầng lớp xã hội; xây dựng nền y học có trình độ tiên tiến theo kịp với các khu vực tiên tiến trong nước và tiến tới trình độ thế giới.
- Thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện, ngăn ngừa bệnh với chữa bệnh, phục hồi chức năng và rèn luyện nâng cao sức khỏe.

b. Mục tiêu:

- Tăng cường công tác Y tế dự phòng, vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, đẩy mạnh công tác khám, chữa bệnh, dân số-kế hoạch gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, thông tin y tế nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân. Củng cố, phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo.
- Phát triển mô hình nghỉ dưỡng, điều dưỡng sau trị liệu từ các bệnh viện, trẻ em, đặc biệt là nhóm khách ưa thích sử dụng liệu pháp tự nhiên, ít sử dụng thuốc, hóa chất, ... và khách nước ngoài ưa thích các sản phẩm nghỉ dưỡng mới lạ kết hợp với du lịch.

5.3.2. Định hướng phát triển:

Cập nhật nội dung định hướng phát triển hệ thống y tế huyện theo nội dung tích hợp Quy hoạch Tỉnh và Kế hoạch kinh tế - xã hội của huyện dựa trên định hướng Quy hoạch vùng duyên được duyệt năm 2012 như sau:

- Tập trung nâng cao chất lượng và sức khoẻ sinh sản, đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, kế hoạch hoá gia đình; đặc biệt chú trọng đến đối tượng thanh niên và vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.
- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách về dân số, gia đình và trẻ em giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo. Nâng cao trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành; đồng thời huy động các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội tham gia vào công tác dân số, gia đình.
- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, tăng cường phòng, chống dịch bệnh; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.
- Tập trung phòng chống dịch bệnh, quan trọng là tình hình dịch COVID-19 vừa qua, tăng cường y tế dự phòng, hạn chế tối đa tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, đẩy mạnh Chương trình tiêm chủng mở rộng. Phấn đấu đến năm 2025 giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 21%; duy trì 100% xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế.
- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở bệnh viện đa khoa, ứng dụng khoa học y tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân khu vực huyện Thuận Bắc, góp phần giảm áp lực cho các bệnh viện ở TP. Phan Rang – Tháp Chàm.
- Phát triển mạng lưới khám và chữa bệnh theo hướng hiện đại và nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu khám và điều trị tại chỗ cho nhân dân. Mở rộng các dịch vụ chăm sóc người già, người tàn tật, trẻ em dưới 6 tuổi. Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu đến năm 2025 có 98% dân số tham gia bảo hiểm y tế.
- Tạo môi trường thuận lợi tham gia cung cấp dịch vụ y tế theo hướng đa dạng hóa, đặc biệt các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu người dân. Phát triển y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế ngoài công lập, xã hội hóa ngành y tế với các dịch vụ đa dạng, chất lượng cao. Mở rộng các hình thức chăm sóc sức khỏe tại nhà; khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực y tế của huyện.
- Giai đoạn đến năm 2030, huyện Thuận Bắc phát triển mạng lưới y tế hiện đại, trở thành trung tâm cấp tiểu vùng tỉnh. Quy hoạch quỹ đất cho Dự án “Đầu tư xây dựng và Phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” thuộc Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận trên địa bàn huyện Thuận Bắc. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mở rộng quy mô Trung tâm y tế huyện Thuận Bắc hiện hữu, tăng công suất giường hiện nay lên 70 giường năm 2030. Mua sắm trang thiết bị vật tư y tế hiện đại.

Bảng 22 – Nhu cầu số giường bệnh và cơ sở y tế

Chỉ tiêu:

- Bệnh viện đa khoa: 4 giường/1000 người; chỉ tiêu đất xây dựng 100 m²/giường

- Trạm y tế: 1 trạm/thị trấn, xã; chỉ tiêu đất xây dựng 500 m²/trạm

Số TT	Cơ sở Y tế	Dân số toàn huyện; số xã, thị	Số lượng (Giường /Trạm)	Nhu cầu DT đất xây dựng (ha)	Ghi chú
-------	------------	-------------------------------	-------------------------	------------------------------	---------

		trần (người/xã, thị trấn)			
	I. Giai đoạn đến năm 2025			2,13	
1	Bệnh viện đa khoa	47.000	188	1,88	Cấp đô thị
2	Trạm Y tế	5	5	0,25	Cấp thị trấn, cấp xã
	II. Giai đoạn đến năm 2030			2,45	
1	Bệnh viện đa khoa	55.000	220	2,20	Cấp đô thị
2	Trạm Y tế	5	5	0,25	Cấp thị trấn, cấp xã

- Trên cơ sở nhu cầu đất xây dựng cơ sở vật chất Y tế được dự báo như trên, đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị và xã nông thôn mới sẽ cụ thể hóa về vị trí, quy mô các công trình theo yêu cầu phát triển của địa phương.

5.4. Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao:

5.4.1. Quan điểm và mục tiêu:

a. Quan điểm:

- Phát triển văn hóa là xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.
- Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững góp phần quan trọng trong thực hiện xây dựng Nông thôn mới, thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.
- Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động tối đa các nguồn lực và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; mở rộng quan hệ hợp tác văn hóa, thể thao và du lịch với bên ngoài để phát triển văn hóa; tạo bước đột phá về xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa của người dân huyện Thuận Bắc.
- Phát triển văn hóa nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; đẩy lùi các tệ nạn xã hội;
- Bảo tồn các giá trị di sản văn hoá truyền thống; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển văn hóa với thể thao và du lịch với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

b. Mục tiêu:

- Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu của huyện đạt các tiêu chí quy định, đáp ứng yêu cầu về hoạt động chuyên môn, phù hợp với sự phát triển của thời đại.
- Tăng cường đầu tư xây dựng, củng cố và hoàn thiện các công trình văn hóa, thể thao từ huyện đến xã, theo hướng hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị và chuyên môn hóa, đảm bảo về quy mô, chất lượng phục vụ các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của huyện; Phân đấu 100% các KCN có thiết chế văn hóa, thể thao.

- Có kế hoạch bảo tồn, trùng tu các công trình văn hoá các cấp, di tích lịch sử, cơ sở tôn giáo... đảm bảo cho phát huy hiệu quả ngành văn hoá trong bảo tồn cũng như phát triển du lịch, kinh tế. Khuyến khích các hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật, phổ biến và tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, phù hợp sự phát triển của xã hội đương đại đồng thời bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống.

5.4.2. Định hướng phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao:

Xác định nội dung định hướng cụ thể với đồ án Quy hoạch Tỉnh Ninh Thuận được lập và Kế hoạch kinh tế - xã hội mà huyện đã đề ra, đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng huyện đề xuất các nội dung như sau:

a. Trên toàn huyện:

- Giai đoạn 2021-2025, lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời tại các địa điểm công cộng, công viên, nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện.
- Nâng cao hiệu quả công tác văn hóa, thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương; duy trì và phát triển các hoạt động thể thao, phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, Lễ hội truyền thống của địa phương gắn với phát triển du lịch. Tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho lĩnh vực văn hóa - thể thao - truyền thanh như: Các thiết chế văn hóa, hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở,...
- Giai đoạn 2026-2030, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi cho huyện Thuận Bắc. Xây mới Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Thuận Bắc. Tiếp tục nâng cấp và xây dựng mới các công trình văn hóa – thể thao cấp xã: nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện, đài phát thanh, sân thể thao, ... Chính trang, tôn tạo các công trình Đài tưởng niệm Liệt sĩ ở đô thị và các xã. Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc.
- Tầm nhìn đến năm 2050, tiếp tục củng cố, nâng cấp và xây hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trọng điểm từ cấp huyện đến cấp xã: hệ thống tượng đài chính, các hệ thống sân chơi, bãi tập... để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về tinh thần và rèn luyện sức khỏe của nhân dân trong tỉnh ngày càng cao.

b. Tại Đô thị Lợi Hải:

- Xây dựng trung tâm văn hóa – TDTT, sân vận động; Xây dựng thư viện, nhà truyền thống, khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên; Trạm phát thanh, truyền hình.

c. Tại trung tâm cụm xã Công Hải, Bắc Phong:

- Xây dựng Trung tâm văn hóa – TDTT; Xây dựng Thư viện, trạm phát thanh. Tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử như: di tích Ba Tháp, đình Hiệp Kiết, chùa Đức Sơn,... Nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa – thể thao cấp xã: nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện, đài phát thanh, sân thể thao,...
- Xây dựng, chỉnh trang các công trình Đài tưởng niệm Liệt sĩ ở đô thị, thị trấn và các xã. Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc, chủ yếu là văn hóa của dân tộc Raglai, Chăm,... kết hợp với các di tích văn hóa lịch sử tạo thành những sản phẩm du lịch văn hóa, lễ hội hấp dẫn.

- Quy hoạch và từng bước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ cho sự nghiệp thể dục thể thao. Tăng cường quan hệ giao lưu thể dục thể thao với các huyện liền kề.

d. Tại các khu chức năng khác:

❖ Trong khu công nghiệp Du Long:

- Giai đoạn 2026-2030, kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, sân thể thao phục vụ cho nhu cầu công nhân, chuyên gia làm việc tại KCN Du Long.

❖ Sân golf khu vực hồ Ma Trai, hồ Sông Trâu

- Theo định hướng của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực tại Hồ Sông Trâu, Hồ Ma Trai được xác định là khu vực dự kiến phát triển sân golf, khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng một số tổ hợp dịch vụ gắn với sân tập golf, các môn thể thao có thể mạnh phục vụ tập luyện của người dân trên địa bàn huyện.

Bảng 23 – Danh sách các công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Địa điểm
1	Trung tâm văn hóa thể thao đa năng huyện Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc
2	Trung tâm văn hóa – TDTT, sân vận động	Đô thị Lợi Hải, trung tâm cụm xã Công Hải, Bắc Phong
3	Trạm phát thanh, truyền hình; Thư viện	
4	Nhà truyền thống, khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên	Đô thị Lợi Hải
5	Trung tâm thể dục thể thao cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc

Bảng 24 – Nhu cầu diện tích đất xây dựng Cơ sở Văn hóa – TDTT

STT	Cơ sở Văn hóa - TDTT	Tiêu chuẩn đất XD tối thiểu		Nhu cầu DT đất xây dựng (ha)	
		Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025	2030
A	Nhu cầu Đất văn hóa - TDTT khu vực đô thị			2,28	3,42
	Dân số đô thị			12.000	18.000
I	Cấp đô thị			1,68	2,52
1	Trung tâm văn hóa - thể thao	0,8	m2/người	0,96	1,44
2	Sân thể thao cơ bản	0,6	m2/người	0,72	1,08
II	Cấp đơn vị ở			0,60	0,90
3	Sân luyện tập TDTT	0,5	m2/người	0,60	0,90
B	Nhu cầu Đất văn hóa - TDTT khu vực nông thôn			3,2	3,2
	Dân số nông thôn			35.000	37.000
	Tổng số xã			5	5
1	Nhà Văn hóa	1.000	m2/CT	0,5	0,5
2	Nhà truyền thống	200	m2/CT	0,1	0,1

3	Thư viện	200	m2/CT	0,1	0,1
4	Cụm công trình, sân bãi thể thao	5.000	m2/cụm	2,5	2,5
C	Nhu cầu Đất văn hóa - TDTT toàn huyện			5,48	6,62

- Trên cơ sở nhu cầu đất xây dựng cơ sở vật chất Văn hóa – TDTT được dự báo như trên, đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị và xã nông thôn mới sẽ cụ thể hóa về vị trí, quy mô các công trình theo yêu cầu phát triển của địa phương.

5.5. Định hướng các khu vực di tích lịch sử - di sản văn hóa:

a. Đối với các di tích trên địa bàn huyện:

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị nổi bật của các công trình kiến trúc, di sản và cảnh quan môi trường xung quanh; tuân thủ quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, công trình kiến trúc văn hóa đã được phê duyệt.

b. Đối với di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai:

- Có kế hoạch bảo tồn cảnh quan văn hóa của di tích tháp Hòa Lai tạo thành động lực phát triển kinh tế, tác động tích cực trực tiếp và gián tiếp đến các ngành khác, tạo ra nguồn thu nhập từ hoạt động tham quan và du lịch, giải phóng những nguồn lực xã hội và tạo ra tâm lý tích cực để cộng đồng tự giác bảo tồn di tích và các giá trị di sản vật thể và phi vật thể.
- Kêu gọi nguồn vốn đầu tư của Tỉnh, doanh nghiệp và nguồn vốn xã hội hóa để bước đầu thực hiện nâng cấp, mở rộng di tích và xây dựng, vận hành các công trình cung cấp dịch vụ, thông tin nhằm vừa quảng bá hình ảnh đến khách du lịch đi đôi với tạo nguồn thu nhập từ di sản.

c. Đối với các di tích cấp Tỉnh

- Có kế hoạch nâng cấp, duy tu, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Đình Mỹ Nhơn, Đình Hiệp Kiệt và Khu tập trung Bà Râu nhằm đa dạng hóa điểm đến du lịch và tạo nên nét thu hút về văn hóa, lịch sử và truyền thống tại địa phương.

5.6. Hệ thống công trình thương mại, chợ:

5.6.1. Quan điểm và mục tiêu:

a. Quan điểm:

- Quy hoạch phát triển công trình thương mại dịch vụ, chợ huyện Thuận Bắc phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện và phù hợp phương hướng, mục tiêu phát triển ngành thương mại của tỉnh.
- Phát triển ngành thương mại trở thành đòn bẩy thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động xã hội, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện.
- Phát triển theo hướng mở rộng liên kết, hợp tác gắn với thị trường trong và ngoài nước nhằm tổ chức tốt lưu thông hàng hóa, tạo nguồn cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cho sản xuất trên địa bàn huyện Thuận Bắc; đóng góp quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm chủ lực của huyện.

- Phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh, thúc đẩy phát triển các hệ thống phân phối hiện đại, có vai trò quan trọng định hướng sản xuất và tiêu dùng. Phát triển cơ cấu buôn bán theo hướng hiện đại hóa và văn minh thương mại, chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật kinh doanh thương mại, lấy thị trường đô thị Lợi Hải làm trọng tâm, hỗ trợ thúc đẩy thị trường nông thôn.
- Nâng cao hiệu quả kinh tế ngành, đảm bảo hiệu quả xã hội, phục vụ quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định và tăng thu nhập, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b. Mục tiêu:

- Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện, tỉnh, trong cả nước và quốc tế. Đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực, tăng cường hợp tác giữa các lĩnh vực để cạnh tranh và phát triển. Ứng dụng công nghệ thương mại điện tử trong quản lý nhà nước và hoạt động của các doanh nghiệp tăng hiệu quả.
- Nâng cao trình độ quản lý, đào tạo đội ngũ cán bộ, lao động có trình độ.
- Tăng cường xuất khẩu các sản phẩm địa phương thông qua các hoạt động dịch vụ du lịch, tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông và đường biển.
- Huy động các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước để nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho phát triển ngành thương mại dịch vụ.

5.6.2. Định hướng phát triển:

Việc định hướng phát triển thương mại – dịch vụ, chợ phải phù hợp với nội dung tích hợp Quy hoạch Tỉnh và Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm mà huyện Thuận Bắc đã đề ra trên cơ sở nội dung Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc đã được duyệt.

- Phát triển đồng bộ các ngành thương mại, dịch vụ theo hướng văn minh hiện đại với sự tham gia của các thành phần kinh tế và đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, hội nhập kinh tế của tỉnh và vùng. Phân đấu giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 23-24%.
- Phát triển hệ thống thương mại tạo kết nối thông suốt giữa địa phương, hình thành kênh bán buôn đối với một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, khuyến khích phát triển loại hình kinh doanh siêu thị theo hướng văn minh, hiện đại, phát triển thương mại miền núi trên cơ sở hình thành một số chợ cụm xã, chợ nông thôn ở các vùng đông dân cư ở nông thôn, miền núi.
- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành thương mại và dịch vụ, phát triển nhanh các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất. Tận dụng lợi thế các khu du lịch, đường ven biển và vùng giáp ranh với thành phố Cam Ranh, đường vành đai phía bắc và khu công nghiệp Du Long, tập trung phát triển các ngành dịch vụ để hỗ trợ cho ngành du lịch.
- củng cố và thành lập mới các Hợp tác xã, Tổ hợp tác thương mại - dịch vụ để tổ chức lưu thông hàng hoá và thu mua nông sản cho nông dân. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, cải tạo nâng cấp hệ thống chợ nông thôn, chợ đầu mối, tạo cơ sở hạ tầng cho phát triển thương mại. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng

- hàng Việt Nam”, Chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn”. Phát triển nhanh các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất.
- Phát triển các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị hiện đại tại các đô thị, trung tâm các xã theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan. Giai đoạn năm 2030, đề xuất xây mới 01 siêu thị hạng III thuộc Khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc, xã Lợi Hải với quy mô khoảng 500 – 1.000 m² (theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 02/12/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận).
 - Phát triển cửa hàng xăng dầu phải đảm bảo khoảng cách an toàn với công trình công cộng, đảm bảo điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ thị trường, đảm bảo về quy mô đầu tư cửa hàng xăng dầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định, đảm bảo về khoảng cách. Phát triển cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp tình hình thực tiễn, khả năng tiêu thụ của thị trường và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương.
 - Quy hoạch hệ thống chợ trên địa bàn huyện đến năm 2030 có 9 chợ, trong đó giữ nguyên 4 chợ, di dời xây mới 1 chợ, nâng cấp 2 chợ, phát triển mới 2 chợ, cụ thể như sau:
 - + Di dời xây mới chợ Công Hải, Thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải, chợ hạng III, quy mô 5.225m².
 - + Nâng cấp 2 chợ hạng III: Chợ Bình Nghĩa tại Thôn Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, quy mô 2.800m²; chợ Ba Tháp tại Thôn Ba Tháp, xã Bắc Phong, quy mô 813m².
 - + Xây mới 02 chợ hạng III: Chợ TT xã Phước Kháng tại Thôn Đá liệt, xã Phước Kháng, quy mô 3.933m²; chợ Láng Me, tại Thôn Láng Me, xã Bắc Sơn, quy mô 3.944,20m².
 - Phát triển và đầu tư xây dựng 02 cửa hàng xăng dầu cấp III trên địa bàn huyện Thuận Bắc, vị trí trên TL706 từ xã Công Hải đi lên Phước Chiến, Phước Thành và trên địa bàn xã Phước Kháng, đảm bảo thuận lợi về thủ tục đầu tư, đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn và hiệu quả kinh doanh, thực hiện tuân thủ các nguyên tắc sau (theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận):
 - + Phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế - kỹ thuật khác như: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao thông vận tải,...
 - + Có tính kế thừa trên các cửa hàng hiện có, danh mục vị trí đã xác định nhưng chưa có nhà đầu tư.
 - + Phân bố hợp lý giữa các vùng, đảm bảo cung cấp đầy đủ xăng dầu cho nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân, đảm bảo an ninh năng lượng; chú trọng phát triển các cửa hàng ở khu vực nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa.
 - + Thuận lợi về mặt nối kết với các công trình hạ tầng: Giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc để giảm thiểu chi phí đầu tư, bảo đảm hiệu quả kinh doanh; đảm bảo khoảng cách giữa các cửa hàng xăng dầu; đảm bảo các yêu cầu về an toàn phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh môi trường (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu) và các tiêu chuẩn khác liên quan.
 - + Quy mô cửa hàng được xây dựng phù hợp với nhu cầu tiêu dùng xăng dầu của huyện.

- + Xác định địa điểm cụ thể đối với dự án đã được tổ chức khảo sát, thống nhất địa điểm các dự án đã và đang thực hiện thủ tục đầu tư.
- Nhu cầu diện tích đất xây dựng cơ sở Thương mại – dịch vụ khu vực đô thị và khu vực nông thôn tuân theo QCVN 01:2021/BXD như sau:

Bảng 25 – Nhu cầu diện tích đất xây dựng Cơ sở Thương mại – Dịch vụ

TT	Cơ sở Thương mại - Dịch vụ	Tiêu chuẩn đất XD (tối thiểu)	Nhu cầu DT đất xây dựng (ha)	
			2025	2030
A	Nhu cầu Đất TMDV khu vực đô thị		2,50	2,50
	Dân số đô thị		12.000	18.000
1	Chợ	1ha/CT	1,0	1,0
2	Trung tâm thương mại	1ha/CT	1,0	1,0
3	Buru chính, viễn thông	0,5ha/CT	0,50	0,50
B	Nhu cầu Đất TMDV khu vực nông thôn		0,98	0,98
	Dân số nông thôn		35.000	37.000
	Tổng số xã		5	5
1	Chợ	1500m ² /CT	0,75	0,75
2	Cửa hàng dịch vụ trung tâm	300m ² /CT	0,15	0,15
3	Điểm phục vụ buru chính, viễn thông	150m ² /CT	0,08	0,08

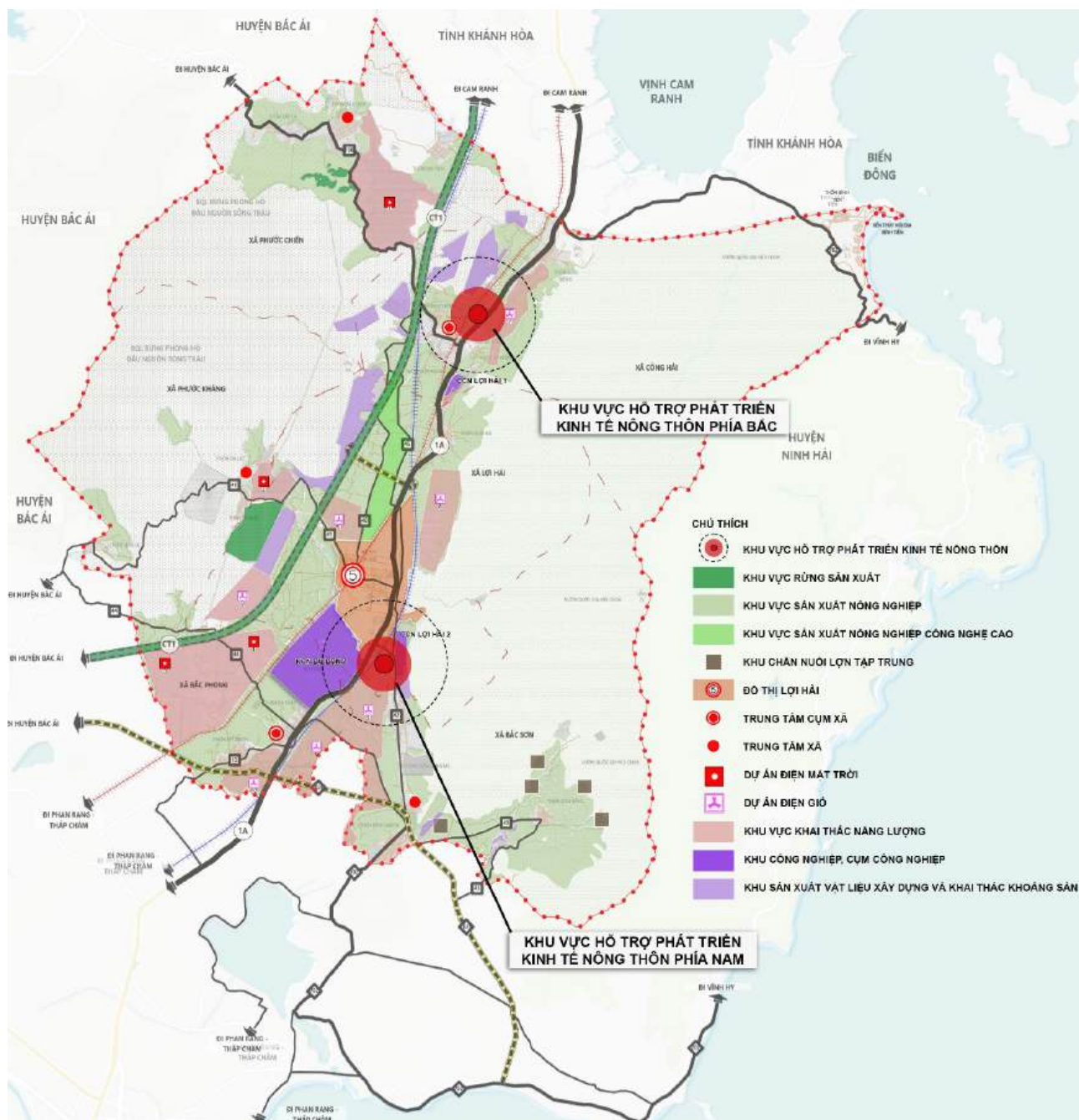
- Trên cơ sở nhu cầu đất xây dựng cơ sở vật chất thương mại – dịch vụ, chợ được dự báo như trên, đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị và xã nông thôn mới sẽ cụ thể hóa về vị trí, quy mô các công trình theo yêu cầu phát triển của địa phương.
- Đề xuất phát triển:
 - + Làm tốt công tác quy hoạch, dành quỹ đất, mặt bằng xây dựng các cơ sở thương mại, dịch vụ. Đầu tư xây dựng siêu thị, chợ nông thôn, cửa hàng, cửa hiệu, văn phòng giao dịch, đại lý,...
 - + Tăng cường công tác quản lý thị trường, hướng dẫn các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đúng hướng, cạnh tranh lành mạnh. Phối hợp ngăn chặn các hành vi kinh doanh trái phép, gian lận thương mại. Tăng cường kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm,...
 - + Tiếp cận các hình thức kinh doanh hiện đại, thương mại điện tử,... Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh, buôn bán, vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy.
 - + Tổ chức các cuộc hội thảo, tăng cường tiếp xúc với doanh nghiệp trong và ngoài huyện; giới thiệu, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư trên địa bàn huyện; xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư. Khuyến khích phát triển đa dạng ngành nghề, hình thức kinh doanh.

5.7. Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

5.7.1. Cơ sở pháp lý:

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
- Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/06/2022 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 – 2025.
- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gồm/hoặc các chức năng: sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường). Ưu tiên hỗ trợ nhóm sản phẩm đặc sản địa phương được xác định tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.
- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo các nguyên tắc: Về vị trí là khu vực đầu mối giao thông chính của xã nhằm kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định, về quy mô phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của từng địa phương, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn có thể được xác lập tại vị trí tập trung hoặc phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác (cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã...) được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.
- Công tác lập quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất, quy mô các chức năng và cơ chế đầu tư với Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tuân theo quy định tại Luật Xây dựng, quy hoạch nông thôn bao gồm Quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng khác (bao gồm khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn).
- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết khu chức năng, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết khu chức năng thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Xây dựng năm 2014. Khoản 9 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết 3 một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Các điều 31, 32, 33, 34, 35, 36 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức

năng và quy hoạch nông thôn (Quy mô, tính chất khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất phải phù hợp quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ quy định tại mục 2.5 Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD).



Hình 34 – Sơ đồ tổ chức khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn

5.7.2. Định hướng phát triển:

- Huyện Thuận Bắc là một huyện có cơ cấu nền công nghiệp chiếm tỷ trọng cao (trên 70%) nên bố trí Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn theo dạng tập trung sẽ phù hợp với nhu cầu của huyện.
- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn là một khu chức năng cần có và cần được bổ sung trong đồ án Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện lần này, làm cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, về cơ chế hình thành, mô

hình mẫu của loại hình chức năng này vẫn đang được Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu triển khai các dự án khoa học để đưa ra các mô hình mẫu cho các địa phương thực hiện. Do đó, trong phạm vi đồ án, đề xuất 2 vị trí dự trữ để triển khai Khu chức năng này trong tương lai (khi đã có hướng dẫn và pháp lý rõ ràng cho loại hình này) như sau:

- + Khu vực phía Bắc: Tổ chức 01 khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại xã Công Hải, gần trung tâm cụm xã Công Hải, tiếp giáp với Quốc lộ 1. Nằm trong vùng sản xuất nông nghiệp của huyện, nhằm hỗ trợ mô hình sản xuất rau công nghệ cao Thuận Bắc. Thuận lợi về giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, kết nối thuận tiện với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật khác. Nhằm tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác chế biến khoáng sản, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, đồng thời đẩy mạnh mô hình sản xuất rau công nghệ cao.
- + Khu vực phía Nam: Tổ chức 01 khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại xã Bắc Phong, gần trung tâm cụm xã Bắc Phong tiếp giáp với Quốc lộ 1. Gần với khu công nghiệp Du Long và cụm công nghiệp Lợi Hải 2, đồng thời cận các khu vực khai thác năng lượng và khu chăn nuôi tập trung. Nhằm tập trung đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghệ chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản; phát triển chăn nuôi toàn diện, đẩy mạnh thương hiệu Heo đen và gà Thuận Bắc.
- Ngoài ra, đáp ứng cho nhu cầu hiện tại, đồ án đề xuất hình thành các Điểm chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn được xác lập phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác (cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã...) được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

5.7.3. Quy mô:

- Phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của từng địa phương, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Đối với Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Diện tích khoảng 5 - 10 ha.
- Đối với Điểm chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Diện tích khoảng 3 - 5 ha.

5.7.4. Các chức năng chính:

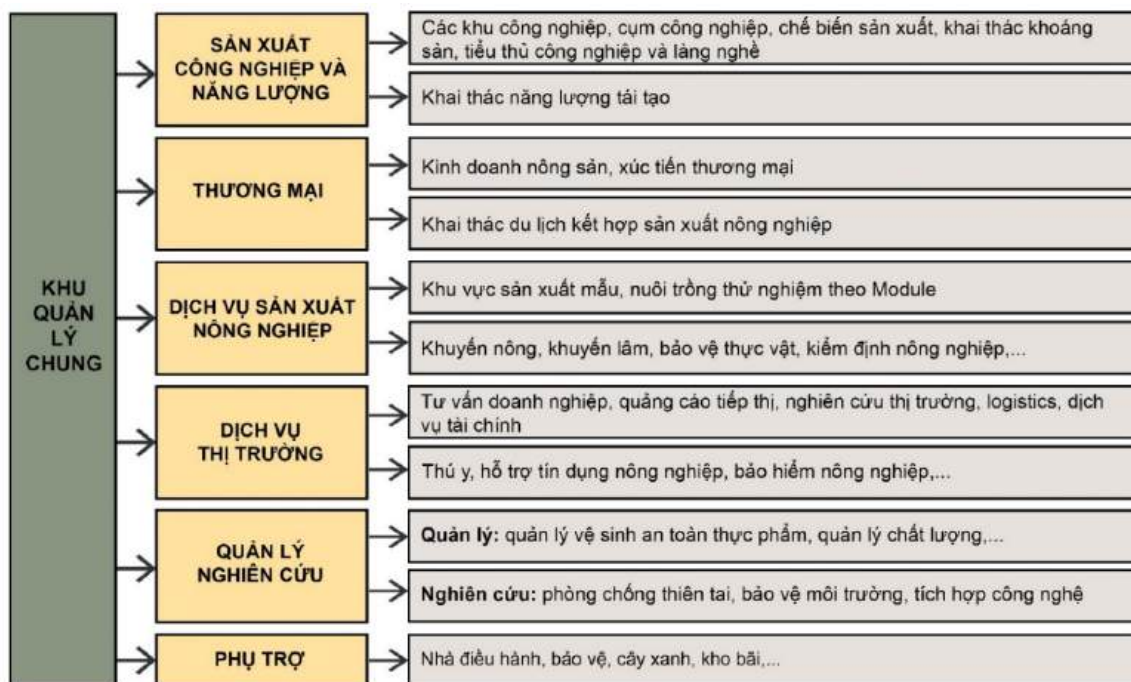
- Sản xuất công nghiệp và khai thác năng lượng: công nghiệp chế biến sản xuất, công nghiệp khai thác khoáng sản và khai thác năng lượng tái tạo.
- Thương mại: Kinh doanh nông sản, xúc tiến thương mại, khai thác du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp.
- Dịch vụ sản xuất nông nghiệp: Khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật, kiểm định nông nghiệp, khu vực sản xuất mẫu và nuôi trồng thử nghiệm.
- Dịch vụ thị trường: Thú y, tín dụng, bảo hiểm,...
- Quản lý và nghiên cứu: quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.
- Phụ trợ: Nhà điều hành, bảo vệ, kho bãi, hệ thống kỹ thuật phục vụ, cây xanh,...

5.7.5. Phạm vi phục vụ:

- Phạm vi phục vụ trên toàn địa bàn huyện Thuận Bắc.

5.7.6. Tổ chức cơ cấu chức năng của Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp chế biến sản xuất, công nghiệp khai thác khoáng sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.
- Khai thác năng lượng tái tạo: Năng lượng mặt trời, năng lượng gió.
- Khu xúc tiến thương mại: Tổ chức hội chợ, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp công nghệ cao, tạo các cơ hội giao lưu hợp tác giữa nông dân – nhà quản lý – doanh nghiệp, tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
- Khai thác du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp: thúc đẩy mô hình tham quan các trang trại, khu sản xuất công nghệ cao.
- Khu vực sản xuất mẫu, nuôi trồng thử nghiệm: Tổ chức thành các Module và thực hiện trước khi áp dụng nhân rộng. Lựa chọn loại hình quy hoạch khu vực sản xuất mẫu, nuôi trồng thử nghiệm phải phù hợp với tính chất thổ nhưỡng, điều kiện khí hậu và thủy văn của khu vực. Có quy mô tích ô thửa phù hợp với từng loại hình sản xuất mẫu, nuôi trồng thử nghiệm nông nghiệp nông thôn.
- Khu dịch vụ sản xuất nông nghiệp: Phân chức năng thành các Module phụ thuộc vào loại hình nông nghiệp phát triển thế mạnh trên địa bàn. Điển hình như rau công nghệ cao, Heo đen và gà Thuận Bắc. Trong các Module này, có ứng dụng công nghệ cao để hỗ trợ, định hướng sản xuất trên địa bàn. Đồng thời có các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật và kiểm định nông nghiệp..
- Dịch vụ thị trường: Tư vấn doanh nghiệp, quảng cáo tiếp thị, nghiên cứu thị trường logistics, dịch vụ tài chính.
- Dịch vụ thị trường phục vụ cho nông nghiệp: Thú y, hỗ trợ tín dụng nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp,...
- Quản lý: Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng,...
- Nghiên cứu: Phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, dự báo thị trường, tích hợp công nghệ và chuyển giao ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.
- Phụ trợ: Nhà điều hành, bảo vệ, cây xanh, bảo vệ, kho bãi...



Hình 35 – Sơ đồ tổ chức cơ cấu chức năng

5.8. Định hướng các khu vực chức năng khác:

5.8.1. An ninh – quốc phòng:

❖ Quan điểm và mục tiêu:

- Các khu quân sự, an ninh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quy hoạch xây dựng đi đôi với đảm bảo về quốc phòng, an ninh, quản lý chặt chẽ các địa bàn, khu vực trọng điểm, khu vực bờ biển, các công trình quốc phòng, an ninh, khu vực quân sự.
- Quy hoạch các vùng dân cư đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, sẵn sàng cho các tình huống tác chiến. Đảm bảo diện tích khu vực quốc phòng, an ninh.

a. Đất an ninh

❖ Định hướng phát triển:

- Khu vực phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH): Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.
- Về đất ninh: Hiện nay, mục đích sử dụng đất an ninh chủ yếu để xây dựng trụ sở làm việc của lực lượng Công an huyện, công an các xã. Theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng quy hoạch sử dụng đất tại huyện Thuận Bắc đạt tổng diện tích 31,59 ha với tổng cộng 12 vị trí, cụ thể như sau:

Bảng 26 – Bảng định hướng các công trình an ninh trong thời kỳ quy hoạch

TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Trụ sở Công an huyện Thuận Bắc	2,9157	Hiện trạng
2	Trại tạm giam Công an tỉnh	21,4487	Hiện trạng
3	Trạm kiểm soát giao thông 15/1	1,0305	Hiện trạng
4	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn huyện Thuận Bắc.	2,5000	Quy hoạch mới
5	Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và CNCH tại Khu Công nghiệp Du Long.	2,0000	Quy hoạch mới
6	Công an xã Lợi Hải	0,1307	Hiện trạng
7	Công an xã Bắc Sơn	0,2499	Hiện trạng
8	Công an xã Bắc Phong	0,149	Hiện trạng
9	Công an xã Công Hải	0,2253	Hiện trạng
10	Công an xã Phước Chiến	0,1256	Hiện trạng
11	Công an xã Phước Kháng	0,3141	Hiện trạng
12	Trạm Cảnh sát giao thông trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông (CT.01) đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo	0,5000	Quy hoạch mới

b. Đất quốc phòng:

❖ Định hướng phát triển:

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển KTXH với củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh. Bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, phù hợp với vị trí chiến lược quan trọng nhằm đảm bảo quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế – xã hội; Đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế – xã hội.
- Theo định hướng của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: đến năm 2030, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng của huyện Thuận Bắc 90 ha, chiếm 0,3% diện tích đất tự nhiên và diện tích khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt ưu tiên cho là 5.248,5 ha, chiếm 16,21% diện tích đất tự nhiên.

Bảng 27 - Khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt ưu tiên trên địa bàn huyện

TT	Địa hình, địa danh	Diện tích sử dụng (ha)
V	Thuận Bắc	5.248,5
1	Lợi Hải	730,0
2	Bắc Sơn	253,5
3	Công Hải (cộng Vĩnh Hải, Ninh Hải)	3.370,0
4	Phước Kháng	655,0
5	Công Hải	240,0

VI. XÁC ĐỊNH CÁC QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ; QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG, QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CHỨC NĂNG; QUY

HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ CẦN LẬP THEO CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN:

Dự kiến các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cần lập theo các giai đoạn phát triển dựa trên các cơ sở sau:

- Lộ trình phát triển đô thị, dân cư nông thôn, các khu chức năng.
- Quy định về thời hạn quy hoạch và yêu cầu rà soát quy hoạch đối với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 và Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020, quy định thời hạn quy hoạch đối với thị xã, thị trấn và đô thị mới và thời hạn rà soát định kỳ như sau:

- Đối với quy hoạch chung thị trấn: 10 đến 15 năm.
- Đối với quy hoạch chung đô thị mới: 20 đến 25 năm.
- Đối với quy hoạch phân khu: xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch chung và yêu cầu quản lý, phát triển đô thị.
- Đối với quy hoạch chi tiết: xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch phân khu và theo yêu cầu quản lý, nhu cầu đầu tư.
- Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị là 5 năm, quy hoạch chi tiết là 3 năm kể từ ngày quy hoạch đô thị được duyệt.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, quy định thời hạn quy hoạch đối với khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn như sau:

- Đối với quy hoạch chung xây dựng khu chức năng: 20 – 25 năm.
- Đối với quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng: xác định trên cơ sở thời hạn quy hoạch chung và yêu cầu quản lý, phát triển của khu chức năng.
- Đối với quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng: xác định trên cơ sở kế hoạch đầu tư.
- Đối với quy hoạch chung xây dựng xã: 10 – 20 năm.
- Đối với quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn: căn cứ theo kế hoạch đầu tư và nguồn lực thực hiện.
- Định kỳ rà soát quy hoạch xây dựng là 5 năm đối với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, 3 năm đối với quy hoạch chi tiết kể từ ngày quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

→ Theo lộ trình phát triển đô thị, dân cư nông thôn và định hướng đầu tư các khu chức năng trên địa bàn huyện Thuận Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xác định các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cần lập theo các giai đoạn phát triển như sau:

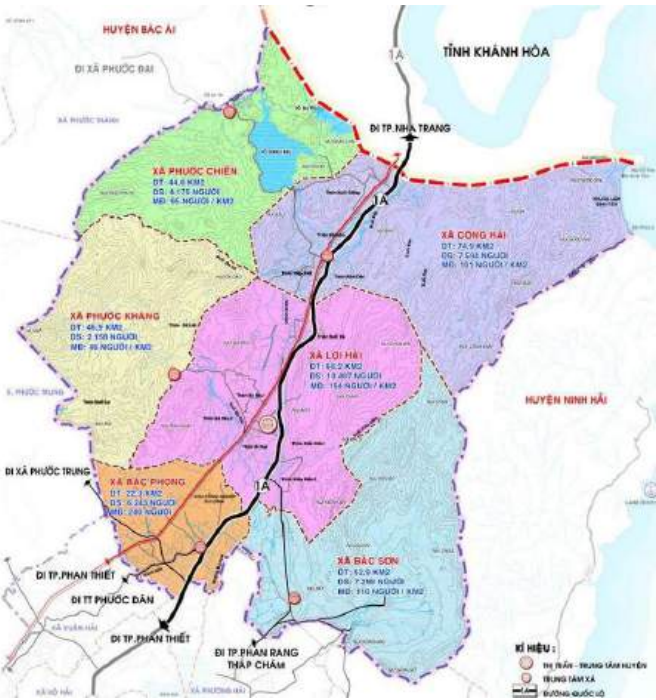
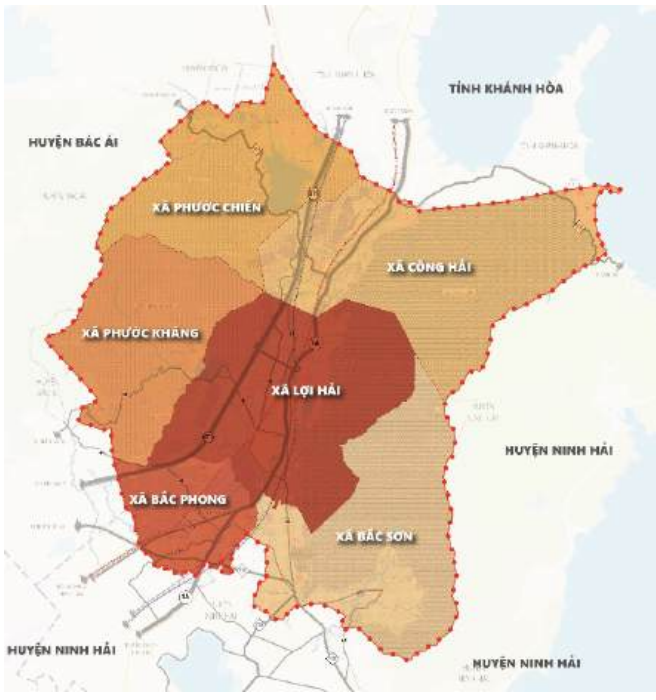
▪ **Giai đoạn đến năm 2030:**

- Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng đô thị Lợi Hải đến năm 2030 (đã lập và được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 09/3/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận).
- Lập quy hoạch chung xây dựng các xã: Lợi Hải, Công Hải, Phước Kháng, Phước Chiến, Bắc Phong, Bắc Sơn (Lý do: Các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã cần được rà soát và điều chỉnh hoặc lập mới nếu chưa có quy hoạch).
- Rà soát các quy hoạch phân khu chức năng đã có như :
 - + Quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2000 KCN Du Long.

- + Quy hoạch phân khu Khu du lịch tại Bình Tiên (bao gồm sân golf)
- Lập các quy hoạch phân khu chức năng như:
 - + Quy hoạch phân khu Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng tại khu vực Suối Tiên
 - + Quy hoạch phân khu xây dựng Khu chức năng Trung tâm dịch vụ và Du lịch xã Công Hải.
 - + Quy hoạch sân golf tại hồ Ma Trai và hồ Sông Trâu.

VII. SO SÁNH GIỮA QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐÃ DUYỆT 2012 VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN MỚI:

Bảng 28 – So sánh nội dung quy hoạch xây dựng vùng huyện đã duyệt năm 2012 và quy hoạch xây dựng vùng huyện định hướng

NỘI DUNG	QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐÃ DUYỆT NĂM 2012	ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐANG LẬP
Phạm vi ranh giới	Phạm vi quy hoạch xây dựng Vùng trong phạm vi ranh giới toàn huyện Thuận Bắc, bao gồm 6 xã (Phước Chiến, Phước Khang, Bắc Phong, Bắc Sơn, Công Hải, Lợi Hải).	Giữ nguyên theo phạm vi ranh giới vùng huyện Thuận Bắc đã duyệt.
Diện tích	<p>Tổng diện tích tự nhiên 319,22 km²</p> 	<p>Tổng diện tích tự nhiên được cập nhật theo Niên giám thống kê huyện Thuận Bắc năm 2023 và ranh giới hành chính của Sở Nội vụ là 323,7947 km² (32.379,47ha)</p> 

		(ranh giới được cập nhật theo Quyết định số 1031/QĐ-BNV ngày 01/12/2020 của Bộ Nội vụ về Việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Ninh Thuận đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).
Quy mô dân số	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo dân số toàn huyện: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2015 : 43.000 người. + Năm 2020 : 48.500 người. + Năm 2025 : 56.000 người. - Dự báo dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2015 : 8.000-10.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 18-20% + Năm 2020 : 13.000-15.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 30-35% + Năm 2025 : 25.000-30.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 45-50% - Dự báo dân số nông thôn: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2015 : 35.000 người + Năm 2020 : 33.500 người + Năm 2025 : 30.000 người 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo dân số toàn huyện: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2025 : 46.000 – 47.000 người. + Năm 2030 : 54.000 – 55.000 người. - Dự báo dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa: <ul style="list-style-type: none"> + Hiện trạng : Chưa có. + Năm 2025 : 11.700 – 12.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 25,0% + Năm 2030 : 17.000 – 18.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 32,7% - Dự báo dân số nông thôn: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2025 : 34.000 – 35.000 người + Năm 2030 : 37.000 – 38.000 người
Tính chất	<p>(1) Là cửa ngõ giao thương của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>(2) Là cực tăng trưởng kinh tế phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận;</p>	<p>(1) Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa ⇒ Tính chất này cơ bản không có sự thay đổi so với quy hoạch vùng huyện đã duyệt.</p> <p>(2) Là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông ⇒ Đồ án QH tỉnh đã xác định huyện Thuận Bắc không còn là cực tăng trưởng kinh tế</p>

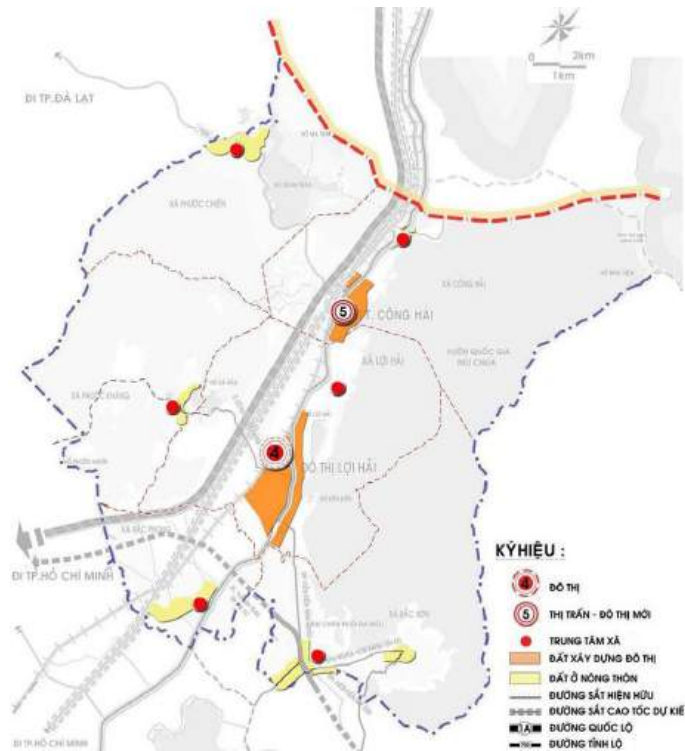
	<p>(3) Là vùng phát triển đô thị - công nghiệp tập trung;</p> <p>(4) Là vùng phát triển lâm nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng - hồ cảnh quan;</p> <p>(5) Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.</p>	<p><i>phía Bắc của tỉnh nữa mà chỉ mang tính chất là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị theo đúng tiềm năng và lợi thế vùng.</i></p> <p>(3) Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh ⇒ <i>Tính chất này chỉ ra cụ thể hơn lợi thế của huyện về công nghiệp và năng lượng.</i></p> <p>(4) Là vùng phát triển lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa ⇒ <i>Tính chất này gần như không thay đổi so với Quy hoạch 2012. Có bổ sung tính chất về Khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa, nên có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.</i></p> <p>(5) Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng ⇒ <i>Tính chất này được bổ sung dựa vào vị trí chiến lược của huyện về an ninh quốc phòng.</i></p>
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN		
<p>Mô hình phát triển không gian vùng</p>	<p>- Phát triển theo mô hình trung tâm toàn vùng, trung tâm các tiểu vùng và theo các trục hành lang kinh tế đô thị quốc lộ 1A, liên kết vùng TP. Phan Rang – Tháp Chàm và vùng huyện Ninh Hải, Bác Ái.</p>	<p>- Cấu trúc giao thông: cơ bản giữ nguyên theo quy hoạch đã duyệt. - Cấu trúc trung tâm: hình thành 01 đô thị Lợi Hải là trung tâm, tạo động lực phát triển cho nội vùng. Trung tâm các tiểu vùng không hình thành đô thị mà thay bằng các trung tâm cụm xã.</p>
<p>Phân vùng phát triển kinh tế</p>	<p>- Phân thành 02 vùng phát triển kinh tế là: vùng kinh tế động lực (phát triển đô thị và lâm nghiệp, công nghệ tập trung, công nghiệp điện năng, cảnh quan đa dạng sinh học, du lịch sinh thái, chăn nuôi) và vùng kinh tế phía tây (phát triển lâm nghiệp, thủy lợi, du lịch sinh thái).</p>	<p>- Phương án phân vùng mới thành 3 vùng kinh tế: phân bố đồng đều hơn và phát huy được lợi thế phát triển kinh tế vùng theo thế mạnh của mỗi vùng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, vị trí địa lý. Khắc phục được nhược điểm lợi thế phát triển kinh tế toàn vùng huyện không đồng đều, chủ yếu tập trung tại phân vùng kinh tế động lực còn tồn đọng.</p>

<p>Cấu trúc lưu thông</p>	<p>- Khung phát triển vùng huyện Thuận Bắc gồm các trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia sau: Trục cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A; Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia (đường ven biển); Trục Đường tỉnh 706 (đi Đà Lạt).</p>	<p>- Về cơ bản cấu trúc lưu thông của đề án điều chỉnh vẫn giữ nguyên theo quy hoạch đã được duyệt năm 2012, chỉ có một số điều chỉnh như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh hướng, tuyến của đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam và đường vành đai Phan Rang – Tháp Chàm (cập nhật theo định hướng giao thông mới của Tỉnh) đoạn qua huyện Thuận Bắc. + Bổ sung đường nối cao tốc tại phía bắc đô thị Lợi Hải. + Bổ sung đường huyện 44 đi Bắc Ái. + Bổ sung Tỉnh lộ 703 đi PRTC + Bổ sung cảng cạn Lợi Hải (theo QH tỉnh)

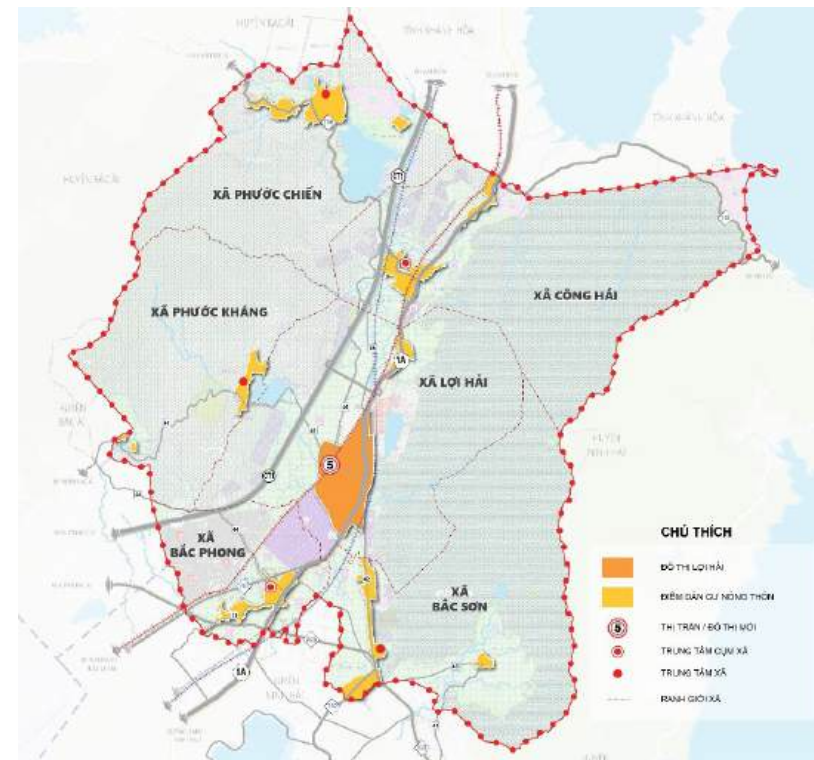
	<p>KÍ HIỆU:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thị xã Đô thị mới Đường sắt hiện hữu Đường sắt cao tốc dự kiến Đường tỉnh lộ Đường huyện lộ Giao thông dự kiến Đường xã hiện hữu Đường cao tốc dự kiến Đường quốc lộ Đất sông, suối, mặt nước Ranh giới tỉnh Ranh giới huyện Du lịch <p>Đường sắt cao tốc định hướng Đường vành đai PRTC</p>	<p>Đường sắt cao tốc định hướng Đường vành đai phía Bắc PRTC Đường tỉnh 703 Đường huyện 44 Đường nối cao tốc</p>
<p>Cấu trúc không gian các vùng đô thị - CN tập trung</p>	<p>(1) Cấu trúc đô thị gồm 02 đô thị: Đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng huyện, đô thị hạt nhân vùng phía Bắc của Tỉnh; Đô thị Công Hải là trung tâm tiểu vùng.</p>	<p>(1) Cấu trúc đô thị chỉ gồm 01 đô thị là Đô thị Lợi Hải – trung tâm vùng huyện và là đô thị phụ cận vùng thành phố Phan Rang – Tháp Chàm => điều chỉnh đưa Đô thị Công Hải ra khỏi hệ thống đô thị huyện và điều chỉnh tính chất đô thị Lợi Hải từ “đô thị hạt nhân vùng phía Bắc” thành “đô thị phụ cận” nhằm phù hợp với định hướng phát</p>

	(2) Cấu trúc công nghiệp: Vùng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Suối Đá, nhà máy phong điện.	triển kinh tế - xã hội thực tế tại địa phương và phù hợp với QH tỉnh đã duyệt. (2) Cấu trúc công nghiệp: Điều chỉnh bỏ cụm công nghiệp Suối Đá, bổ sung 02 cụm công nghiệp Lợi Hải 1 và Lợi Hải 2 phù hợp với định hướng phát triển của Huyện và QH tỉnh đã duyệt.
Cấu trúc không gian vùng cảnh quan	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống sông Trâu, hồ Sông Trâu, hồ Ma Trai, hồ Bà Râu, suối Kiên Kiên, suối Ba Hồ, ... - Vườn quốc gia Núi Chúa. - Bãi biển Bình Tiên. - Vùng sản xuất nông lâm nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao Lợi Hải. 	- Cơ bản giữ nguyên với quy hoạch được phê duyệt năm 2012.
Xác định các phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng	Trong quy hoạch được phê duyệt 2012 đã có đề cập đến nhưng chưa xác định cụ thể nội dung này.	Xác định có 03 phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> - Vùng phát triển xây dựng: Bao gồm khu vực đô thị Lợi Hải và các điểm dân cư nông thôn thuộc các xã trên địa bàn. - Các khu vực bảo tồn, bảo vệ cảnh quan, kiểm soát đặc biệt, hạn chế phát triển. - Vùng cấm xây dựng: Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm các hành lang bảo vệ vùng thoát lũ, bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật, dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng và các vùng cảnh quan sinh thái.

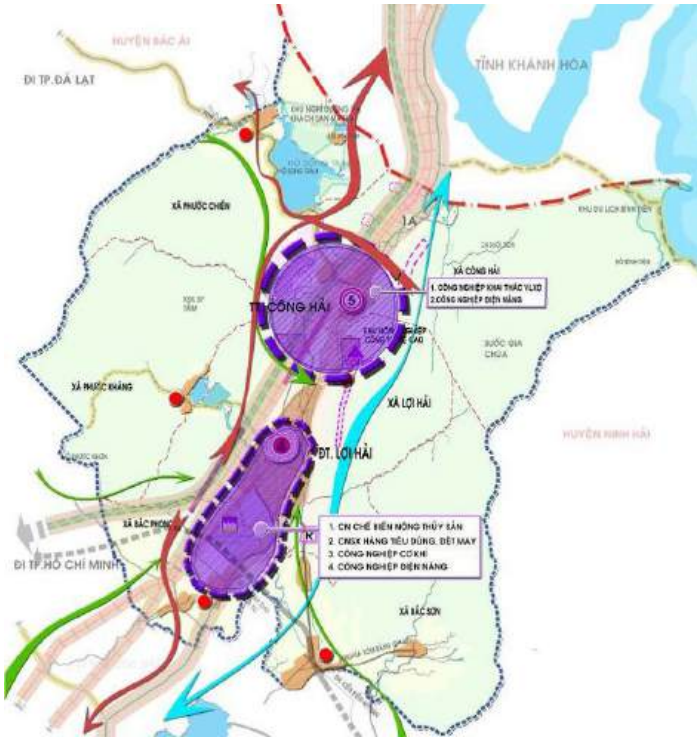
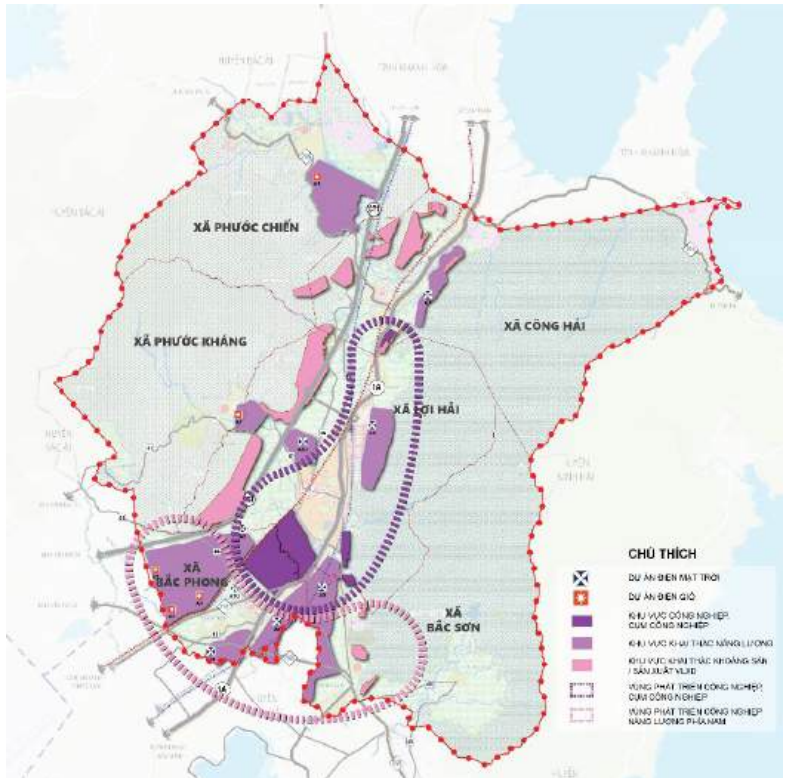
Phân vùng hệ thống đô thị và nông thôn



- Định hướng có 02 đô thị:
 - + Năm 2015: có 1 đô thị loại V là đô thị Lợi Hải.
 - + Năm 2025: có 2 đô thị, trong đó đô thị Lợi Hải (đô thị loại IV, đô thị trung tâm vùng) và thị trấn Công Hải (đô thị loại V, đô thị trung tâm tiểu vùng).
- Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn:
 - + Phát triển theo từng xã, mỗi trung tâm xã có các công trình hành chính, cơ quan, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ như: trụ sở UBND xã, nhà văn




- Điều chỉnh chỉ có 01 đô thị là đô thị Lợi Hải (theo định hướng Quy hoạch tỉnh đã duyệt):
 - + 2021-2025, phát triển Lợi Hải cơ bản đạt chuẩn đô thị loại V.
 - + Đến năm 2030, đô thị Lợi Hải đạt tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn huyện lỵ của huyện Thuận Bắc.
 - + Đến năm 2050: cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV.
- Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn: Cơ bản tuân theo quy hoạch vùng huyện đã duyệt, trong đó có điều chỉnh bổ sung 02 trung tâm cụm xã:

	<p>hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, Đài phát thanh, sân thể thao, trường THCS, tiểu học, mầm non, trạm y tế, chợ, bưu điện văn hóa xã, trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, ...</p>	<p>+ Bắc Phong là trung tâm cụm xã của xã Bắc Phong và Bắc Sơn với tính chất nông nghiệp, công nghiệp năng lượng và trung tâm dịch vụ</p> <p>+ Công Hải là trung tâm cụm xã của các xã Công Hải, Phước Chiến với tính chất thương mại – dịch vụ.</p> <p>+ Xã Phước Khánh là vùng nông thôn thuộc tiểu vùng trung tâm, với đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng.</p>
<p>Phân bố các vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp</p>	 <p>- Phân bố làm 02 vùng:</p> <p>+ Vùng công nghiệp trung tâm đô thị Lợi Hải gồm: KCN Du Long; Các nhà máy điện gió, nhà máy sản xuất và lắp ráp máy phát điện diesel và năng lượng</p>	 <p>- Điều chỉnh vị trí 02 vùng phát triển công nghiệp phù hợp với tình hình thực tiễn phân bố công nghiệp của huyện:</p>

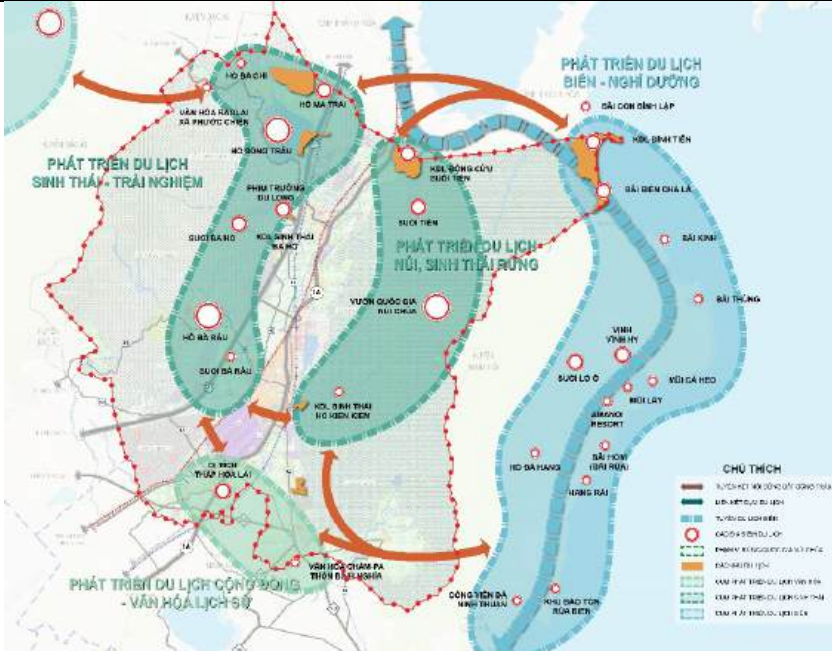
	<p>tái tạo ở Lợi Hải; Nhà máy tuyền nưn Duy Long; Nhà máy chế biến rác Nam Thành; Các cơ sở chế biến VLXD ở xã Bắc Sơn.</p> <p>+ Vùng công nghiệp phía Bắc (thị trấn Công Hải) gồm: Cụm CN – TTCN Suối Đá (71,31 ha); Các nhà máy điện gió xã Công Hải; Nhà máy đá ốp lát Thuận Thành; Các khu khai thác và chế biến khoáng sản và VLXD.</p> <p>- Dự báo diện tích đất công nghiệp – TTCN của huyện đến năm 2015 khoảng 490 ha, đến năm 2025 khoảng 510 ha.</p>	<p>+ Vùng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp (đô thị Lợi Hải – xã Lợi Hải, xã Công Hải, xã Phước Chiến) gồm: KCN Du Long; CCN Lợi Hải 1 và CCN Lợi Hải 2.</p> <p>+ Vùng phát triển công nghiệp năng lượng phía Nam (xã Bắc Phong, xã Bắc Sơn) gồm: Nhà máy điện gió Trung Nam; Các dự án điện gió, điện mặt trời.</p> <p>- Dự báo diện tích đất khu, cụm công nghiệp của huyện đến năm 2030 khoảng 456,29 ha.</p>
--	---	--

Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, vùng bảo tồn thiên nhiên




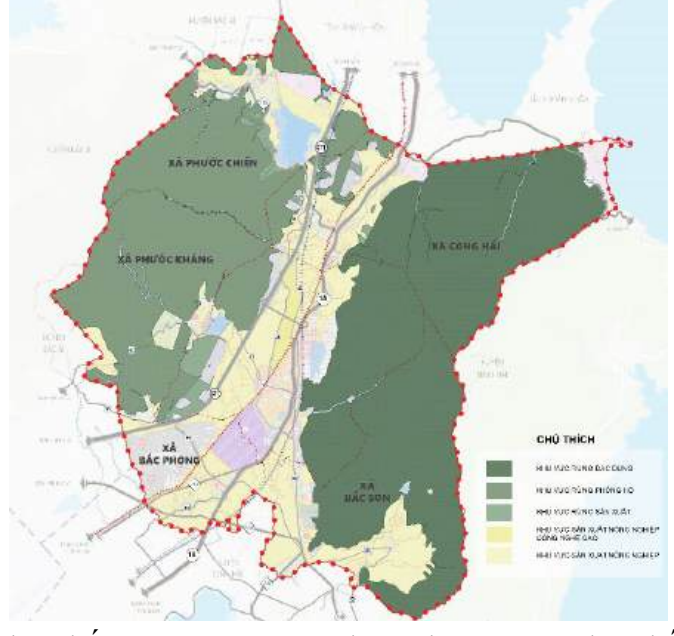
- Tổ chức phân bố các vùng du lịch:

- + Các cụm du lịch: Bình Tiên – Núi Chúa; hồ Sông Trầu – Ma Trai.



Giữ nguyên các vị trí theo quy hoạch đã duyệt năm 2012, tuy nhiên có một số nội dung bổ sung như sau:

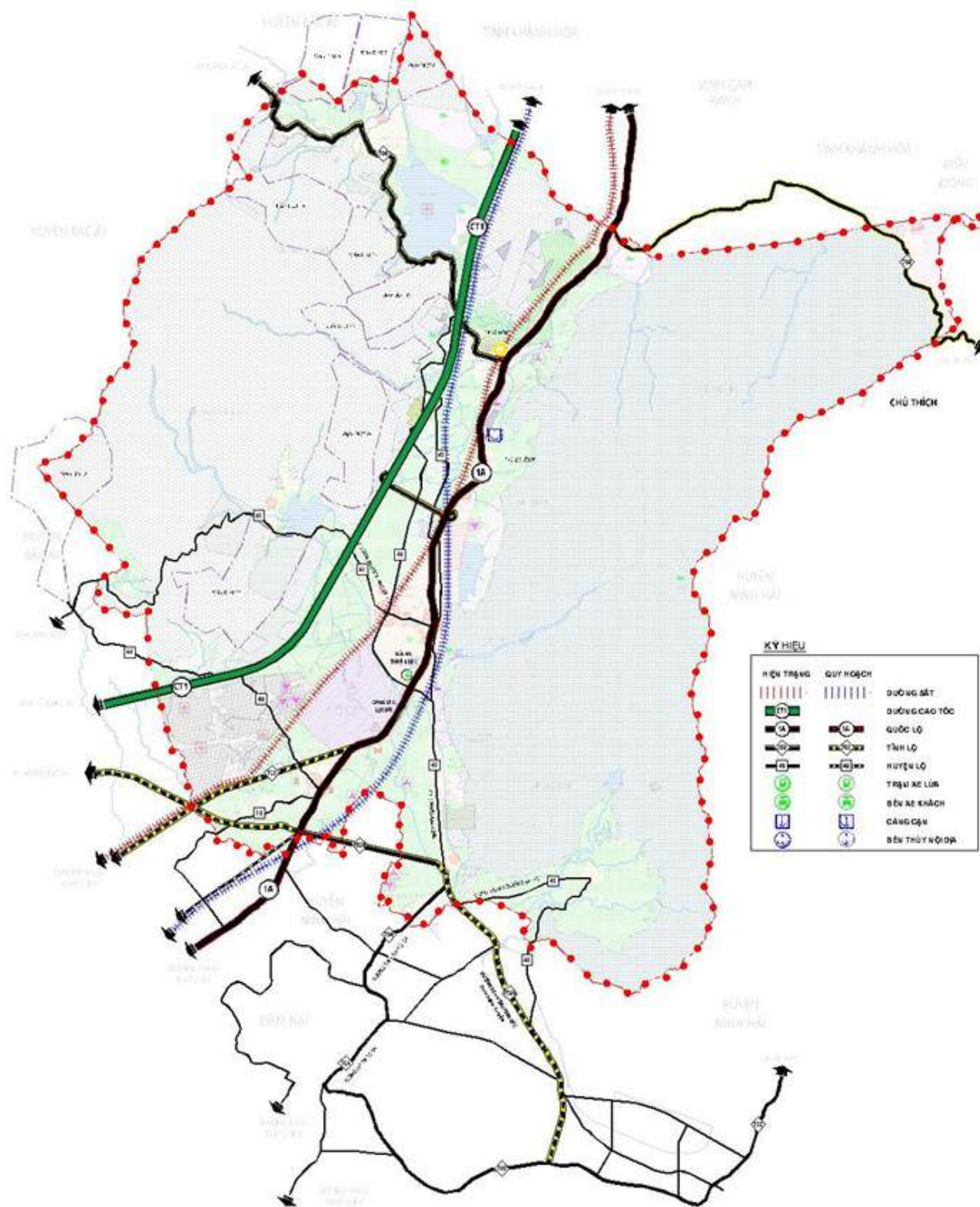
- Tổ chức phân bố các vùng du lịch: Bổ sung thêm các điểm du lịch, các tuyến du lịch nội vùng, nội tỉnh và liên tỉnh làm tăng sức hút du

	<p>+ Các điểm du lịch: DLST và tắm bùn khoáng Ba Hồ, DLST hồ Kiên Kiên, DLST và nghỉ dưỡng tâm linh Suối Tiên.</p> <p>+ Các tuyến du lịch nội vùng, nội tỉnh và liên tỉnh.</p> <p>– Tổ chức các vùng cảnh quan, khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn Quốc gia Núi Chúa và Rừng đầu nguồn hồ Sông Trâu.</p>	<p>lịch, loại bỏ hình thức DLST và tắm bùn khoáng Ba Hồ vì ảnh hưởng bởi đường cao tốc, khó khai thác.</p>
<p>Phân bố các vùng nông – lâm, thủy sản</p>	 <p>– Vùng nông nghiệp: Vùng chuyên canh lúa 2-3 vụ; Vùng trồng rau, hoa quả sạch, công nghệ cao ở Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn. Chuyển diện tích điều, cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cây neem;</p> <p>– Vùng lâm nghiệp: Bảo vệ rừng hiện có, khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng rừng, khai thác rừng hợp lý; Ổn định</p>	 <p>Tổ chức phân bố các vùng nông - lâm, thủy sản cơ bản kế thừa quy hoạch đã được phê duyệt, tuy nhiên có một số điều chỉnh, bổ sung:</p> <p>– Vùng nông nghiệp: điều chỉnh vị trí vùng chăn nuôi tập trung đến các xã miền núi; xác định quy mô vị trí các vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.</p>

	<p>định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số với phương hướng sản xuất nông - lâm kết hợp.</p> <p>– Vùng thủy sản: Đầu tư nuôi cá nước ngọt thâm canh trong ao đìa hộ gia đình tại các vùng trũng, gắn với đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương lấy nước từ các công trình thủy lợi; duy trì đánh bắt tự nhiên và nuôi tôm hùm tại thôn Bình Tiên.</p>	<p>– Vùng thủy sản: Khu vực thôn Bình Tiên được định hướng thành Khu du lịch Bình Tiên nên sẽ không còn phát triển đánh bắt và nuôi tôm hùm.</p>
<p>Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn</p>	<p>Chưa có định hướng</p>	<p>Theo Công văn 2307/BXD-QHKT về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 quy định, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phải có trong quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, nên nội dung này được bổ sung:</p> <p>– Quy hoạch 02 khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu vực phía Bắc: gần trung tâm cụm xã Công Hải, tiếp giáp với Quốc lộ 1. Nhằm tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác chế biến khoáng sản, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, đồng thời đẩy mạnh mô hình sản xuất rau công nghệ cao. + Khu vực phía Nam: Đặt gần trung tâm cụm xã Bắc Phong, tiếp giáp với QL 1A. Nhằm tập trung đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghệ chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản; phát triển chăn nuôi toàn diện, đẩy mạnh thương hiệu Heo đen và gà Thuận Bắc.

PHẦN E. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT:

I. GIAO THÔNG



Hình 36 – Sơ đồ định hướng giao thông huyện Thuận Bắc

1.1. Nguyên tắc thiết kế :

1.1.1. Quan điểm :

- Kết nối chặt chẽ với chiến lược giao thông vận tải Việt Nam, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và vùng tỉnh Ninh Thuận. Tuân thủ các dự án đã được phê duyệt, có rà soát, khớp nối đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ.
- Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng giao thông hiện có kết hợp xây dựng mới trên cơ sở đảm bảo mục tiêu kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, phát triển các vùng kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch.
- Đề xuất các dự án mới trên quan điểm hạ tầng xây dựng trước, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện Thuận Bắc và tỉnh Ninh Thuận, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

1.1.2. Mục tiêu :

- Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đạt được những chỉ tiêu về mạng lưới và công trình phục vụ giao thông trên mức trung bình của cả nước.

1.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông:

1.2.1. Giao thông đường bộ:

a. Giao thông đối ngoại:

- *Đường cao tốc Bắc Nam*: tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam chạy qua tỉnh và huyện Thuận Bắc đã hoàn thiện và đang đưa vào khai thác. Định hướng mở rộng cao tốc Bắc Nam từ 4 làn xe lên 6 làn xe trong tương lai (theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt và nội dung đề xuất tích hợp số 09 – Nguyên cứu đề xuất phương án phát triển hạ tầng giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận thời kì 2021- 2030 , tầm nhìn đến 2050) .
- *Quốc lộ 1A*: Tuyến đường Quốc lộ 1A đã hoàn thành theo quy hoạch đã đưa vào khai thác.
- *Đường ven biển Hiệp Kiết - Bình Tiên – Vĩnh Hy (ĐT 702)*: đã hoàn thành tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 30km trong đó đoạn qua huyện Thuận Bắc dài khoảng 4,2km.
- *Đường vành đai TP. Phan Rang – Tháp Chàm (ĐT 702B)*: Hoàn thiện xây dựng đường vành đai TP. Phan Rang-Tháp Chàm trên cơ sở nâng cấp và xây dựng mới nối kết với quốc lộ 27, đường ĐT 702, 708 theo quy hoạch. Tuyến đường này đi qua huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Sơn và Ninh Phước nhằm liên kết, khai thác quỹ đất sản xuất kém hiệu quả hai bên trục đường để phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ. Đoạn qua huyện Thuận Bắc dài khoảng 9km bao gồm nâng cấp đường Kiên Kiên – Bình Nghĩa và xây dựng mới đường Bắc Sơn – Bắc Phong.
- *Tỉnh lộ 706*: Chiều dài đoạn qua huyện Thuận Bắc dài 11,8km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m, BTXM, cấp phối sỏi đồi.
- *Đường tỉnh 704 nối dài*: Chiều dài qua huyện là 1,5km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi, nền đường 7,5m, trải nhựa.
- *Đường tỉnh 703*: Xây dựng mới tuyến đường tỉnh 703 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

b. Giao thông trong huyện:

- *Huyện lộ :*
 - + Nâng cấp mở rộng các tuyến đường huyện lộ, đường liên xã, đường xã hiện có, xây dựng mới các tuyến đường, kết nối chặt chẽ với mạng lưới giao thông của tỉnh và quốc gia.
 - + Các tuyến đường đạt tiêu chuẩn cấp III, IV, được nhựa hóa 100%.

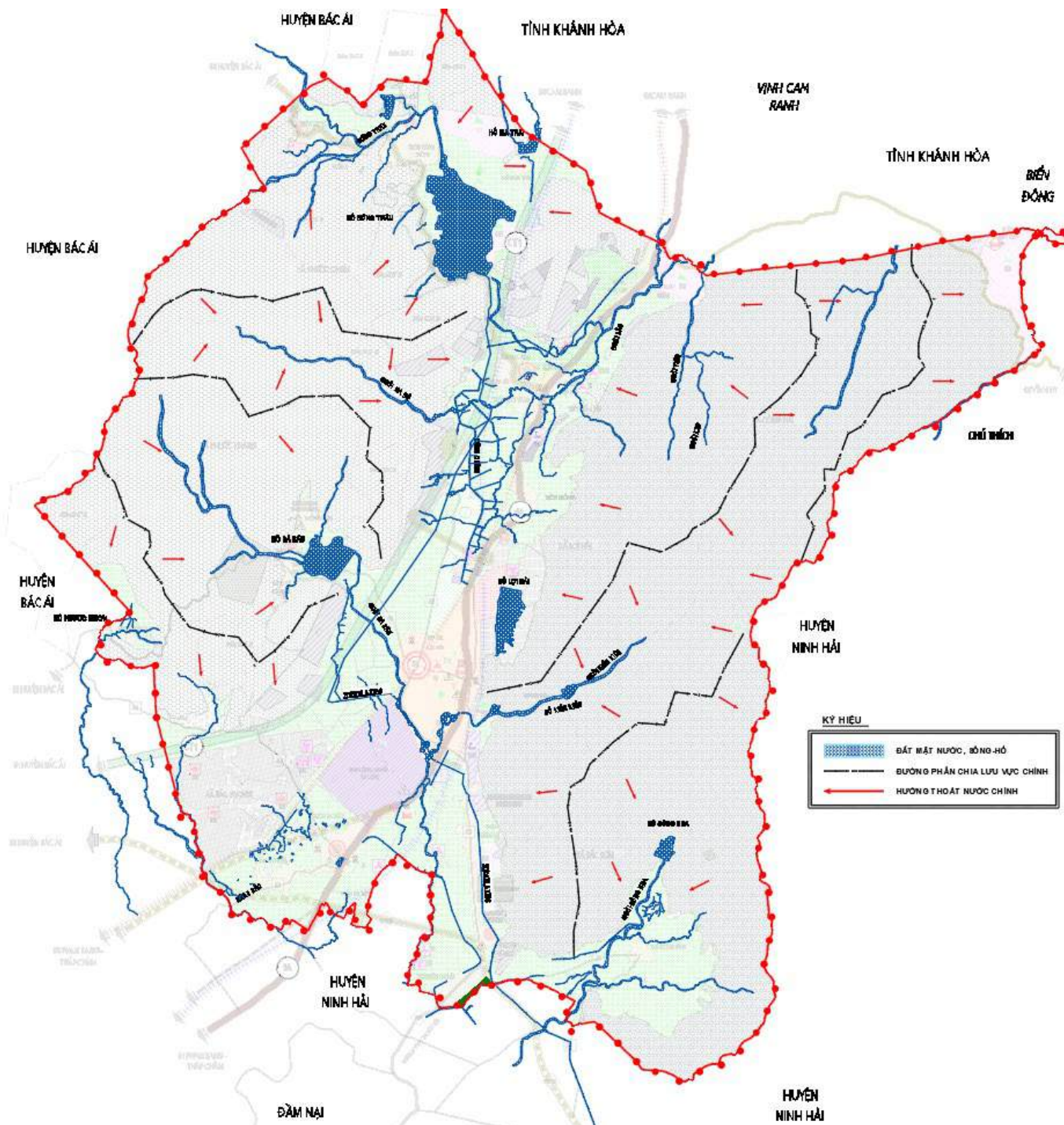
- + Đảm bảo mối liên hệ giao thông thuận lợi, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng.
- + ĐH. Lợi Hải – Phước Kháng (ĐH.41) :
 - o Đoạn quốc lộ 1A – thôn Ân Đạt : đường đô thị, nền 27m, mặt đường 15m, bê tông nhựa.
 - o Thôn Ân Đạt – UBND xã Phước Kháng : đường cấp III miền núi, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m.
- + ĐH. Kiên Kiên – Bình Nghĩa (ĐH.42) : chiều dài qua huyện dài 5,2km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.
- + ĐH. Bình Nghĩa – Xóm Bằng (ĐH 43) : dài 3,5km, nâng cấp thành đường cấp III đồng bằng.
- + ĐH. Ba Tháp – Suối Le – Phước Kháng (ĐH.44): dài toàn tuyến 17,5km; cải tạo, nâng cấp, đạt tiêu chuẩn cấp VI miền núi, nền 5,5m, mặt đường BTXM – đường nhựa.
- + Đường Trạm Thủy nông – Trại giam (ĐH.45): dài 4,9km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m BTXM.
- + Đường tỉnh 706 – Bà Râu (ĐH.46): dài 9,4km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, nền đường 7,5m, mặt đường rộng 5,5m BTXM.
- *Giao thông nông thôn* :
 - + Kế thừa và phát triển mạng lưới đường hiện có phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải trước mắt và tương lai, kết nối liên hoàn với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện. Kết hợp với mạng lưới quy hoạch thủy lợi, quy hoạch dân cư và các công trình xây dựng hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.
 - + Đảm bảo liên hệ thuận tiện với hệ thống đường huyện, đường tỉnh tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.
 - + Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn. Đầu tư các trục đường liên xã, liên thôn, cứng hóa mặt đường và đồng bộ hóa cầu cống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Đến năm 2025 có 90 – 100% đường xã, liên xã đạt cấp kỹ thuật (tiêu chuẩn nền và mặt đường nông thôn loại A, B). Bề rộng mặt cắt đường nội bộ trong khu dân cư nông thôn phải đảm bảo $\geq 4m$.
 - + Đường từ quốc lộ 1A vào khu du lịch Ba Hồ: đường cấp VI, nền đường 6,5m; mặt đường 3,5m, BTXM.
 - + Đường vào khu du lịch nghỉ dưỡng và khách sạn Ma Trai (Phước Chiến): xây dựng mới đường cấp V miền núi, nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m trải nhựa và BTXM.
- *Giao thông đô thị* :
 - + Phát triển mạng lưới giao thông đô thị, nhựa hóa 100%, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, liên hệ thuận lợi trong và ngoài đô thị.
 - + Quản lý xây dựng hệ thống giao thông đô thị theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Lợi Hải.
 - + Từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hóa các tuyến trục giao thông, nút giao thông, gắn với chỉnh trang đô thị, kết hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- + Tỷ lệ đất giao thông đô thị phụ thuộc quy mô cấp hạng của các đô thị nhưng phải đạt được 18-25% quỹ đất xây dựng đô thị.
- c. Chỉ tiêu giao thông chính:**
- + Tỷ lệ đất giao thông 18-20% đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại IV, V.
- + Mật độ bình quân đường giao thông (không kể đường khu dân cư) tại khu vực trung tâm 6-8 Km/Km², các khu vực khác 3-5Km/Km².
- **Giao thông công cộng :**
 - + Tổ chức các tuyến giao thông công cộng bằng xe bus trên trục quốc lộ 1A.
- **Công trình phục vụ giao thông:**
 - + Bến xe Thuận Bắc diện tích 1.500m² nằm tại vị trí phía Nam dọc quốc lộ 1A khu Trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc (đổi tên từ bến xe gần Khu công nghiệp Du Long) đóng vai trò đầu mối giao thông quan trọng kết nối giao thông đường bộ huyện Thuận Bắc và các vùng lân cận.
 - + Xây dựng cảng cạn Lợi Hải với chức năng phục vụ cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khu, cụm công nghiệp của tỉnh ở phía Bắc và phân phối hàng hóa nhập khẩu phục vụ tiêu dùng cho khu vực và vùng lân cận. Quy mô quy hoạch đến năm 2030 từ 5-7ha, đến năm 2050 đạt khoảng 20ha. Công suất đến năm 2030 năng lực thông qua cảng đạt 50.00 – 70.000 TUC/năm.

1.2.2. Giao thông đường sắt :

- Nâng cấp đường sắt Bắc - Nam hiện hữu.
- Phục hồi ga Cà Rôm (Công Hải) thành ga hàng hóa khi ngành công nghiệp, du lịch của huyện phát triển.
- Xây dựng đường sắt cao tốc Bắc – Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế (đoạn Nha Trang – TP. Hồ Chí Minh qua huyện).

II. CHUẨN BỊ KỸ THUẬT:



Hình 37 – Sơ đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật huyện Thuận Bắc

2.1. Xác định các khu vực hạn chế xây dựng :

- Khu vực cần hạn chế xây dựng trên vùng huyện Thuận Bắc chủ yếu là Vườn quốc gia Núi Chúa, rừng đầu nguồn ở xã Phước Chiến, xã Phước Kháng, xã Công Hải, xã Bắc Sơn và các khu vực núi cao, khu vực dễ xảy ra lũ quét, sạt lở núi.

2.2. Định hướng quy hoạch thủy lợi vùng :

2.2.1. Hiện trạng:

- Hiện trạng huyện Thuận Bắc đã có hệ thống thủy lợi tương đối hoàn thiện tiêu biểu như sau:

Bảng 29 – Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các hồ chứa đã xây dựng hiện trạng

STT	Tên hồ chứa	Năm hoàn thành	Thông số kỹ thuật												
			Ftrước (ha)	MNC (m)	MNDBT (m)	MNGC (m)	Đập chính			Số đập phụ (cái)	Công lấy nước		Tràn xả lũ		
							CT đỉnh đập	H max (m)	L (m)		Kích thước (m)	Hình thức	H cao trình tràn	B tràn (m)	Hình thức
1	Hồ chứa nước Sông Trâu	2005	3.000	28,7	42,3	44,3	45,5	27	290	0	D=1,5	có áp	36,3	2x6	có cửa
2	Hồ chứa nước Ba Chi	2005	40	112,5	116,5	117,75	119	9,5	228,5	1	D=0,4	có áp	116,5	20	tự do
3	Hồ chứa nước Ma Trai	2005	30	121	123,84	125,51	125,7	11	449	0	D=0,4	có áp	123,84	12	tự do
4	Hồ chứa nước Bà Râu	2012	300	48	57,4	58,64	60,6	19,5	878,2	0	D=0,8	có áp	51,56	2x3	có cửa

Bảng 30 – Bảng hiện trạng công trình tưới tiêu bằng hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Địa Điểm	Năm hoàn thành	Thông số thiết kế		
				Flv (km ²)	Wtrữ (10 ⁶ m ³)	Ftrước (ha)
A	Hồ chứa đập thủy lợi đã xây dựng					
I	Hồ chứa đập thủy lợi lớn					
1	Hồ Sông Trâu	Thuận Bắc	2005	66	31.53	1720
2	Hồ Bà Râu	Thuận Bắc	2012	29	4.67	616
II	Hồ chứa đập thủy lợi vừa: 10m<H đập<15m (Trừ trường hợp L đập>=500m, Q tràn < 2.000m³/s) hoặc 0,5 triệu m³ <= W trữ < 3 triệu m³)					
3	Hồ Ma Trai	Thuận Bắc	2012	3.75	0.48	30
III	Hồ chứa đập thủy lợi vừa: 15m<H đập<10m hoặc 0,05 triệu m³ <= W trữ < 0,5 triệu m³)					

4	Hồ Ba Chi	Thuận Bắc	2005	3,2	0,4	4
	Cộng				194,49	
B	Hồ chứa đập thủy lợi đang xây dựng					
1	Đập Kiên Kiên	Thuận Bắc	Đang được xây dựng	3,4	3,46	100
2	Hồ Lợi Hải			14,6		

2.2.2. Xây dựng mới đến năm 2030:

- Tiếp tục thi công hệ thống kênh mương dẫn nước từ các hồ thủy lợi, đập dâng để cung cấp nước cho sinh hoạt và tưới tiêu.
- Cải tạo và xây dựng mới các công trình quy hoạch hồ chứa và tưới tiêu theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt do Chi cục Thủy Lợi thực hiện:
 - + Hồ Đông Nha (xã Bắc Sơn): với diện tích lưu vực 18km², diện tích tưới tiêu 300ha theo quy hoạch.
 - + Cải tạo nâng cấp Kênh tiêu Suối Tỏi – Gò thao: với diện tích lưu vực 27,7 km², diện tích tưới tiêu 27,7ha.
- Xây dựng Hệ thống tiêu thoát lũ khu Công Nghiệp Du Long: diện tích lưu vực 71,8 km², diện tích tưới tiêu 2.000ha.
- Xây dựng hệ thống kênh, đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái – Tân Mỹ về các khu vực hồ Bà Râu, hồ Sông Trâu, đoạn qua huyện dài 15,7 km.

2.3. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng đối với các đô thị :

2.3.1. Cao độ nền:

❖ Xác định cốt không chế tại các đô thị:

- Cao độ cốt không chế tại các đô thị trên địa bàn huyện được xác định căn cứ theo điều kiện cụ thể của từng đô thị về cao độ địa hình tự nhiên, tình hình ngập lụt để tính toán cao độ không chế nhằm chống ngập lụt và giảm khối lượng đào đắp.
- Cao độ không chế của đô thị Lợi Hải: Đối với Đô thị Lợi Hải có địa hình bằng phẳng cao độ trung bình từ 21 – 40m. Cao độ nền xây dựng Hxd > 21m đảm bảo không bị úng ngập. Phương án san đắp chủ yếu bám theo địa hình, san đắp tập trung cho khu trung tâm đô thị, khu công nghiệp.

2.3.2. Thoát nước mưa:

a. Yêu cầu:

- Đô thị loại 4, loại 5 chỉ tiêu $\geq 60\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa.
- Ngoại thị chỉ tiêu $\geq 50\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa.

b. Lựa chọn hệ thống cống:

- Tùy theo cấp hạng của các khu vực xây dựng có thể lựa chọn các loại hình hệ thống thoát nước như sau :
- Đối với đô thị Lợi Hải, các khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch : thoát nước mưa tách riêng với nước thải bằng hệ thống thoát nước kín (cống tròn hoặc mương nắp đan) xả trực tiếp ra sông suối.
- Đối với các khu xây dựng mật độ thấp : tùy theo điều kiện cụ thể thoát nước mưa có thể chung (hoặc riêng) với nước thải bằng hệ thống thoát nước kín (hoặc hở) cống tròn, mương nắp đan hoặc mương hở.

c. Lưu vực tiêu thoát nước cho vùng huyện:

- Toàn huyện có 7 lưu vực lớn gồm :
 - + Lưu vực phía Đông Bắc thoát ra biển và suối nước Ngọt ở khu vực xã Bình Tiên.
 - + Lưu vực suối Đông Nha ở phía Đông.
 - + Lưu vực suối Kiên Kiên.
 - + Lưu vực suối Bà Râu.
 - + Lưu vực suối Đá, Suối Tiên, suối Kẹp.
 - + Lưu vực suối Ba Hồ.
 - + Lưu vực hồ Sông Trâu.

d. Giải pháp quy hoạch tiêu thoát nước đối với các đô thị:

- Đối với các đô thị, mạng lưới thoát nước ở khu trung tâm, trong tương lai cần cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước kín bằng cống tròn hoặc mương nắp đan. Trước mắt có thể dùng hệ thống thoát nước chung nhưng từng bước có các biện pháp tách dòng, cuối các miệng xả sẽ có hệ thống cống bao nước bản dẫn về trạm xử lý trước khi đổ vào sông, hồ.
- Các khu vực xây dựng mới, khu vực đô thị mở rộng, khu, cụm CN cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn để đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Các trung tâm xã tùy theo tình hình kinh tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng hay chung.

2.4. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn :

2.4.1. Cao độ nền:

- Đối với các điểm dân cư nông thôn tại các khu vực có địa hình thấp thường xuyên bị ngập lũ cần phải tôn nền vượt lũ nhưng chủ yếu là san đắp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

2.4.2. Thoát nước mưa :

- Cho phép xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải sinh hoạt) bằng cống, mương nắp đan hoặc mương hở xả ra sông suối. Tuy nhiên nước thải sinh hoạt trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải của các khu vực chuồng trại chăn nuôi tập trung phải thoát riêng và được xử lý trước khi xả ra môi trường.
- Tăng cường nạo vét hồ ao, sông suối để tăng khả năng tiêu thoát nước.

2.5. Các giải pháp phòng chống thiên tai, phòng chống lũ :

- Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và tình hình thời tiết khí hậu nêu ở phần hiện trạng là những yếu tố nguy hiểm đến sản xuất và đời sống người dân và các công trình thủy lợi như: hồ chứa, đập và giao thông khi thời tiết chuyển sang mùa mưa bão vì vậy cần chủ động để phòng chống lũ bão hàng năm, luôn luôn kiểm tra việc thực hiện và triển khai công tác phòng chống bão lụt.

2.5.1. Hệ thống dự báo và cảnh báo lũ:

- Cần xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo lũ, bão, hiện nay trên một số sông đã có các trạm thủy văn đo mực nước cảnh báo lũ song chưa đầy đủ.
- Tại những khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở sườn núi cần có phương án đề phòng đưa những hộ dân sống gần chân núi ven các sông suối nhỏ đến nơi an toàn đề phòng sự cố xảy ra.

2.5.2. Giải pháp hồ chứa thượng lưu và các đập dâng:

- Hiện nay huyện đã và đang xây dựng được một số đập, hồ chứa nước, trong thời gian tới cần xây dựng thêm một số hồ ở thượng lưu của các sông, suối trong vùng để phòng chống lũ, điều hòa dòng chảy, cung cấp nước cho công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt trong mùa khô.

2.5.3. Trồng cây bảo vệ rừng:

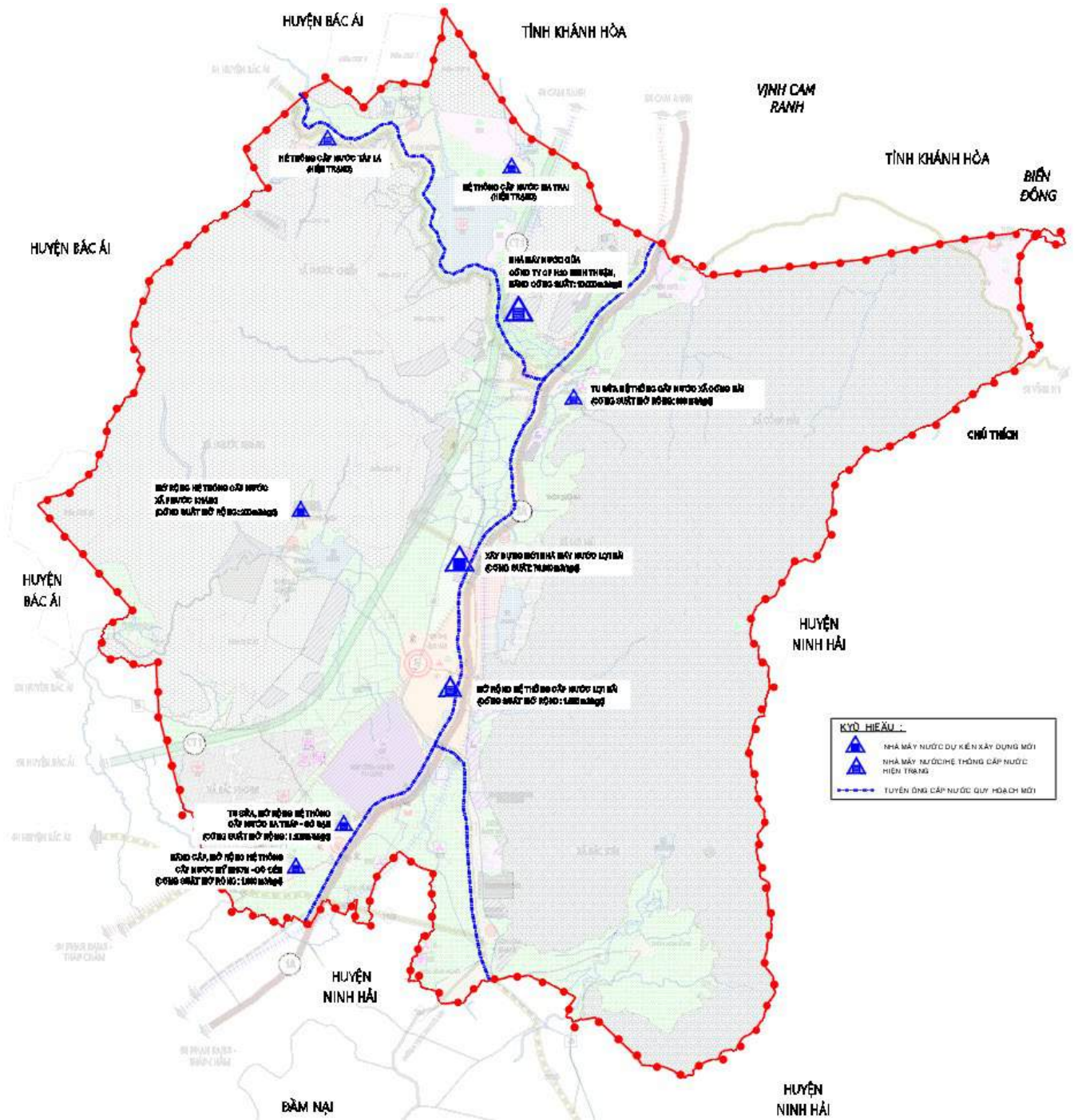
- Bảo vệ vườn quốc gia Núi Chúa, trồng cây đầu nguồn sông suối là biện pháp hữu hiệu để giữ đất, giữ nước chống xói mòn, sạt lở, làm chậm dòng chảy lũ, chống lũ quét.

2.5.4. Các giải pháp khác :

- Công tác phòng chống xói lở bờ sông, bờ suối, các mái dốc taluy là vấn đề phức tạp và khó khăn có liên quan đến nghiên cứu chế độ dòng chảy, địa chất, vấn đề môi trường.
Hướng giải quyết:

- + Phát hiện và xử lý kịp thời khi có hiện tượng xói lở bờ sông, suối, đê.
- + Tuyệt đối không được xây dựng các công trình sát bờ sông, ven các suối khe, các hồ nước có đập tránh làm ảnh hưởng đến công trình.
- + Các sườn núi chân núi, các mái taluy đào, đắp cần có các giải pháp gia cố bảo vệ chống sạt lở.

III. CẤP NƯỚC:



Hình 38 – Sơ đồ định hướng cấp nước huyện Thuận Bắc

3.1. Cơ sở quy hoạch

- Quyết định số: 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND Tỉnh Bình Thuận về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước Lợi Hải.
- Quyết định số: 445/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND Tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2023.
- Và một số tài liệu khác.

3.2. Nhu cầu:

TT	Hạng mục	Quy mô		Tiêu chuẩn		Nhu cầu	
		Năm	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Năm	Đơn vị
		2030				2030	
1	Cấp nước sinh hoạt						
	Đô thị (Q1)	18.000	Người	150	lít /người.ngđ	2.700	m3/ngđ
	Nông thôn (Q2)	37.000	Người	120	lít /người.ngđ	4.440	m3/ngđ
2	Cấp nước phát triển công nghiệp (Q3)						
	Khu công nghiệp Du Long	407	ha	45	m3/ha	18.328	m3/ngđ
	Cụm công nghiệp Lợi Hải 1	16	ha	22	m3/ha	343	m3/ngđ
	Cụm công nghiệp Lợi Hải 2	33	ha	22	m3/ha	735	m3/ngđ
3	Đất công trình công cộng, dịch vụ (Q4)						
	Đô thị			15%	Q1	405	m3/ngđ
	Nông thôn			10%	Q2	444	m3/ngđ
4	Nước tưới cây - rửa đường (Q5)			8%	Q Sinh hoạt	216	m3/ngđ
5	Nước thất thoát, dự phòng (Q6)			10%	Q1 đến Q4	799	m3/ngđ
6	Trạm xử lý (Q7)			5%	Q1 đến Q6	1.420	m3/ngđ
7	TỔNG CỘNG					29.830	m3/ngđ

3.3. Phương án quy hoạch:

- Cấp nước cho khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch:
 - + Xây dựng Nhà máy nước Lợi Hải công suất 70.000 m³/ngđ cấp nước cho xã Phước Kháng, Lợi Hải và các vùng lân cận. Trong đó phân kỳ đầu từ xây dựng trạm công suất 29.000m³/ngđ cung cấp khu công nghiệp Du Long và các cụm công nghiệp (Theo quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND Tỉnh Bình Thuận về việc chấp thuận chủ trương đầu tư).
 - + Nâng công suất Nhà máy nước của công ty CP Ninh Thành Trung Ninh Thuận (nay là Công ty CP H2O Ninh Thuận lên công suất 10.000 m³/ngđ từ hiện trạng là 6.000 m³/ngđ cấp nước phục vụ sinh hoạt và các dự án khu du lịch Bình Tiên -Vĩnh HY (theo QĐ số: 445/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND Tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030).
- Cấp nước cho các khu vực nông thôn:

- + Định hướng Phân vùng cấp nước:
 - Cấp nước tập trung: cấp bởi các hồ chứa và đập dâng thông qua các hệ thống đường ống chuyển tải và phân phối.
 - Cấp nước phân tán: Giếng khoan lắp bơm sử dụng cho những nơi dân cư thưa thớt hoặc quy mô chỉ vài chục gia đình. Tuyệt đối không được khoan các giếng khoan lắp bơm tay ở những vùng tập trung dân cư, nơi có nhiều nguồn gây nhiễm bản và xung quanh các nhà máy khai thác nước ngầm cung cấp cho thành phố, khu công nghiệp.
- + Hệ thống cấp nước thô tạo nguồn dọc Kênh Bắc: nhằm cấp nước thô, có chất lượng cao nhất phục vụ cho các hệ thống cấp nước.
- + Nâng cấp các hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước như sau:

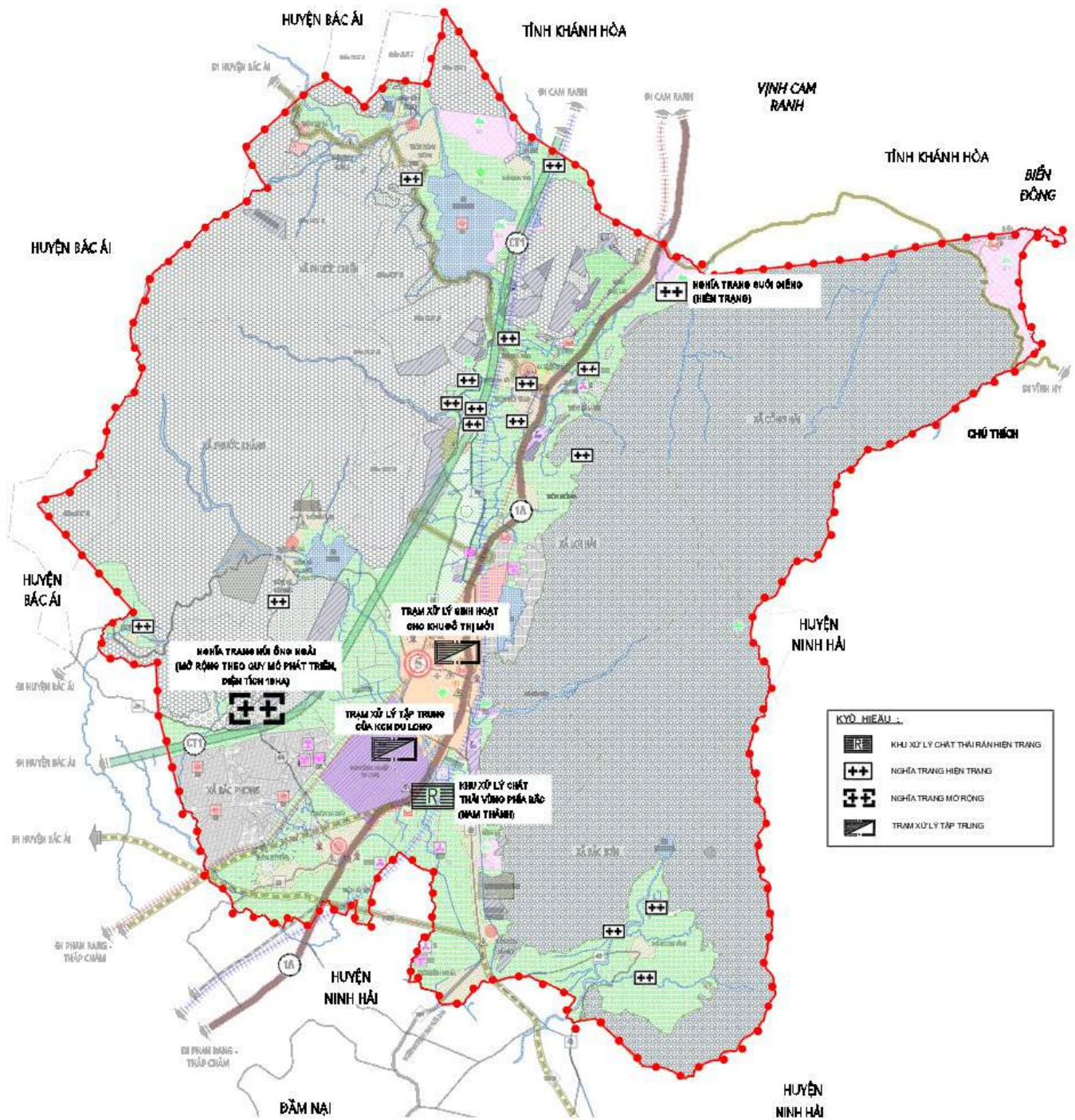
STT	Tên công trình	Công suất mở rộng (m ³ /ngày)	Giải pháp công trình
1	Tu sửa, mở rộng hệ thống cấp nước Ba Tháp	1.100	Mở rộng khu xử lý, đường ống
2	Tu sửa Hệ thống cấp nước Công Hải, xã Công Hải.	600	Mở rộng khu xử lý và đường ống
3	Mở rộng đường ống cấp nước thôn Xóm Bằng xã Bắc Phong	200	Mở rộng mạng đường ống
4	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Mỹ Nhơn – Gò Đền	1.000	Mở rộng khu xử lý và đường ống
5	Mở rộng Hệ thống cấp nước Lợi Hải	1.500	Mở rộng khu xử lý và đường ống
6	Mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Kháng	200	Mở rộng khu xử lý và đường ống
7	Hệ thống cấp nước thôn Bình Tiên xã Công Hải	500	Mở rộng đường ống cấp nước

- Các giải pháp cấp nước ứng với kịch bản biến đổi khí hậu:
 - + Trong trường hợp nguồn nước trên suối Kiên Kiên cạn kiệt, bổ sung nguồn nước thô từ Hệ thống cấp nước tạo nguồn dọc Kênh Bắc và nguồn nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ.
 - + Trường hợp mực nước hồ Sông Trâu cạn kiệt sẽ được tiếp nước từ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ.
 - + Khi Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ hoàn thiện sẽ đảm bảo cung cấp nước cho các Hệ thống cấp nước Ba Tháp, Hệ thống cấp nước Phương Cựu, Hệ thống cấp nước Lợi Hải
 - + Trường hợp mực nước trên đập Lò Cô cạn kiệt sẽ bơm tăng áp từ Hệ thống cấp nước Lợi Hải cung cấp nước cho Phước Kháng.
- Các giải pháp cấp nước Phòng cháy chữa cháy:
 - + Các khu công nghiệp và khu đô thị phải có hệ thống cấp nước chữa cháy theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 33:2006 - Cấp nước bên ngoài và công trình, tiêu chuẩn thiết kế; Tiêu

chuẩn Quốc gia TCVN 3890:2009 - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

- + Bố trí các bến lấy nước chữa cháy: Hồ Ma Trai, Hồ Lợi Hải, Hồ Sông Trâu. Vị trí lấy nước phải thuận tiện giao thông cho xe chữa cháy ra vào. Bến lấy nước phải đảm bảo các yêu cầu sau: chiều cao hút (tính từ mặt nước lên đến trục bánh công tác) không vượt quá 4m; có nền tương đối phẳng đủ tải để xe chữa cháy nặng nhất đậu và hút nước ổn định; khoảng cách từ đuôi xe (họng hút của bơm) đến mép nước dưới 7m (vì tổng chiều dài các ống hút chỉ đạt tối đa 8m); vị trí đặt giỏ lọc có độ sâu của nước (tính từ mặt nước xuống đáy) phải đủ ngập giỏ lọc (>50cm).
- + Các công viên có hồ nước trong khu đô thị bắt buộc phải có bến lấy nước cho xe chữa cháy.
- + Với những nơi không có nước, không có nước vào mùa khô phải đào ao hồ và xây bể dự trữ nước chữa cháy. Có thể kết hợp và khai thác hệ thống nước chữa cháy với nước sinh hoạt.

IV. THOÁT NƯỚC THẢI, QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN, NGHĨA TRANG:



Hình 39 – Sơ đồ định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

4.1. Cơ sở quy hoạch:

- Quyết định số: 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.2. Nhu cầu:

BẢNG TÍNH TOÁN NHU CẦU THOÁT NƯỚC

TT	Hạng mục	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu
----	----------	--------	------------	---------

		Năm	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Năm	Đơn vị
		2030				2030	
1	Thoát nước sinh hoạt						
	Đô thị (Q1)	18.000	Người	150	lít /người.ngđ	2.700	m3/ngđ
	Nông thôn (Q2)	37.000	Người	120	lít /người.ngđ	4.440	m3/ngđ
2	Thoát nước công nghiệp (Q3)						
	Khu công nghiệp Du Long	407	ha	45	m3/ha	18.328	m3/ngđ
	Cụm công nghiệp Lợi Hải 1	16	ha	22	m3/ha	343	m3/ngđ
	Cụm công nghiệp Lợi Hải 2	33	ha	22	m3/ha	735	m3/ngđ
3	Thoát nước công trình công cộng, dịch vụ (Q4)						
	Đô thị			15%	Q1	405	m3/ngđ
	Nông thôn			10%	Q2	444	m3/ngđ
4	Trạm xử lý (Q5)			5%	Q1 đến Q4	1.370	m3/ngđ
5	TỔNG CỘNG					28.764	m3/ngđ

BẢNG TÍNH TOÁN NHU CẦU CHẤT THẢI RẮN

TT	Hạng mục	Quy mô		Tiêu chuẩn		Nhu cầu	
		Năm	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Năm	Đơn vị
		2030				2030	
1	Khu đô thị, nông thôn						
	Đô thị (Q1)	18.000	Người	0,9	kg/người.ngđ	16	Tấn/ngđ
	Nông thôn (Q2)	37.000	Người	0,9	kg/người.ngđ	33	Tấn/ngđ
2	Khu công nghiệp (Q3)						
	Khu công nghiệp Du Long	407	ha	0,5	m3/ha	204	m3/ngđ
	Cụm công nghiệp Lợi Hải 1	16	ha	0,5	m3/ha	8	m3/ngđ
	Cụm công nghiệp Lợi Hải 2	33	ha	0,5	m3/ha	17	m3/ngđ
3	Khu công trình công cộng, dịch vụ (Q4)						
	Đô thị			15%	Q1	2	Tấn/ngđ
	Nông thôn			10%	Q2	3	Tấn/ngđ
4	Trạm xử lý (Q5)			5%	Q1 đến Q4	14	m3/ngđ
5	TỔNG CỘNG					298	Tấn/ngđ

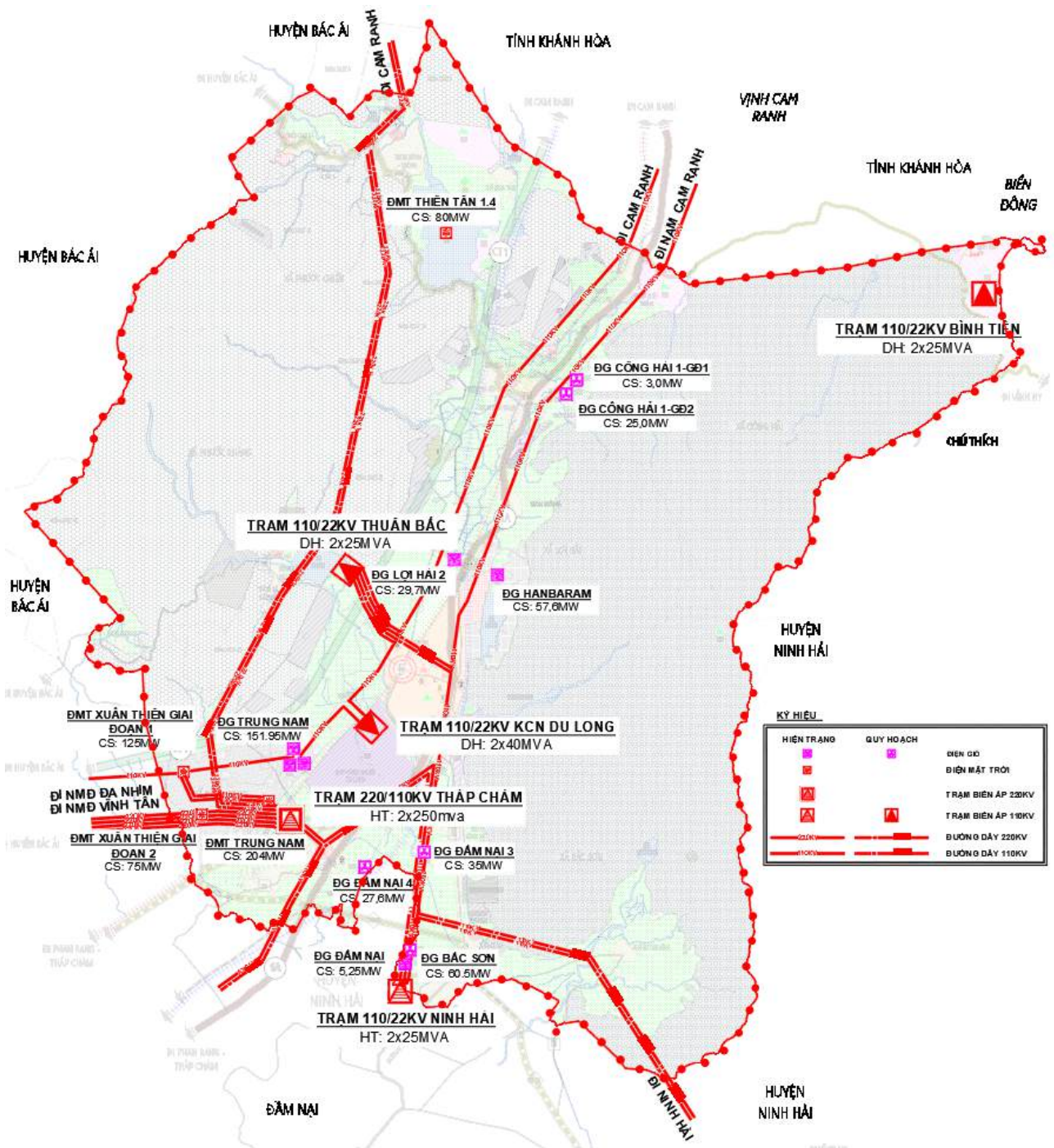
4.3. Phương án quy hoạch:

- Đối với hệ thống nước thải sinh hoạt:
 - + Đối với các đô thị mới: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, bố trí các trạm xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo QCVN14:2008/BTNMT nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.
 - + Đối với khu vực dân cư nông thôn: Khuyến khích và hướng dẫn người dân sử dụng hố xí tự hoại.
- Đối với hệ thống nước thải công nghiệp:
 - + Nước thải các khu công nghiệp phải được xử lý tại trạm xử lý nước thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn loại bảo QCVN40:2011/BTNMT nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
 - + Các khu công nghiệp được xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải theo giai đoạn, công suất trạm xử lý của từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu đầu tư của khu công nghiệp đảm bảo 100% lượng nước thải được thu gom và xử lý.
- Thu gom và xử lý chất thải rắn:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn phía Bắc do công ty TNHH Xây dựng – Thương mại sản xuất Nam Thành đầu tư, với công suất dự kiến 300-600 tấn/ngđ; công nghệ dự kiến: tái chế chất thải rắn, sản xuất phân hữu cơ và chôn lấp hợp vệ sinh, và các công nghệ phù hợp.
 - + CTR sinh hoạt tại các cụm dân cư nông thôn: Tổ chức các đội thu gom chất thải rắn, các đội thu gom chất thải rắn có nhiệm vụ thu gom rác thải từ hộ gia đình, khu cụm dân cư nông thôn về điểm tập kết rác; xe chở rác thu gom rác từ điểm tập kết chuyên về chuyên về khu xử lý chất thải rắn phía Bắc do công ty TNHH Xây dựng – Thương mại sản xuất Nam Thành đầu tư.
 - + Chất thải rắn xây dựng: Sau khi đã thực hiện triệt để công tác phân loại, tái chế, tái sử dụng cũng như thu gom vận chuyển, CTR xây dựng không thể tận dụng có thể xử lý bằng phương pháp đốt hoặc chôn lấp tại bãi chôn lấp thông thường và một số công nghệ xử lý cho chất thải rắn sinh hoạt. CTR xây dựng không thể tận dụng sau quá trình phân loại, tái chế, tái sử dụng sẽ được xử lý tại các khu xử lý CTR Phía Bắc (Nam Thành).
 - + Bùn thải: Bùn thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân. Bùn thải sinh học có mùi hôi thối song không độc hại. Có thể dùng để sản xuất phân hữu cơ bằng cách cho thêm vôi bột để khử chua; than bùn; cây vi sinh, dùng chế phẩm để khử mùi sẽ thành phân hữu cơ tổng hợp (trong đó bùn thải chiếm 70%). Bùn thải cũng có thể xử lý tại các bãi chôn lấp với ô chứa bùn. Bùn khô được sử dụng để chế biến phân hữu cơ hoặc làm chất phủ bề mặt cho bãi chôn lấp. Để chôn lấp, bùn thải khu vực đô thị sẽ được xử lý tại các khu xử lý CTR phía Bắc (Nam Thành).
 - + Chất thải rắn Khu công nghiệp: Đối với chất thải công nghiệp thông thường: chủ nguồn thải có trách nhiệm thu gom, vận chuyển hoặc hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thu gom, vận chuyển về điểm thu gom, khu xử lý chất thải theo quy định; Đối với chất thải công nghiệp nguy hại: chủ nguồn thải có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải nguy hại

đạt tiêu chuẩn quy định (trường hợp chủ nguồn thải đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định) hoặc hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Lượng chất thải rắn sau tái chế và tái sử dụng được hợp đồng với xe thu gom chất thải của thành phố tới bãi xử lý chất thải tập trung.

- + Chất thải rắn y tế: Tổ chức quản lý, thu gom, phân loại, xử lý chất thải phát sinh trong các cơ sở y tế theo quy định. Chất thải rắn y tế được vận chuyển theo xe thu gom riêng tới lò đốt tập trung cho hệ thống bệnh viện hoặc vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại. Chất thải y tế nguy hại không xử lý được tại điểm xử lý chất thải của các cơ sở y tế, chất thải nguy hại nông nghiệp được vận chuyển về xử lý tập trung. Các chất có thể tái chế, tái sử dụng sẽ được khử khuẩn ban đầu bằng sục rửa hóa chất hoặc hơi nóng; Các chất thải nguy hại sau khi được thu gom, vận chuyển theo đúng quy trình, sẽ được chuyển về lò đốt tập trung sử dụng công nghệ hiện tại khu xử lý rác núi Chà Bang huyện Thuận Nam (Khu xử lý rác phía Nam); CTR thông thường sẽ được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh tại các BCL của địa phương.
- Quy hoạch nghĩa trang:
 - + Quy hoạch nghĩa trang Núi Ông Ngài - xã Bắc Phong có diện tích 19 ha đáp ứng quy mô phát triển bao gồm cả khu đô thị Lợi Hải. Các xã có quy hoạch nghĩa trang tập trung của xã bao gồm xã Phước Chiến, Phước Kháng.
 - + Duy trì các nghĩa trang hiện trạng, đóng cửa hoặc di dời với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu về môi trường.

V. CẤP ĐIỆN:



Hình 40 – Sơ đồ định hướng cấp năng lượng huyện Thuận Bắc

5.1. Cơ sở lập quy hoạch:

- Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/04/2024 của Thủ tướng chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Và một số tài liệu khác.

5.2. Phụ tải điện:

- Phụ tải điện trong vùng bao gồm hai thành phần chính: sinh hoạt dân dụng (đô thị, nông thôn, công trình công cộng) và công nghiệp. Tiêu chuẩn tính được lấy theo Quyết định 677/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bảng 31 – Bảng chỉ tiêu điện sinh hoạt đô thị

TT	Chỉ tiêu	Đô thị loại IV-V
1	Điện năng (KWh/người.năm)	1000
2	Số giờ sử dụng công suất lớn nhất (h/năm)	3000
3	Phụ tải (W/người)	330

Bảng 32 – Bảng chỉ tiêu điện sinh hoạt nông thôn

TT	Chỉ tiêu	Đô thị loại IV-V
1	Điện năng (KWh/người.năm)	400
2	Số giờ sử dụng công suất lớn nhất (h/năm)	2000
3	Phụ tải (W/người)	200

Bảng 33 – Bảng chỉ tiêu điện công trình công cộng

TT	Chỉ tiêu	Đô thị loại IV - V
1	Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	30

- Tiêu chuẩn cấp điện cho phụ tải công nghiệp từ 160 ~ 350kW/ha, bình quân 250kW/ha.

Bảng 34 – Bảng tổng hợp phụ tải điện toàn huyện như sau

TT	Hạng mục	Quy mô (người)	Quy mô (ha)	Chỉ tiêu (w/người) (kw/ha)	Đơn vị	Giai đoạn
		Đến năm 2030				Đến năm 2030
1	Đất dân dụng				MW	
	Đô thị	18.000		330		5,94
	Nông thôn	37.000		200		7,4
	Công trình công cộng			30	%	4
2	Đất công nghiệp		456	250	MW	114
3	Điện năng dân dụng				triệu kWh/năm	43,35
4	Điện năng công nghiệp				triệu kWh/năm	456
5	Hệ số sử dụng dự kiến					0,8
6	Mức tổn hao và dự phòng				%	20
7	Tổng công suất điện yêu cầu				MW	126

8	Tổng điện năng yêu cầu				triệu kWh/năm	479
---	------------------------	--	--	--	---------------	-----

5.3. Nguồn điện và hạ tầng lưới điện:

5.3.1. Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện cho huyện Thuận Bắc hiện hữu là Trạm 110kV Ninh Hải 2x25MVA và đến năm 2030 có Trạm 110kV Du Long 2x40MVA; Trạm 110kV Thuận Bắc 2x25MVA và Trạm 110kV Bình Tiên 2x25MVA.
- Các nguồn điện đang vận hành trên địa bàn huyện Thuận Bắc:
 - + Nhà máy điện mặt trời Trung Nam – 204 MW;
 - + Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện-Thuận Bắc giai đoạn 1, công suất 125MW;
 - + Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện-Thuận Bắc giai đoạn 2, công suất 75MW;
 - + Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.4, công suất 80MW;
 - + Nhà máy điện gió Trung Nam, công suất 151,95MW;
 - + Nhà máy điện gió Lợi Hải 2 29,7MW;
 - + Nhà máy điện gió Hanbaram, công suất 57,6MW;
 - + Nhà máy điện gió Đầm Nại, công suất 5,25MW;
- Các nguồn điện dự kiến đưa vào vận hành đến 2030:
 - + Dự án nhà máy điện gió Công Hải 1 giai đoạn 1, công suất 3MW;
 - + Dự án nhà máy điện gió Công Hải 1 giai đoạn 2, công suất 25MW;
 - + Dự án nhà máy điện gió Đầm Nại 3, công suất 35MW;
 - + Dự án nhà máy điện gió Đầm Nại 4, công suất 27,6MW;
 - + Và các dự án nguồn điện tiềm năng khác khi Quy hoạch phát triển lực Quốc gia điều chỉnh phân bổ cho tỉnh trong thời gian đến trong đó có huyện Thuận Bắc (điện gió, điện mặt trời tự sản, tự tiêu...).
- Các nhà máy điện dự kiến:
 - + Nhà máy thủy điện Tân Mỹ 2 14MW, đặt tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
 - + Nhà máy thủy điện Tân Mỹ 10MW, đặt tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
 - + Nhà máy thủy điện hạ Sông Pha 7,5MW, đặt tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

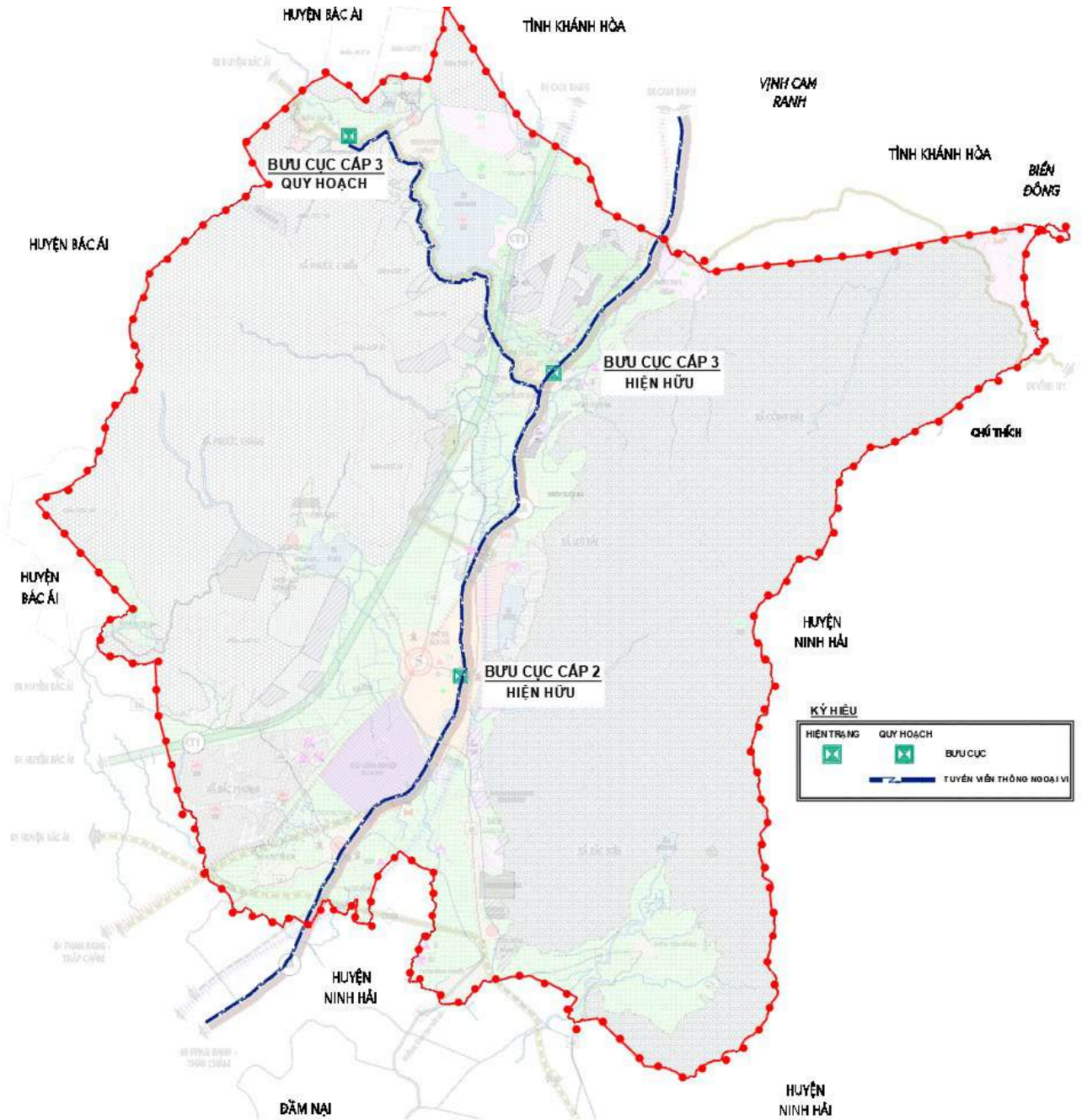
5.3.2. Hạ tầng lưới điện:

- Lưới 220KV:
 - + Hiện hữu có trạm 220/110kV Tháp Chàm , công suất 2x250MVA. Từ trạm này sẽ có các tuyến 220kV đi Đa Nhim, Cam Ranh.
 - + Các tuyến 220kV dự kiến đi ngang qua địa bàn Huyện:
 - o Trạm 220kV Tháp Chàm – Cam Ranh.
 - o Tuyến 220kV đấu nối từ đường dây Đa Nhim – Nha Trang đến trạm 220/110kV Tháp Chàm.
- Lưới 110KV:
 - + Hiện hữu có trạm 110/22kV Ninh Hải, công suất 2x25MVA. Dài hạn quy hoạch thêm trạm 110/22kV KCN Du Long, công suất 2x40MVA và trạm 110/22kV Thuận Bắc, công suất 2x25MVA. Cải tạo nâng cấp tiết điện đường dây 110kV Đa

- Nhim – Trạm 220kV Tháp Chàm. Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV - Trạm 220kV Tháp Chàm – Ninh Hải.
- + Các tuyến 110kV hiện hữu đi ngang qua địa bàn Huyện:
 - o Tuyến 110kV Tháp Chàm – Cam Ranh.
 - o Tuyến 110kV Tháp Chàm – Tuyến 110kV Ninh Hải – Cam Ranh.
- Tuyến trung thế:
 - + Các tuyến trung thế hiện hữu cấp điện cho huyện Thuận Bắc:
 - o Tuyến 575 Đô Vinh – Xuân Hải – Lợi Hải – Phước Kháng , từ trạm 110kV Tháp Chàm, dùng dây AC185.
 - o Tuyến 476 Đô Vinh – Nhơn Sơn – Mỹ Sơn – Phước Trung , từ trạm 110kV Tháp Chàm, dùng dây AC185.
 - + Dự kiến cải tạo và nâng khả năng truyền tải của các tuyến điện hiện hữu, đồng thời phát triển các tuyến trung thế mới đáp ứng yêu cầu quy hoạch xây dựng trong Huyện.
 - + Yêu cầu kỹ thuật cho các tuyến trung thế:
 - o Điện áp chuẩn: 22kV, 3 pha.
 - o Đối với trung tâm các đô thị sử dụng mạch vòng vận hành hở.
 - o Các tuyến trục từ trạm 110kV ra có chiều dài 15 – 30km, các nhánh chính dài 10 – 20km.
 - o Đường dây nổi sử dụng dây nhôm lõi thép (AC) bọc nhựa.
 - o Tuyến cáp ngầm dùng cáp XLPE 24kV.
 - o Thực hiện các phương thức bù vô công trên lưới để hệ số công suất đạt 0,92 – 0,95.
 - o Đa phần các tuyến trung thế là 3 pha. Các tuyến 1 pha chỉ được xây dựng cung cấp điện ánh sáng sinh hoạt cho các cụm dân cư rải rác ở nông thôn hay một số ít phụ tải 1 pha.
 - o Sử dụng đường dây hỗn hợp trung hạ thế để giảm vốn đầu tư.
 - o Riêng khu vực trung tâm đô thị Lợi Hải, nếu điều kiện kinh tế cho phép thì nên dùng phương thức cáp ngầm.
- Trạm hạ thế:
 - + Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.
 - + Trong trung tâm các đô thị, các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trong nhà, có dung lượng lớn từ 250kVA trở lên.
 - + Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ, đặt trên trụ.
- Lưới hạ thế:
 - + Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.
 - + Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1kV ruột đồng cho cáp ngầm.
 - + Bán kính cấp điện của trạm hạ thế không lớn hơn 700 mét ở nông thôn và 300 mét ở các khu dân cư tập trung.
- Lưới điện chiếu sáng:

- + Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.
- + Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1KV ruột đồng hoặc cáp Cu/PVC luồn trong ống PVC chôn trong đất cho các tuyến điện ngầm.
- + Đèn chiếu sáng là loại đèn Led, tiết kiệm điện năng tiêu thụ nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu về chiếu sáng. Độ rọi, độ chói theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam_ thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị QCVN 07-7:2016/BXD.

VI. HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG:



Hình 41 – Sơ đồ định hướng hạ tầng viễn thông thụ động huyện Thuận Bắc

6.1. Chỉ tiêu thiết kế

Việc thiết kế hệ thống thông tin tỉnh Ninh Thuận tuân theo những tiêu chí sau:

- Đảm bảo độ tin cậy: Dịch vụ viễn thông trong thành phố được đảm bảo chất lượng, đáp ứng dịch vụ trong mọi hoàn cảnh.
- Đảm bảo khả năng mở rộng: Dễ dàng mở rộng đáp ứng nhu cầu theo sự phát triển của huyện.
- Đảm bảo công năng đầy đủ: Có khả năng bổ sung dịch vụ mạng đáp ứng yêu cầu của huyện.

- Có khả năng thích ứng với các yêu cầu tương lai: Dễ dàng nâng cấp công nghệ mới, theo kịp với sự phát triển chung của toàn quốc.
- Đảm bảo tính tương hợp với hạ tầng mạng đã có: Đảm bảo phối hợp hoạt động với hạ tầng mạng hiện có trong khu vực.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế: Đảm bảo thoả mãn tiêu chuẩn kết nối, lắp đặt và khai thác bảo dưỡng của quốc gia và quốc tế.
- Đạt được các mục tiêu theo Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư :
 - + Đến năm 2025: Internet băng thông rộng phủ 100% các xã, phát triển kinh tế số.
 - + Đến năm 2030: Mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Phát triển mạnh kinh tế số. Kết nối với đô thị thông minh TP. Phan Rang – Tháp Chàm.

6.2. Các dịch vụ thông tin viễn thông

- Các dịch vụ viễn thông được triển khai hiện nay chủ yếu là dịch vụ cơ bản gồm:
 - + Thoại truyền thống và Fax (POST).
 - + Điện thoại di động (GSM và CDMA).
 - + Truy nhập Internet (XDSL).
 - + Mạng số liệu.

6.3. Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Viễn thông tỉnh Ninh Thuận sẽ phát triển theo xu hướng sau:
- Hình thành lõi mạng chuyển mạch quang tốc độ cao.
- Hội tụ thuê bao di động, cố định và truyền hình.
- Tốc độ truy nhập lớn để đáp ứng yêu cầu băng thông các dịch vụ giải trí và truyền hình.
- Phương thức truy nhập: Truy nhập quang và vô tuyến.
- Cấu trúc mạng: Phát triển theo mạng thể hệ tích hợp đa dịch vụ công nghệ IP.
- Công nghệ triển khai cho mạng khu vực sẽ dựa trên công nghệ mới, hạ tầng truyền tải quang (IP/WDM) và khai thác dịch vụ từ VINASAT 1.
- Các loại hình dịch vụ sẽ được triển khai:
 - + VoIP.
 - + Truy nhập Internet băng thông rộng (xDSL), FTTx.
 - + Truyền dữ liệu tốc độ cao.
 - + Mạng WiFi không dây phủ sóng trên diện rộng.
 - + Điện thoại di động 3G, 4G, 5G, 6G.
- Hệ thống cống bể, cáp bảo đảm ngầm hóa tối thiểu 50% mạng ngoại vi trước năm 2030.
- Hầu hết khu trung tâm; các đường phố lớn; các khu đô thị mới toàn bộ mạng cáp được ngầm hóa; chỉ treo cáp tại các đoạn đường nhánh và đoạn phân phối vào nhà thuê bao.

6.4. Dự báo nhu cầu:

- Chỉ tiêu thuê bao di động:
 - + Giai đoạn đến năm 2030: 120 thuê bao/100 dân.

- + Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050. Giai đoạn này nhu cầu về mạng tăng cao, đạt 130 thuê bao/100 dân.
- Chỉ tiêu thuê bao cố định: 10 thuê bao/100 dân
- Chỉ tiêu thuê bao internet:
 - + Giai đoạn đến năm 2030: 1,2 thuê bao/hộ dân.
 - + Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050: 1,5 thuê bao/hộ dân.

Bảng 35 – Bảng dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, di động, internet

Giai đoạn đến 2030			
Dân số (Người)	Thuê bao di động	Điện thoại cố định	Internet
55.000	66.000	5.500	16.500

6.5. Định hướng phát triển hệ thống thông tin - liên lạc:

6.5.1. Định hướng phát triển hệ thống:

- Xu hướng phát triển Viễn thông của huyện phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh Ninh Thuận và của cả nước.
- Về công nghệ: công nghệ viễn thông đang phát triển theo tiến bộ mới, cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về mạng thế hệ sau.
- Chuyển mạch quang sẽ được sử dụng rộng rãi đến tận thuê bao.

6.5.2. Hệ thống chuyển mạch : (Hệ thống tổng đài điều khiển và tổng đài vệ tinh)

- Phân bố căn cứ kết quả dự báo nhu cầu và một số nguyên tắc khác như: Địa hình khu vực; Mật độ thuê bao trong khu vực; Hướng tuyến thuận lợi phát triển mạng trong khu vực.
- Giai đoạn đến 2030: Nâng cấp củng cố hệ thống Cáp quang đến tất cả các trung tâm các xã, thôn hiện có.
- Giai đoạn 2030 – 2050:
 - + Phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ.
 - + Xây dựng, phát triển mạng truyền dẫn cáp quang đến từng thuê bao.
 - + Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: tuyến truyền dẫn nội tỉnh 40Gbps, tuyến vòng Ring chính 100Gbps.
 - + Đến năm 2050, xây dựng tuyến cáp quang đến 100% các hộ dân thuê bao; đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng các dịch vụ của người dân.

6.5.3. Hệ thống truyền dẫn:

- Chủ yếu do Tổng công ty Viễn thông Việt Nam-VNPT, Công ty Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty viễn thông điện lực (EVN) đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng, các doanh nghiệp khác thuê lại đường truyền hoặc trao đổi hạ tầng mạng.

- Mạng truyền dẫn hiện tại đã phát triển đến cấp xã, thôn chủ yếu sử dụng các điểm rẽ trên RING nội tỉnh và các tuyến quang nhánh. Trên địa bàn tỉnh và huyện mạng cáp quang đã được xây dựng đến hầu hết các xã, đảm bảo nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

6.5.4. Hệ thống mạng ngoại vi:

- Cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi về cơ bản bao gồm: Hệ thống công bể cáp; Hệ thống cột treo cáp; Hệ thống cáp đồng, cáp quang; Hệ thống tủ, hộp cáp.
- Xu hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi là xu hướng tất yếu để đảm bảo tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Sử dụng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp trong ngành: các doanh nghiệp viễn thông cùng đầu tư xây dựng hạ tầng hệ thống công bể, cột treo cáp; hào, tuynen. Quá trình thực hiện ngầm hóa triển khai đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, đô thị, xây dựng, cấp điện, cấp nước...)
- Sử dụng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp ngoài ngành: xu hướng này trong giai đoạn tới sẽ phát triển mạnh nhằm xây dựng phát triển hạ tầng mạng ngoại vi đồng bộ với quá trình phát triển hạ tầng kinh tế xã hội. Kết hợp xây dựng, sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm với các ngành: điện lực, cấp thoát nước, truyền hình cáp...
- Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (buộc gọn hệ thống dây cáp...) đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng cáp ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng...) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng cáp ngoại vi tới thuê bao, cụm thuê bao.
- Tại những khu vực mạng cáp ngoại vi đã được xây dựng từ trước: thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi đến hệ thống tủ cáp trên các tuyến đường, tuyến phố, khu dân cư (ngầm hóa tới thuê bao tại các khu vực trung tâm, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan), cải tạo hệ thống mạng cáp ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị. Lập kế hoạch ngầm hóa, cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn cụ thể và công bố công khai, làm cơ sở cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện đồng bộ với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành khác.
- Khu vực nông thôn: cải tạo mạng cáp ngoại vi, rút ngắn cự ly cáp phục vụ, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên các tuyến truyền dẫn chính, tuyến đường trục, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan. Lập kế hoạch ngầm hóa, cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi trong từng giai đoạn cụ thể và công bố công khai, làm cơ sở cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện.
- Tại một số khu vực đã thực hiện ngầm hóa, các doanh nghiệp muốn tham gia cung cấp dịch vụ; phối hợp, đàm phán với doanh nghiệp đã thực hiện ngầm hóa để thuê hạ tầng.

6.5.5. Mạng di động:

- Thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, khắc phục các điểm lốm sóng bằng cách tăng thêm các vị trí phát sóng, tăng máy thu phát tại các trạm đã lắp đặt để nâng cao chất lượng phục vụ mạng.

- Phát triển hệ thống cột ăng ten thu phát sóng ngụy trang có quy mô, kích thước nhỏ gọn, thân thiện môi trường, sử dụng vật tư, trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí đầu tư. Chủ chương dùng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: tăng băng thông cho mỗi thuê bao qua việc triển khai các ăng-ten cỡ nhỏ khắp mọi nơi.
- Phát triển hệ thống ăng ten cột thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăng ten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau để tiết kiệm chi phí.

6.6. Công nghệ thông tin (CNTT):

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử.
- Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks - NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 3G/4G đặc biệt xu hướng mạng 5G được khuyến khích và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

6.7. Hệ thống bưu chính:

- Về cơ bản, mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay. Gồm 01 bưu điện đặt tại thị trấn Khánh Hải. Các bưu cục cấp và mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã, thị trấn.
- Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý đa dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư đô thị và các tại vùng nông thôn.

PHẦN F. KINH TẾ XÂY DỰNG

I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH:

1.1. Giải pháp quản lý phát triển vùng:

1.1.1. Giải pháp về cơ chế ưu đãi khuyến khích:

- Đẩy mạnh thu hút phát triển công nghiệp chế biến sản xuất, công nghiệp năng lượng và du lịch nhằm xây dựng các cơ chế ưu đãi khuyến khích để phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật, hỗ trợ thúc đẩy các nguồn lực về đầu tư giao thông, đặc biệt tại khu vực đô thị Lợi Hải, các công trình hạ tầng xã hội. Nhằm phát huy nội lực, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài.
- Ưu đãi đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở tái định cư. Đồng thời hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tăng cường năng lực dịch vụ công ích đô thị.

1.1.2. Lập kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch vùng huyện:

- Đánh giá tình hình hiện tại, nắm rõ và xác định thế mạnh của huyện Thuận Bắc. Phối hợp với các sở ban ngành của Tỉnh, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ ban ngành Trung ương.
- Xác định rõ các chỉ tiêu và định hướng đã được đề cập ở Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc. Đồng thời tích hợp và đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch Quốc gia và Quy hoạch tỉnh.
- Theo dõi và đánh giá, công bố quy hoạch vùng huyện.
- Xác định nguồn lực, các giải pháp huy động vốn và chương trình dự án ưu tiên đầu tư.
- Lập kế hoạch thực hiện và triển khai hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đặc biệt ưu tiên các hạ tầng kỹ thuật mang tính trọng điểm của tỉnh.
- Các chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư. Các hoạt động đầu tư cần có sự thống nhất, tuân thủ các vùng chức năng đã được xác lập trong quy hoạch vùng huyện.

1.1.3. Giải pháp về quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện:

- Tăng cường quản lý của tỉnh và huyện về quy hoạch xây dựng vùng huyện, nâng cao trách nhiệm kiểm soát của chính quyền, đoàn thể và sự tham gia của cộng đồng đối với công tác quản lý và thực hiện theo quy hoạch, tránh tình trạng phát triển tự phát.
- Sau khi Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, UBND huyện Thuận Bắc cần tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong các tổ chức chính trị, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhân dân khi triển khai thực hiện.
- Chủ trì, phối hợp với Sở, ban ngành liên quan của tỉnh để đảm bảo sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch xây dựng vùng huyện, đồng thời nghiên cứu xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực đồng bộ và phù hợp; lựa chọn các chương trình dự án ưu tiên để đưa vào kế hoạch phát triển 05 năm và hằng năm, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện quy hoạch.

- Lập quy chế quản lý vùng để quản lý phát triển theo nội dung quy hoạch vùng, trong đó xác lập những yêu cầu về quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật để quản lý các quy hoạch xây dựng đô thị, dự án đầu tư xây dựng.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện, nhằm đảm bảo quy hoạch được thực hiện đúng quy định, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, người dân và doanh nghiệp trong việc giám sát thực hiện quy hoạch. Cần xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quy hoạch.
- Rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng và tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng trên phạm vi toàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

1.1.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.
- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.
- Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 5 năm và hằng năm. Các cấp, các ngành và UBND cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

1.2. Giải pháp quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên theo hướng phát triển bền vững:

1.2.1. Giải pháp quản lý tổng hợp về khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

- Tăng cường quản lý về sử dụng nguồn nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước (nước mặt, nước dưới đất).
- Tăng cường quản lý khai thác khoáng sản, nguồn lợi biển, quản lý việc lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu trong quá trình hoạch định và quản lý chính sách ở tất cả các xã, ngành một cách hợp lý và đảm bảo phát triển bền vững.

1.2.2. Giải pháp về bảo tồn và phát huy giá trị đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Núi Chúa:

- Huyện Thuận Bắc cần tiếp tục tuyên truyền về tầm quan trọng của khu dự trữ sinh quyển, tạo sự đồng thuận và hỗ trợ tích cực từ cộng đồng dân cư.
- Nâng cao năng lực quản lý của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển và hợp tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm giữ gìn Vườn quốc gia Núi Chúa.
- Hợp tác quốc tế với các khu dự trữ sinh quyển trên thế giới để chia sẻ kinh nghiệm quản lý và giữ gìn Vườn quốc gia Núi Chúa.
- Tăng cường phối hợp với tổ chức nghiên cứu khoa học để điều tra và bổ sung danh mục loài thực vật và động vật.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống vườn thực vật, vườn ươm, khu vực cứu hộ sinh vật biển để bảo tồn nguồn gen quý hiếm và đặc hữu.

- Triển khai chương trình giao khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ đào tạo nghề để giảm tác động đến tài nguyên rừng và biển.
- Xây dựng giải pháp để đối phó với khô hạn kéo dài và đảm bảo đủ nước canh tác để hạn chế xâm phạm tài nguyên rừng.
- Huy động nguồn lực đầu tư nghiên cứu, bảo tồn đa dạng sinh học thông qua hoạt động du lịch để thu hút du khách và tạo nguồn thu nội lực phục vụ công tác bảo tồn.
- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái như du lịch biển, du lịch rừng, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và tham quan, nghỉ dưỡng.
- Đảm bảo phát triển bền vững tuân theo nguyên tắc không làm thay đổi cảnh quan và không gây tác động xấu đến tài nguyên động, thực vật hoặc đa dạng sinh học, đồng thời ngăn chặn ô nhiễm môi trường.
- Chú trọng tuyên truyền và đào tạo về du lịch sinh thái để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân viên, khách du lịch và cộng đồng địa phương.

1.3. Giải pháp về xây dựng kinh tế - xã hội:

1.3.1. Giải pháp phát triển kinh tế:

- Bám sát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2030, xây dựng nông thôn mới và quy hoạch ngành, vùng sản xuất, khu dân cư, khu đô thị.
- Nâng cao chất lượng quy hoạch và tăng cường công tác quản lý quy hoạch, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực tài nguyên đất đai.
- Khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư, sự hỗ trợ của Trung ương, Tỉnh vào phát triển các ngành quan trọng và có lợi thế.
- Chủ động xúc tiến kêu gọi đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính.
- Thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược.
- Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Mở rộng thị trường và đầu tư cho phát triển sản xuất, huy động và quản lý tốt các nguồn vốn đầu tư.
- Bám sát danh mục dự án kêu gọi vận động đầu tư của tỉnh, đầu tư vào các dự án có quy mô lớn thuộc năng lượng, du lịch, công nghiệp, cảng biển, khu đô thị, giáo dục, y tế.
- Chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh trong công tác xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thoáng đãng, cải cách thủ tục hành chính.

1.3.2. Về Nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn:

- Giải pháp chung:
 - + Đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp với sản xuất hàng hoá, sử dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.
 - + Nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, và phát triển bền vững để ứng phó với biến đổi khí hậu.
 - + Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp hiện đại, tăng chất lượng và giá trị gia tăng, liên kết với xây dựng nông thôn mới và chính sách an sinh xã hội.

- + Chuyên dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tập trung vào lợi thế của từng vùng và địa phương, đặc biệt là cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao và cạnh tranh trên thị trường.
 - + Tăng tỷ trọng chăn nuôi là ngành sản xuất chính, phát triển nhanh giá trị nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ nông nghiệp.
 - + Xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh và chăn nuôi tập trung, áp dụng an toàn sinh học để tăng giá trị sản xuất trên diện tích đất sản xuất.
 - + Xây dựng 02 khu vực hỗ trợ kinh tế nông thôn để phục vụ các phân vùng phát triển kinh tế và đẩy mạnh lợi thế vốn có của từng địa bàn.
 - Đối với ngành vực trồng trọt:
 - + Đầu tư vào giống cây, canh tác tiết kiệm nước và cơ giới hóa.
 - + Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao.
 - + Áp dụng tiêu chuẩn VietGap để nâng cao giá trị sản xuất.
 - + Áp dụng nông nghiệp công nghệ cao để đẩy mạnh sản phẩm rau công nghệ cao Lợi Hải.
 - + Duy trì diện tích canh tác lúa, phát triển cây trồng đặc thù, xây dựng thương hiệu.
 - Đối với ngành chăn nuôi:
 - + Phát triển chăn nuôi toàn diện.
 - + Chuyển đổi chăn nuôi thành ngành chính, phát triển theo hình thức công nghiệp.
 - + Phát triển thương hiệu Heo đen và gà Thuận Bắc.
 - + Đầu tư vào chăn nuôi bò 3B và chăn nuôi heo công nghệ cao.
 - Đối với ngành thủy sản:
 - + Phát triển hợp lý, bền vững, liên kết với phát triển du lịch.
 - + Duy trì nuôi tôm hùm lồng và phát triển nghề nuôi cá nước ngọt.
 - Đối với ngành lâm nghiệp:
 - + Quản lý, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng.
 - + Trồng rừng sản xuất và rừng thay thế để đảm bảo độ che phủ rừng.
 - + Mở rộng mô hình cây điều ghép để phát triển kinh tế rừng.
- 1.3.3. Về Công nghiệp:**
- Về Công nghiệp sản xuất:
 - + Đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ tại Khu công nghiệp Du Long và Cụm công nghiệp Lợi Hải 1 và Lợi Hải 2.
 - + Xác định công nghiệp chế biến là lợi thế và đẩy mạnh phát triển dựa trên lợi thế vốn có về nguồn nguyên liệu của huyện.
 - + Mở rộng quy mô sản xuất công nghiệp hiện có, tập trung vào các ngành có giá trị gia tăng lớn, thân thiện môi trường.
 - + Phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp, kết hợp với du lịch và thương mại.
 - + Khuyến khích ngành công nghiệp hỗ trợ, logistics...
 - Về Công nghiệp năng lượng sạch:
 - + Xác định công nghiệp năng lượng là lĩnh vực mũi nhọn. Đẩy mạnh thế mạnh về năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

- + Tiếp tục rà soát các khu vực có khả năng phát triển ngành năng lượng để kêu gọi đầu tư.
- + Khuyến khích phát triển các dự án năng lượng tái tạo quy mô nhỏ dưới 1MW.

1.3.4. Về các ngành dịch vụ:

- Về Dịch vụ và thương mại:
 - + Phát triển các dịch vụ công cộng và sản xuất như công nghệ thông tin, khách sạn, nhà hàng, vận tải, giáo dục, y tế.
 - + Xây dựng hệ thống thương mại kết nối và thúc đẩy các mặt hàng thiết yếu.
 - + Khuyến khích phát triển kinh doanh siêu thị hiện đại, văn minh.
 - + Tăng cường đầu tư hạ tầng thương mại và cải tạo chợ nông thôn.
 - + Khuyến khích đầu tư vào ngành thương mại và dịch vụ.
 - + Thúc đẩy cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".
- Về Du lịch:
 - + Khai thác lợi thế du lịch biển, kết hợp với du lịch sinh thái, văn hóa, làng nghề và di sản văn hóa. Ưu tiên loại hình du lịch khám phá, văn hóa, cộng đồng sinh thái, nghỉ dưỡng.
 - + Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù của Thuận Bắc.
 - + Quảng bá và đầu tư vào các dự án du lịch quy mô lớn, có đẳng cấp, tạo năng lực mới ở các điểm du lịch trọng điểm.

1.3.5. Giải pháp về Văn hóa xã hội:

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa để phát triển và gìn giữ bản sắc văn hóa vùng miền.
- Phát triển con người mới, đẩy mạnh văn hóa và văn nghệ theo định hướng của Đảng.
- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, tạo môi trường thân thiện với tự nhiên và sản phẩm sạch, an toàn.
- Triển khai đồng bộ giải pháp phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt là đào tạo nguồn lao động có tay nghề phục vụ các dự án lớn.
- Triển khai chính sách an sinh xã hội một cách đầy đủ và kịp thời.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn.
- Đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với hướng "Nhà nước và nhân dân cùng làm".
- Quản lý và sử dụng nguồn lực đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, tập trung vào miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
- Đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" để huy động nguồn lực xã hội hóa và nâng cao mức sống gia đình người có công cách mạng.
- Về giáo dục và đào tạo:
 - + Tăng cường hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo theo từng khu vực, phù hợp với quy mô và đáp ứng yêu cầu phát triển của từng địa phương.
 - + Hoàn thành các hạng mục quan trọng như giáo dục toàn diện, giáo dục mầm non và tiểu học tiến tới phổ cập trung học phổ thông, xã hội hóa giáo dục, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực và đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Về y tế và chăm sóc sức khỏe:
 - + Hoàn thiện và nâng cấp các cơ sở y tế chăm sóc sức khỏe, đảm bảo đáp ứng đủ tiêu chuẩn về cơ sở khám chữa bệnh cho nhân dân, phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương và đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.
 - + Chú trọng chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; phòng chống dịch bệnh và tăng cường y tế dự phòng; phát triển mạng lưới khám và chữa bệnh hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ; tăng cường bảo hiểm y tế và xã hội hóa hoạt động y tế.
- Về Văn hóa – thể dục thể thao:
 - + Đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục cơ sở hạ tầng còn thiếu trên địa bàn các xã và huyện. Đảm bảo phù hợp quy mô và yêu cầu phát triển của địa phương.
 - + Đồng bộ và kết nối hệ thống công trình văn hóa thể dục thể thao liên xã. Nhằm phát huy tối đa văn hóa truyền thống của địa phương, bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc.
 - + Tại khu vực đô thị Lợi Hải: xây dựng trung tâm văn hóa thể thao, sân vận động, thư viện, nhà truyền thống, trạm phát thanh truyền hình và khu vui chơi giải trí.
 - + Tại các thị xã, cần xây dựng các trung tâm văn hóa thể thao và thư viện, đồng thời tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử như Di tích Ba Tháp, đình Hiệp Kiệt, chùa Đức Sơn. Nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa thể thao cấp xã như: nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện, đài phát thanh, sân thể thao...

1.4. Giải pháp phát triển đô thị và nông thôn:

1.4.1. Đối với đô thị Lợi Hải:

- Xác định phát triển đô thị Lợi Hải với vai trò là trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh, là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, điện năng lượng tái tạo của tỉnh.
- Phát triển công nghiệp tập trung; công nghiệp điện năng; dịch vụ thương mại, làng nghề và các loại hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao. Xây dựng kết nối với phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, gìn giữ khu vực có giá trị cảnh quan.
- Hình thành trung tâm đô thị xây dựng tập trung, tiết kiệm đất đai và đầu tư hạ tầng, kiểm soát hạn chế xâm lấn các vùng nông nghiệp, các vùng có cảnh quan quan trọng như Vườn quốc gia Núi Chúa. Đồng thời hài hòa với khu vực làng xã đô thị hóa, có các giải pháp chính sách phát triển đa dạng nhà ở, hạ tầng đô thị, tạo việc làm và giải quyết tái định cư.
- Ưu tiên nguồn vốn và ngân sách cho phát triển hệ thống giao thông liên kết đô thị Lợi Hải với các khu vực trung tâm xã và trung tâm cụm xã trên địa bàn toàn huyện và vùng lân cận nhằm phát huy hiệu quả cung cấp dịch vụ đô thị về thương mại tài chính, tín dụng, đào tạo, y tế, giáo dục văn hóa đến các khu vực nông thôn đồng thời là thị trường của khu vực kinh tế nông thôn.
- Thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà ở đô thị và một số cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị. Khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động hoặc tham gia vào thị trường bất động sản thông qua cơ chế đấu giá đất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu vực đô thị.

1.4.2. Đối với các điểm dân cư nông thôn:

- Các xã phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới và chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Xác lập các xã trung tâm là các trung tâm về hỗ trợ sản xuất, dịch vụ thương mại, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.
- Khu dân cư nông thôn được phân bố tập trung với mật độ thấp và trung bình, kiểm soát phát triển dần trải bám theo các tuyến đường giao thông đối ngoại, phát triển hoàn chỉnh các cấu trúc đô thị, nông thôn.
- Các điểm dân cư nông thôn cần được kiểm soát trong quá trình đô thị hóa, phát triển trên cơ sở bảo toàn các khu vực nông nghiệp và lâm nghiệp, các vùng cảnh quan có giá trị. Bảo vệ các làng nghề nông thôn và khai thác du lịch cộng đồng.
- Áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã trung tâm, xây dựng đây trở thành trung tâm đổi mới, khởi nghiệp sáng tạo gắn với phát triển nông nghiệp, ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình về Nông thôn mới, các đề án đặc thù trong xây dựng Nông thôn mới.

1.5. Giải pháp đối với các lĩnh vực quan trọng:

1.5.1. Giải pháp phát triển và cung ứng nguồn nhân lực:

- Triển khai nhiệm vụ đào tạo cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp, phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng đa ngành để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chất lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý Nhà nước, kỹ năng cho cán bộ, công chức quản lý, đặc biệt là trong ngành du lịch và công nghiệp.
- Ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, liên kết chặt chẽ với khoa học và công nghệ để tái cấu trúc nền kinh tế và tăng cường sức cạnh tranh. Đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu và mũi nhọn cần thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao. Phát triển kinh tế tri thức bằng việc chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực.
- Nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo phương án quy hoạch, tạo đột phá quy mô đào tạo. Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động, triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng.
- Dự báo nhu cầu thị trường lao động, định hình đào tạo theo hướng phát triển thị trường lao động trong tương lai.
- Nâng cao thể lực và tầm vóc của người dân, đảm bảo nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển đào tạo nghề và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.5.2. Giải pháp nâng cao trình độ khoa học công nghệ:

- Xác định Khoa học công nghệ là chìa khoá quan trọng cho tiến trình Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa ở huyện Thuận Bắc.
- Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy; nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.
- Nâng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ. Phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp vào phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt; quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử,...
- Hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu thông qua việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số (trước mắt tập trung vào việc giải quyết các TTHC trực tuyến), xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt (trước mắt triển khai trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, nộp thuế); quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử, ứng dụng trong công tác quản lý nhà nước, xây dựng thành phố thông minh.
- Có sự chuẩn bị tốt nhất cho thích ứng xu hướng phát triển này bằng việc nâng cao nhận thức về phát triển nền kinh tế số. Các doanh nghiệp cần tích cực chuẩn bị để nắm bắt cơ hội, cũng như bảo đảm tính cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số toàn cầu; đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực khi tham gia vào nền kinh tế số. Xây dựng chiến lược về chuyển đổi số, kinh tế số của tỉnh, khuyến khích cái mới, tạo môi trường, điều kiện và cơ hội cho cái mới ra đời và phát triển.
- Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới; tập trung vào thúc đẩy đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học, ngoại ngữ, tin học; xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo lại kiến thức nghề nghiệp;... thông qua nghiên cứu thay đổi nội dung, phương pháp đào tạo. Có chính sách kết nối với cộng đồng khoa học công nghệ trong nước với nước ngoài, đặc biệt với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.
- Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng số, trong đó nhanh chóng phát triển dịch vụ internet di động 5G, đầu tư mở rộng mạng lưới cáp quang tốc độ cao và tăng băng thông internet quốc tế; chú trọng công tác bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh chính trị, an ninh văn hóa và an ninh quốc gia nói chung qua không gian mạng.

- Tập trung phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số Việt Nam đa dạng, hấp dẫn.

1.5.3. Giải pháp mở rộng thị trường:

- Tăng cường hợp tác kinh tế, đầu tư, và thương mại, mở rộng cả thị trường trong và ngoài nước.
- Phòng Công thương đảm nhận công tác thông tin kinh tế và nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách thị trường.
- Xây dựng trung tâm thương mại huyện và phát triển hệ thống chợ xã để thúc đẩy phát triển thị trường.
- Khuyến khích đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, thương mại, cung ứng vật tư, phân bón, nguyên liệu, máy móc.
- Tăng cường thông tin kinh tế và thị trường để người sản xuất có kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hiệu quả.
- Hệ thống thương nghiệp gắn kết chặt chẽ với người sản xuất, tạo hệ thống đại lý cung ứng và tiêu thụ sản phẩm.
- Tham gia các hội chợ, triển lãm, và sử dụng Internet để quảng bá sản phẩm thủ công mỹ nghệ và sản phẩm làng nghề.
- Gắn kết sản xuất làng nghề với hoạt động du lịch để mở rộng thị trường.

1.5.4. Giải pháp về quốc phòng – an ninh:

- Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết, Chỉ thị, kế hoạch, Chương trình hành động của Tỉnh về công tác nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.
- Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chông chéo ảnh hưởng với người dân và doanh nghiệp.

II. NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN:

- Huy động đa dạng các loại nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, tạo động lực thúc đẩy cho các doanh nghiệp.
- Sử dụng hiệu quả và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp huy động nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các nguồn vốn để đầu tư các ngành, lĩnh vực và đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
- Tập trung mọi nguồn lực triển khai các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên các ngành kinh tế chính để bứt phá tăng trưởng nhanh và bền vững.

2.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước:

- Thu hút các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện Thuận Bắc dựa trên sự hỗ trợ sẵn có của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ.

- Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của Bộ ngành, nhằm đảo bảo vốn cho đầu tư phát triển.
- Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, bao gồm khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới bằng các biện pháp phù hợp, đúng quy định. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển.
- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng của tỉnh; không đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất như: Giao thông, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các KCN, các dự án thoát nước, xử lý môi trường, các công trình thủy lợi,...
- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Tiếp tục cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2.2. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

- Triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn địa phương. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa phương, như chuẩn bị địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực,...
- Hoàn thành bộ tiêu chí về đầu tư nhằm tận dụng tối đa lợi thế của địa phương, về các yếu tố lợi thế thu hút vốn đầu tư từ nguồn xã hội hóa trong phát triển du lịch và thương mại dịch vụ du lịch của huyện Thuận Bắc.
- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

2.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư:

- Tăng cường quản lý chặt chẽ trên tất cả các khâu của đầu tư xây dựng, gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư. Đầu tư phải trọng tâm, trọng điểm, theo đúng quy hoạch, xác định thứ tự ưu tiên đầu tư. Nâng cao chất lượng lập chủ trương, dự án đầu tư, trong đó lấy hiệu quả đầu tư là điều kiện tiên quyết, quyết định đến việc lựa chọn dự án đầu tư.

- Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn.
- Tăng cường giám sát của cộng đồng theo quy chế của Chính phủ về giám sát cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Coi việc giám sát cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các công trình xây dựng cơ bản.
- Định hướng, ban hành tiêu chí thu hút đầu tư có chọn lọc trong tình hình mới, phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh, theo hướng bền vững.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ:

3.1. Xác định các tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên đầu tư:

3.1.1. Nguyên tắc xác định các dự án ưu tiên đầu tư:

- Danh mục các dự án quan trọng của tỉnh được xây dựng tuân thủ theo các nguyên tắc sau đây:
 - + Có sự tham gia: lấy ý kiến đóng góp các đề xuất dự án của tất cả các Bộ/ cơ quan chính phủ có liên quan ở cấp trung ương và địa phương, các chuyên gia tư vấn trong và ngoài dự án.
 - + Tính kế thừa: tất cả các dự án đã và đang triển khai, các dự án có trong các quyết định, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đều được rà soát, đánh giá.
 - + Tính khoa học: các đề xuất dự án được đánh giá và lựa chọn dựa trên các tiêu chí đưa ra có cơ sở khoa học theo các bước đảm bảo tính logic trong quá trình đánh giá và lựa chọn dự án.
 - + Áp dụng cách tiếp cận thích hợp: các mối tương quan, liên kết giữa các ngành luôn được tính đến khi đánh giá dự án.
- Có đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế (GDP) của vùng huyện và tỉnh; Thu hồi vốn nhanh, có hiệu quả và tác động tích cực đến nền kinh tế của huyện; Tạo được tích lũy ban đầu và nền tảng vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo.
- Phát triển phù hợp và cân bằng kinh tế - xã hội giữa đô thị và nông thôn, giữa các khu vực trong vùng huyện và bảo vệ môi trường sinh thái, tạo điều kiện cho huyện Thuận Bắc phát triển, hòa nhập với tỉnh Ninh Thuận và cả nước.

3.1.2. Các nhóm tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư:

Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn tỉnh; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh; phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn.
- Về quy mô vốn đầu tư: với các dự án có sử dụng đất (các dự án thuê đất trực tiếp của Nhà nước) quy định áp dụng suất vốn đầu tư tối thiểu phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện và quy định của pháp luật theo hướng ưu tiên các dự án có suất đầu tư vốn lớn, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý các KCN có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy định về suất đầu tư tối thiểu đối với từng lĩnh vực cụ thể.

- Về năng lực nhà đầu tư: không chấp thuận với các nhà đầu tư không giải trình được tài chính, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo chính sách Nhà nước nếu đã được giao đất, cho thuê đất. Ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự.
- Về lao động sử dụng: ưu tiên thu hút sử dụng nguồn lao động hiệu quả, chủ yếu là người địa phương hoặc đã qua đào tạo. Thẩm định dự án phải xem xét đến hiệu suất sử dụng lao động (đáp ứng yêu cầu tại bộ tiêu chí).
- Về hiệu quả kinh tế - xã hội: các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội (trên các mặt: Đóng góp cho ngân sách, hiệu quả sử dụng đất).
- Về công nghệ, môi trường: các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, ít tác động xấu tới môi trường; không sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định pháp luật.
- Về an ninh quốc phòng: phù hợp và đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

3.2. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Căn cứ Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 - Nghiên cứu đề xuất phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Thuận Bắc thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050: Toàn huyện Thuận Bắc có 33 dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư, trong đó có 11 dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước như:
 - + Xây dựng đường gom dọc theo tuyến đường sắt Bắc – Nam và các công trình phụ trợ để xóa lỏi đi tự mở;
 - + Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận (ĐT 702B);
 - + Đường tỉnh 703 kéo dài;
 - + Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Ninh Thuận;
 - + Hồ Đông Nha;
 - + Đường ống cấp nước từ Hồ Sông Trâu đến các khu du lịch phía Bắc;
 - + Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái – Tân Mỹ;
 - + Kè chống sạt lở khu vực bờ sông, bờ biển;
 - + Nâng cấp mở rộng các Trường THPT;
 - + Dự án cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – hợp phần tỉnh Ninh Thuận.
- Ngoài ra có 22 dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp sử dụng vốn ngoài ngân sách như:
 - + Vùng sản xuất rau;
 - + Đầu tư xây dựng trường liên cấp;
 - + Tổng đài vệ tinh các huyện, thành phố;
 - + Các Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng, sân golf;
 - + Nhà máy điện gió;
 - + Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng KCN Du Long;

- + Siêu thị huyện, khu thương mại;
- + Xây dựng các khu đô thị mới, khu đô thị - du lịch;
- + Xây dựng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư, khu đô thị mới;
- + Xây dựng các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và thăm dò xác định trữ lượng đá xây dựng, sét gạch ngói, cát xây dựng, đá chẻ xây dựng và vật liệu san lấp.

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
A	DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
1	Xây dựng đường gom dọc theo tuyến đường sắt Bắc Nam và các công trình phụ trợ để xóa lối đi tự mở	Huyện Thuận Bắc
2	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận (ĐT.702B)	Huyện Thuận Bắc
3	Đường tỉnh 703 kéo dài	Huyện Thuận Bắc
4	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Ninh Thuận.	Các huyện
5	Hồ Đông Nha	Huyện Thuận Bắc
7	Đường ống cấp nước từ Hồ Sông Trâu đến các khu du lịch phía Bắc	Huyện Thuận Bắc
8	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	Các huyện
9	Kè chống sạt lở khu vực khu vực bờ sông, bờ biển	Các huyện
10	Nâng cấp mở rộng các Trường THPT	Các huyện
11	Dự án cải thiện môi trường đô thị	Toàn tỉnh Ninh Thuận
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH	
1	Vùng sản xuất rau Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
2	Đầu tư xây dựng trường liên cấp THCS – THPT tại KCN Du Long	Huyện Thuận Bắc
3	Tổng đài vệ tinh	Huyện Thuận Bắc
4	Khu du lịch tại Bình Tiên (bao gồm sân golf)	Huyện Thuận Bắc
5	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng tại khu vực Suối Tiên	Huyện Thuận Bắc
6	Nhà máy điện gió Đầm Nại 3	Huyện Thuận Bắc
7	Nhà máy điện gió Đầm Nại 4	Huyện Thuận Bắc
8	Nhà máy điện gió Công Hải 1 GD1	Huyện Thuận Bắc
9	Nhà máy điện gió Công Hải 1 GD2	Huyện Thuận Bắc
10	Nhà máy điện gió Bắc Sơn	Huyện Thuận Bắc
11	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng KCN Du Long	Huyện Thuận Bắc
12	Siêu thị các huyện	Các huyện
13	Khu thương mại dọc QL1A đối diện Trung tâm hành chính huyện và Trạm dừng nghỉ	Huyện Thuận Bắc
14	Xây dựng các khu đô thị mới, khu đô thị - du lịch	Huyện Thuận Bắc

15	Xây dựng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư, khu đô thị mới	Huyện Thuận Bắc
16	Xây dựng khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân	Huyện Thuận Bắc
17	Sân golf tại hồ Ma Trai và hồ Sông Trâu	Huyện Thuận Bắc
18	Thăm dò xác định trữ lượng đá xây dựng	Các huyện
19	Thăm dò xác định trữ lượng sét gạch ngói	Các huyện
20	Thăm dò xác định trữ lượng cát xây dựng	Các huyện
21	Thăm dò xác định trữ lượng đá chẻ xây dựng	Các huyện
22	Thăm dò xác định trữ lượng vật liệu san lấp	Các huyện

PHẦN G. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG

I. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH:

1.1. Quá trình đô thị hóa:

- Hình thành các khu đô thị mới, khu trung tâm thương mại dịch vụ, du lịch trên địa bàn huyện. Quá trình đô thị hóa sẽ ảnh hưởng mạnh đến môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển bền vững trong toàn vùng.
- Ảnh hưởng tích cực :
 - + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập và trình độ dân trí, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng.
 - + Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, nâng cao điều kiện sống tốt hơn cho người dân các đô thị.
 - + Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tạo điều kiện kêu gọi đầu tư các dự án, đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của cộng đồng.
- Ảnh hưởng tiêu cực :
 - + Phát triển đô thị sẽ làm giảm diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp. Việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của một bộ phận người dân.
 - + Dân số đô thị tăng nhanh làm gia tăng sức ép về giao thông, nhà ở, quá tải các dịch vụ, hạ tầng xã hội, làm biến đổi xấu về môi trường, cảnh quan đô thị và gia tăng các tệ nạn xã hội.
 - + Nhu cầu cấp nước ngày càng cao sẽ gia tăng sức ép lên tài nguyên nước mặt, nước ngầm.
 - + Môi trường không khí bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

1.2. Phát triển kinh tế:

1.2.1. Các khu, cụm công nghiệp:

- Xây dựng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Lợi Hải, Đây sẽ là nguồn gây ô nhiễm đáng kể, ảnh hưởng đến môi trường và đời sống của người dân.
- Khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng sẽ gây ô nhiễm môi trường sinh thái, phá bỏ diện tích rừng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cảnh quan môi trường xung quanh.

1.2.2. Các khu du lịch:

- Phát triển du lịch làm tăng nguồn thu, tạo việc làm cho người dân đồng thời cũng ảnh hưởng mạnh đến tài nguyên đất, nước, cảnh quan, chất lượng không khí, tài nguyên sinh thái, môi trường nhân văn.
- Lượng rác thải tăng mạnh dễ gây ô nhiễm môi trường đất và các sông, suối.
- Nhu cầu cấp nước cho khách du lịch tăng cao, làm gia tăng nước thải, suy giảm tài nguyên nước nếu không có biện pháp xử lý hiệu quả.

1.2.3. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp:

- Các vùng sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, cơ cấu cây trồng không hợp lý có thể gây ô nhiễm, suy thoái hóa đất và sa mạc hóa.

- Các khu chăn nuôi gia súc, gia cầm có thể gây ô nhiễm môi trường và dịch bệnh trên diện rộng nếu không có biện pháp xử lý phân, rác hiệu quả.
- Vùng nuôi trồng thủy sản cũng thường dùng nhiều hóa chất làm cho môi trường nước bị ô nhiễm chất hữu cơ, làm mặn hóa những vùng đất ven biển.

1.3. Dự báo tác động môi trường:

1.3.1. Môi trường đất:

- Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng (đá granit, đá chẻ xây dựng, cát, sét gạch ngói, thiếc, ...) làm ảnh hưởng đến cấu trúc nền đất.
- Trong quá trình phát triển đô thị Lợi Hải, khu công nghiệp ... sẽ san lấp tạo mặt bằng xây dựng, làm thay đổi kết cấu tầng đất mặt, rửa trôi chất dinh dưỡng, gây bồi lắng trong vùng trũng, sụt lở, xói mòn đất.
- Sử dụng nhiều hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc diệt cỏ trong nông nghiệp làm suy thoái chất lượng đất.
- Nước thải, chất thải sinh hoạt, công nghiệp và du lịch nếu không được xử lý triệt để sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, biến đổi tính chất lý hóa học, tăng hàm lượng các kim loại nặng trong đất như As, Cd, Hg, Zn, Pb,
- Rò rỉ do quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải, khu xử lý CTR, bãi chôn lấp rác cũng làm ô nhiễm môi trường đất.

1.3.2. Môi trường nước:

- Nhu cầu dùng nước sinh hoạt và công nghiệp, du lịch đến năm 2025 khá cao khi huyện Thuận Bắc thường thiếu nước vào mùa khô. Nguồn nước mặt không đủ cung cấp, người dân sẽ khai thác nước ngầm, nếu thiếu kiểm soát có thể làm cho nguồn nước ngầm dễ bị xâm hại.
- Lượng nước thải cũng gia tăng, phải xây dựng thêm nhiều khu xử lý nước thải, hệ thống cống thoát nước thải. Nếu không có biện pháp xử lý triệt để thì dễ gây ô nhiễm môi trường.
- Khu vực nông thôn : nước thải sinh hoạt và chăn nuôi nếu chưa xử lý sơ bộ qua bể tự hoại mà xả trực tiếp ra môi trường sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm, nước mặt sông suối, hồ ao.
- Du khách xả thải bừa bãi sẽ gây ô nhiễm trực tiếp hoặc gián tiếp khi tầng đất mặt bị rửa trôi dẫn đến ô nhiễm nguồn nước.

1.3.3. Suy thoái tài nguyên nước:

- Khả năng trữ nước ngầm phụ thuộc rất lớn vào thảm thực vật. Khi chuyển đổi đất nông lâm nghiệp thành đất đô thị, công nghiệp, du lịch sẽ làm giảm diện tích lớp phủ thực vật, giảm khả năng trữ nước cho đất. Ô nhiễm nước ngầm từ các hoạt động công nghiệp và dân sinh sẽ làm sụt giảm mực nước ngầm.

1.3.4. Môi trường không khí và tiếng ồn:

- San lấp mặt bằng, sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu, máy móc thi công các khu đô thị, cụm công nghiệp, du lịch là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí và gây ồn không thường xuyên.
- Hoạt động của khu công nghiệp, cụm TTCN, làng nghề thải ra các chất SO₂, NO_x, bụi, làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí.

- Khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng tập trung nhiều máy móc sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn đến khu vực xung quanh.
- Trên đường cao tốc, quốc lộ 1A, tỉnh lộ, huyện lộ, dự báo có nồng độ các chất ô nhiễm cao hơn các tuyến giao thông khác do lượng phương tiện tham gia giao thông cao hơn. Vì vậy thải ra nhiều khí CO, nồng độ bụi có dấu hiệu vượt ngưỡng cho phép. Đối với các tuyến giao thông xã, lượng xe lưu thông ít hơn nên mức độ ô nhiễm thấp hơn.
- Lượng khí thải ra từ các thiết bị điều hòa nhiệt độ của các khu du lịch, khách sạn, nhà nghỉ có tác động không nhỏ đến môi trường không khí. Hoạt động của các phương tiện giao thông, vui chơi giải trí, ... làm tăng các chỉ số ô nhiễm như khí SO₂, CO, H₂S.
- Nước rỉ rác, mùi hôi từ các khu xử lý CTR, bãi chôn lấp rác, trạm xử lý rác thải nếu không quản lý chặt chẽ sẽ làm ô nhiễm môi trường.

1.3.5. Biến đổi khí hậu:

- Biến đổi khí hậu và nước biển dâng sẽ làm trầm trọng thêm những tác động tiêu cực đến môi trường sống, tăng diện tích ngập lụt, gây khó khăn cho thoát nước, tăng xói lở bờ biển và nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt và tính mạng của người dân. Mực nước biển dâng và nhiệt độ nước biển tăng ảnh hưởng đến hệ thống sinh thái biển và ven biển. Tình trạng dịch bệnh, đói nghèo, mất an ninh lương thực sẽ gia tăng nếu như không có các chương trình ứng phó hiệu quả, kịp thời.
- Nước biển dâng làm cho chế độ thủy lý, thủy hóa và thủy sinh xấu đi. Nhiệt độ tăng làm cho nguồn lợi thủy hải sản bị phân tán. Các loại cá cận nhiệt đới có giá trị kinh tế cao bị giảm bớt hoặc mất đi.
- Sự nóng lên của trái đất đã ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên, làm thay đổi cơ cấu các loài thực vật và động vật ở một số vùng, đặc biệt là khu vực vườn quốc gia Núi Chúa, rừng phòng hộ đầu nguồn, các sông suối, hồ.
- Cơ cấu cây trồng, vật nuôi và vụ mùa có thể bị thay đổi ở một số khu vực trên địa bàn huyện. Nhiệt độ cao và mức độ khô hạn gia tăng làm tăng nguy cơ cháy rừng.
- Nhiệt độ tăng, độ ẩm cao làm gia tăng các loại bệnh nhiệt đới, bệnh truyền nhiễm do sự phát triển của các loại vi khuẩn.
- Sự gia tăng nhiệt độ còn ảnh hưởng đến hàng loạt lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng, du lịch, thương mại... liên quan đến chi phí gia tăng cho việc làm mát, thông gió, bảo quản và vận hành thiết bị, phương tiện, sức bền vật liệu.

1.3.6. Đa dạng sinh học:

- Cơ cấu sử dụng đất thay đổi ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước. Thay đổi môi trường sinh sống và ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển của sinh vật.
- Tác động đến hệ sinh thái rừng:
 - + Xây dựng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, ... làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của vườn quốc gia Núi Chúa, rừng phòng hộ đầu nguồn Sông Trâu. Những hoạt động của khách du lịch như giẫm đạp lên cỏ, chặt cây lấy củi đốt lửa trại, leo núi ồ ạt làm cho hệ thực vật bị mất dần.

- + Các hoạt động như đi thuyền máy, đua mô tô nước,tại các khu du lịch có khả năng hủy hoại các loài thủy sinh trong vùng hồ Sông Trâu, hồ Ma Trai, ...
- + Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi, mở rộng diện tích đất sản xuất đất nông nghiệp, ... làm suy thoái thảm thực vật, xói mòn, suy thoái đất đai dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học.
- Tác động đến hệ sinh thái biển:
 - + Phát triển các khu du lịch ven biển Bình Tiên làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường từ rác thải, nước thải. Các hệ sinh thái biển và ven bờ biển dễ bị suy thoái.

1.3.7. Biến đổi tài nguyên cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, nghệ thuật:

- Quá trình phát triển đô thị Lợi Hải, Công Hải, xây dựng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Lợi Hải 1, cụm công nghiệp Lợi Hải 2, khu du lịch Bình Tiên, Núi Chúa, khu du lịch nghỉ dưỡng và khách sạn Ma Trai, sẽ làm thay đổi các cảnh quan hiện có rừng – biển hiện có, vì vậy cần phải khai thác hợp lý, bảo tồn các giá trị cảnh quan, các di tích tháp Hòa Lai, đình Hiệp Kiệt, chùa Long Cát, Đức Sơn, ...

1.3.8. Tác động đến môi trường kinh tế xã hội:

- Tác động tích cực:
 - + Các khu đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch, cụm CN-TTCN, làng nghề được xây dựng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của huyện, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời góp phần bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc đặc trưng của Thuận Bắc.
 - + Hoạt động du lịch sẽ góp phần thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế của khu vực vùng sâu, vùng xa. Đồng thời tạo điều kiện phát triển giao lưu văn hóa cho người dân địa phương với khách du lịch.
- Tác động tiêu cực:
 - + Việc thu hồi đất để xây dựng khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, hạ tầng kỹ thuật, nhà máy điện gió,... ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của một bộ phận người dân. Vấn đề giải quyết chuyển đổi ngành nghề cho người dân bị giải tỏa sẽ gặp nhiều khó khăn vì trình độ dân lao động còn thấp.
 - + Làm tăng giá sinh hoạt ảnh hưởng đến đời sống người dân có thu nhập trung bình và thấp. Các chuẩn mực về văn hóa truyền thống, đạo đức xã hội cũng bị tác động. Các tệ nạn xã hội có cơ hội phát sinh thông qua hoạt động của khách du lịch và hoạt động kinh doanh của người dân địa phương.
 - + Nguy cơ lan truyền các loại bệnh là rất lớn.

1.3.9. Tác động đến sức khỏe cộng đồng, phát triển kinh tế xã hội:

- Suy giảm chất lượng môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Nhiều bệnh tật mới gia tăng là nguyên nhân của bụi và khí thải giao thông, nguồn nước ô nhiễm, biến đổi khí hậu.
- Phát triển các công trình văn hóa, y tế, giáo dục, công viên cây xanh tập trung - TĐTT sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

II. ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, CẢI THIỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG:

2.1. Các biện pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải cho các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra sông, suối.
- Xây dựng khu xử lý CTR cấp vùng phục vụ cho các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch. Công nghệ xử lý chủ yếu là đốt, chôn lấp hợp vệ sinh và chế biến phân vi sinh.
- Phát triển hệ thống cây xanh trong đô thị. Hạn chế sử dụng những khu vực có môi trường sinh thái tốt để xây dựng các khu chức năng cho đô thị.
- Dọc theo các tuyến đường giao thông đối ngoại, các tuyến đường giao thông liên tục khi đi qua đô thị tổ chức dải phân cách cây xanh, làm giảm mức độ nhiễm bụi và giảm tiếng ồn do lưu thông xe gây nên.
- Cần ưu đãi các nhà máy đầu tư thay đổi công nghệ mới, khuyến khích sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở công nghiệp bắt buộc phải có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn. Tạo ra các cơ sở khung pháp lý, thể chế, nguồn nhân lực và tài chính để thúc đẩy việc ứng dụng liên tục sản xuất sạch hơn trong các cơ sở công nghiệp.
- Khai thác hợp lý tài nguyên đất, chống xói mòn và bạc màu đất canh tác, đất đồi núi. Phục hồi rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc.
- Xây dựng cơ cấu mùa vụ sản xuất trồng trọt hợp lý, sử dụng các giống kháng sâu rầy, bón phân hữu cơ vi sinh, giảm lượng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật. Đưa công nghệ sinh học vào sản xuất : trồng - bảo quản - chế biến với hướng đi chính là nền nông nghiệp sạch. Khoanh vùng nuôi gia súc, gia cầm có kiểm soát dịch bệnh, có chuồng trại hợp vệ sinh, xa khu dân cư, tôn trọng nghiêm ngặt quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Gia tăng độ che phủ bằng cây ăn quả, cây lâu năm, rừng phòng hộ.
- Đầu tư phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững trên cơ sở thu hút sự tham gia cộng đồng.

2.2. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường:

2.2.1. Đối với môi trường nước:

- Vị trí các công trình và quy hoạch chung của trạm xử lý cần phải hợp lý về các quá trình công nghệ xử lý nước thải, chế biến cặn và dể quản lý. Nên hợp khối các công trình với nhau để tiết kiệm đất đai.
- Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp cho mục đích tái sử dụng (có thể tưới cây, rửa đường) nhằm tiết kiệm nguồn nước và không gây ô nhiễm môi trường.
- Bảo đảm khoảng cách ly vệ sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung đến các công trình kế cận, bố trí dải cây xanh cách ly nhằm hạn chế phát tán mùi từ các bể xử lý và tiếng ồn từ trạm bơm nước thải.

2.2.2. Môi trường không khí, tiếng ồn:

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp trong cần phải lắp đặt hệ thống thông gió, hạn chế ảnh hưởng độc hại của các chất ô nhiễm trong không khí tới sức khỏe người lao động. Đầu tư các trang thiết bị xử lý ô nhiễm ngay khi các doanh nghiệp đi vào hoạt động.

- Tại các khu tập trung dân cư (các khu chợ, các cụm công nghiệp khai thác đá nhỏ...) nên bố trí trồng cây xanh bên đường tại các nút giao thông có mật độ phương tiện qua lại cao, trồng cây xanh quanh khu vực các cụm công nghiệp gây ô nhiễm bụi.
- Nguồn chất thải rắn phát sinh tại các đô thị cần đầu tư trang bị hệ thống thùng thu gom dọc đường hoặc các cụm dân cư. Tại khu vực chợ và nơi công cộng cần có đội ngũ thu gom thường xuyên tránh ô nhiễm mùi và các loại khí thải từ rác.

2.2.3. Các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường:

- Bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường. Giáo dục môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.
- Bổ sung nguồn kinh phí cho các hoạt động quản lý môi trường trên nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, đồng thời tiến hành xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường trên cả hai khía cạnh quyền lợi và trách nhiệm.
- Hình thành mạng lưới giám sát môi trường nhằm cung cấp thông tin môi trường kịp thời và chính xác tới các cơ quan có thẩm quyền chuyên trách.
- Tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản, nước ngầm.
- Thực hiện các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững. Quản lý các hệ thống nông nghiệp nhằm đảm bảo có sản phẩm tối đa, đồng thời duy trì độ phì nhiêu của đất.
- Phòng ngừa úng ngập, sạt lở; tăng cường hỗ trợ thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn; gia tăng sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch.
- Quản lý và giám sát tại các nguồn phát sinh chất thải: áp dụng các biện pháp kiểm toán môi trường đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, đánh giá vòng đời sản phẩm, nhằm hạn chế lượng nước thải sinh ra. Quản lý, giám sát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học trong sản xuất nông nghiệp
- Các khu, cụm công nghiệp cần thực hiện nghiêm chỉnh việc xây dựng báo cáo ĐTM cũng như triển khai thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đã được đề ra trong báo cáo ĐTM.

2.2.4. Giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai:

- Xây dựng các kịch bản về BĐKH để đánh giá định lượng tác động của BĐKH như độ cao của mực nước biển, diện tích ngập, độ sâu ngập, độ mặn, suy giảm của môi trường, đa dạng sinh học,
- Khi đánh giá tác động của BĐKH đến các dự án, chú ý đến các vùng nhạy cảm như: ven biển, vùng núi, vùng khô hạn trên cơ sở đưa ra những biện pháp thích ứng trong quy hoạch.
- Có hành lang bảo vệ ven biển bằng rừng phòng hộ hoặc đê kè chắn sóng.
- Khu du lịch, khu dân cư ven biển cần phải khảo sát chính xác và dự báo mực nước biển dâng cho khoảng thời gian tối thiểu từ 15 – 20 năm tới để thiết lập chiều cao các công trình cho phù hợp.
- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về BĐKH.
- Khi có thiên tai xảy ra, thực hiện phương châm 4 tại chỗ (lực lượng tại chỗ, chỉ huy tại chỗ, hậu cần tại chỗ, vật tư tại chỗ) một cách chủ động, thực chất và có hiệu quả.

2.2.5. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường vùng:

- Tần suất :
 - + Đối với sông suối : 6 tháng /lần.
 - + Đối với khu, cụm CN: 3 tháng/lần.
 - + Đối với môi trường xung quanh : 6 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát :
 - + Các chỉ tiêu giám sát chất lượng không khí bao gồm : bụi, NOx, SOx, CO, tiếng ồn, độ rung, độ ẩm không khí.

2.2.6. Các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu:

- Đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp hệ thống đập, đê kè ven sông, ven biển ở các khu vực thường bị sạt lở.
- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của vườn quốc gia Núi Chúa, bảo vệ và trồng rừng đầu nguồn Sông Trâu.
- Giảm phát khí thải nhà kính.
- Đa dạng hóa phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, thay đổi lịch thời vụ để thích ứng với BĐKH.
- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất sạch, các công nghệ thân thiện với môi trường từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp đến sinh hoạt.
- Nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về kiến thức phòng và đối phó với BĐKH có khả năng xảy ra trên địa bàn huyện.

PHẦN H. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là bước đi quan trọng cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Thuận Bắc theo các giai đoạn. Đồ án điều chỉnh Quy hoạch vùng huyện được lập dựa trên cơ sở phát huy các tiềm năng, thế mạnh của huyện Thuận Bắc, đưa ra các kế hoạch và định hướng, giải pháp phát triển các hạng mục quan trọng.
- Đồ án đã nghiên cứu trên cơ sở kế thừa những định hướng từ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận đã được phê duyệt, một số định hướng phát triển của Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt năm 2012, các quy hoạch ngành, các dự án trên địa bàn huyện và tỉnh, phù hợp với các nghị quyết, chiến lược mới của quốc gia và vùng, đồng thời đã và đang hướng đến tiêu chí đạt huyện nông thôn mới, đặt mục tiêu hướng đến tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu trong tương lai.
- Việc lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nghiên cứu phù hợp với yêu cầu Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại quyết định 677/QĐ-UBND ngày 05/12/2023.

II. KIẾN NGHỊ:

- Sau khi Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, UBND tỉnh cho rà soát điều chỉnh các đồ án quy hoạch xây dựng liên quan theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.
- Khoanh vùng bảo vệ các vùng cảnh quan quan trọng như Vườn Quốc gia Núi Chúa và rừng phòng hộ, các cụm công trình di tích văn hóa lịch sử được công nhận, vùng nông nghiệp công nghệ cao, vùng An ninh Quốc phòng và vùng nhạy cảm với môi trường.
- Bảo vệ hành lang phát triển cho các công trình hạ tầng quan trọng của huyện. Phối hợp lồng ghép với các chương trình phát triển kết cấu hạ tầng chung của tỉnh để thực hiện các cơ sở hạ tầng khung trên địa bàn huyện.
- Triển khai lập các quy hoạch chung xây dựng các xã, quy hoạch chi tiết, lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan cụ thể trên địa bàn vùng huyện để làm cơ sở hướng dẫn và thực hiện quản lý đầu tư xây dựng tại địa phương.
- Nghiên cứu thiết lập các cơ chế chính sách riêng cho từng vùng, quản lý bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển bền vững. Đồng thời có các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch nhằm tạo nguồn vốn phát triển kết cấu hạ tầng.

PHẦN I. PHỤ LỤC

I. PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH:

1.1. Giải trình Báo cáo số 245/BC-MTTQ-BTT ngày 15/3/2024 của Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, huyện Thuận Bắc:

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
1	<i>Về đánh giá các đặc điểm tự nhiên:</i>	
	- Đề nghị điều chỉnh lại một số từ ngữ liên quan đến đặc điểm tình hình cụ thể như: Về số liệu của đặc điểm tình hình chưa chính xác giữa núi cao, gò đồi và đồng bằng mới 97,6%.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh nội dung tỉ lệ vào thuyết minh đồ án tại Điểm 1.1.1. Đặc điểm địa hình, Khoản 1.1, Mục I, Phần B.
2	<i>Về phân tích đánh giá hiện trạng:</i>	
	- Cần bổ sung thêm các di tích, di sản đã được công nhận trên địa bàn huyện như: di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã được Bộ VH-TT&DL công nhận “Nghĩ lễ đầu năm của người Chăm” thôn Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc vào phần hiện trạng hạ tầng xã hội.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh nội dung vào thuyết minh đồ án tại Điểm 2.4.4. Hệ thống văn hóa – thể dục thể thao, Khoản 2.4, Mục II, Phần B.
3	<i>Về tiền đề phát triển vùng:</i>	
	- Về vai trò vị thế của huyện Thuận Bắc trong mối liên hệ vùng: huyện Thuận Bắc tiếp cận với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật nội tỉnh như cảng Ninh Chữ,... và cảng cận Lợi Hải. Đề nghị đưa Cảng cận Lợi Hải ra khỏi nội dung.	- Theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có thống kê giai đoạn định hướng sau năm 2030 cảng cạn Lợi Hải nằm trên hành lang vận tải ven biển phía Nam Việt Nam (QL1), huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, kết nối với hệ thống cảng biển TP HCM và cảng biển Vũng Tàu; Và theo Quyết định 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng cảng cạn Lợi Hải với chức năng “Cung cấp các dịch vụ cảng cạn phục vụ cho hàng hóa XNK tại các khu công nghiệp của tỉnh ở phía Bắc và phân phối hàng hóa nhập khẩu cho khu vực và vùng lân cận” với vị trí nằm ở xã Bắc Phong,

		tiếp giáp với KCN Du Long và tuyến đường QL1. → Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và giữ lại nội dung cảnh cận Lợi Hải, sẽ rà soát thêm nội dung cho phù hợp với đồ án.
4	<i>Định hướng phát triển không gian:</i>	
	- Về phân vùng hệ thống đô thị và nông thôn: Công Hải là trung tâm cụm xã Công Hải, Phước Chiến, Phước Kháng. Đề nghị điều chỉnh xã Phước Kháng gắn với đô thị Lợi Hải.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh nội dung tại Khoản 2.2, Mục II, Phần C trong thuyết minh đồ án.
	- Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên: Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa. Đề nghị bỏ từ “Churu” và thêm vào đó là văn hóa người Chăm.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh thay thế nội dung từ “Churu” thành “văn hóa người Chăm” cho toàn bộ thuyết minh đồ án.
	- Bổ sung cụm du lịch Suối Bà Dầu – xã Phước Kháng vào khu du lịch sinh thái rừng tự nhiên.	- Đơn vị tư vấn đã bổ sung nội dung vào thuyết minh đồ án tại các mục Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên (Điểm 2.5.3, Khoản 2.5, Mục II, Phần C) và Định hướng phát triển du lịch (Khoản 4.4, Mục IV, Phần C).
	- Phân bố các vùng nông – lâm, thủy sản: về quy hoạch vùng trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, diện tích 420 ha. Đề nghị nêu rõ vị trí cụ thể, vì hiện nay toàn bộ diện tích trước đây đã triển khai thực hiện các điện năng lượng tái tạo, nên quy hoạch 420 ha đất trồng cỏ là quá lớn, không đủ diện tích để triển khai thực hiện.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và loại bỏ thông tin vùng trồng cỏ chăn nuôi 420ha khỏi thuyết minh đồ án.
5	<i>Về định hướng phát triển các ngành sản xuất:</i>	
	- Về định hướng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp. Đề nghị bỏ ngành công nghiệp đóng tàu.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và loại bỏ thông tin ngành công nghiệp đóng tàu khỏi nội dung thuyết minh đồ án.
	- Về định hướng phát triển du lịch: bổ sung thêm loại hình du lịch cộng đồng.	- Đơn vị tư vấn đã đề cập nội dung loại hình du lịch cộng đồng trong thuyết minh đồ án tại Khoản 4.4, Mục IV, Phần C.
6	<i>Về định hướng hạ tầng xã hội:</i>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Về hệ thống giáo dục đào tạo. Đề nghị điều chỉnh lại đối với Trung tâm GDNN-GDTX. Vì trung tâm này trực thuộc Sở Lao động TB&XH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và cập nhật lại nội dung Trung tâm GDNN-GDTX trong thuyết minh đồ án, Hệ thống giáo dục đào tạo tại Khoản 5.2, Mục V, Phần C.
	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công trình văn hóa, TDTT, cần quan tâm bố trí quy hoạch điểm vui chơi cho thiếu nhi và sân thể thao cho các xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu, tuy nhiên việc bố trí và quy hoạch hệ thống công trình văn hóa, TDTT nằm trong đồ án cấp tiếp theo (QHC xã, QH chi tiết) ở giai đoạn tiếp theo sau khi đồ án QH vùng huyện Thuận Bắc được duyệt.
7	<i>Về định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Về cấp nước: quy hoạch Nhà máy nước Du Long công suất 15.000m³/ngđ cấp nước cho xã Bắc Sơn và vùng lân cận có phù hợp hay không, vì hiện nay xã Bắc Sơn đã có Nhà máy nước đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và cập nhật nội dung phù hợp tại Khoản 7.3, Mục VII, Phần C.
	<ul style="list-style-type: none"> - Về thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: <ul style="list-style-type: none"> + Thu gom và xử lý chất thải rắn: Tại các cụm dân cư nông thôn được xử lý chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp kết hợp đốt thủ công là chưa phù hợp. Đề nghị điều chỉnh lại phương pháp xử lý thông qua Nhà máy xử lý rác Nam Thành. + Về quy hoạch nghĩa trang: hiện nay nghĩa trang Núi Ông Ngài – xã Bắc Phong đã có nên không nhất thiết phải quy hoạch lại, đề nghị mở rộng lại nghĩa trang Núi Ông Ngài – xã Bắc Phong hoặc Quy hoạch thêm nơi khác phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và cập nhật lại nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Thu gom và xử lý chất thải rắn của các cụm dân cư nông thôn tại Khoản 7.4, Mục VII, Phần C. + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Núi Ông Ngài – xã Bắc Phong phù hợp với quy mô phát triển tại Khoản 7.4, Mục VII, Phần C.

1.2. Giải trình Thông báo số 101/TB-VP ngày 12/3/2024 của Văn phòng UBND huyện Thuận Bắc:

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
1	<i>Phòng Nông nghiệp và PTNT (văn bản số 47/PNNPTNT ngày 15/3/2024)</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Về vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao tại xã Phước Chiến (khoảng 100ha), Phòng Nông nghiệp và PTNT xét thấy không phù hợp và khả thi. Bởi vì sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đòi hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh theo góp ý.

<p>nguồn vốn đầu tư lớn và trình độ canh tác cao, hai yêu cầu trên trong điều kiện hiện nay và thời gian tới xã Phước Chiến không đáp ứng. Mặt khác tại quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 28/1/2019 của UBND tỉnh “<i>phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030</i>”, huyện Thuận Bắc quy hoạch 01 vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Lợi Hải, diện tích 190ha.</p> <p>Đối với khu vực miền núi (xã Phước Kháng, xã Phước Chiến) tập trung phát triển cây điều, cây ăn quả, cây dược liệu theo hướng sản xuất hữu cơ để nâng cao giá trị, thu nhập cho người dân. Xây dựng và nhân rộng mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả, phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp phát triển năng lượng mặt trời, điện gió.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và bổ sung.</p>
<p>- Về định hướng phát triển nông, lâm, thủy sản, Phòng Nông nghiệp và PTNT đề nghị đơn vị tư vấn xem xét điều chỉnh lại một số nội dung cho phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của huyện, cụ thể:</p> <p>+ Về trồng trọt: giá trị sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 đạt trên 110 triệu đồng/ha đất canh tác chủ động nước và đưa cây nho, cây mía ra khỏi cơ cấu các loại cây trồng ưu tiên phát triển trong giai đoạn tới;</p> <p>+ Về thủy sản: hiện nay bãi biển Bình Tiên đã giao cho Công ty Cổ phần du lịch Bình Tiên đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển, mọi hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản của người dân thôn Bình Tiên nằm trên địa giới hành chính thuộc tỉnh Khánh Hòa; do đó, đề nghị đơn vị</p>	<p>- Về trồng trọt: Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý (trong đó theo Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2021 – 2026 (tại Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020) định hướng giá trị sản xuất đạt trên 105 triệu đồng/ha đất canh tác vùng chủ động nước, tuy nhiên theo văn bản góp ý của phòng Nông nghiệp và PTNT (số 47/PNNPTNT ngày 15/3/2024) thì giá trị sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 đạt trên 110 triệu đồng/ha đất canh tác chủ động nước).</p> <p>- Về thủy sản: Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa.</p>

	<p>tư vấn không đưa nội dung này vào trong đồ án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị đơn vị tư vấn cập nhật, bổ sung một số nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> + Cập nhật Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững thuộc vùng tưới hệ thống thủy lợi Tân Mỹ (hiện nay Sở Khoa học và Công nghệ đang triển khai); + Bổ sung quy hoạch các khu dân cư mới cần chọn vị trí thuận lợi, đảm bảo khoảng cách hành lang an toàn vùng hạ du hồ chứa nước để tránh thiệt hại trong tình huống xảy ra sự cố vỡ đập; + Đến năm 2030 Khu công nghiệp Du Long phát triển, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt 100% thành lập Cụm công nghiệp Lợi Hải 1, Cụm công nghiệp Lợi Hải 2, thu hút mạnh lao động từ các nơi khác đến, dân số xã Lợi Hải tăng nhanh, đô thị hóa mạnh nên xã Lợi Hải cần bổ sung quy hoạch vùng trồng rau an toàn để đảm bảo cung cấp cho người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đang liên hệ xin hồ sơ và sẽ cập nhật vào đồ án trước khi được trình thẩm định và phê duyệt. - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu. - Tỷ lệ lấp đầy KCN Du Long: Theo Báo cáo tích hợp Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng tỷ lệ lấp đầy KCN Du Long đến năm 2025 khoảng 50%, đến năm 2030 khoảng 70%. Tuy nhiên theo tình hình thực trạng năm 2023, tỷ lệ lấp đầy KCN Du Long chỉ khoảng trên 10%, do đó đơn vị tư vấn đề xuất định hướng tỷ lệ lấp đầy KCN Du Long đến năm 2030 khoảng 30%. - Vùng trồng rau an toàn: Đã được định hướng 01 vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Lợi Hải, diện tích 190ha.
2	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin (văn bản số 45/VHTT ngày 12/3/2024)</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Mục 2.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng. Phần 4. Hiện trạng hạ tầng xã hội: Dòng cuối cùng của trang “Trên địa bàn huyện có 01 di sản...” đề nghị điều chỉnh, bổ sung thành “Trên địa bàn huyện có 02 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng: Lễ bỏ mã của người Raglai tỉnh Ninh Thuận và Lễ hội đầu năm của người Chăm làng Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn.” 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh nội dung vào thuyết minh đồ án tại Điểm 2.4.4. Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao, Khoản 2.4, Mục II, Phần B.

<p>- Mục 3.4. Định hướng phát triển các ngành sản xuất. Phần 3. Định hướng phát triển văn hóa – thể dục thể thao và phát thanh:</p> <p>Lĩnh vực văn hóa, điều chỉnh và hoàn thiện như sau: Gắn kết nhiệm vụ phát triển kinh tế và nâng cao đời sống văn hóa dân cư. Triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với triển khai thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh”.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và bổ sung nội dung vào thuyết minh đồ án tại Điểm 4.3.1. Văn hóa, Khoản 4.3, Mục IV, Phần C.</p>
--	--

1.3. Giải trình Công văn số 1773/SXD-QLQHK&NO ngày 31/5/2024 của sở Xây dựng

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
1	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo (văn bản số 1116/SGDDT-KHTC ngày 14/5/2024)</i>	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất về bố cục, thể thức và nội dung dự thảo;	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
2	<i>Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng (văn bản số 1630/BCH-TM ngày 17/05/2024)</i>	
	- Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Ninh Thuận nhất trí, không có ý kiến gì thêm.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
3	<i>Sở Nội vụ (văn bản số 1934/SNV-TCBM ngày 20/05/2024)</i>	
	- Sở Nội vụ thống nhất nội dung cơ bản về phạm vi ranh giới lập Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - phù hợp với đường địa giới hành chính được xác lập tại Bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.	- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
4	<i>Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN (văn bản số 3025/MTTQ-BTT ngày 21/05/2024)</i>	
	- Qua xem xét, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có ý kiến như sau: 1. Việc lập quy hoạch Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp trong tổng thể phân vùng đô thị quy hoạch chung của tỉnh Ninh Thuận. 2. Quá trình lập quy hoạch cần phải đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn đô thị, đảm bảo tính đồng bộ và kết nối phù	- Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung đồ án đảm bảo tuân theo các chỉ tiêu, định hướng, phân vùng theo đồ án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận đã đề ra. - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và đảm bảo nội dung Đồ án Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc

	<p>hợp về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận, đảm bảo tính hiệu quả, bền vững và sinh thái từ các cơ sở đánh giá hiện trạng sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>3. Cập nhật gắn kết đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chung được duyệt, theo yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành và phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Sau khi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, đề nghị tham mưu văn bản của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi hồ sơ, tài liệu có liên quan về Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để tổ chức hội nghị phản biện xã hội, nhằm đảm bảo tính thuyết phục và tạo được sự đồng thuận của người dân (nếu cần thiết).</p>	<p>phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn đô thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và cập nhật đảm bảo gắn kết đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo các quy hoạch cấp trên được duyệt và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.
5	<i>Ban Quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa (văn bản số 416/BQLVQGNC-BTTN ngày 21/05/2024)</i>	
	<p>Ban quản lý cơ bản thống nhất với đồ án và có một số ý kiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lâm phần Vườn quốc gia Núi Chúa quản lý được chia thành 03 phân khu chức năng (gồm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; Phân khu phục hồi sinh thái; Phân khu hành chính dịch vụ). Đề nghị cập nhật, bổ sung ranh phân khu này vào Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Về định hướng hướng phát triển không gian ngành kinh tế: Chỉ định hướng phát triển không gian ngành kinh tế tại Phân khu phục hồi sinh thái và Phân khu hành chính dịch vụ. Riêng Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chỉ được phép tổ chức nghiên cứu khoa học; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Về nghỉ dưỡng, năng lượng, mô hình kinh tế trang trại... không được tổ chức trong phân khu này. - Ngoài ra, liên quan đến phát triển du lịch sinh thái trong Đề án đề nghị UBND huyện Thuận Bắc cần cập nhật theo Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn quốc gia Núi Chúa 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã cập nhật và bổ sung sơ đồ ranh phân khu Vườn Quốc gia Núi Chúa vào thuyết minh đồ án. - Nội dung này đã được thể hiện trong thuyết minh đồ án tại Điểm 3.2.4, Khoản 3.2, Mục III, Phần D. - Đơn vị tư vấn đã cập nhật và bổ sung nội dung Đề án vào thuyết minh tại Điểm 3.2.4, Khoản 3.2, Mục III, Phần D.

	<p>được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 và Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Núi Chúa được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 23/10/2020.</p>																													
6	Công an Tỉnh Ninh Thuận (văn bản số 1066/CAT-PA04 ngày 22/05/2024)																													
	<p>- Qua nghiên cứu hồ sơ Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 (hồ sơ Đồ án), trong hồ sơ Đồ án không đề cập đến lĩnh vực đất an ninh. Tuy nhiên theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại huyện Thuận Bắc, đất an ninh được quy hoạch 12 vị trí với tổng diện tích 31,59 ha. Công an tỉnh đề nghị bổ sung nội dung đất an ninh vào hồ sơ Đồ án theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã cập nhật 11 vị trí đất an ninh vào đồ án, riêng vị trí số 12 (Trạm Cảnh sát giao thông trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông (CT.01) đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo) chỉ cập nhật quy mô vào đồ án, vị trí chính xác sẽ được cập nhật trong các đồ án quy hoạch cấp dưới.</p>																												
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">TT</th> <th style="width: 35%;">Tên đơn vị</th> <th style="width: 15%;">Diện tích (ha)</th> <th style="width: 45%;">Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Trụ sở Công an huyện Thuận Bắc</td> <td style="text-align: center;">2,9157</td> <td>Đất an ninh</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td> <td>Trại tạm giam Công an tỉnh</td> <td style="text-align: center;">21,4487</td> <td>Đất an ninh</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">3</td> <td>Trạm kiểm soát giao thông 15/1</td> <td style="text-align: center;">1,0305</td> <td>Đất an ninh</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">4</td> <td>Trụ sở làm việc đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn huyện Thuận Bắc.</td> <td style="text-align: center;">2,5000</td> <td>Quy hoạch mới</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">5</td> <td>Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và CNCH tại Khu Công nghiệp Du Long.</td> <td style="text-align: center;">2,0000</td> <td>Quy hoạch mới</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">6</td> <td>Công an xã Lợi Hải</td> <td style="text-align: center;">0,1307</td> <td>Đất an ninh</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Ghi chú	1	Trụ sở Công an huyện Thuận Bắc	2,9157	Đất an ninh	2	Trại tạm giam Công an tỉnh	21,4487	Đất an ninh	3	Trạm kiểm soát giao thông 15/1	1,0305	Đất an ninh	4	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn huyện Thuận Bắc.	2,5000	Quy hoạch mới	5	Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và CNCH tại Khu Công nghiệp Du Long.	2,0000	Quy hoạch mới	6	Công an xã Lợi Hải	0,1307	Đất an ninh
TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Ghi chú																											
1	Trụ sở Công an huyện Thuận Bắc	2,9157	Đất an ninh																											
2	Trại tạm giam Công an tỉnh	21,4487	Đất an ninh																											
3	Trạm kiểm soát giao thông 15/1	1,0305	Đất an ninh																											
4	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn huyện Thuận Bắc.	2,5000	Quy hoạch mới																											
5	Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và CNCH tại Khu Công nghiệp Du Long.	2,0000	Quy hoạch mới																											
6	Công an xã Lợi Hải	0,1307	Đất an ninh																											

7	Công an xã Bắc Sơn	0,2499	Đất an ninh
8	Công an xã Bắc Phong	0,149	Đất an ninh
9	Công an xã Công Hải	0,2253	Đất an ninh
10	Công an xã Phước Chiến	0,1256	Đất an ninh
11	Công an xã Phước Kháng	0,3141	Đất an ninh
12	Trạm Cảnh sát giao thông trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông (CT.01) đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo	0,5000	Quy hoạch mới

7 Sở Công thương (văn bản số 1088/SCT-VP ngày 22/05/2024)

I. Về lĩnh vực năng lượng:

1. Tại trang 48, mục 2.5.3. Cấp điện và năng lượng, đề nghị cập nhật số liệu mới nhất như sau:

Liệt kê	Đơn vị tính	Tài sản điện lực	Tài sản khách hàng	Tổng cộng
Đường dây trung áp	Km	101,155	49,741	150,896
Trạm biến áp /dung lượng	Trạm/ kVA	108/ 14.688	176/ 82.943	283/ 96.378
Đường dây hạ áp	Km	75,155	0,443	75,598

Nguồn cấp điện hiện nay trên địa bàn huyện Thuận Bắc: Hiện hữu được lấy từ Trạm biến áp 110kV Ninh Hải.

- Các Trạm biến áp 110kV trên địa bàn huyện:
 - + Trạm Biến áp 110kV Du Long đang triển khai thi công;
 - + Trạm biến áp 110kV Thuận Bắc.

Ghi chú: Đã phê duyệt bổ sung quy hoạch tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ

- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và bổ sung nội dung vào thuyết minh đồ án tại Điểm 2.5.3. Cấp điện và năng lượng, Khoản 2.5, Mục II, Phần B.

<p><i>tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm biến áp 220kV đang vận hành trên địa bàn huyện: Có 01 Trạm Biến áp đang vận hành Trạm biến áp 220kV Tháp Chàm, công suất MBA 2x250MVA. - Quy mô hiện trạng và phát triển nguồn điện trên địa bàn huyện Thuận Bắc: - Tổng công suất tích lũy đến năm 2030 là 818,3 MW. + Tổng công suất vận hành thương mại 728MW (có 04 Nhà máy điện mặt trời, công suất 484MW và 04 Nhà máy điện gió, công suất 243,73MW); + Tổng công suất tăng thêm đến năm 2030 là 91MW (04 dự án điện gió, công suất 91MW). 	
<p>2. Tại trang 79 và 80 mục d. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo: Đề nghị viết theo hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở thực tế các dự án điện gió và mặt trời đưa vào vận hành mang lại hiệu quả kinh tế vượt so với thiết kế. - Tiềm năng phát triển điện gió và điện mặt trời trên địa bàn huyện vẫn còn dư địa lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo trong thuyết minh đồ án tại Điểm 1.5.1, Khoản 1.5, Mục I, Phần C.
<p>3. Tại trang 179 và 180 Mục 5.1 Cơ sở lập quy hoạch: Đề nghị căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã bổ sung nội dung Cơ sở lập quy hoạch trong thuyết minh đồ án tại Khoản 5.1, Mục V, Phần E.

<p>4. Tại trang 181; 182 và 183:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề nghị bổ sung Viết là “5.3. Nguồn điện và Hạ tầng lưới điện”- Nguồn cấp điện cho huyện Thuận Bắc hiện hữu là Trạm 110kV Ninh Hải và đến năm 2030 có Trạm 110kV Du Long; Trạm 110kV Thuận Bắc và Trạm 110kV Bình Tiên.- Các nguồn điện đang vận hành trên địa bàn huyện Thuận Bắc:<ul style="list-style-type: none">+ Nhà máy điện mặt trời Trung Nam – 204 MW;+ Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện-Thuận Bắc giai đoạn 1, công suất 125MW;+ Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện-Thuận Bắc giai đoạn 2, công suất 75MW;+ Nhà máy điện gió Trung Nam, công suất 151,95MW;+ Nhà máy điện gió Lợi Hải 28,9MW;+ Phần công suất nhà máy điện gió Hanbaram, công suất 57,6MW;+ Phần Công suất điện gió Đầm Nại 1 và 2, công suất 5,25MW;+ Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.4, công suất 80MW;- Các nguồn điện dự kiến vận hành đến 2030:<ul style="list-style-type: none">+ Dự án điện gió Công Hải 1 giai đoạn 1, công suất 3MW;+ Dự án điện gió Công Hải 1 giai đoạn 2, công suất 25MW;+ Phần công suất dự án điện gió Đầm Nại 3, công suất 35MW;+ Dự án điện gió Đầm Nại 4, công suất 27,6MW;+ Các dự án nguồn điện tiềm năng khi Quy hoạch phát triển lực Quốc gia điều chỉnh phân bổ cho tỉnh trong thời gian đến trong đó có huyện Thuận Bắc (điện gió, điện mặt trời tự sản, tự tiêu...).- Đề nghị bổ sung Viết là “ 5.3.2 Hạ tầng lưới điện”	<ul style="list-style-type: none">- Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh trong thuyết minh đồ án tại Khoản 5.3, Mục V, Phần E.
--	---

<p>+ Cấp điện áp 220kV Trạm biến áp 220kV và tuyến đường dây 220kV);</p> <p>+ Cấp điện áp 110kV (Trạm biến áp 110kV và tuyến đường dây 110kV);</p> <p>+ Cấp điện áp Trung và Hạ thế.</p>				
Liệt kê	Đơn vị tính	Tài sản điện lực	Tài sản khách hàng	Tổng cộng
Đường dây trung áp	Km	101,155	49,741	150,896
Trạm biến áp /dung lượng	Trạm/ kVA	108/ 14.688	176/ 82.943	283/ 96.378
Đường dây hạ áp	Km	75,155	0,443	75,598
<p><i>Ghi chú: Đề nghị vị tư vấn liên hệ thêm với Truyền tải điện Ninh Thuận (quản lý cấp điện áp 220kV – 500kV) và Công ty điện lực Ninh Thuận (quản lý cấp điện áp 110kV trở xuống) để có số liệu chính xác các công trình đang vận hành và đang triển khai.</i></p>				
<p>II. Về lĩnh vực cụm công nghiệp:</p> <p>- Đề nghị làm rõ nội dung: “Dự án cụm công nghiệp Suối Đá đã chuyển thành dự án Khu công nghiệp công nghệ cao” tại điểm b tiểu khoản 2.1.2 phần II (trang 33). Lý do: Trên địa bàn huyện Thuận Bắc chỉ có quy hoạch phát triển 01 Khu công nghiệp Du Long.</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh trích dẫn trong nội dung liên quan đến cụm công nghiệp tại tiểu khoản 2.4 (trang 84) từ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 thành Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 để đảm bảo tính pháp lý cao nhất.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung làm rõ CCN Lợi Hải 1 sẽ được định hướng phát triển trong tiểu vùng nào? thuộc nội dung của tiểu khoản 1.2.2 mục I Phần D (trang 94).</p>		<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh, bỏ “cụm công nghiệp Suối Đá” thay bằng 2 cụm công nghiệp Lợi Hải 1, Lợi Hải 2.</p> <p>- Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh nội dung trích dẫn trong thuyết minh đồ án tại Khoản 2.4, Mục II, Phần C.</p> <p>- Nội dung định hướng CCN Lợi Hải 1 được định hướng phát triển trong tiểu vùng phía Bắc đã được đơn vị tư vấn bổ sung tại Điểm 1.2.2, Khoản 1.2, Mục I, Phần D.</p>		

	<p>- Đề nghị thay thế “cụm công nghiệp Suối Đá” (trang 127) thành 02 CCN: Lợi Hải 1, Lợi Hải 2.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh và thay thế nội dung trong thuyết minh tổng hợp đồ án tại Khoản 4.1, Mục IV, Phần D.</p>
	<p>III. Về lĩnh vực thương mại: 1. Tại trang 33: Hiện trạng phát triển thương mại - Đề nghị cập nhật hiện trạng phát triển cửa hàng xăng dầu, chợ trên địa bàn huyện và đánh giá phát triển thương mại phù hợp với thực tế những năm qua dựa trên các chỉ tiêu phát triển thương mại theo kế hoạch đề ra của địa phương.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã bổ sung và cập nhật nội dung danh mục hiện trạng cửa hàng xăng dầu, chợ trên địa bàn huyện và đánh giá phát triển thương mại phù hợp với thực tế những năm qua theo kế hoạch đề ra của địa phương dựa theo nội dung Đề xuất tích hợp huyện Thuận Bắc trong Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận đã duyệt vào thuyết minh đồ án tại Tiêu điểm d, Điểm 2.1.2, Khoản 2.1, Mục II, Phần B.</p>
	<p>2. Tại trang 148: - <i>Đối với phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện:</i> Đề nghị cập nhật danh mục địa điểm đầu tư cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện được phê duyệt tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra, địa phương căn cứ định hướng phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới đề xuất phát triển thêm các cửa hàng xăng dầu nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của địa phương. - <i>Đối với hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại:</i> + Đề nghị địa phương cập nhật danh mục các dự án đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tại các Quyết định: 2263/QĐ-UBND</p>	<p>- <i>Đối với phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung danh mục đầu tư hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện trong thuyết minh đồ án tại Điểm 5.5.2, Khoản 5.5, Mục V, Phần D. + Về nội dung đề xuất phát triển thêm cửa hàng xăng dầu: Danh mục địa điểm đầu tư cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện được duyệt ngày 15/3/2023 đã được cập nhật theo nhu cầu địa phương nên Danh mục cửa hàng xăng dầu là định hướng mới nhất theo nhu cầu huyện. - <i>Đối với hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại:</i> + Đơn vị tư vấn đã cập nhật danh mục các dự án đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương</p>

<p>ngày 02/12/2021 và 704/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh để có phương án đầu tư, phát triển chợ cho phù hợp.</p> <p>+ Đề nghị nghiên cứu bổ sung quỹ đất để mở rộng các chợ trên địa bàn (chợ Mỹ Nhơn, chợ Ba Tháp) đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định, cụ thể: Đối với chợ nông thôn diện tích từ 2.000m² – 3.000m², đối với khu vực miền núi diện tích từ 1.500m².</p> <p>+ Đối với diện tích Siêu thị hạng III theo đề xuất: Đề nghị địa phương nghiên cứu diện tích xây dựng siêu thị hạng III nhằm tránh lãng phí trong sử dụng đất của địa phương.</p> <p>+ Tại bảng số 19, 20 trang 149-150: Đề nghị rà soát lại tiêu chuẩn đất xây dựng tối thiểu đối với các chợ khu vực nông thôn, miền núi, siêu thị, trung tâm thương mại đảm bảo theo quy định.</p>	<p>mại trên địa bàn huyện: Chỉ có 01 công trình siêu thị cấp III tại trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc, xã Lợi Hải giai đoạn đến năm 2030 với quy mô 500 – 1.000 m².</p> <p>+ Đơn vị tư vấn đã tiếp thu, tuy nhiên đối với nội dung quỹ đất để mở rộng các chợ trên địa bàn như chợ nông thôn hoặc ở khu vực miền núi thì sẽ được quy định và đề cập cụ thể nội dung trong các đồ án quy hoạch cấp dưới như Quy hoạch chung xã, Quy hoạch nông thôn mới,... đảm bảo tuân theo QCVN hiện hành.</p> <p>+ Căn cứ theo Dự thảo 2 Thông tư 2022/TT-BCT năm 2022 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và quản lý một số loại hình hạ tầng thương mại, có quy định nội dung đối với Siêu thị hạng III kinh doanh tổng hợp: Diện tích kinh doanh 500m² trở lên, kinh doanh nhiều mặt hàng, ngành hàng, danh mục hàng hóa kinh doanh từ 4.000 tên hàng trở lên ⇒ Diện tích theo đề xuất tại Danh mục các dự án đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại từ 500 – 1.000m² là phù hợp, chi tiết cụ thể quy mô sẽ được thể hiện sau trong dự án đầu tư siêu thị hạng III.</p> <p>+ Đơn vị tư vấn đã rà soát và cập nhật nội dung đất xây dựng tối thiểu các công trình thương mại đối với khu vực đô thị và nông thôn đảm bảo theo</p>
---	--

		QCVN 01:2021/BXD tại Bảng số 21, 22, Điểm 5.5.2, Khoản 5.5, Mục V, Phần D.
8	<i>Sở Văn hóa, thể thao và du lịch (văn bản số 1019/SVHTTDL-QLVHGĐ ngày 22/05/2024)</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nghiên cứu nội dung trong hồ sơ lấy ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với các nội dung đối với Đồ án. - Tuy nhiên, tại Phần IV. Định hướng phát triển các ngành sản xuất, trang 134. Mục 4.3. Định hướng phát triển văn hóa – Thể dục thể thao và phát thanh truyền hình đề nghị thay đổi một số hình ảnh minh họa của tỉnh như: (1) Hình toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; (2) Hình Văn hóa truyền thống; (3) Hình trò chơi dân gian của người Chăm. Tại trang 136. Mục 4.4. Định hướng phát triển du lịch đề nghị thay đổi một số hình ảnh để phù hợp với du lịch của tỉnh Ninh Thuận như: (1) Hình du lịch cộng đồng văn hóa Chăm; (2) Du lịch cộng đồng văn hóa Raglai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu. - Đơn vị tư vấn đã cập nhật và thay đổi một số hình ảnh minh họa trong thuyết minh đồ án tại Khoản 4.3 – Định hướng phát triển văn hóa TDTT và 4.4 – Định hướng phát triển du lịch, Mục IV, Phần D.
9	<i>Sở Lao động – thương binh và xã hội (văn bản số 1687/SLĐTBXH-VP ngày 22/05/2024)</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Qua nghiên cứu nội dung Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc xây dựng, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội không có ý kiến bổ sung nội dung Đồ án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
10	<i>Sở Tài nguyên và môi trường (văn bản số 2386/STNMT-ĐĐ ngày 28/05/2024)</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Về hiện trạng sử dụng đất: Đồ án lấy số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2022 là chưa phù hợp với thời điểm lập Đồ án. Do vậy, đề nghị đơn vị tư vấn đánh giá hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Thuận Bắc đến ngày 31/12/2023 theo số liệu tại Báo cáo số 56/BC-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc. - Về phương án quy hoạch phát triển vùng: Đồ án cơ bản đã bám sát vào hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Về hiện trạng sử dụng đất:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật số liệu hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2023 theo số liệu tại Báo cáo số 56/BC-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc. - <i>Về phương án quy hoạch phát triển vùng:</i> Đơn vị tư vấn đã rà

<p>kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023. Tuy nhiên, để đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch sử dụng đất và Đồ án quy hoạch vùng huyện, đề nghị Đơn vị tư vấn rà soát các công trình, dự án tại Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc và các quy hoạch ngành để cập nhật vào Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc để đảm bảo sự thống nhất giữa các quy hoạch và làm căn cứ triển khai dự án.</p> <p>- Về Bản đồ định hướng phát triển không gian: (1) Đề nghị kiểm tra lại vị trí quy hoạch mở khai thác khoáng sản tại địa bàn xã Phước Chiến (gần Điểm du lịch sinh thái số 16), do theo quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thì vị trí là đất rừng phòng hộ. (2) đề nghị bổ sung thêm hồ Kiên Kiên vào bản đồ.</p>	<p>soát và cập nhật các công trình, dự án tại Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc và các quy hoạch ngành để cập nhật vào Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc.</p> <p><i>- Về Bản đồ định hướng phát triển không gian:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật các vị trí quy hoạch mở khai thác khoáng sản trên toàn Huyện theo quy hoạch Tỉnh và vị trí hồ Kiên Kiên vào bản đồ.</p>
<p>11 <i>Sở Giao thông vận tải (văn bản số 1558/SGTVT-QLGT ngày 29/05/2024)</i></p>	
<p>- Đề nghị Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật số liệu về hiện trạng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Thuận Bắc nhằm đảm bảo phù hợp với Quyết định số 74/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về phân cấp, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Đối với tuyến đường bộ có ký hiệu số 13 đoạn qua thôn Mỹ Nhơn và tuyến đường bộ có ký hiệu số 702 đoạn qua thôn Bình Nghĩa thể hiện trong bản vẽ Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông, đề nghị Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh tên gọi của các tuyến đường cho phù hợp với Quyết định số 74/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh;</p> <p>- Hiện nay, tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã hoàn thành đưa vào khai thác và tuyến đường Vành đai phía Bắc (ĐT.702B) đoạn từ Đường tỉnh 702 đến Quốc lộ 1 đang triển khai thi công. Đề nghị Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn cập nhật, bổ sung các tuyến đường</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã bổ sung và điều chỉnh nội dung trong thuyết minh đồ án tại Khoản 2.5.1, Mục II, Phần B.</p> <p>- Đơn vị tư vấn đã cập nhật, bổ sung các tuyến đường này vào bản vẽ Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.</p>

	này vào bản vẽ Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông để đảm bảo phù hợp với thực tế.	
12	Phòng QLHXD & HTKT (văn bản ngày 04/06/2024)	
	- Tại trang 51 Thuyết minh, hình 14 Sơ đồ hiện trạng cấp nước: đề nghị bổ sung hiện trạng Nhà máy cấp nước của Công ty Cổ phần Thành Trung Ninh Thuận (nay là Công ty Cổ phần H2O Ninh Thuận), công suất 6.000m ³ /ngày.đêm	- Đơn vị tư vấn đã bổ sung nội dung vào thuyết minh tại Khoản 2.5, Mục II, Phần B.
	- Tại trang 174 Thuyết minh, hình 34 Sơ đồ định hướng cấp nước huyện Thuận Bắc: đề nghị bổ sung định hướng nâng công suất Nhà máy cấp nước của Công ty Cổ phần H2O Ninh Thuận, công suất 10.000m ³ /ngày.đêm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Thực hiện phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.	- Đơn vị tư vấn đã bổ sung nội dung định hướng vào thuyết minh tại Mục III, Phần E.
	- Đồng thời điều chỉnh phần bản đồ hiện trạng và bản đồ định hướng quy hoạch cấp nước theo nội dung đề nghị điều chỉnh trong thuyết minh như trên.	- Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh và bổ sung phần bản đồ trong thuyết minh như trên.
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư (văn bản số 2616/SKHĐT-TH ngày 10/6/2024)	
	- Về dân số và tỷ lệ đô thị hóa: Theo nội dung đề xuất phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Thuận Bắc tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 có định hướng đến năm 2025 dự báo dân số toàn huyện là 46.633 người, tỷ lệ đô thị hóa là 35,7% tương ứng với 16.635 người; đến năm 2030, dân số dự báo là 49.255 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 48% tương ứng với 23.639 người; tầm nhìn đến năm 2050 là 53.668 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 72,2%, tương ứng với 38.735 người. Tuy nhiên, theo dự thảo Đồ án lấy ý kiến thì định hướng có khác so với nội dung Quy hoạch tỉnh, cụ thể: Đến năm 2025 dự báo dân số là 46.633 người, tỷ lệ đô thị hóa là 25,0%, tương ứng với 11.635 người; đến năm 2030, dân số dự báo là 49.255 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 36,6% tương ứng với 18.037 người; tầm	- Nội dung về dự báo dân số và tỷ lệ đô thị hóa được đơn vị tư vấn cập nhật theo nội dung dự báo dân số của huyện Thuận Bắc tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2, Mục X, Phần II trong thuyết minh đồ án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận. Bên cạnh đó, đơn vị tư vấn cũng giải trình cụ thể nội dung dự báo dân số tại Khoản 2.5, Mục II, Phần C trong thuyết minh đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc.

	<p>nhìn đến năm 2050 là 53.668 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 72,2% tương ứng với 38.735 người. Do vậy, đề nghị xem xét, rà soát, đảm bảo nội dung dự thảo Đồ án phù hợp với nội dung Quy hoạch tỉnh.</p>	
	<p>- Về phát triển các khu, cụm công nghiệp: Tại mục 2.4 trang 84 dự thảo có ghi “02 CCN Lợi Hải 1 và 2 khuyến khích các ngành nghề như sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, cơ khí,...”. Đề nghị rà soát, đồng bộ với nội dung phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh, cụ thể như sau: “Tập trung thu hút các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong đó ưu tiên: chế biến thực phẩm, sản xuất VLXD, cơ khí, sản xuất chế biến gỗ, sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương”.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung tại Khoản 2.4, Mục II, Phần C của thuyết minh đồ án.</p>
	<p>- Về phương án phát triển các khu chất thải rắn, nghĩa trang: Quy hoạch tỉnh chỉ thể hiện những định hướng lớn, dự án mang tính cấp tỉnh và liên huyện, không xác định cụ thể các nghĩa trang hoặc xử lý chất thải rắn có quy mô nhỏ, mang tính phục vụ địa bàn cấp xã, huyện. Do vậy, đề nghị xem xét, rà soát, xác định cụ thể các khu chất thải rắn và khu nghĩa trang trong Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và rà soát cập nhật: + Điều chỉnh bản đồ hiện trạng cấp nước, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. + Điều chỉnh bản đồ định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.</p>
14	Hội Kiến trúc sư Ninh Thuận (văn bản số 27/HKTSNT ngày 10/06/2024)	
	<p>Phần A – Đặt vấn đề: - Cơ bản thống nhất với các nội dung trong phần này của đồ án. Tuy nhiên cách diễn đạt chưa rõ, chưa mạch lạc.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh lại cách thể hiện nội dung trong thuyết minh đồ án.</p>
	<p>Phần B – Đánh giá đặc điểm tự nhiên, hiện trạng và các nguồn lực phát triển, tình hình thực hiện đồ án vùng huyện Thuận Bắc: - Mục I, II đánh giá hiện trạng: Phần này thể hiện khá đầy đủ hiện trạng và điều kiện tự nhiên trên địa bàn nghiên cứu. Về cấp nước, trên địa bàn hiện có nhà máy nước Công ty Thành Trung đầu</p>	<p>- Mục I, II đánh giá hiện trạng: Đơn vị tư vấn đã bổ sung và điều chỉnh nội dung trong thuyết minh</p>

<p>tư, hệ thống ống đã kéo đến Khu du lịch Bình Tiên nhưng chưa đưa vào hoạt động, đang bị xuống cấp. Cần khảo sát và bổ sung vào phân hiện trạng để có phương án khôi phục cho đô thị Lợi Hải.</p> <p>- Mục III đánh giá việc thực hiện Quy hoạch vùng huyện được duyệt năm 2012:</p> <p>+ <i>Tại mục 3.2.2 Bảng so sánh số liệu hiện trạng năm 2020 với số liệu theo đồ án QH được duyệt năm 2012:</i> Đối với địa phương chưa có đô thị nào thì cần đánh giá sự phát triển của địa phương đó dựa trên sự thay đổi cơ cấu dân cư, cơ cấu lao động, số liệu tốc độ tăng dân số phi nông nghiệp, đất đai phi nông nghiệp thì việc đánh giá sẽ chính xác và thuyết phục hơn.</p> <p>+ <i>Tại mục 3.2.3 Rà soát thực hiện Quy hoạch:</i> Mục này thể hiện thiếu số liệu chứng minh để thể hiện các lĩnh vực của huyện đều phát triển chậm, không đạt chỉ tiêu đề ra. Một số lĩnh vực tiêu biểu như: Công nghiệp, Mạng lưới đô thị và nông thôn, Mô hình trung tâm hỗ trợ sản xuất nông thôn đã được đề cập trong QH 2012 → cần bổ sung khắc phục và làm rõ các nội dung để đánh giá thực chất sự phát triển của huyện Thuận Bắc từ năm 2012 đến nay.</p> <p>- Mục IV các phương hướng phát triển và phương hướng quy hoạch liên quan đến vùng lập quy hoạch: Đồ án đã thể hiện khá đầy đủ các nội dung có liên quan đến huyện Thuận Bắc được đề cập trong các đồ án quy hoạch cũng như các định hướng có liên quan của các cấp.</p> <p>+ Tuy nhiên, phần đánh giá chưa nêu được những đặc thù của huyện. Cần nhận thức được</p>	<p>đồ án tại Khoản 2.5.4, Mục II, Phần B.</p> <p>- <i>Tại mục 3.2.2 Bảng so sánh số liệu hiện trạng năm 2020 với số liệu theo đồ án QH được duyệt năm 2012:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật và bổ sung nội dung <i>So sánh chỉ tiêu hiện trạng với định hướng phát triển KT-XH của huyện theo QH 2012</i> vào thuyết minh tại Điểm 3.2.2, Khoản 3.2, Mục III, Phần B để đánh giá sự phát triển địa phương so với QH 2012.</p> <p>- <i>Tại mục 3.2.3 Rà soát thực hiện Quy hoạch:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung số liệu hiện trạng kinh tế - xã hội qua từng giai đoạn 2016 – 2020, 2021 – 2023 theo các văn bản Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội huyện để so sánh tình hình phát triển hiện tại với QH 2012.</p> <p>- <i>Về Mô hình trung tâm hỗ trợ sản xuất nông thôn đã được đề cập trong QH 2012:</i> Đơn vị tư vấn đã rà soát và nhận thấy khu chức năng này chưa được đề cập trong QH 2012.</p> <p>- Mục IV: Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.</p> <p>- <i>Vai trò của huyện Thuận Bắc:</i> Đơn vị tư vấn đã đánh giá lại về</p>
---	---

<p>vai trò của huyện đối với tỉnh, cụ thể: (1) Thuận Bắc không nằm trong 03 vùng động lực của tỉnh; (2) Đô thị Lợi Hải chỉ trong thời gian tới cũng chỉ là đô thị vệ tinh loại V có vai trò không lớn trong hệ thống đô thị toàn tỉnh.</p> <p>+ Về một số định hướng phát triển của huyện Thuận Bắc trong quy hoạch tỉnh có một số nội dung cần bổ sung để làm rõ thêm: (1) Cần làm rõ lý do tăng giảm dân số qua từng giai đoạn; (2) Chính sửa lại câu “chuyển dịch các ngành, lĩnh vực, sản phẩm và dịch vụ” → cần chỉ rõ; (3) Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cần bổ sung số liệu tăng giảm so với hiện tại để thể hiện được xu hướng phát triển của huyện.</p>	<p>nội dung đặc thù của huyện Thuận Bắc trong Quy hoạch tỉnh mới nhất để làm rõ vai trò của huyện trong toàn tỉnh tại Khoản 4.2, Mục IV, Phần B.</p> <p>- Về một số định hướng phát triển của huyện Thuận Bắc trong quy hoạch tỉnh:</p> <p>+ Nội dung (1): Nội dung của phần này được đơn vị tư vấn trích từ đồ án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận mới nhất và Nội dung đề xuất tích hợp số 33 trong Quy hoạch tỉnh về Dự báo dân số tại huyện Thuận Bắc.</p> <p>+ Nội dung (2): Đơn vị tư vấn đã bổ sung nội dung Định hướng các ngành, lĩnh vực chủ yếu để làm rõ câu “chuyển dịch các ngành, lĩnh vực, sản phẩm và dịch vụ”.</p> <p>+ Nội dung (3): Nội dung so sánh số liệu tăng giảm với QH sử dụng đất đến năm 2030 được cập nhật và thể hiện trong Bảng 10, Khoản 4.5, Mục IV, Phần B.</p>
<p>Phần C – Tiên đề phát triển vùng</p> <p>- Mục I Tiên đề phát triển vùng huyện: cơ bản thống nhất các nội dung, có một số nội dung cần lưu ý như sau:</p> <p>+ <i>Tại mục 1.3.1 Vai trò và mối liên hệ của huyện Thuận Bắc trong các vùng Duyên hải nam trung bộ và vùng Tây Nguyên:</i> chưa thể hiện được vị thế của huyện trên vai trò là thu hút đầu tư, thu hút sự quan tâm từ các vùng kinh tế lân cận đến huyện Thuận Bắc → cần nhắc lại vị thế này.</p> <p>+ <i>Tại mục 1.3.2 Vai trò và vị thế của huyện Thuận Bắc trong tỉnh Ninh Thuận:</i> chỉ mới đề</p>	<p>- <i>Tại mục 1.3.1 Vai trò và mối liên hệ của huyện Thuận Bắc trong các vùng Duyên hải nam trung bộ và vùng Tây Nguyên:</i> Đơn vị tư vấn đã làm rõ nội dung này tại Điểm 1.3.1, Khoản 1.3, Mục I, Phần C.</p> <p>- <i>Tại mục 1.3.2 Vai trò và vị thế của huyện Thuận Bắc trong tỉnh</i></p>

<p>cập đến thuận lợi về giao thông và chịu ảnh hưởng của các huyện tiếp giáp nhưng chưa thể hiện được vị trí vai trò của huyện Thuận Bắc đối với các khu vực lân cận.</p> <p>+ <i>Tại mục 1.5.1 Tiềm năng chiến lược vùng:</i> (1) Cần nhắc việc đánh giá Thuận Bắc có phải là vị trí chiến lược vì hiện hữu chỉ có một số lợi thế trong tỉnh về giao thông, về phát triển công nghiệp và phát triển du lịch; (2) Hiện nay vị trí thuận lợi để đầu tư phát triển năng lượng không còn nhiều, vì vậy tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại Thuận Bắc không còn chính xác; Có thể nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo theo hướng phi tập trung: điện gió nhỏ quy mô nhỏ và điện mặt trời áp mái.</p> <p>+ <i>Tại mục 1.5.2 Động lực phát triển vùng:</i> thông nhất như dự thảo, tuy nhiên cần rà soát và đánh giá tình hình thực tế như mục 1.5.1</p> <p>- Mục II các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:</p> <p>+ <i>Tại mục 2.1 Mục tiêu phát triển vùng:</i> Cần đánh giá và xem xét lại các nội dung liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo.</p> <p>+ <i>Tại mục 2.3 Chỉ tiêu về kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025:</i> Xem xét lại việc lấy số liệu dự báo đến năm 2025 có hợp lý đối với Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đều xác định thời hạn đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 không?</p> <p>+ <i>Tại mục 2.3.1 Dự báo về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:</i> Bổ sung thuyết minh để chứng minh các số liệu lý do tăng giảm của các ngành như nông nghiệp, công nghiệp – xây dựng, thương mại dịch vụ cụ thể và thuyết phục hơn.</p>	<p><i>Ninh Thuận:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật và làm rõ một số nội dung thể hiện vai trò và vị thế của huyện Thuận Bắc với các khu vực lân cận trong tỉnh Ninh Thuận tại Điểm 1.3.2, Khoản 1.3, Mục I, Phần C.</p> <p>- <i>Tại mục 1.5.1 Tiềm năng chiến lược vùng:</i> Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh và làm rõ nội dung (1) và (2) trong thuyết minh đồ án tại Điểm 1.5.1, Khoản 1.5, Mục I, Phần C.</p> <p>- <i>Tại mục 1.5.2 Động lực phát triển vùng:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung Động lực phát triển về năng lượng theo đánh giá tình hình thực tế tại Điểm 1.5.2, Khoản 1.5, Mục I, Phần C.</p> <p>- <i>Mục II, tại mục 2.1 Mục tiêu phát triển vùng:</i> Đơn vị tư vấn đã xem xét và đánh giá lại nội dung liên quan đến năng lượng tái tạo tại Khoản 2.1, Mục II, Phần C.</p> <p>- <i>Tại mục 2.3 Chỉ tiêu về KT – XH giai đoạn 2021-2025:</i> Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh và giải trình rõ tại điểm 2.3.1, khoản 2.3, mục II, phần C.</p> <p>- <i>Tại mục 2.3.1 Dự báo về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:</i> Đơn vị tư vấn đã bổ sung các số liệu của các ngành qua các giai đoạn 2016 – 2020, 2021 – 2023 và định</p>
--	--

<p>+ <i>Tại mục 2.6.3. Dự báo về đất xây dựng điểm dân cư nông thôn:</i> (1) Cần xem xét lại số liệu chính xác về nội dung Dự báo dân số nông thôn và Nhu cầu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn có sự khác nhau và chênh lệch so với mục 2.5.2; (2) Sự chênh lệch đất xây dựng điểm dân cư nông thôn từ 140-210ha so với năm 2025 thì chuyển thành đất gì? Đất nông thôn, làng xã đã tồn tại lâu năm nên việc giảm đất dân cư nông thôn liệu có khả thi?</p>	<p>hướng đến năm 2025 để làm rõ được lý do tăng giảm của các ngành tại Điểm 2.3.1, Khoản 2.3, Mục II, Phần C.</p> <p>- <i>Tại mục 2.6.3. Dự báo về đất xây dựng điểm dân cư nông thôn:</i></p> <p>+ Với nội dung (1): Số liệu dự báo dân số nông thôn năm 2030 là 31.200 người được đề xuất căn cứ theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận; còn dân số nông thôn trong bảng tính chỉ tiêu đất đai nông thôn đến năm 2030 (37.081 người) tại Điểm 2.6.3, Khoản 2.6, Mục II, Phần C là số liệu được lấy theo hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất huyện Thuận Bắc đến năm 2030 làm cơ sở để tính chỉ tiêu đất ở nông thôn m²/người, từ đó tính toán nhu cầu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn.</p> <p>+ Với nội dung (2): Nội dung này đã được đơn vị tư vấn điều chỉnh và giải trình rõ tại Điểm 2.5.3, Khoản 2.5, Mục II, Phần C trong thuyết minh.</p>
<p>Phần D – Định hướng phát triển không gian</p> <p>- <i>Mục I Tổ chức phân vùng:</i> Cơ bản thống nhất phương án 3 với những ưu điểm đã phân tích trong thuyết minh.</p> <p>+ <i>Tại mục 1.2.2 Yêu cầu quản lý và phát triển vùng theo chức năng kinh tế:</i> (1) Về dân số các tiểu vùng có sự tăng giảm đột biến, cần phân tích rõ thêm về luồng dịch chuyển dân số, lao động; (2) Nên đề cập và định hướng phát triển các tiềm năng chưa được khai thác hoặc khai thác nhưng hiệu quả thấp như: tiềm năng về khoáng sản, tiềm năng về đất nông nghiệp; (3) Về tiềm năng du lịch cần đánh giá hiệu quả những khu vực đã có dự án và đang khai thác, những khu đất có</p>	<p>- <i>Mục I:</i> Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.</p> <p>- <i>Tại mục 1.2.2 Yêu cầu quản lý và phát triển vùng theo chức năng kinh tế:</i></p> <p>+ Nội dung (1): Dân số các tiểu vùng có sự tăng giảm được phân bố dựa trên dự báo dân số của từng xã thể hiện cụ thể tại Điểm 2.3.3, Khoản 2.3, Mục II, Phần D; Về luồng dịch chuyển dân số đã được đơn vị</p>

<p>tiềm năng nhưng chưa khai thác để kêu gọi đầu tư cũng như có giải pháp hiệu quả; (4) Về tiềm năng công nghiệp cần phân tích tính khả thi việc lấp đầy KCN và CCN; làm rõ các loại hình công nghiệp thu hút vào KCN và CCN; năng lượng tái tạo cũng cần nêu rõ về dư địa và lĩnh vực phát triển.</p> <p>- Mục II Định hướng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn: Cơ bản thống nhất các nội dung của mục này.</p> <p>+ <i>Tại mục 2.4 Xác định nhu cầu ở:</i> (1) Cần nhắc nhu cầu nhà ở thương mại, vì khu vực huyện Thuận Bắc là huyện nghèo, đối tượng có khả năng mua được nhà ở thương mại là không nhiều; (2) Phải bổ sung nhu cầu nhà ở cho thuê,</p>	<p>tư vấn giải trình rõ tại Khoản 2.5, Mục II, Phần C.</p> <p>+ Nội dung (2): Về khoáng sản, đơn vị tư vấn đã bổ sung định hướng tiềm năng tại Điểm 1.2.2, Khoản 1.2, Mục I, Phần D; Về đất nông nghiệp, đơn vị tư vấn chỉ định hướng các khu vực phát triển nông nghiệp dựa trên tài nguyên đất hiện trạng, còn về nội dung định hướng chuyển đổi cây trồng phù hợp sẽ được định hướng cụ thể trong lĩnh vực ngành nông nghiệp.</p> <p>+ Nội dung (3): Về hiệu quả khu vực đã và đang khai thác du lịch và các tài nguyên du lịch đã được thể hiện tại Điểm 1.2.7, Khoản 1.2, Mục I và Điểm 2.1.2, Khoản 2.1, Mục II, Phần B. Về khai thác tiềm năng và các định hướng phát triển cụ thể được đề cập tại Khoản 3.2, Mục III và Khoản 4.4, Mục IV, Phần D.</p> <p>+ Nội dung (4): Tính khả thi của việc lấp đầy các khu và cụm công nghiệp, các loại hình công nghiệp được thể hiện tại Khoản 3.1, Mục III và Khoản 4.1, Mục IV, Phần D.</p> <p>- <i>Mục II, tại mục 2.4 Xác định nhu cầu ở:</i></p> <p>+ Với nội dung (1): Đơn vị tư vấn đã tiếp thu, tuy nhiên nội dung này được cập nhật theo thống kê của huyện về nhu cầu nhà ở thương mại trên địa bàn.</p> <p>+ Với nội dung (2): Về nhà ở cho thuê phục vụ cho công</p>
--	---

<p>phục vụ đối tượng là công nhân và những người lao động phi nông nghiệp có thu nhập thấp.</p> <p>- Mục III Định hướng quy hoạch phát triển không gian phát triển các ngành kinh tế:</p> <p>+ <i>Tại mục 3.1.1 Quan điểm:</i> Xem xét lại quan điểm “Đưa huyện Thuận Bắc trở thành vùng trọng điểm năng lượng tái tạo của tỉnh Xác định phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo là trụ cột, là động lực và là một trong những ngành đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội” vì hiện nay du địa phát triển lĩnh vực này không còn đáng kể → Có thể thay đổi bằng: Phấn đấu đưa huyện Thuận Bắc trở thành địa phương đi đầu của tỉnh về phát triển năng lượng điện mặt trời phân tán.</p> <p>+ <i>Tại mục 3.1.2 Định hướng các ngành công nghiệp:</i> Nên phát triển điện mặt trời trên mái nhà thay vì phát triển theo quy mô dự án lớn.</p> <p>+ <i>Tại mục 3.1.3 Phân bố các vùng công nghiệp:</i> Cơ bản thống nhất các nội dung của mục này. (1) Xem xét lại các nội dung liên quan đến điện gió, điện mặt trời; (2) Làm rõ thiết chế Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng là loại thiết chế gì? Phải đảm bảo tính khả thi tránh tình trạng thiếu cơ sở không khả thi.</p>	<p>nhân đã được phân bố trong đồ án Quy hoạch chung đô thị Lợi Hải, vị trí nằm trong Khu đô thị công nghiệp – dịch vụ phía Nam đô thị Lợi Hải.</p> <p>- <i>Tại mục 3.1.1 Quan điểm:</i> Đơn vị tư vấn đã xem xét và thay đổi quan điểm để phù hợp với tình hình du địa phát triển trên địa bàn huyện.</p> <p>- <i>Tại mục 3.1.2 Định hướng các ngành công nghiệp:</i> Đơn vị tư vấn đã cập nhật và điều chỉnh nội dung định hướng ngành công nghiệp năng lượng tại Điểm 3.1.2, Khoản 3.1, Mục III, Phần D.</p> <p>- <i>Tại mục 3.1.3 Phân bố các vùng công nghiệp:</i></p> <p>+ Với nội dung (1): Đơn vị tư vấn đã cập nhật nội dung về điện gió, điện mặt trời.</p> <p>+ Với nội dung (2): Đơn vị tư vấn đã rà soát lại theo QH tỉnh mới nhất và thấy trong QH tỉnh chưa đề cập cụ thể vị trí của Trung tâm này, nên vị trí cụ thể trong Tỉnh sẽ được xác định khi có chủ trương triển khai Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng.</p>
--	---

<p>+ <i>Tại mục 3.2 Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:</i> Cơ bản thống nhất với nội dung của mục này, đề nghị bổ sung thêm 02 ý: (1) Chú trọng phát triển du lịch cộng đồng; (2) Tích cực kết hợp phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch. Thúc đẩy mô hình liên kết giữa các cơ sản xuất nông nghiệp với các hoạt động du lịch. Hướng đến xây dựng nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp đều trở thành điểm đến của du lịch.</p> <p>- Mục V Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội: Cơ bản thống nhất với nội dung của các mục này.</p> <p>+ <i>Tại mục 5.7 Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:</i> Loại mô hình này chưa đủ cơ sở pháp lý để hình thành. Thay vì thành lập các khu tập trung thì nên xác định nhu cầu quỹ đất cho hoạt động này nằm trong loại đất dịch vụ sản xuất ở từng khu vực trên địa bàn huyện.</p> <p>- Mục VII So sánh giữa quy hoạch xây dựng vùng huyện đã duyệt 2012 và định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện: Cơ bản nhất trí với các nội dung của mục này. Tuy nhiên theo QH 2012 các tính chất được thể hiện khái quát cao hơn so với các tính chất mà đồ án đang lập đề ra có nội dung trùng lặp và lẫn lộn → Đề nghị giữ nguyên 05 tính chất được xác định trong QH 2012, đồng thời có thể bổ sung và làm rõ một số ý cho mỗi tính chất như đồ án đang lập đề cập.</p>	<p>- <i>Tại mục 3.2 Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:</i> Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và cập nhật bổ sung nội dung vào phần định hướng Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên tại Điểm 3.2.2, Khoản 3.2, Mục III, Phần D thuyết minh đồ án.</p> <p>- Mục V: Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.</p> <p>- <i>Tại mục 5.7 Khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:</i> Nội dung này đã được thể hiện tại khoản 5.7, mục V, phần D.</p> <p>- Mục VII: Đơn vị tư vấn đã cập nhật lại nội dung tính chất của đồ án, cơ bản các tính chất không thay đổi so với Quy hoạch được duyệt, bên cạnh đó cũng được cập nhật các nội dung tính chất theo Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận mới nhất để phù hợp với tình hình phát triển và lợi thế của huyện.</p>
<p>Phần F – Kinh tế xây dựng</p> <p>- Cơ bản thống nhất. Tuy nhiên tại mục 3.2 cần điều chỉnh lại các khái niệm: HTXH, HTKT,... phù hợp với các chương trình dự án ưu tiên đầu tư.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã điều chỉnh và bổ sung nội dung danh mục: dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp để phù hợp với các chương trình dự án ưu tiên đầu tư tại Khoản 3.2, Mục III, Phần F.</p>

1.4. Giải trình các ý kiến góp ý của Sở ngành, các đơn vị liên quan tại cuộc họp ngày 10/07/2024:

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
1	Ban quản lý Vườn Quốc Gia Núi Chúa (Ông Nguyễn Khắc Giác)	
	Thống nhất thông qua đồ án	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.

2	Phó Chủ tịch huyện Thuận Bắc (Ông Trần Ngọc Bình)	
	Thống nhất thông qua đồ án	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Bắc (Ông Huỳnh Công Thùy)	
	Thống nhất thông qua đồ án	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Ông Hà Đức Vinh)	
	Cần điều chỉnh theo các nội dung góp ý trước khi thẩm định, phê duyệt	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.
5	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Ông Đặng Nguyên Kỳ)	
	Đề nghị bổ sung quy hoạch đất quốc phòng theo quyết định mới của Bộ Quốc phòng	Các vị trí đất quốc phòng đã được cập nhật vào Bản đồ định hướng phát triển không gian. Về quyết định mới của Bộ Quốc phòng: Đơn vị tư vấn sẽ cập nhật sau khi được cung cấp.
6	Phòng An ninh kinh tế - Công an tỉnh (Ông Phạm Tiên Phong)	
	Đề nghị cập nhật bổ sung đất an ninh vào hồ sơ Đồ án theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại huyện Thuận Bắc để phục vụ triển khai các dự án phù hợp quy định của pháp luật.	Các vị trí đất an ninh (12 vị trí) đã cập nhật vào Bản đồ định hướng phát triển không gian theo văn bản số 1066/ CAT-PA04 ngày 22/05/2024 của Công an tỉnh Ninh Thuận. Hiện trạng đất an ninh đã cập nhật tại điểm 2.3.2 khoản 2.3 mục II phần B của thuyết minh tổng hợp.
7	Sở Giao thông Vận tải (Ông Lê Tiến Mạnh)	
	Đề nghị điều chỉnh lại định hướng phát triển giao thông như sau: - Giao thông quốc gia: + Định hướng mở rộng tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam lên quy mô 6 làn xe. + Bỏ nội dung định hướng mở rộng quốc lộ 1A do hiện nay Bộ GTVT đã đầu tư toàn tuyến QL1 theo quy mô quy hoạch được duyệt. - Giao thông địa phương: Bỏ định hướng ĐT702 do hiện nay tuyến ven biển ĐT702 đã đầu tư quy mô theo quy hoạch.	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và điều chỉnh tại điểm 1.2.1 khoản 1.2 mục I phần E của thuyết minh tổng hợp.
8	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ông Lưu Quốc Tuấn)	
	- Vùng sản xuất nông lâm nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao Lợi Hải theo quy hoạch đã	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu

	<p>duyệt, định hướng quy hoạch vùng giữ nguyên → thống nhất</p> <p>- Định hướng không gian: vùng nông nghiệp: xác định chăn nuôi tập trung, vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao → thống nhất</p>	
9	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Ông Nguyễn Trần Vương)</i>	
	Thống nhất đồ án đã đáp ứng được các yêu cầu về điều chỉnh	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu
10	<i>Sở Công thương (Ông Đạo Văn Rớt)</i>	
	<p>- Đề nghị cập nhật đầy đủ hiện trạng và đánh giá hiện trạng của các ngành, trong đó có ngành công thương (cấp điện, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hạ tầng các cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại chợ, siêu thị, trung tâm thương mại ...) làm cơ sở định hướng phát triển trong thời gian tới theo định hướng quy hoạch tỉnh, ngành.</p> <p>- Về quy hoạch định hướng phát triển các không gian: đề nghị kế thừa và phân tích các quy hoạch đã phê duyệt trước đây có phù hợp không, bất cập để có cơ sở định hướng phát triển cho phù hợp.</p>	<p>- Nội dung đánh giá hiện trạng đã được thể hiện cụ thể tại điểm 2.1.2 khoản 2.1 và khoản 2.5, mục II phần B của thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Nội dung phân tích quy hoạch đã phê duyệt được thể hiện tại mục III phần B của thuyết minh tổng hợp.</p>
11	<i>Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Bắc (Ông Trần Xuân Tình)</i>	
	- Đề nghị tư vấn cập nhật thêm chợ nông thôn	Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và cập nhật tại điểm 2.1.2.d khoản 2.1.2 mục II phần B của thuyết minh tổng hợp
12	<i>Mặt trận Tổ quốc tỉnh (Ông Phạm Văn Cẩm)</i>	
	- Về quan điểm và mục tiêu của đồ án, đề nghị lấy người dân làm trọng tâm, đặt lợi ích của người dân trong khu vực đồ án làm mục tiêu hàng đầu.	- Trong quan điểm phát triển tại điểm 1.1.1 khoản 1.1 mục I phần C đã có đề cập về quan điểm lấy người dân làm trọng tâm, cụ thể: Từng bước xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn trong huyện mang nét đặc trưng, có bước phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai – địa hình – cảnh quan, có môi trường sống tiện nghi, đáp ứng định hướng phát triển không gian kinh tế, <i>đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân.</i>

	<p>- Đề nghị rà soát, nghiên cứu, điều chỉnh, thể hiện cụ thể các nội dung mang tính quy định và các nội dung mang tính khuyến cáo trong quy định quản lý theo đồ án.</p> <p>- Sau khi lấy ý kiến của các Sở, ngành địa phương, đề nghị tập hợp hồ sơ gửi về MTTQ Việt Nam tỉnh để tổ chức phản biện xã hội theo quy định.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu</p> <p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu</p>
13	<i>Hội Kiến trúc sư tỉnh (Ông Đỗ Hữu Nghị)</i>	
	<p>Xem xét vị trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, nên nằm ở trung tâm xã có vị trí trung tâm thuận lợi cho phục vụ một vùng sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>Nội dung về khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đã được chỉnh sửa và thể hiện cụ thể tại khoản 5.7 mục V phần D của thuyết minh tổng hợp, cụ thể:</p> <p>- Đề xuất 2 vị trí dự trữ để triển khai Khu chức năng này trong tương lai (khi đã có hướng dẫn và pháp lý rõ ràng cho loại hình này): 01 khu vực phía Bắc tại xã Công Hải, gần trung tâm cụm xã Công Hải, tiếp giáp với Quốc lộ 1 và 01 khu vực phía Nam tại xã Bắc Phong, gần trung tâm cụm xã Bắc Phong tiếp giáp với QL 1.</p> <p>- Ngoài ra, đáp ứng cho nhu cầu hiện tại, đồ án đề xuất hình thành các Điểm chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn được xác lập phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác (cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã...) sẽ được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.</p>
14	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường (Ông Nguyễn Văn Thành)</i>	
	<p>- Đề nghị rà soát số liệu cho thống nhất với số liệu tại Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, nhất là số liệu về hiện trạng sử dụng đất, số liệu quy hoạch sử dụng đất</p>	<p>Đơn vị tư vấn đã rà soát và cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất mới nhất đến 31/12/2023 (theo Báo cáo số 56/BC-UBND ngày 01/02/2024 của UBND huyện Thuận Bắc), về</p>

<p>đến năm 2030 tại Nội dung tích hợp số 05 Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến đơn vị hành chính cấp huyện. Ngoài ra cần rà soát thêm về số liệu đất đai để thực hiện quy hoạch các ngành: quốc phòng, an ninh, đất cho hoạt động khai thác khoáng sản (QĐ 866 của TTCP), đất thủy lợi, đất giao thông</p> <p>- Qua rà soát 3 nhóm đất: nông nghiệp, phi nông nghiệp và chưa sử dụng còn chưa thống nhất với số liệu tại quy hoạch tỉnh.</p>	<p>định hướng quy hoạch sử dụng đất đã được cập nhật theo Nội dung đề xuất tích hợp số 05, được thể hiện tại khoản 4.5 mục IV phần B của thuyết minh tổng hợp.</p>
--	--

1.5. Giải trình Thông báo số 292/TB-VPUB ngày 12/09/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Ninh Thuận

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
	<p>- Tiếp tục rà soát sự phù hợp đối với Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 và các đồ án quy hoạch chuyên ngành cấp trên được phê duyệt sau Quy hoạch tỉnh.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến.</p>
	<p>- Cập nhật phạm vi ranh giới lập quy hoạch theo ý kiến của Sở Nội vụ đối với phạm vi giáp ranh với tỉnh Khánh Hòa.</p>	<p>- Ranh giới lập quy hoạch đã được cập nhật đúng theo hồ sơ do Sở Nội vụ cung cấp, theo <i>Quyết định số 1031/QĐ-BNV ngày 01/12/2020 của Bộ Nội vụ về Về việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Ninh Thuận đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.</i></p>
	<p>- Cơ cấu dân số lao động của huyện Thuận Bắc phần lớn vẫn là nông nghiệp và việc chuyển dịch cơ cấu này là khó thực hiện, cùng với việc phát triển công nghiệp - xây dựng, năng lượng tái tạo, phát triển kinh tế biển theo định hướng phát triển chung của tỉnh nhưng vẫn phải đảm bảo việc tổ chức sản xuất nông nghiệp để giải quyết cơ cấu lao động nông nghiệp của</p>	<p>- Về định hướng lao động của huyện: Đã được bổ sung làm rõ về cơ cấu lao động của huyện Thuận Bắc qua các thời kỳ tại điểm 2.3.2, khoản 2.3, mục II, phần C, theo đó:</p> <p style="margin-left: 20px;">+ Về cơ cấu lao động: Đến năm 2025, cơ cấu lao động của huyện vẫn là cơ cấu lao động nông nghiệp với tỷ lệ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn 61,52% (theo tính toán). Đến năm 2030, định hướng cơ cấu lao động của huyện định hướng sẽ chuyển dần sang</p>

<p>huyện, đồng thời bổ sung đề xuất khai thác vùng hưởng lợi của hồ Kiên Kiên.</p>	<p>ơ cấu lao động phi nông nghiệp với tỷ lệ làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm 51,80%, phù hợp với định hướng phát triển của huyện về công nghiệp - xây dựng, năng lượng tái tạo, phát triển kinh tế biển.</p> <p>+ Về lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 48,20%): theo định hướng phát triển của Huyện và Quy hoạch tỉnh, định hướng giảm 1.250,17ha diện tích Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, phát triển bền vững, gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Như vậy, lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp giảm (chuyển sang phi nông nghiệp) so với các thời kỳ trước cũng phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của huyện theo hướng chuyên môn hóa cao, giảm quy mô, tăng sản lượng và chất lượng cao.</p> <p>- Khai thác hồ chứa nước Kiên Kiên cho canh tác nông nghiệp khu vực thôn Suối Đá (nhánh Suối Đá) với diện tích canh tác đất nông nghiệp khoảng 300ha tại tiểu điểm a, điểm 3.3.3, khoản 3.3, mục III, phần D.</p>
<p>- Việc tăng dân số khu vực đô thị từ tăng cơ học do đẩy mạnh phát triển công nghiệp sẽ thu hút lao động các nơi về địa phương, đề nghị tính toán giải pháp giải quyết nhu cầu nhà ở xã hội trong đồ án quy hoạch.</p>	<p>- Nhu cầu về nhà ở công nhân đã được tính toán và thể hiện tại khoản 2.4 mục II phần D, trong đó xác định: đến năm 2025 cần khoảng 80-100 căn, đến năm 2030 cần khoảng 1.275 – 1.475 căn. Hình thức là nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê.</p>
<p>- Về định hướng chỉ tiêu thu ngân sách: đề nghị thuyết minh làm rõ khoản thu trên địa bàn huyện, trong đó xác</p>	<p>- Căn cứ theo Văn bản số 2797/CTNTH-NVDTPC ngày 12/08/2024 của Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp số thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 và dự báo tình hình</p>

<p>định phần thu theo phân cấp ngân sách dự kiến.</p>	<p>thu ngân sách giai đoạn 2026-2030, đơn vị tư vấn đã rà soát và cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nội dung về làm rõ khoản thu trên địa bàn huyện tại điểm 2.1.2, khoản 2.1, mục II, phần B. + Nội dung về phân thu theo phân cấp ngân sách dự kiến và dự báo tình hình thu ngân sách giai đoạn 2026-2030 tại điểm 2.3.1, khoản 2.3, mục II, phần C.
<p>- Liên quan đến diện tích đất quốc phòng tại đồ án quy hoạch: cập nhật theo tài liệu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cung cấp.</p>	<p>- Các vị trí đất quốc phòng đã được cập nhật vào Bản đồ định hướng phát triển không gian.</p> <p>- Đơn vị tư vấn cũng đã phối hợp với chủ đầu tư để rà soát các vị trí dự kiến bố trí đất quốc phòng, đảm bảo việc Quy hoạch đất quốc phòng trong tương lai.</p> <p>- Đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật theo tài liệu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cung cấp.</p>

1.6. Giải trình Công văn số 615-CV/ĐDDHND ngày 26/11/2024 của Đảng Đoàn Hội đồng Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
	<p>- Thống nhất nội dung Đồ án theo báo cáo của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại Văn bản số 1074-CV/BCSĐ ngày 31/10/2024.</p>	<p>- Đơn vị tư vấn đã tiếp thu.</p>
	<p>- Bổ sung báo cáo thuyết minh, so sánh, làm rõ nội dung điều chỉnh, bổ sung mới so với nội dung quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt; rà soát, khẳng định sự phù hợp của Đồ án quy hoạch vùng huyện với các quy hoạch khác có liên quan (quy hoạch đô thị, quy hoạch nông nghiệp, thủy lợi,...), tránh trường hợp chồng lấn quy hoạch.</p>	<p>- Nội dung về “So sánh, làm rõ nội dung điều chỉnh, bổ sung mới so với nội dung quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt” đã được thể hiện rõ tại mục VII, phần D của Thuyết minh đồ án, bao gồm các nội dung so sánh về Phạm vi ranh giới; Diện tích; Quy mô dân số; Tính chất đồ án; Mô hình phát triển không gian; Phân vùng phát triển; Cấu trúc phát triển không gian (về giao thông; về không gian vùng đô thị - công nghiệp tập trung; về không gian vùng cảnh quan); Xác định các phân vùng kiểm soát, quản lý xây dựng; Phân vùng hệ thống đô thị - nông thôn; Phân vùng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; Phân vùng du</p>

		<p>lịch, vùng cảnh quan, vùng bảo tồn thiên nhiên; Phân vùng nông – lâm – thủy sản; Xác định khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.</p> <p>- Nội dung đồ án Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc đã đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển huyện Thuận Bắc được xác định trong đồ án Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt, trong đó các nội dung liên quan đến quy hoạch ngành (về kinh tế - xã hội, về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội) đã được cập nhật phù hợp với các Nội dung đề xuất tích hợp theo từng ngành của Quy hoạch tỉnh.</p>
	<p>- Báo cáo làm rõ nội dung: (1) dự báo quy mô dân số của huyện Thuận Bắc đến năm 2025, 2030 so với quy hoạch tỉnh, định hướng phát triển của địa phương để đảm bảo tính khả thi, phù hợp;</p>	<p>- Nội dung về “Dự báo dân số đến năm 2025, 2030” đã được thể hiện rõ tại khoản 2.5, mục II, phần C của Thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>(2) cấu trúc không gian các vùng đô thị đảm bảo phù hợp với Chương trình phát triển đô thị của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;</p>	<p>- Nội dung về “Cấu trúc không gian các vùng đô thị” được thể hiện tại điểm 1.3.2, khoản 1.3, mục I, phần D của Thuyết minh tổng hợp, đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 đã duyệt, trong đó điều chỉnh kế hoạch nâng loại đô thị Lợi Hải như sau: Giai đoạn 2021 – 2025, điều chỉnh kế hoạch nâng loại đô thị loại V của đô thị Lợi Hải đến năm 2020 thành trong giai đoạn 2021 – 2025; Đến năm 2030, điều chỉnh kế hoạch nâng loại đô thị loại IV của đô thị Lợi Hải đến năm 2030 về thành đô thị loại V (đã được thể hiện tại khoản 2.7, mục II, phần C của Thuyết minh tổng hợp). + Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận đã duyệt, trong đó xác định đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050

		huyện Thuận Bắc chỉ có 01 đô thị Lợi Hải.
(3) dự báo về nhu cầu đất đai (đất xây dựng, đất xây dựng đô thị, đất xây dựng khu dân cư nông thôn) của huyện đến năm 2025, 2030 để xây dựng kế hoạch, phương án điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất huyện đến năm 2030 đảm bảo phù hợp, thống nhất.	- Nội dung về “Dự báo về nhu cầu đất đai (đất xây dựng, đất xây dựng đô thị, đất xây dựng khu dân cư nông thôn) của huyện đến năm 2025, 2030” đã được thể hiện rõ tại khoản 2.6, mục II, phần C của Thuyết minh tổng hợp.	
- Nội dung Đồ án xác định tầm nhìn, định hướng phát triển đến năm 2050, vì vậy cần rà soát, xây dựng và xác định các giải pháp ưu tiên, giải pháp đôn bẫy phù hợp với định hướng phát triển theo Quy hoạch tỉnh, định hướng xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2025-2030 nhằm thực hiện có hiệu quả nội dung Đồ án.	- Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đã được cập nhật theo Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 - Nghiên cứu đề xuất phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Thuận Bắc thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050, được thể hiện rõ tại khoản 3.2, mục III, phần F của Thuyết minh tổng hợp.	

1.7. Giải trình Công văn số 3136-CV/VPTU ngày 09/12/2024 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về việc Tổng hợp ý kiến về điều chỉnh tổng thể Quy hoạch vùng huyện Thuận Bắc

TT	NỘI DUNG GÓP Ý	GIẢI TRÌNH
	- Về tính chất: Đồ án xác định xây dựng huyện Thuận Bắc “Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo phía Bắc của tỉnh”; đề nghị nghiên cứu điều chỉnh thành “Là vùng công nghiệp, năng lượng tái tạo phía Bắc của tỉnh” sẽ phù hợp hơn.	- Tính chất của đồ án được cập nhật đúng theo định hướng của Quy hoạch tỉnh đã phê duyệt.
	- Tại mục a, của phần 4.3: Đồ án xác định cơ cấu kinh tế đến năm 2025 (theo giá hiện hành) theo hướng giảm dần nông nghiệp và dịch vụ, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng (Nông nghiệp 11,32%, công nghiệp – xây dựng 77,97%, thương mại – dịch vụ 10,71%). Đề nghị xem xét lại chỉ tiêu thương mại – dịch vụ, vì xác định như đồ án là khá thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.	- Cơ cấu kinh tế của huyện Thuận Bắc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được xác định đúng theo Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Thuận Bắc đã được định hướng trong Quy hoạch tỉnh, được đề cập tại mục 2.2, chương II - Nội dung đề xuất tích hợp số 33 của Quy hoạch tỉnh trên địa bàn huyện Thuận Bắc thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (<i>hồ sơ đã được hoàn thiện theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ V/v</i>

		<p>Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050) như sau: “Giai đoạn 2021-2025, huyện Thuận Bắc phân đầu giá trị sản xuất các ngành tăng bình quân hàng năm tăng 19-20%. Cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp chiếm 11,32%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 77,97% và dịch vụ chiếm 10,71%. Định hướng đến năm 2030, Thuận Bắc tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng ngành Công nghiệp - xây dựng, chú trọng phát triển công nghiệp sạch, năng lượng tái tạo và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và dịch vụ.”</p>
	<p>- Tại mục 4.3 Dự báo dân số: Đề nghị rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh.</p>	<p>- Nội dung về “Dự báo dân số đến năm 2025, 2030” đã được thể hiện rõ tại khoản 2.5, mục II, phần C của Thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>- Tại mục b, phần 5.3 Cấu trúc không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung: Đề nghị nghiên cứu, đánh giá rõ, phù hợp hơn về dự địa, lợi thế phát triển năng lượng tái tạo của huyện Thuận Bắc, nhất là trong giai đoạn tới.</p>	<p>- Nội dung liên quan đến dự địa, lợi thế phát triển năng lượng tái tạo của huyện Thuận Bắc đã được đề cập tại điểm d, khoản 1.5.1 mục 1.5, mục I phần C của Thuyết minh tổng hợp.</p>
	<p>- Đề nghị rà soát, nghiên cứu dự báo phù hợp hơn về nhu cầu nhà ở thương mại giai đoạn 2021 – 2025, đến năm 2030.</p>	<p>- Dự báo về nhu cầu nhà ở thương mại giai đoạn 2021 – 2025 huyện Thuận Bắc được căn cứ theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh một số nội dung Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 phê duyệt kèm theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, đã được thể hiện rõ tại khoản 2.4, mục II phần D của Thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Dự báo về nhu cầu nhà ở thương mại đến năm 2030 huyện Thuận Bắc được căn cứ theo Báo cáo Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030 được duyệt tại Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 16/1/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, đã được thể hiện rõ tại khoản 2.4, mục II phần D của Thuyết minh tổng hợp.</p>

-

II. PHỤ LỤC BẢN VẼ:

III. PHỤ LỤC PHÁP LÝ: